

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2026

BẢN SO SÁNH DỰ THẢO BỘ LUẬT HÌNH SỰ

QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
Chương I ĐIỀU KHOẢN CƠ BẢN	Chương I ĐIỀU KHOẢN CƠ BẢN
Điều 1. Nhiệm vụ của Bộ luật Hình sự Bộ luật Hình sự có nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh của đất nước, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ quyền bình đẳng giữa đồng bào các dân tộc, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật, chống mọi hành vi phạm tội; giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Bộ luật này quy định về tội phạm và hình phạt.	Điều 1. Nhiệm vụ của Bộ luật Hình sự Bộ luật Hình sự có nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh của đất nước, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ quyền bình đẳng giữa đồng bào các dân tộc, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật, chống mọi hành vi phạm tội; giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Bộ luật này quy định về tội phạm và hình phạt.
Điều 2. Cơ sở của trách nhiệm hình sự 1. Chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật Hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự. 2. Chỉ pháp nhân thương mại nào phạm một tội đã được quy định tại Điều 76 của Bộ luật này mới phải chịu trách nhiệm hình sự.	Điều 2. Cơ sở của trách nhiệm hình sự 1. Chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật Hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự. 2. Chỉ pháp nhân thương mại nào phạm một tội đã được quy định tại Điều 76 của Bộ luật này mới phải chịu trách nhiệm hình sự.
Điều 3. Nguyên tắc xử lý 1. Đối với người phạm tội: a) Mọi hành vi phạm tội do người thực hiện phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật; b) Mọi người phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị	Điều 3. Nguyên tắc xử lý 1. Đối với người phạm tội: a) Mọi hành vi phạm tội do người thực hiện phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật; b) Mọi người phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội;

<p>xã hội;</p> <p>c) Nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, côn đồ, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội;</p> <p>d) Nghiêm trị người phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyết, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.</p> <p>Khoan hồng đối với người tự thú, đầu thú, thành khẩn khai báo, tố giác đồng phạm, lập công chuộc tội, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra;</p> <p>đ) Đối với người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng, thì có thể áp dụng hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù, giao họ cho cơ quan, tổ chức hoặc gia đình giám sát, giáo dục;</p> <p>e) Đối với người bị phạt tù thì buộc họ phải chấp hành hình phạt tại các cơ sở giam giữ, phải lao động, học tập để trở thành người có ích cho xã hội; nếu họ có đủ điều kiện do Bộ luật này quy định, thì có thể được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện;</p> <p>g) Người đã chấp hành xong hình phạt được tạo điều kiện làm ăn, sinh sống lương thiện, hòa nhập với cộng đồng, khi có đủ điều kiện do luật định thì được xóa án tích.</p> <p>2. Đối với pháp nhân thương mại phạm tội:</p> <p>a) Mọi hành vi phạm tội do pháp nhân thương mại thực hiện phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật;</p> <p>b) Mọi pháp nhân thương mại phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt hình thức sở hữu và thành phần kinh tế;</p> <p>c) Nghiêm trị pháp nhân thương mại phạm tội dùng thủ đoạn tinh vi, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả đặc biệt</p>	<p>c) Nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, côn đồ, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội; người phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyết, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng;</p> <p>d) Nghiêm trị người phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyết, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Khoan hồng đối với người tự thú, đầu thú, thành khẩn khai báo, tố giác đồng phạm, lập công chuộc tội, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra;</p> <p>đ) Đối với người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng, thì có thể áp dụng hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù, giao họ cho cơ quan, tổ chức hoặc gia đình giám sát, giáo dục;</p> <p>e) Đối với người bị phạt tù thì buộc họ phải chấp hành hình phạt tại các cơ sở giam giữ, phải lao động, học tập để trở thành người có ích cho xã hội; nếu họ có đủ điều kiện do Bộ luật này quy định, thì có thể được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện;</p> <p>g) Người đã chấp hành xong hình phạt được tạo điều kiện làm ăn, sinh sống lương thiện, hòa nhập với cộng đồng, khi có đủ điều kiện do luật định thì được xóa án tích;</p> <p>h) Trường hợp thực tiễn áp dụng pháp luật có thể dẫn đến xử lý hình sự hoặc không xử lý hình sự thì kiên quyết không áp dụng xử lý hình sự;</p> <p>i) Trường hợp phải xử lý hình sự thì ưu tiên các biện pháp khắc phục hậu quả kinh tế trước, kết quả khắc phục hậu quả là căn cứ để xem xét các biện pháp xử lý tiếp theo.</p> <p>2. Đối với pháp nhân thương mại phạm tội:</p> <p>a) Mọi hành vi phạm tội do pháp nhân thương mại thực hiện phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật;</p>
---	---

<p>ng nghiêm trọng;</p> <p>d) Khoan hồng đối với pháp nhân thương mại tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án, tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại gây ra, chủ động ngăn chặn hoặc khắc phục hậu quả xảy ra.</p>	<p>b <i>a</i>) Mọi pháp nhân thương mại phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt hình thức sở hữu và thành phần kinh tế;</p> <p>e <i>b</i>) Nghiêm trị pháp nhân thương mại phạm tội dùng thủ đoạn tinh vi, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng;</p> <p>đ <i>c</i>) Khoan hồng đối với pháp nhân thương mại tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án, tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại gây ra, chủ động ngăn chặn hoặc khắc phục hậu quả xảy ra-;</p> <p><i>d) Trường hợp thực tiễn áp dụng pháp luật có thể dẫn đến xử lý hình sự hoặc không xử lý hình sự thì kiên quyết không áp dụng xử lý hình sự;</i></p> <p><i>đ) Trường hợp phải xử lý hình sự thì ưu tiên các biện pháp khắc phục hậu quả kinh tế trước, kết quả khắc phục hậu quả là căn cứ để xem xét các biện pháp xử lý tiếp theo.</i></p>
<p>Điều 4. Trách nhiệm phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm</p> <p>1. Cơ quan Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và các cơ quan hữu quan khác có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, đồng thời hướng dẫn, giúp đỡ các cơ quan khác của Nhà nước, tổ chức, cá nhân phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, giám sát và giáo dục người phạm tội tại cộng đồng.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức có nhiệm vụ giáo dục những người thuộc quyền quản lý của mình nâng cao cảnh giác, ý thức bảo vệ và tuân theo pháp luật, tôn trọng các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa; kịp thời có biện pháp loại trừ nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm trong cơ quan, tổ chức của mình.</p> <p>3. Mọi công dân có nghĩa vụ tích cực tham gia phòng, chống tội phạm.</p>	<p>Điều 4. Trách nhiệm phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm</p> <p>1. Cơ quan Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và các cơ quan hữu quan khác có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, đồng thời hướng dẫn, giúp đỡ các cơ quan khác của Nhà nước, tổ chức, cá nhân phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, giám sát và giáo dục người phạm tội tại cộng đồng.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức có nhiệm vụ giáo dục những người thuộc quyền quản lý của mình nâng cao cảnh giác, ý thức bảo vệ và tuân theo pháp luật, tôn trọng các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa; kịp thời có biện pháp loại trừ nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm trong cơ quan, tổ chức của mình.</p> <p>3. Mọi công dân có nghĩa vụ tích cực tham gia phòng, chống tội phạm.</p>
	<p><i>Điều 4a. Giải thích từ ngữ</i></p> <p><i>1. Hành vi phạm tội là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy</i></p>

	<p><i>định trong Bộ luật Hình sự.</i></p> <p><i>2. Người thực hiện hành vi phạm tội là người thực hiện hành vi được quy định tại khoản 1 Điều này.</i></p> <p><i>3. Người phạm tội là người thực hiện hành vi được quy định tại khoản 1 Điều này, có đủ yếu tố cấu thành khác nhưng chưa bị kết án hoặc đã bị kết án nhưng bản án chưa có hiệu lực pháp luật.</i></p> <p><i>4. Người bị kết án là người thực hiện hành vi được quy định tại khoản 1 Điều này, đã bị kết án nhưng bản án chưa có hiệu lực pháp luật.</i></p> <p><i>5. Tội danh bằng nhau là các tội danh có mức hình phạt khởi điểm bằng nhau và mức hình phạt cao nhất bằng nhau.</i></p> <p><i>Tội danh nặng hơn là tội danh có mức hình phạt cao nhất cao hơn. Trong trường hợp mức hình phạt cao nhất bằng nhau, thì tội danh nặng hơn là tội danh có mức hình phạt khởi điểm cao hơn.</i></p> <p><i>Tội danh nhẹ hơn là tội danh có mức hình phạt cao nhất thấp hơn. Trong trường hợp mức hình phạt cao nhất bằng nhau, thì tội danh nhẹ hơn là tội danh có mức hình phạt khởi điểm thấp hơn.</i></p> <p><i>6. Người “đã bị xử phạt vi phạm hành chính” là điều kiện để áp dụng tình tiết định tội trong Bộ luật này, chỉ áp dụng đối với hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính tại thời điểm vi phạm khi người đó đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về hành vi tương ứng tại điều luật quy định trong Bộ luật này.</i></p> <p><i>7. Người có chức vụ, quyền hạn là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện một nhiệm vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện công vụ, nhiệm vụ.</i></p>
<p>Chương II</p> <p>HIỆU LỰC CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ</p>	<p>Chương II</p> <p>HIỆU LỰC CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ</p>
<p>Điều 5. Hiệu lực của Bộ luật Hình sự đối với những hành vi phạm tội trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p>	<p>Điều 5. Hiệu lực của Bộ luật Hình sự đối với những hành vi phạm tội trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p> <p>1. Bộ luật Hình sự được áp dụng đối với mọi hành vi phạm tội thực</p>

<p>1. Bộ luật Hình sự được áp dụng đối với mọi hành vi phạm tội thực hiện trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>Quy định này cũng được áp dụng đối với hành vi phạm tội hoặc hậu quả của hành vi phạm tội xảy ra trên tàu bay, tàu biển mang quốc tịch Việt Nam hoặc tại vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam.</p> <p>2. Đối với người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thuộc đối tượng được hưởng quyền miễn trừ ngoại giao hoặc lãnh sự theo pháp luật Việt Nam, theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo tập quán quốc tế, thì vấn đề trách nhiệm hình sự của họ được giải quyết theo quy định của điều ước quốc tế hoặc theo tập quán quốc tế đó; trường hợp điều ước quốc tế đó không quy định hoặc không có tập quán quốc tế thì trách nhiệm hình sự của họ được giải quyết bằng con đường ngoại giao.</p>	<p>hiện trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>Quy định này cũng được áp dụng đối với hành vi phạm tội hoặc hậu quả của hành vi phạm tội xảy ra trên tàu bay, tàu biển mang quốc tịch Việt Nam hoặc tại vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam.</p> <p>2. Đối với người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thuộc đối tượng được hưởng quyền miễn trừ ngoại giao hoặc lãnh sự theo pháp luật Việt Nam, theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo tập quán quốc tế, thì vấn đề trách nhiệm hình sự của họ được giải quyết theo quy định của điều ước quốc tế hoặc theo tập quán quốc tế đó; trường hợp điều ước quốc tế đó không quy định hoặc không có tập quán quốc tế thì trách nhiệm hình sự của họ được giải quyết bằng con đường ngoại giao.</p>
<p>Điều 6. Hiệu lực của Bộ luật Hình sự đối với những hành vi phạm tội ở ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p> <p>1. Công dân Việt Nam hoặc pháp nhân thương mại Việt Nam có hành vi phạm tội ở ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà Bộ luật này quy định là tội phạm, thì có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự tại Việt Nam theo quy định của Bộ luật này.</p> <p>Quy định này cũng được áp dụng đối với người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam.</p> <p>2. Người nước ngoài, pháp nhân thương mại nước ngoài phạm tội ở ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật này trong trường hợp hành vi phạm tội xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam hoặc xâm hại lợi ích của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</p>	<p>Điều 6. Hiệu lực của Bộ luật Hình sự đối với những hành vi phạm tội ở ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p> <p>1. Công dân Việt Nam hoặc pháp nhân thương mại Việt Nam có hành vi phạm tội ở ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà Bộ luật này quy định là tội phạm, thì có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự tại Việt Nam theo quy định của Bộ luật này.</p> <p>Quy định này cũng được áp dụng đối với người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam.</p> <p>2. Người nước ngoài, pháp nhân thương mại nước ngoài phạm tội ở ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật này trong trường hợp hành vi phạm tội xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam, của cơ quan, tổ chức của Việt Nam hoặc xâm hại lợi ích của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành</p>

<p>3. Đối với hành vi phạm tội hoặc hậu quả của hành vi phạm tội xảy ra trên tàu bay, tàu biển không mang quốc tịch Việt Nam đang ở tại biển cả hoặc tại giới hạn vùng trời nằm ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thì người phạm tội có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật này trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định.</p>	<p>viên.</p> <p>3. Đối với hành vi phạm tội hoặc hậu quả của hành vi phạm tội xảy ra trên tàu bay, tàu biển không mang quốc tịch Việt Nam đang ở tại biển cả hoặc tại giới hạn vùng trời nằm ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thì người phạm tội có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật này trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định.</p>
<p>Điều 7. Hiệu lực của Bộ luật Hình sự về thời gian</p> <p>1. Điều luật được áp dụng đối với một hành vi phạm tội là điều luật đang có hiệu lực thi hành tại thời điểm mà hành vi phạm tội được thực hiện.</p> <p>2. Điều luật quy định một tội phạm mới, một hình phạt nặng hơn, một tình tiết tăng nặng mới hoặc hạn chế phạm vi áp dụng án treo, miễn trách nhiệm hình sự, loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và quy định khác không có lợi cho người phạm tội, thì không được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành.</p> <p>3. Điều luật xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng, quy định một hình phạt nhẹ hơn, một tình tiết giảm nhẹ mới hoặc mở rộng phạm vi áp dụng án treo, miễn trách nhiệm hình sự, loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích và quy định khác có lợi cho người phạm tội, thì được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành.</p>	<p>Điều 7. Hiệu lực của Bộ luật Hình sự về thời gian</p> <p>1. Điều luật được áp dụng đối với một hành vi phạm tội là điều luật đang có hiệu lực thi hành tại thời điểm mà hành vi phạm tội được thực hiện.</p> <p>2. Điều luật quy định một tội phạm mới, một hình phạt nặng hơn, một tình tiết tăng nặng mới hoặc hạn chế phạm vi áp dụng án treo, miễn trách nhiệm hình sự, loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và quy định khác không có lợi cho người phạm tội, thì không được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành.</p> <p>3. Điều luật xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng, quy định một hình phạt nhẹ hơn, một tình tiết giảm nhẹ mới hoặc mở rộng phạm vi áp dụng án treo, miễn trách nhiệm hình sự, loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích và quy định khác có lợi cho người phạm tội, thì được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành.</p>
<p>Chương III TỘI PHẠM</p>	<p>Chương III TỘI PHẠM</p>
<p>Điều 8. Khái niệm tội phạm</p> <p>1. Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm</p>	<p>Điều 8. Khái niệm tội phạm</p> <p>1. Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc</p>

<p>phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự.</p> <p>2. Những hành vi tuy có dấu hiệu của tội phạm nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể thì không phải là tội phạm và được xử lý bằng các biện pháp khác.</p>	<p>lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự.</p> <p>2. Những hành vi tuy có dấu hiệu của tội phạm nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể thì không phải là tội phạm và được xử lý bằng các biện pháp khác.</p>
<p>Điều 9. Phân loại tội phạm</p> <p>1. Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội được quy định trong Bộ luật này, tội phạm được phân thành 04 loại sau đây:</p> <p>a) Tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm;</p> <p>b) Tội phạm nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là từ trên 03 năm tù đến 07 năm tù;</p> <p>c) Tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là từ trên 07 năm tù đến 15 năm tù;</p> <p>d) Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đặc biệt lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là từ trên 15 năm tù đến 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.</p> <p>2. Tội phạm do pháp nhân thương mại thực hiện được phân loại căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi</p>	<p>Điều 9. Phân loại tội phạm</p> <p>1. Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội được quy định trong Bộ luật này, tội phạm được phân thành 04 loại sau đây:</p> <p>a) Tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm;</p> <p>b) Tội phạm nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là từ trên 03 năm tù đến 07 năm tù;</p> <p>c) Tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là từ trên 07 năm tù đến 15 năm tù;</p> <p>d) Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đặc biệt lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là từ trên 15 năm tù đến 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.</p> <p>2. Tội phạm do pháp nhân thương mại thực hiện được phân loại căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội theo quy định tại khoản 1 Điều này và quy định tương ứng đối với các tội phạm được quy định tại Điều 76 của Bộ luật này.</p>

<p>phạm tội theo quy định tại khoản 1 Điều này và quy định tương ứng đối với các tội phạm được quy định tại Điều 76 của Bộ luật này.</p>	
<p>Điều 10. Cố ý phạm tội Cố ý phạm tội là phạm tội trong những trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra; 2. Người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó có thể xảy ra, tuy không mong muốn nhưng vẫn có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra. 	<p>Điều 10. Cố ý phạm tội Cố ý phạm tội là phạm tội trong những trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra; 2. Người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó có thể xảy ra, tuy không mong muốn nhưng vẫn có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra.
<p>Điều 11. Vô ý phạm tội Vô ý phạm tội là phạm tội trong những trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Người phạm tội tuy thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội nhưng cho rằng hậu quả đó sẽ không xảy ra hoặc có thể ngăn ngừa được; 2. Người phạm tội không thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội, mặc dù phải thấy trước và có thể thấy trước hậu quả đó. 	<p>Điều 11. Vô ý phạm tội Vô ý phạm tội là phạm tội trong những trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Người phạm tội tuy thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội nhưng cho rằng hậu quả đó sẽ không xảy ra hoặc có thể ngăn ngừa được; 2. Người phạm tội không thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội, mặc dù phải thấy trước và có thể thấy trước hậu quả đó.
<p>Điều 12. Tuổi chịu trách nhiệm hình sự</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác. 2. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các điều 123, 134, 141, 142, 143, 144, 150, 151, 168, 169, 170, 171, 173, 178, 248, 249, 250, 251, 252, 265, 266, 286, 287, 289, 290, 299, 303 và 304 của Bộ luật này. 	<p>Điều 12. Tuổi chịu trách nhiệm hình sự</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác. 2. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các điều 123, 134, 141, 142, 143, 144, 150, 151, 168, 169, 170, 171, 173, 178, 248, 249, 250, 251, 252, 265, 266, 286, 287, 289, 290, 299, 303 và 304 của Bộ luật này, trừ trường hợp điều luật có quy định khác.
<p>Điều 13. Phạm tội do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác Người phạm tội trong tình trạng mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình do dùng rượu, bia hoặc chất</p>	<p>Điều 13. Phạm tội do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác Người phạm tội trong tình trạng mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình do dùng rượu, bia hoặc chất kích</p>

<p>kích thích mạnh khác, thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự.</p> <p>Điều 14. Chuẩn bị phạm tội</p> <p>1. Chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm hoặc thành lập, tham gia nhóm tội phạm, trừ trường hợp thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm quy định tại Điều 109, điểm a khoản 2 Điều 113 hoặc điểm a khoản 2 Điều 299 của Bộ luật này.</p> <p>2. Người chuẩn bị phạm tội quy định tại một trong các điều 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 123, 134, 168, 169, 207, 299, 300, 301, 302, 303 và 324 của Bộ luật này thì phải chịu trách nhiệm hình sự.</p> <p>3. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội quy định tại Điều 123, Điều 168 của Bộ luật này thì phải chịu trách nhiệm hình sự.</p>	<p>thích mạnh khác, thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự.</p> <p>Điều 14. Chuẩn bị phạm tội</p> <p>1. Chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm hoặc thành lập, tham gia nhóm tội phạm, trừ trường hợp thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm quy định tại Điều 109, điểm a khoản 2 Điều 113 hoặc điểm a khoản 2 Điều 299 của Bộ luật này.</p> <p>2. Người chuẩn bị phạm tội quy định tại một trong các điều 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 123, 134, 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147, 150, 151, 157, 168, 169, 170, 171, 193, 194, 207, 208, 248, 251, 299, 300, 301, 302, 303, 304, 305, 306, 309, 311, và 324 341, 348, 349 và 361 của Bộ luật này thì phải chịu trách nhiệm hình sự.</p> <p>3. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội quy định tại Điều 123, Điều 168 của Bộ luật này thì phải chịu trách nhiệm hình sự.</p>
<p>Điều 15. Phạm tội chưa đạt</p> <p>Phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội.</p> <p>Người phạm tội chưa đạt phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt.</p>	<p>Điều 15. Phạm tội chưa đạt</p> <p>Phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội.</p> <p>Người phạm tội chưa đạt phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt.</p>
<p>Điều 16. Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội</p> <p>Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là tự mình không thực hiện tội phạm đến cùng, tuy không có gì ngăn cản.</p> <p>Người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự về tội định phạm; nếu hành vi thực tế đã thực hiện có đủ yếu tố cấu thành của một tội khác, thì người đó phải chịu trách nhiệm hình sự về tội này.</p>	<p>Điều 16. Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội</p> <p>Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là tự mình không thực hiện tội phạm đến cùng, tuy không có gì ngăn cản.</p> <p>Người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự về tội định phạm; nếu hành vi thực tế đã thực hiện có đủ yếu tố cấu thành của một tội khác, thì người đó phải chịu trách nhiệm hình sự về tội này.</p>
<p>Điều 17. Đồng phạm</p> <p>1. Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực</p>	<p>Điều 17. Đồng phạm</p> <p>1. Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực</p>

<p>hiện một tội phạm.</p> <p>2. Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm.</p> <p>3. Người đồng phạm bao gồm người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức.</p> <p>Người thực hành là người trực tiếp thực hiện tội phạm.</p> <p>Người tổ chức là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm.</p> <p>Người xúi giục là người kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người khác thực hiện tội phạm.</p> <p>Người giúp sức là người tạo điều kiện tinh thần hoặc vật chất cho việc thực hiện tội phạm.</p> <p>4. Người đồng phạm không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người thực hành.</p>	<p>hiện một tội phạm.</p> <p>2. Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm.</p> <p>3. Người đồng phạm bao gồm người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức.</p> <p>Người thực hành là người trực tiếp thực hiện tội phạm.</p> <p>Người tổ chức là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm.</p> <p>Người xúi giục là người kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người khác thực hiện tội phạm.</p> <p>Người giúp sức là người tạo điều kiện tinh thần hoặc vật chất cho việc thực hiện tội phạm.</p> <p>4. Người đồng phạm không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người thực hành.</p>
	<p>Điều 17a. Tổ chức tội phạm</p> <p>Tổ chức tội phạm là một hình thức đồng phạm, có cơ cấu từ 03 người trở lên, có sự câu kết chặt chẽ, có sự phân công vai trò giữa các thành viên nhằm mục đích thực hiện tội phạm trong thời gian nhất định.</p>
<p>Điều 18. Che giấu tội phạm</p> <p>1. Người nào không hứa hẹn trước, nhưng sau khi biết tội phạm được thực hiện đã che giấu người phạm tội, dấu vết, tang vật của tội phạm hoặc có hành vi khác cản trở việc phát hiện, điều tra, xử lý người phạm tội, thì phải chịu trách nhiệm hình sự về tội che giấu tội phạm trong những trường hợp mà Bộ luật này quy định.</p> <p>2. Người che giấu tội phạm là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều này, trừ trường hợp che giấu các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng khác quy định tại Điều 389 của Bộ luật này.</p>	<p>Điều 18. Che giấu tội phạm</p> <p>1. Người nào không hứa hẹn trước, nhưng sau khi biết tội phạm được thực hiện đã che giấu người phạm tội, dấu vết, tang vật của tội phạm hoặc có hành vi khác cản trở việc phát hiện, điều tra, xử lý người phạm tội, thì phải chịu trách nhiệm hình sự về tội che giấu tội phạm trong những trường hợp mà Bộ luật này quy định.</p> <p>2. Người che giấu tội phạm là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu ruột, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng, cha mẹ nuôi, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng, cha dượng, mẹ kế, con nuôi, con rể, con dâu, con riêng của vợ, con riêng của chồng của người phạm tội không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều này, trừ trường hợp che giấu các tội</p>

	xâm phạm an ninh quốc gia quy định tại Chương XIII hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng khác quy định tại Điều 389 của Bộ luật này.
<p>Điều 19. Không tố giác tội phạm</p> <p>1. Người nào biết rõ tội phạm đang được chuẩn bị, đang được thực hiện hoặc đã được thực hiện mà không tố giác, thì phải chịu trách nhiệm hình sự về tội không tố giác tội phạm quy định tại Điều 390 của Bộ luật này.</p> <p>2. Người không tố giác là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều này, trừ trường hợp không tố giác các tội quy định tại Chương XIII của Bộ luật này hoặc tội khác là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.</p> <p>3. Người không tố giác là người bào chữa không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều này, trừ trường hợp không tố giác các tội quy định tại Chương XIII của Bộ luật này hoặc tội khác là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do chính người mà mình bào chữa đang chuẩn bị, đang thực hiện hoặc đã thực hiện mà người bào chữa biết rõ khi thực hiện việc bào chữa.</p>	<p>Điều 19. Không tố giác tội phạm</p> <p>1. Người nào biết rõ tội phạm đang được chuẩn bị, đang được thực hiện hoặc đã được thực hiện mà không tố giác, thì phải chịu trách nhiệm hình sự về tội không tố giác tội phạm quy định tại Điều 390 của Bộ luật này.</p> <p>2. Người không tố giác là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu ruột, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng, cha mẹ nuôi, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng, cha dượng, mẹ kế, con nuôi, con rể, con dâu, con riêng của vợ, con riêng của chồng của người phạm tội không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều này, trừ trường hợp không tố giác các tội quy định tại Chương XIII của Bộ luật này hoặc tội khác là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.</p> <p>3. Người không tố giác là người bào chữa không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều này, trừ trường hợp không tố giác các tội quy định tại Chương XIII của Bộ luật này hoặc tội khác là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do chính người mà mình bào chữa đang chuẩn bị, đang thực hiện hoặc đã thực hiện mà người bào chữa biết rõ khi thực hiện việc bào chữa.</p>
<p>Chương IV</p> <p>NHỮNG TRƯỜNG HỢP LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ</p>	<p>Chương IV</p> <p>NHỮNG TRƯỜNG HỢP LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ</p>
<p>Điều 20. Sự kiện bất ngờ</p> <p>Người thực hiện hành vi gây hậu quả nguy hại cho xã hội trong trường hợp không thể thấy trước hoặc không buộc phải thấy trước hậu quả của hành vi đó, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự.</p>	<p>Điều 20. Sự kiện bất ngờ</p> <p>Người thực hiện hành vi gây hậu quả nguy hại cho xã hội trong trường hợp không thể thấy trước hoặc không buộc phải thấy trước hậu quả của hành vi đó, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự.</p>
	<p>Điều 20a. Sự kiện bất khả kháng</p> <p>Người thực hiện hành vi gây hậu quả nguy hại cho xã hội mà do nguyên nhân bất khả kháng, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự.</p>

<p>Điều 21. Tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang mắc bệnh tâm thần, một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự.</p>	<p>Điều 21. Tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang mắc bệnh tâm thần, một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự.</p>
<p>Điều 22. Phòng vệ chính đáng 1. Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ quyền hoặc lợi ích chính đáng của mình, của người khác hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên. Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm. 2. Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại. Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật này.</p>	<p>Điều 22. Phòng vệ chính đáng 1. Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ quyền hoặc lợi ích chính đáng của mình, của người khác hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên. Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm. 2. Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại. Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật này.</p>
<p>Điều 23. Tình thế cấp thiết 1. Tình thế cấp thiết là tình thế của người vì muốn tránh gây thiệt hại cho quyền, lợi ích hợp pháp của mình, của người khác hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức mà không còn cách nào khác là phải gây một thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa. Hành vi gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết không phải là tội phạm. 2. Trong trường hợp thiệt hại gây ra rõ ràng vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết, thì người gây thiệt hại đó phải chịu trách nhiệm hình sự.</p>	<p>Điều 23. Tình thế cấp thiết 1. Tình thế cấp thiết là tình thế của người vì muốn tránh xảy ra gây thiệt hại cho quyền, lợi ích hợp pháp của mình, của người khác hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức mà không còn cách nào khác là phải gây một thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa. Hành vi gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết không phải là tội phạm. 2. Trong trường hợp thiệt hại gây ra rõ ràng vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết, thì người gây thiệt hại đó phải chịu trách nhiệm hình sự.</p>
<p>Điều 24. Gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội 1. Hành vi của người để bắt giữ người thực hiện hành vi phạm tội mà không còn cách nào khác là buộc phải sử dụng vũ lực cần thiết gây thiệt hại cho người bị bắt giữ thì không phải là tội phạm.</p>	<p>Điều 24. Gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội 1. Hành vi của người để bắt giữ người thực hiện hành vi phạm tội mà không còn cách nào khác là buộc phải sử dụng vũ lực cần thiết gây thiệt hại cho người bị bắt giữ thì không phải là tội phạm.</p>

<p>2. Trường hợp gây thiệt hại do sử dụng vũ lực rõ ràng vượt quá mức cần thiết, thì người gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm hình sự.</p>	<p>2. Trường hợp gây thiệt hại do sử dụng vũ lực rõ ràng vượt quá mức cần thiết, thì người gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm hình sự.</p>
<p>Điều 25. Rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ</p> <p>Hành vi gây ra thiệt hại trong khi thực hiện việc nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới mặc dù đã tuân thủ đúng quy trình, quy phạm, áp dụng đầy đủ biện pháp phòng ngừa thì không phải là tội phạm.</p> <p>Người nào không áp dụng đúng quy trình, quy phạm, không áp dụng đầy đủ biện pháp phòng ngừa mà gây thiệt hại thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự.</p>	<p>Điều 25. Rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, và công nghệ mới hoặc thử nghiệm mô hình kinh doanh mới</p> <p>Hành vi gây ra thiệt hại trong khi thực hiện việc nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, và công nghệ mới hoặc thử nghiệm mô hình kinh doanh mới trong phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo mặc dù đã tuân thủ đúng quy trình, quy phạm, áp dụng đầy đủ biện pháp phòng ngừa thì không phải là tội phạm.</p> <p>Người nào không áp dụng đúng quy trình, quy phạm, không áp dụng đầy đủ biện pháp phòng ngừa mà gây thiệt hại thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự.</p>
<p>Điều 26. Thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên</p> <p>Người thực hiện hành vi gây thiệt hại trong khi thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên trong lực lượng vũ trang nhân dân để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh nếu đã thực hiện đầy đủ quy trình báo cáo người ra mệnh lệnh nhưng người ra mệnh lệnh vẫn yêu cầu chấp hành mệnh lệnh đó, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự. Trong trường hợp này người ra mệnh lệnh phải chịu trách nhiệm hình sự.</p> <p>Quy định này không áp dụng đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 421, khoản 2 Điều 422 và khoản 2 Điều 423 của Bộ luật này.</p>	<p>Điều 26. Thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên</p> <p>Người thực hiện hành vi gây thiệt hại trong khi thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên trong lực lượng vũ trang nhân dân để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh nếu đã thực hiện đầy đủ quy trình báo cáo người ra mệnh lệnh nhưng người ra mệnh lệnh vẫn yêu cầu chấp hành mệnh lệnh đó, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự. Trong trường hợp này người ra mệnh lệnh phải chịu trách nhiệm hình sự.</p> <p>Quy định này không áp dụng đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 421, khoản 2 Điều 422 và khoản 2 Điều 423 của Bộ luật này.</p>
	<p>Điều 26a. Thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đấu tranh phòng, chống tội phạm của lực lượng vũ trang</p> <p>Người nào trong lực lượng vũ trang nhân dân, vì thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hoặc đấu tranh phòng, chống tội phạm, nếu đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật nhưng vẫn gây thiệt hại thì không phải chịu trách nhiệm hình sự.</p>

<p style="text-align: center;">Chương V THỜI HIỆU TRUY CỨU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ, MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ</p>	<p style="text-align: center;">Chương V THỜI HIỆU TRUY CỨU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ, MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ</p>
<p>Điều 27. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự</p> <p>1. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là thời hạn do Bộ luật này quy định mà khi hết thời hạn đó thì người phạm tội không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>2. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự được quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) 05 năm đối với tội phạm ít nghiêm trọng; b) 10 năm đối với tội phạm nghiêm trọng; c) 15 năm đối với tội phạm rất nghiêm trọng; d) 20 năm đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. <p>3. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự được tính từ ngày tội phạm được thực hiện. Nếu trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, người phạm tội lại thực hiện hành vi phạm tội mới mà Bộ luật này quy định mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy trên 01 năm tù, thì thời hiệu đối với tội cũ được tính lại kể từ ngày thực hiện hành vi phạm tội mới.</p> <p>Nếu trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, người phạm tội cố tình trốn tránh và đã có quyết định truy nã, thì thời hiệu tính lại kể từ khi người đó ra đầu thú hoặc bị bắt giữ.</p>	<p>Điều 27. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự</p> <p>1. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là thời hạn do Bộ luật này quy định mà khi hết thời hạn đó thì người phạm tội không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>2. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự được quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) 05 năm đối với tội phạm ít nghiêm trọng; b) 10 năm đối với tội phạm nghiêm trọng; c) 15 năm đối với tội phạm rất nghiêm trọng; d) 20 năm đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. <p>3. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự được tính từ ngày tội phạm được thực hiện. Nếu trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, người phạm tội lại thực hiện hành vi phạm tội mới mà Bộ luật này quy định mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy trên 01 năm tù, thì thời hiệu đối với tội cũ được tính lại kể từ ngày thực hiện hành vi phạm tội mới.</p> <p>Nếu trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, người phạm tội cố tình trốn tránh và đã có quyết định truy nã, truy tìm thì thời hiệu tính lại kể từ khi người đó ra đầu thú hoặc bị bắt, giữ.</p>
	<p>Điều 27a. Tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự</p> <p>1. Đối với người thực hiện tội phạm quy định Chương XVIII Bộ luật này có thể được tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự để khắc phục hậu quả khi có đủ các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Hành vi gây thiệt hại về kinh tế nhưng vì mục đích phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; b) Không tham nhũng; c) Các dự án đang thực hiện, chưa hoàn thành, chưa khắc

	<p><i>phục được hậu quả do nguyên nhân khách quan nhưng vẫn có khả năng, phương án khả thi, điều kiện để khắc phục, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cho địa phương, đất nước.</i></p> <p><i>2. Thời gian tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự không quá 02 năm. Trường hợp cần thiết có thể gia hạn 01 lần nhưng không quá 01 năm.</i></p> <p><i>3. Thời gian tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự không tính vào thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 27 Bộ luật này</i></p>
<p>Điều 28. Không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự</p> <p>Không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 27 của Bộ luật này đối với các tội phạm sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các tội xâm phạm an ninh quốc gia quy định tại Chương XIII của Bộ luật này; 2. Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh quy định tại Chương XXVI của Bộ luật này; 3. Tội tham ô tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 353 của Bộ luật này; tội nhận hối lộ thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 354 của Bộ luật này. 	<p>Điều 28. Không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự</p> <p>Không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 27 của Bộ luật này đối với các tội phạm sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các tội xâm phạm an ninh quốc gia quy định tại Chương XIII của Bộ luật này; 2. Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh quy định tại Chương XXVI của Bộ luật này; 3. Tội tham ô tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 353 của Bộ luật này; tội nhận hối lộ thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 354 của Bộ luật này.
<p>Điều 29. Căn cứ miễn trách nhiệm hình sự</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Người phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự khi có một trong những căn cứ sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a) Khi tiến hành điều tra, truy tố hoặc xét xử, do có sự thay đổi chính sách, pháp luật làm cho hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa; b) Khi có quyết định đại xá. 2. Người phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự khi có một trong các căn cứ sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a) Khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử do chuyển biến của tình 	<p>Điều 29. Căn cứ miễn trách nhiệm hình sự</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Người phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự khi có một trong những căn cứ sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a) Khi tiến hành khởi tố, điều tra, truy tố hoặc xét xử, do có sự thay đổi chính sách, pháp luật làm cho hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa; b) Khi có quyết định đại xá. 2. Người phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự khi có một trong các căn cứ sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a) Khi tiến hành khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử do chuyển biến

<p>hình mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa;</p> <p>b) Khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử, người phạm tội mắc bệnh hiểm nghèo dẫn đến không còn khả năng gây nguy hiểm cho xã hội nữa;</p> <p>c) Trước khi hành vi phạm tội bị phát giác, người phạm tội tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm và lập công lớn hoặc có công hiến đặc biệt, được Nhà nước và xã hội thừa nhận.</p> <p>3. Người thực hiện tội phạm nghiêm trọng do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác, đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả và được người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự.</p>	<p>của tình hình mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa;</p> <p>b) Khi tiến hành khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, người phạm tội mắc bệnh hiểm nghèo dẫn đến không còn khả năng gây nguy hiểm cho xã hội nữa;</p> <p>c) Trước khi hành vi phạm tội bị phát giác, người phạm tội tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm và lập công lớn hoặc có công hiến đặc biệt, được Nhà nước và xã hội thừa nhận.</p> <p><i>d) Trường hợp được tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những người phạm tội trong khi thực hiện các dự án phục vụ quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế, xã hội cho địa phương, đất nước, đã khắc phục xong hậu quả và mang lại hiệu quả.</i></p> <p>3. Người thực hiện tội phạm nghiêm trọng do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác, đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả và được người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp theo pháp luật của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự.</p>
<p style="text-align: center;">Chương VI HÌNH PHẠT</p>	<p style="text-align: center;">Chương VI HÌNH PHẠT</p>
<p>Điều 30. Khái niệm hình phạt</p> <p>Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quy định trong Bộ luật này, do Tòa án quyết định áp dụng đối với người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người, pháp nhân thương mại đó.</p>	<p>Điều 30. Khái niệm hình phạt</p> <p>Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quy định trong Bộ luật này, do Tòa án quyết định áp dụng đối với người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người, pháp nhân thương mại đó.</p>
<p>Điều 31. Mục đích của hình phạt</p> <p>Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người, pháp nhân thương mại phạm tội mà còn giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các</p>	<p>Điều 31. Mục đích của hình phạt</p> <p>Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người, pháp nhân thương mại phạm tội mà còn giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc</p>

<p>quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người, pháp nhân thương mại khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.</p>	<p>của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người, pháp nhân thương mại khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.</p>
<p>Điều 32. Các hình phạt đối với người phạm tội</p> <p>1. Hình phạt chính bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Cảnh cáo; b) Phạt tiền; c) Cải tạo không giam giữ; d) Trục xuất; đ) Tù có thời hạn; e) Tù chung thân; g) Tử hình. <p>2. Hình phạt bổ sung bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; b) Cấm cư trú; c) Quản chế; d) Tước một số quyền công dân; đ) Tịch thu tài sản; e) Phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính; g) Trục xuất, khi không áp dụng là hình phạt chính. <p>3. Đối với mỗi tội phạm, người phạm tội chỉ bị áp dụng một hình phạt chính và có thể bị áp dụng một hoặc một số hình phạt bổ sung.</p>	<p>Điều 32. Các hình phạt đối với người phạm tội</p> <p>1. Hình phạt chính bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Cảnh cáo; ba) Phạt tiền; eb) Cải tạo không giam giữ; đc) Trục xuất; đd) Tù có thời hạn; eđ) Tù chung thân; ge) Tử hình. <p>2. Hình phạt bổ sung bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; b) Cấm cư trú; c) Quản chế; d) Tước một số quyền công dân; đ) Tịch thu tài sản; e) Phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính; g) Trục xuất, khi không áp dụng là hình phạt chính. <p>3. Đối với mỗi tội phạm, người phạm tội chỉ bị áp dụng một hình phạt chính và có thể bị áp dụng một hoặc một số hình phạt bổ sung.</p>
<p>Điều 33. Các hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội</p> <p>1. Hình phạt chính bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Phạt tiền; b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn; c) Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn. 	<p>Điều 33. Các hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội</p> <p>1. Hình phạt chính bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Phạt tiền; b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn; c) Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

<p>2. Hình phạt bổ sung bao gồm:</p> <p>a) Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định;</p> <p>b) Cấm huy động vốn;</p> <p>c) Phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính.</p> <p>3. Đối với mỗi tội phạm, pháp nhân thương mại phạm tội chỉ bị áp dụng một hình phạt chính và có thể bị áp dụng một hoặc một số hình phạt bổ sung.</p>	<p>2. Hình phạt bổ sung bao gồm:</p> <p>a) Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định;</p> <p>b) Cấm huy động vốn;</p> <p>c) Phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính.</p> <p>3. Đối với mỗi tội phạm, pháp nhân thương mại phạm tội chỉ bị áp dụng một hình phạt chính và có thể bị áp dụng một hoặc một số hình phạt bổ sung.</p>
<p>Điều 34. Cảnh cáo</p> <p>Cảnh cáo được áp dụng đối với người phạm tội ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng chưa đến mức miễn hình phạt.</p>	<p>Điều 34. Cảnh cáo</p> <p>Cảnh cáo được áp dụng đối với người phạm tội ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng chưa đến mức miễn hình phạt.</p>
<p>Điều 35. Phạt tiền</p> <p>1. Phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính đối với các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng do Bộ luật này quy định;</p> <p>b) Người phạm tội rất nghiêm trọng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, môi trường, trật tự công cộng, an toàn công cộng và một số tội phạm khác do Bộ luật này quy định.</p> <p>2. Hình phạt tiền được áp dụng là hình phạt bổ sung đối với người phạm tội về tham nhũng, ma túy hoặc những tội phạm khác do Bộ luật này quy định.</p> <p>3. Mức tiền phạt được quyết định căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm, đồng thời có xét đến tình hình tài sản của người phạm tội, sự biến động của giá cả, nhưng không được thấp hơn 1.000.000 đồng.</p> <p>4. Hình phạt tiền đối với pháp nhân thương mại phạm tội được quy định tại Điều 77 của Bộ luật này.</p>	<p>Điều 35. Phạt tiền</p> <p>1. Phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính đối với các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng do Bộ luật này quy định;</p> <p>b) Người phạm tội rất nghiêm trọng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, môi trường, trật tự công cộng, an toàn công cộng, chức vụ và một số tội phạm khác do Bộ luật này quy định.</p> <p>2. Hình phạt tiền được áp dụng là hình phạt bổ sung đối với người phạm tội về tham nhũng, ma túy hoặc những tội phạm khác do Bộ luật này quy định.</p> <p>3. Mức tiền phạt được quyết định trên cơ sở căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm, đồng thời có xét đến tình hình tài sản của người phạm tội, sự biến động của giá cả, nhưng không được thấp hơn 5.000.000 1.000.000 đồng và căn cứ vào một trong những quy định sau đây:</p> <p>a) Mức phạt tiền quy định trong điều luật;</p> <p>b) Trong trường hợp mức phạt tiền quy định trong điều luật thấp hơn số mức thu lợi bất chính thì có thể căn cứ vào mức thu lợi bất chính để phạt tiền, nhưng số tiền phạt không vượt quá gấp 03 lần so</p>

	<p><i>với mức thu lợi bất chính.</i></p>
--	--

4. Hình phạt tiền đối với pháp nhân thương mại phạm tội được quy định tại Điều 77 của Bộ luật này.

Điều 36. Cải tạo không giam giữ

1. Cải tạo không giam giữ được áp dụng từ 06 tháng đến 03 năm đối với người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng do Bộ luật này quy định mà đang có nơi làm việc ổn định hoặc có nơi cư trú rõ ràng nếu xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội khỏi xã hội.

Nếu người bị kết án đã bị tạm giữ, tạm giam thì thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

2. Tòa án giao người bị phạt cải tạo không giam giữ cho cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giám sát, giáo dục người đó.

3. Trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hằng tháng. Trong trường hợp đặc biệt, Tòa án có thể cho miễn việc khấu trừ thu nhập, nhưng phải ghi rõ lý do trong bản án.

Không khấu trừ thu nhập đối với người chấp hành án là người đang thực hiện nghĩa vụ quân sự.

4. Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

Không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng đối với phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 06 tháng tuổi, người già

Điều 36. Cải tạo không giam giữ

1. Cải tạo không giam giữ được áp dụng từ 06 tháng đến 03 năm đối với người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng do Bộ luật này quy định mà đang có nơi làm việc ổn định hoặc có nơi cư trú rõ ràng nếu xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội khỏi xã hội.

Nếu người bị kết án đã bị tạm giữ, tạm giam thì thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

2. Tòa án giao người bị phạt cải tạo không giam giữ cho cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giám sát, giáo dục người đó.

3. Trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hằng tháng. Trong trường hợp đặc biệt, Tòa án có thể cho miễn việc khấu trừ thu nhập, nhưng phải ghi rõ lý do trong bản án.

Không khấu trừ thu nhập đối với người chấp hành án là người đang thực hiện nghĩa vụ quân sự.

4. Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

Không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng đối với phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 06 tháng tuổi, người già yếu,

<p>yếu, người bị bệnh hiểm nghèo, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng.</p> <p>Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.</p>	<p>người bị bệnh hiểm nghèo, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng.</p> <p>Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.</p> <p>5. Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, nếu người bị kết án vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự, thì Tòa án quyết định chuyển hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại thành hình phạt tù, theo tỷ lệ cứ 03 ngày cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành 01 ngày tù.</p>
<p>Điều 37. Trục xuất</p> <p>Trục xuất là buộc người nước ngoài bị kết án phải rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>Trục xuất được Tòa án áp dụng là hình phạt chính hoặc hình phạt bổ sung trong từng trường hợp cụ thể.</p>	<p>Điều 37. Trục xuất</p> <p>Trục xuất là buộc người nước ngoài bị kết án phải rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>Trục xuất được Tòa án áp dụng là hình phạt chính hoặc hình phạt bổ sung trong từng trường hợp cụ thể.</p>
<p>Điều 38. Tù có thời hạn</p> <p>1. Tù có thời hạn là buộc người bị kết án phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định.</p> <p>Tù có thời hạn đối với người phạm một tội có mức tối thiểu là 03 tháng và mức tối đa là 20 năm.</p> <p>Thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù, cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 01 ngày tù.</p> <p>2. Không áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng do vô ý và có nơi cư trú rõ ràng.</p>	<p>Điều 38. Tù có thời hạn</p> <p>1. Tù có thời hạn là buộc người bị kết án phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định.</p> <p>Tù có thời hạn đối với người phạm một tội có mức tối thiểu là 03 tháng và mức tối đa là 20 năm.</p> <p>Thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù, cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 01 ngày tù.</p> <p>2. Không áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng do vô ý và có nơi cư trú rõ ràng.</p>
<p>Điều 39. Tù chung thân</p> <p>Tù chung thân là hình phạt tù không thời hạn được áp dụng đối với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, nhưng chưa đến mức bị xử phạt tử hình.</p> <p>Không áp dụng hình phạt tù chung thân đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.</p>	<p>Điều 39. Tù chung thân</p> <p>Tù chung thân là hình phạt tù không thời hạn được áp dụng đối với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, nhưng chưa đến mức bị xử phạt tử hình.</p> <p>Không áp dụng hình phạt tù chung thân đối với người chưa thành niên dưới 18 tuổi phạm tội.</p>
<p>Điều 40. Tử hình</p> <p>1. Tử hình là hình phạt đặc biệt chỉ áp dụng đối với người phạm</p>	<p>Điều 40. Tử hình</p> <p>1. Tử hình là hình phạt đặc biệt chỉ áp dụng đối với người phạm</p>

<p>tội đặc biệt nghiêm trọng thuộc một trong nhóm các tội xâm phạm an ninh quốc gia, xâm phạm tính mạng con người, các tội phạm về ma túy, tham nhũng và một số tội phạm đặc biệt nghiêm trọng khác do Bộ luật này quy định.</p> <p>2. Không áp dụng hình phạt tử hình đối với người dưới 18 tuổi khi phạm tội, phụ nữ có thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi hoặc người đủ 75 tuổi trở lên khi phạm tội hoặc khi xét xử.</p> <p>3. Không thi hành án tử hình đối với người bị kết án nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi;</p> <p>b) Người đủ 75 tuổi trở lên;</p> <p>c) Người mắc bệnh ung thư giai đoạn cuối.</p> <p>4. Trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này hoặc trường hợp người bị kết án tử hình được ân giảm, thì hình phạt tử hình được chuyển thành tù chung thân.</p>	<p>một số tội đặc biệt nghiêm trọng quy định tại Bộ luật này thuộc một trong nhóm các tội xâm phạm an ninh quốc gia, xâm phạm tính mạng con người, các tội phạm về ma túy, tham nhũng và một số tội phạm đặc biệt nghiêm trọng khác do Bộ luật này quy định.</p> <p>2. Không áp dụng hình phạt tử hình đối với người chưa thành niên dưới 18 tuổi khi phạm tội, phụ nữ có thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi hoặc người đủ 75 tuổi trở lên khi phạm tội hoặc khi xét xử.</p> <p>3. Không thi hành án tử hình đối với người bị kết án nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi;</p> <p>b) Người đủ 75 tuổi trở lên;</p> <p>c) Người mắc bệnh ung thư giai đoạn cuối.</p> <p>4. Trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này hoặc trường hợp người bị kết án tử hình được ân giảm, thì hình phạt tử hình được chuyển thành tù chung thân.</p>
---	--

<p>Điều 41. Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định</p> <p>Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định được áp dụng khi xét thấy nếu để người bị kết án đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc đó thì có thể gây nguy hại cho xã hội.</p> <p>Thời hạn cấm là từ 01 năm đến 05 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù hoặc từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu hình phạt chính là cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc trong trường hợp người bị kết án được hưởng án treo.</p>	<p>Điều 41. Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định</p> <p>Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định được áp dụng khi xét thấy nếu để người bị kết án đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc đó thì có thể gây nguy hại cho xã hội.</p> <p>Thời hạn cấm là từ 01 năm đến 05 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù hoặc kể từ ngày được tha tù trước thời hạn có điều kiện hoặc từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu hình phạt chính là cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc trong trường hợp người bị kết án được hưởng án treo.</p>
<p>Điều 42. Cấm cư trú</p> <p>Cấm cư trú là buộc người bị kết án phạt tù không được tạm trú hoặc thường trú ở một số địa phương nhất định.</p> <p>Thời hạn cấm cư trú là từ 01 năm đến 05 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.</p>	<p>Điều 42. Cấm cư trú</p> <p>Cấm cư trú là buộc người bị kết án phạt tù không được tạm trú hoặc thường trú ở một số địa phương nhất định. Thời hạn cấm cư trú là từ 01 năm đến 05 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù hoặc kể từ ngày được tha tù trước thời hạn có điều kiện.</p>
<p>Điều 43. Quản chế</p> <p>Quản chế là buộc người bị kết án phạt tù phải cư trú, làm ăn sinh sống và cải tạo ở một địa phương nhất định dưới sự kiểm soát, giáo dục của chính quyền và nhân dân địa phương. Trong thời gian quản chế, người bị kết án không được tự ý ra khỏi nơi cư trú, bị tước một số quyền công dân theo quy định tại Điều 44 của Bộ luật này và bị cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.</p> <p>Quản chế được áp dụng đối với người phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia, người tái phạm nguy hiểm hoặc trong những trường hợp khác do Bộ luật này quy định.</p> <p>Thời hạn quản chế là từ 01 năm đến 05 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.</p>	<p>Điều 43. Quản chế</p> <p>Quản chế là buộc người bị kết án phạt tù phải cư trú, làm ăn sinh sống và cải tạo ở một địa phương nhất định dưới sự quản lý, kiểm soát, giáo dục của cơ quan, chính quyền và nhân dân địa phương. Trong thời gian quản chế, người bị kết án không được tự ý ra khỏi nơi cư trú, bị tước một số quyền công dân theo quy định tại Điều 44 của Bộ luật này và bị cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.</p> <p>Quản chế được áp dụng đối với người phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia, người tái phạm nguy hiểm hoặc trong những trường hợp khác do Bộ luật này quy định.</p> <p>Thời hạn quản chế là từ 01 năm đến 05 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù hoặc kể từ ngày được tha tù trước thời hạn có điều kiện.</p>
<p>Điều 44. Tước một số quyền công dân</p>	<p>Điều 44. Tước một số quyền công dân</p>

<p>1. Công dân Việt Nam bị kết án phạt tù về tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội phạm khác trong những trường hợp do Bộ luật này quy định, thì bị tước một hoặc một số quyền công dân sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Quyền ứng cử đại biểu cơ quan quyền lực Nhà nước; b) Quyền làm việc trong các cơ quan nhà nước và quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân. <p>2. Thời hạn tước một số quyền công dân là từ 01 năm đến 05 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù hoặc kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật trong trường hợp người bị kết án được hưởng án treo.</p>	<p>1. Công dân Việt Nam bị kết án phạt tù về tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội phạm khác trong những trường hợp do Bộ luật này quy định, thì bị tước một hoặc một số quyền công dân sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Quyền ứng cử đại biểu cơ quan quyền lực Nhà nước; b) Quyền làm việc trong các cơ quan nhà nước và quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân. <p>2. Thời hạn tước một số quyền công dân là từ 01 năm đến 05 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù <i>hoặc kể từ ngày được tha tù trước thời hạn có điều kiện</i> hoặc kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật trong trường hợp người bị kết án được hưởng án treo.</p>
--	--

<p>Điều 45. Tịch thu tài sản</p> <p>Tịch thu tài sản là tước một phần hoặc toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của người bị kết án để nộp vào ngân sách nhà nước.</p> <p>Tịch thu tài sản chỉ được áp dụng đối với người bị kết án về tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về ma túy, tham nhũng hoặc tội phạm khác do Bộ luật này quy định.</p> <p>Khi tịch thu toàn bộ tài sản vẫn để cho người bị kết án và gia đình họ có điều kiện sinh sống.</p>	<p>Điều 45. Tịch thu tài sản</p> <p>Tịch thu tài sản là tước một phần hoặc toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của người bị kết án để nộp vào ngân sách nhà nước.</p> <p>Tịch thu tài sản chỉ được áp dụng đối với người phạm tội bị kết án về tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về ma túy, tham nhũng hoặc tội phạm khác do Bộ luật này quy định.</p> <p>Khi tịch thu toàn bộ tài sản vẫn để cho người bị kết án và gia đình họ có điều kiện sinh sống.</p>
<p style="text-align: center;">Chương VII CÁC BIỆN PHÁP TƯ PHÁP</p>	<p style="text-align: center;">Chương VII CÁC BIỆN PHÁP TƯ PHÁP</p>
<p>Điều 46. Các biện pháp tư pháp</p> <p>1. Biện pháp tư pháp đối với người phạm tội bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm; Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi; Bắt buộc chữa bệnh. <p>2. Biện pháp tư pháp đối với pháp nhân thương mại phạm tội bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm; Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi; Khôi phục lại tình trạng ban đầu; Thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra. 	<p>Điều 46. Các biện pháp tư pháp</p> <p>1. Biện pháp tư pháp đối với người phạm tội bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm; Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi; khôi phục lại tình trạng ban đầu; Bắt buộc chữa bệnh. <p>2. Biện pháp tư pháp đối với pháp nhân thương mại phạm tội bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm; Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi; Khôi phục lại tình trạng ban đầu; Thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra.
<p>Điều 47. Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm</p> <p>1. Việc tịch thu sung vào ngân sách nhà nước hoặc tịch thu tiêu hủy được áp dụng đối với:</p>	<p>Điều 47. Tịch thu vật, tiền tài sản trực tiếp liên quan đến tội phạm</p> <p>1. Việc tịch thu sung vào ngân sách nhà nước hoặc tịch thu tiêu hủy được áp dụng đối với:</p>

<p>a) Công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội; b) Vật hoặc tiền do phạm tội hoặc do mua bán, đổi chác những thứ ấy mà có; khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội; c) Vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành. 2. Đối với vật, tiền bị người phạm tội chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép, thì không tịch thu mà trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp. 3. Vật, tiền là tài sản của người khác, nếu người này có lỗi trong việc để cho người phạm tội sử dụng vào việc thực hiện tội phạm, thì có thể bị tịch thu.</p>	<p>a) Công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội; b) Vật hoặc, tiền <i>tài sản</i> do phạm tội <i>mà có</i> hoặc <i>có được</i> do mua bán, đổi chác <i>từ vật, tài sản do phạm tội</i> những thứ ấy mà có; khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội; c) Vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành. 2. Đối với vật, tiền <i>tài sản</i> bị người phạm tội chiếm đoạt, hoặc sử dụng trái phép, <i>hoặc khi giao cho người khác sử dụng nhưng không biết là để dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội</i> thì không tịch thu mà trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp. 3. Vật, tiền là tài sản của người khác, nếu người này có lỗi trong việc để cho người phạm tội sử dụng vào việc thực hiện tội phạm, thì có thể bị tịch thu.</p>
<p>Điều 48. Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi 1. Người phạm tội phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, phải sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại vật chất đã được xác định do hành vi phạm tội gây ra. 2. Trong trường hợp phạm tội gây thiệt hại về tinh thần, Tòa án buộc người phạm tội phải bồi thường về vật chất, công khai xin lỗi người bị hại.</p>	<p>Điều 48. Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi 1. Người phạm tội phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, phải sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại vật chất đã được xác định do hành vi phạm tội gây ra. 2. Trong trường hợp phạm tội gây thiệt hại về tinh thần, Tòa án buộc người phạm tội phải bồi thường về vật chất, công khai xin lỗi người bị hại.</p>
<p>Điều 49. Bắt buộc chữa bệnh 1. Đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi mắc bệnh quy định tại Điều 21 của Bộ luật này, Viện kiểm sát hoặc Tòa án căn cứ vào kết luận giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần có thể quyết định đưa họ vào một cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để bắt buộc chữa bệnh. 2. Đối với người phạm tội trong khi có năng lực trách nhiệm hình sự nhưng trước khi bị kết án đã mắc bệnh tới mức mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì căn cứ vào kết luận giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, Tòa án có thể quyết định đưa họ vào một cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để</p>	<p>Điều 49. Bắt buộc chữa bệnh 1. Đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi mắc bệnh quy định tại Điều 21 của Bộ luật này, Viện kiểm sát hoặc Tòa án căn cứ vào kết luận giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần có thể quyết định đưa họ vào một cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để bắt buộc chữa bệnh. 2. Đối với người phạm tội trong khi có năng lực trách nhiệm hình sự nhưng trước khi bị kết án đã mắc bệnh tới mức mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì căn cứ vào kết luận giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, <i>Viện kiểm sát hoặc</i> Tòa án có thể quyết định đưa họ vào một cơ sở khám bệnh, chữa</p>

<p>bắt buộc chữa bệnh. Sau khi có kết luận khỏi bệnh hoặc có kết luận đủ khả năng nhận thức, đủ khả năng điều khiển hành vi, người đó có thể phải chịu trách nhiệm hình sự.</p> <p>3. Đối với người đang chấp hành hình phạt tù mà bị bệnh tới mức mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì căn cứ vào kết luận giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, Tòa án có thể quyết định đưa họ vào một cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để bắt buộc chữa bệnh. Sau khi có kết luận khỏi bệnh hoặc có kết luận đủ khả năng nhận thức, đủ khả năng điều khiển hành vi, nếu không có lý do khác để miễn chấp hành hình phạt, thì người đó phải tiếp tục chấp hành hình phạt.</p> <p>Thời gian bắt buộc chữa bệnh được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.</p>	<p>bệnh để bắt buộc chữa bệnh. Sau khi có kết luận khỏi bệnh hoặc có kết luận đủ khả năng nhận thức, đủ khả năng điều khiển hành vi, người đó có thể phải chịu trách nhiệm hình sự.</p> <p>3. Đối với người đang chấp hành hình phạt tù mà bị bệnh tới mức mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì căn cứ vào kết luận giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, Tòa án có thể quyết định đưa họ vào một cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để bắt buộc chữa bệnh. Sau khi khỏi bệnh, nếu không có lý do khác để miễn chấp hành hình phạt, thì người đó phải tiếp tục chấp hành hình phạt.</p> <p>Thời gian bắt buộc chữa bệnh được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.</p>
<p style="text-align: center;">Chương VIII QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT</p>	<p style="text-align: center;">Chương VIII QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT</p>
<p style="text-align: center;">Mục 1 QUY ĐỊNH CHUNG VỀ QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT</p>	<p style="text-align: center;">Mục 1 QUY ĐỊNH CHUNG VỀ QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT</p>
<p>Điều 50. Căn cứ quyết định hình phạt</p> <p>1. Khi quyết định hình phạt, Tòa án căn cứ vào quy định của Bộ luật này, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự.</p> <p>2. Khi quyết định áp dụng hình phạt tiền, ngoài căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, Tòa án căn cứ vào tình hình tài sản, khả năng thi hành của người phạm tội.</p>	<p>Điều 50. Căn cứ quyết định hình phạt</p> <p>1. Khi quyết định hình phạt, Tòa án căn cứ vào quy định của Bộ luật này, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự.</p> <p>2. Khi quyết định áp dụng hình phạt tiền, ngoài căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, Tòa án căn cứ vào tình hình tài sản, khả năng thi hành của người phạm tội.</p>
<p>Điều 51. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự</p> <p>1. Các tình tiết sau đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:</p> <p>a) Người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm;</p> <p>b) Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả;</p>	<p>Điều 51. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự</p> <p>1. Các tình tiết sau đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:</p> <p>a) Người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm;</p> <p>b) Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả;</p>

<p>c) Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng;</p> <p>d) Phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết;</p> <p>đ) Phạm tội trong trường hợp vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội;</p> <p>e) Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra;</p> <p>g) Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra;</p> <p>h) Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn;</p> <p>i) Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;</p> <p>k) Phạm tội vì bị người khác đe dọa hoặc cưỡng bức;</p> <p>l) Phạm tội trong trường hợp bị hạn chế khả năng nhận thức mà không phải do lỗi của mình gây ra;</p> <p>m) Phạm tội do lạc hậu;</p> <p>n) Người phạm tội là phụ nữ có thai;</p> <p>o) Người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên;</p> <p>p) Người phạm tội là người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng;</p> <p>q) Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình;</p> <p>r) Người phạm tội tự thú;</p> <p>s) Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải;</p> <p>t) Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án;</p> <p>u) Người phạm tội đã lập công chuộc tội;</p> <p>v) Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác;</p> <p>x) Người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc là cha,</p>	<p>c) Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng;</p> <p>d) Phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết;</p> <p>đ) Phạm tội trong trường hợp vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội;</p> <p>e) Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra;</p> <p>g) Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra;</p> <p>h) Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn;</p> <p>i) Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;</p> <p>k) Phạm tội vì bị người khác đe dọa hoặc cưỡng bức;</p> <p>l) Phạm tội trong trường hợp bị hạn chế khả năng nhận thức mà không phải do lỗi của mình gây ra;</p> <p>m) Phạm tội do lạc hậu;</p> <p>n) Người phạm tội là phụ nữ có thai;</p> <p>o) Người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên;</p> <p>p) Người phạm tội là người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng;</p> <p>q) Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình;</p> <p>r) Người phạm tội tự thú;</p> <p>s) Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải;</p> <p>t) Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án;</p> <p>u) Người phạm tội đã lập công chuộc tội;</p> <p>v) Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác;</p> <p>x) Người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ.</p>
---	---

<p>me, vợ, chồng, con của liệt sĩ.</p> <p>2. Khi quyết định hình phạt, Tòa án có thể coi đầu thú hoặc tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ lý do giảm nhẹ trong bản án.</p> <p>3. Các tình tiết giảm nhẹ đã được Bộ luật này quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ trong khi quyết định hình phạt.</p>	<p>2. Khi quyết định hình phạt, Tòa án có thể coi đầu thú hoặc tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ lý do giảm nhẹ trong bản án.</p> <p>3. Các tình tiết giảm nhẹ đã được Bộ luật này quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ trong khi quyết định hình phạt.</p>
<p>Điều 52. Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự</p> <p>1. Chỉ các tình tiết sau đây mới là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Phạm tội có tổ chức; b) Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp; c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội; d) Phạm tội có tính chất côn đồ; đ) Phạm tội vì động cơ đê hèn; e) Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng; g) Phạm tội 02 lần trở lên; h) Tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm; i) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai hoặc người đủ 70 tuổi trở lên; k) Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác; l) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội; m) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt hoặc tàn ác để phạm tội; n) Dùng thủ đoạn hoặc phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người để phạm tội; o) Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội; 	<p>Điều 52. Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự</p> <p>1. Chỉ các tình tiết sau đây mới là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Phạm tội có tổ chức; b) Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp; c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội; c1) Phạm tội nhằm chống chính quyền nhân dân; d) Phạm tội có tính chất côn đồ; đ) Phạm tội vì động cơ đê hèn; e) Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng; g) Phạm tội 02 lần trở lên; h) Tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm; i) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai hoặc người đủ 70 tuổi trở lên; k) Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác; l) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội; m) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt hoặc tàn ác để phạm tội; n) Dùng thủ đoạn hoặc phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người để phạm tội; o) Xúi giục người dưới 18 tuổi chưa thành niên phạm tội;

<p>p) Có hành động xảo quyết hoặc hung hãn nhằm trốn tránh hoặc che giấu tội phạm.</p> <p>2. Các tình tiết đã được Bộ luật này quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng.</p>	<p>p) Có hành động xảo quyết hoặc hung hãn nhằm trốn tránh hoặc che giấu tội phạm-;</p> <p>q) Bỏ trốn và có quyết định truy nã.</p> <p>2. Các tình tiết đã được Bộ luật này quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng.</p>
<p>Điều 53. Tái phạm, tái phạm nguy hiểm</p> <p>1. Tái phạm là trường hợp đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý hoặc thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do vô ý.</p> <p>2. Những trường hợp sau đây được coi là tái phạm nguy hiểm:</p> <p>a) Đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý;</p> <p>b) Đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý.</p>	<p>Điều 53. Tái phạm, tái phạm nguy hiểm</p> <p>1. Tái phạm là trường hợp đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý hoặc thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do vô ý.</p> <p>2. Những trường hợp sau đây được coi là tái phạm nguy hiểm:</p> <p>a) Đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý;</p> <p>b) Đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý.</p>
<p>Mục 2. QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ</p>	<p>Mục 2. QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ</p>
<p>Điều 54. Quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng</p> <p>1. Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật khi người phạm tội có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật này.</p> <p>2. Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng không bắt buộc phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật đối với người phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể.</p> <p>3. Trong trường hợp có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1</p>	<p>Điều 54. Quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng</p> <p>1. Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật khi người phạm tội có số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhiều hơn số tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự từ 02 tình tiết trở lên, trong đó phải có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật này.</p> <p>2. Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng không bắt buộc phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật đối với người phạm tội lần đầu</p>

<p>hoặc khoản 2 Điều này nhưng điều luật chỉ có một khung hình phạt hoặc khung hình phạt đó là khung hình phạt nhẹ nhất, thì Tòa án có thể quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt hoặc chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn. Lý do của việc giảm nhẹ phải được ghi rõ trong bản án.</p>	<p>là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể.</p> <p>3. Trong trường hợp có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này nhưng điều luật chỉ có một khung hình phạt hoặc khung hình phạt đó là khung hình phạt nhẹ nhất, thì Tòa án có thể quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt hoặc chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn. Lý do của việc giảm nhẹ phải được ghi rõ trong bản án.</p>
<p>Điều 55. Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội</p> <p>Khi xét xử cùng 01 lần một người phạm nhiều tội, Tòa án quyết định hình phạt đối với từng tội và tổng hợp hình phạt theo quy định sau đây:</p> <p>1. Đối với hình phạt chính:</p> <p>a) Nếu các hình phạt đã tuyên cùng là cải tạo không giam giữ hoặc cùng là tù có thời hạn, thì các hình phạt đó được cộng lại thành hình phạt chung; hình phạt chung không được vượt quá 03 năm đối với hình phạt cải tạo không giam giữ, 30 năm đối với hình phạt tù có thời hạn;</p> <p>b) Nếu các hình phạt đã tuyên là cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn, thì hình phạt cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành hình phạt tù theo tỷ lệ cứ 03 ngày cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành 01 ngày tù để tổng hợp thành hình phạt chung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;</p> <p>c) Nếu hình phạt nặng nhất trong số các hình phạt đã tuyên là tù chung thân thì hình phạt chung là tù chung thân;</p> <p>d) Nếu hình phạt nặng nhất trong số các hình phạt đã tuyên là tử hình thì hình phạt chung là tử hình;</p> <p>đ) Phạt tiền không tổng hợp với các loại hình phạt khác; các khoản tiền phạt được cộng lại thành hình phạt chung;</p> <p>e) Trục xuất không tổng hợp với các loại hình phạt khác.</p>	<p>Điều 55. Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội</p> <p>Khi xét xử cùng 01 lần một người phạm nhiều tội, Tòa án quyết định hình phạt đối với từng tội và tổng hợp hình phạt theo quy định sau đây:</p> <p>1. Đối với hình phạt chính:</p> <p>a) Nếu các hình phạt đã tuyên cùng là cải tạo không giam giữ hoặc cùng là tù có thời hạn, thì các hình phạt đó được cộng lại thành hình phạt chung; hình phạt chung không được vượt quá 03 năm đối với hình phạt cải tạo không giam giữ, 30 năm đối với hình phạt tù có thời hạn;</p> <p>b) Nếu các hình phạt đã tuyên là cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn, thì hình phạt cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành hình phạt tù theo tỷ lệ cứ 03 ngày cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành 01 ngày tù để tổng hợp thành hình phạt chung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;</p> <p>c) Nếu hình phạt nặng nhất trong số các hình phạt đã tuyên là tù chung thân thì hình phạt chung là tù chung thân;</p> <p>d) Nếu hình phạt nặng nhất trong số các hình phạt đã tuyên là tử hình thì hình phạt chung là tử hình;</p> <p>đ) Phạt tiền không tổng hợp với các loại hình phạt khác; các khoản tiền phạt được cộng lại thành hình phạt chung;</p> <p>e) Trục xuất không tổng hợp với các loại hình phạt khác.</p> <p>2. Đối với hình phạt bổ sung:</p>

<p>2. Đối với hình phạt bổ sung:</p> <p>a) Nếu các hình phạt đã tuyên là cùng loại thì hình phạt chung được quyết định trong giới hạn do Bộ luật này quy định đối với loại hình phạt đó; riêng đối với hình phạt tiền thì các khoản tiền phạt được cộng lại thành hình phạt chung;</p> <p>b) Nếu các hình phạt đã tuyên là khác loại thì người bị kết án phải chấp hành tất cả các hình phạt đã tuyên.</p>	<p>a) Nếu các hình phạt đã tuyên là cùng loại thì hình phạt chung được quyết định trong giới hạn do Bộ luật này quy định đối với loại hình phạt đó; riêng đối với hình phạt tiền thì các khoản tiền phạt được cộng lại thành hình phạt chung;</p> <p>b) Nếu các hình phạt đã tuyên là khác loại thì người bị kết án phải chấp hành tất cả các hình phạt đã tuyên.</p>
<p>Điều 56. Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án</p> <p>1. Trong trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án này, thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội đang bị xét xử, sau đó quyết định hình phạt chung theo quy định tại Điều 55 của Bộ luật này.</p> <p>Thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung.</p> <p>2. Khi xét xử một người đang phải chấp hành một bản án mà lại thực hiện hành vi phạm tội mới, Tòa án quyết định hình phạt đối với tội mới, sau đó tổng hợp với phân hình phạt chưa chấp hành của bản án trước rồi quyết định hình phạt chung theo quy định tại Điều 55 của Bộ luật này.</p> <p>3. Trong trường hợp một người phải chấp hành nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật mà các hình phạt của các bản án chưa được tổng hợp, thì Chánh án Tòa án có thẩm quyền ra quyết định tổng hợp hình phạt của các bản án theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.</p>	<p>Điều 56. Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án</p> <p>1. Trong trường hợp một người <i>đã bị kết án mà bản án đã có hiệu lực pháp luật hoặc</i> đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án này, thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội đang bị xét xử, sau đó quyết định hình phạt chung theo quy định tại Điều 55 của Bộ luật này.</p> <p>Thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung.</p> <p>2. Khi xét xử một người <i>đã bị kết án mà bản án đã có hiệu lực pháp luật hoặc</i> đang phải chấp hành một bản án mà lại thực hiện hành vi phạm tội mới, Tòa án quyết định hình phạt đối với tội mới, sau đó tổng hợp với phân hình phạt chưa chấp hành của bản án trước rồi quyết định hình phạt chung theo quy định tại Điều 55 của Bộ luật này.</p> <p>3. Trong trường hợp một người phải chấp hành nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật mà các hình phạt của các bản án chưa được tổng hợp, thì Chánh án Tòa án có thẩm quyền ra quyết định tổng hợp hình phạt của các bản án theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.</p>
<p>Điều 57. Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt</p> <p>1. Đối với hành vi chuẩn bị phạm tội và hành vi phạm tội chưa đạt, hình phạt được quyết định theo các điều của Bộ luật này về các tội phạm tương ứng tùy theo tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, mức độ thực hiện ý định phạm tội và những tình tiết khác khiến cho tội phạm không thực hiện được đến cùng.</p>	<p>Điều 57. Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt</p> <p>1. Đối với hành vi chuẩn bị phạm tội và hành vi phạm tội chưa đạt, hình phạt được quyết định theo các điều của Bộ luật này về các tội phạm tương ứng tùy theo tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, mức độ thực hiện ý định phạm tội và những tình tiết khác khiến cho tội phạm không thực hiện được đến cùng.</p>

<p>2. Đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, hình phạt được quyết định trong phạm vi khung hình phạt được quy định trong các điều luật cụ thể.</p> <p>3. Đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình thì áp dụng hình phạt tù không quá 20 năm; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định.</p>	<p>2. Đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, hình phạt được quyết định trong phạm vi khung hình phạt được quy định trong các điều luật cụ thể.</p> <p>3. Đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tử hình thì áp dụng hình phạt tù không quá 20 năm hoặc tù chung thân trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân tù chung thân hoặc tử hình thì áp dụng hình phạt tù không quá 20 năm; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá ba phần tư mức phạt tù cao nhất mà điều luật quy định.</p>
<p>Điều 58. Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm</p> <p>Khi quyết định hình phạt đối với những người đồng phạm, Tòa án phải xét đến tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm.</p> <p>Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng hoặc loại trừ trách nhiệm hình sự thuộc người đồng phạm nào, thì chỉ áp dụng đối với người đó.</p>	<p>Điều 58. Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm</p> <p>Khi quyết định hình phạt đối với những người đồng phạm, Tòa án phải xét đến tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm.</p> <p>Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng hoặc loại trừ trách nhiệm hình sự thuộc người đồng phạm nào, thì chỉ áp dụng đối với người đó.</p>
<p>Điều 59. Miễn hình phạt</p> <p>Người phạm tội có thể được miễn hình phạt nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 54 của Bộ luật này mà đáng được khoan hồng đặc biệt nhưng chưa đến mức được miễn trách nhiệm hình sự.</p>	<p>Điều 59. Miễn hình phạt</p> <p>1. Người phạm tội có thể được miễn hình phạt nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 54 của Bộ luật này mà đáng được khoan hồng đặc biệt nhưng chưa đến mức được miễn trách nhiệm hình sự.</p> <p>2. Người phạm các tội được quy định tại Chương XVIII của Bộ luật này gây thiệt hại về kinh tế nhưng vì mục đích phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; không tham nhũng; mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cho địa phương, đất nước; đã khắc phục toàn bộ hậu quả, bồi thường toàn bộ thiệt hại thì có thể được miễn hình phạt. Trường hợp không khắc phục được toàn bộ hậu quả, bồi thường toàn bộ thiệt hại thì Tòa án ra quyết định tiếp tục thi hành án; đồng thời căn cứ tỷ lệ khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại để quyết định giảm mức hình phạt đã tuyên.</p>

<p style="text-align: center;">Chương IX THỜI HIỆU THI HÀNH BẢN ÁN, MIỄN CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT, GIẢM THỜI HẠN CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT</p>	<p style="text-align: center;">Chương IX THỜI HIỆU THI HÀNH BẢN ÁN, MIỄN CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT, GIẢM THỜI HẠN CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT</p>
<p>Điều 60. Thời hiệu thi hành bản án</p> <p>1. Thời hiệu thi hành bản án hình sự là thời hạn do Bộ luật này quy định mà khi hết thời hạn đó người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án không phải chấp hành bản án đã tuyên.</p> <p>2. Thời hiệu thi hành bản án hình sự đối với người bị kết án được quy định như sau:</p> <p>a) 05 năm đối với các trường hợp xử phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc xử phạt tù từ 03 năm trở xuống;</p> <p>b) 10 năm đối với các trường hợp xử phạt tù từ trên 03 năm đến 15 năm;</p> <p>c) 15 năm đối với các trường hợp xử phạt tù từ trên 15 năm đến 30 năm;</p> <p>d) 20 năm đối với các trường hợp xử phạt tù chung thân hoặc tử hình.</p> <p>3. Thời hiệu thi hành bản án hình sự đối với pháp nhân thương mại là 05 năm.</p> <p>4. Thời hiệu thi hành bản án hình sự được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Nếu trong thời hạn quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án lại thực hiện hành vi phạm tội mới, thì thời hiệu tính lại kể từ ngày thực hiện hành vi phạm tội mới.</p> <p>5. Trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, người bị kết án cố tình trốn tránh và đã có quyết định truy nã, thì thời hiệu tính lại kể từ ngày người đó ra trình diện hoặc bị bắt giữ.</p>	<p>Điều 60. Thời hiệu thi hành bản án</p> <p>1. Thời hiệu thi hành bản án hình sự là thời hạn do Bộ luật này quy định mà khi hết thời hạn đó người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án không phải chấp hành bản án đã tuyên; <i>người bị kết án tử hình được chuyển thành tù chung thân.</i></p> <p>2. Thời hiệu thi hành bản án hình sự đối với người bị kết án được quy định như sau:</p> <p>a) 05 năm đối với các trường hợp xử phạt tiền, <i>trục xuất</i>, cải tạo không giam giữ hoặc xử phạt tù từ 03 năm trở xuống;</p> <p>b) 10 năm đối với các trường hợp xử phạt tù từ trên 03 năm đến 15 năm;</p> <p>c) 15 năm đối với các trường hợp xử phạt tù từ trên 15 năm đến 30 năm, <i>tù chung thân hoặc tử hình;</i></p> <p>d) 20 năm đối với các trường hợp xử phạt tù chung thân hoặc tử hình.</p> <p>3. Thời hiệu thi hành bản án hình sự đối với pháp nhân thương mại là 05 năm.</p> <p>4. Thời hiệu thi hành bản án hình sự được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật <i>không tính thời gian hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt.</i> Nếu trong thời hạn quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án lại thực hiện hành vi phạm tội mới, thì thời hiệu tính lại kể từ ngày thực hiện hành vi phạm tội mới.</p> <p>5. Trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, người bị kết án cố tình trốn tránh và đã có quyết định truy nã, thì thời hiệu tính lại kể từ ngày người đó ra trình diện hoặc bị bắt giữ.</p>
<p>Điều 61. Không áp dụng thời hiệu thi hành bản án</p> <p>Không áp dụng thời hiệu thi hành bản án đối với các tội quy</p>	<p>Điều 61. Không áp dụng thời hiệu thi hành bản án</p> <p>Không áp dụng thời hiệu thi hành bản án đối với các tội quy</p>

<p>định tại Chương XIII, Chương XXVI, khoản 3 và khoản 4 Điều 353, khoản 3 và khoản 4 Điều 354 của Bộ luật này.</p>	<p>định tại Chương XIII, Chương XXVI, khoản 3 và khoản 4 Điều 353, khoản 3 và khoản 4 Điều 354 của Bộ luật này.</p>
<p>Điều 62. Miễn chấp hành hình phạt</p> <p>1. Người bị kết án được miễn chấp hành hình phạt khi được đặc xá hoặc đại xá.</p> <p>2. Người bị kết án cải tạo không giam giữ hoặc tù có thời hạn đến 03 năm chưa chấp hành hình phạt thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành hình phạt, nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Sau khi bị kết án đã lập công; b) Mắc bệnh hiểm nghèo; c) Chấp hành tốt pháp luật, có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn và xét thấy người đó không còn nguy hiểm cho xã hội nữa. <p>3. Người bị kết án phạt tù có thời hạn trên 03 năm, chưa chấp hành hình phạt nếu đã lập công lớn hoặc mắc bệnh hiểm nghèo và người đó không còn nguy hiểm cho xã hội nữa, thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành toàn bộ hình phạt.</p> <p>4. Người bị kết án phạt tù đến 03 năm, đã được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt, nếu trong thời gian được tạm đình chỉ mà đã lập công hoặc chấp hành tốt pháp luật, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn và xét thấy người đó không còn nguy hiểm cho xã hội nữa, thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành phần hình phạt còn lại.</p> <p>5. Người bị kết án phạt tiền đã tích cực chấp hành được một phần hình phạt nhưng bị lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn hoặc ốm đau gây ra mà không thể tiếp tục chấp hành được phần hình phạt còn lại hoặc lập công lớn, thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành phần tiền phạt còn lại.</p> <p>6. Người bị phạt cấm cư trú hoặc quản chế, nếu đã chấp hành được</p>	<p>Điều 62. Miễn chấp hành hình phạt</p> <p>1. Người bị kết án được miễn chấp hành hình phạt khi được đặc xá hoặc đại xá.</p> <p>2. Người bị kết án cải tạo không giam giữ hoặc tù có thời hạn đến 03 năm chưa chấp hành hình phạt thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành hình phạt, nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Sau khi bị kết án đã lập công; b) Mắc bệnh hiểm nghèo; c) Chấp hành tốt pháp luật, có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn và xét thấy người đó không còn nguy hiểm cho xã hội nữa. <p>3. Người bị kết án phạt tù có thời hạn trên 03 năm, chưa chấp hành hình phạt nếu đã lập công lớn hoặc mắc bệnh hiểm nghèo và người đó không còn nguy hiểm cho xã hội nữa, thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành toàn bộ hình phạt.</p> <p>4. Người bị kết án phạt tù đến 03 năm, đã được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt, nếu trong thời gian được tạm đình chỉ mà đã lập công hoặc chấp hành tốt pháp luật, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn và xét thấy người đó không còn nguy hiểm cho xã hội nữa, thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành phần hình phạt còn lại.</p> <p>5. Người bị kết án phạt tiền đã tích cực chấp hành được một phần hình phạt nhưng bị lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn hoặc ốm đau gây ra mà không thể tiếp tục chấp hành được phần hình phạt còn lại hoặc lập công lớn, thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành phần tiền phạt còn lại.</p> <p>6. Người bị phạt cấm cư trú hoặc quản chế, nếu đã chấp hành được</p>

<p>được một phần hai thời hạn hình phạt và cải tạo tốt, thì theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành phần hình phạt còn lại.</p> <p>7. Người được miễn chấp hành hình phạt theo quy định tại Điều này vẫn phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ dân sự do Tòa án tuyên trong bản án.</p>	<p>một phần hai thời hạn hình phạt và cải tạo tốt, thì theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành phần hình phạt còn lại.</p> <p>7. Người được miễn chấp hành hình phạt theo quy định tại Điều này vẫn phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ dân sự do Tòa án tuyên trong bản án.</p>
<p>Điều 63. Giảm mức hình phạt đã tuyên</p> <p>1. Người bị kết án cải tạo không giam giữ, phạt tù có thời hạn hoặc phạt tù chung thân, nếu đã chấp hành hình phạt được một thời gian nhất định, có nhiều tiến bộ và đã bồi thường được một phần nghĩa vụ dân sự, thì theo đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định giảm thời hạn chấp hành hình phạt.</p> <p>Người bị kết án tù chung thân về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ chỉ có thể được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt khi đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và đã hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn.</p> <p>Thời gian đã chấp hành hình phạt để được xét giảm lần đầu là một phần ba thời hạn đối với hình phạt cải tạo không giam giữ, hình phạt tù có thời hạn, 12 năm đối với tù chung thân.</p> <p>2. Một người có thể được giảm nhiều lần, nhưng phải bảo đảm chấp hành được một phần hai mức hình phạt đã tuyên.</p> <p>Người bị kết án tù chung thân, lần đầu được giảm xuống 30 năm tù và dù được giảm nhiều lần cũng phải bảo đảm thời hạn thực tế chấp hành hình phạt là 20 năm.</p> <p>3. Trường hợp người bị kết án về nhiều tội trong đó có tội bị kết án phạt tù chung thân thì Tòa án chỉ xét giảm lần đầu xuống 30 năm tù sau khi đã chấp hành được 15 năm tù và dù được giảm nhiều lần nhưng vẫn phải bảo đảm thời gian thực tế chấp hành là 25 năm.</p> <p>4. Đối với người đã được giảm một phần hình phạt mà lại thực</p>	<p>Điều 63. Giảm mức hình phạt đã tuyên</p> <p>1. Người bị kết án cải tạo không giam giữ, phạt tù có thời hạn hoặc phạt tù chung thân, nếu đã chấp hành hình phạt được một thời gian nhất định, có nhiều tiến bộ và đã bồi thường được một phần nghĩa vụ dân sự, thì theo đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định giảm thời hạn chấp hành hình phạt.</p> <p>Người bị kết án tù chung thân về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ chỉ có thể được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt khi đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và đã hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn.</p> <p>Thời gian đã chấp hành hình phạt để được xét giảm lần đầu là một phần ba thời hạn đối với hình phạt cải tạo không giam giữ, hình phạt tù có thời hạn, 12 năm đối với tù chung thân.</p> <p>2. Một người có thể được giảm nhiều lần, nhưng phải bảo đảm chấp hành được một phần hai mức hình phạt đã tuyên.</p> <p>Người bị kết án tù chung thân, lần đầu được giảm xuống 30 năm tù và dù được giảm nhiều lần cũng phải bảo đảm thời hạn thực tế chấp hành hình phạt là 20 năm.</p> <p>3. Trường hợp người bị kết án về nhiều tội trong đó có tội bị kết án phạt tù chung thân thì Tòa án chỉ xét giảm lần đầu xuống 30 năm tù sau khi đã chấp hành được 15 năm tù và dù được giảm nhiều lần nhưng vẫn phải bảo đảm thời gian thực tế chấp hành là 25 năm.</p> <p>4. Đối với người đã được giảm một phần hình phạt mà lại thực hiện hành vi phạm tội mới ít nghiêm trọng do cố ý, thì Tòa án chỉ xét</p>

<p>hiện hành vi phạm tội mới ít nghiêm trọng do cố ý, thì Tòa án chỉ xét giảm lần đầu sau khi người đó đã chấp hành được một phần hai mức hình phạt chung.</p> <p>5. Đối với người đã được giảm một phần hình phạt mà lại thực hiện hành vi phạm tội mới nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì Tòa án chỉ xét giảm lần đầu sau khi người đó đã chấp hành được hai phần ba mức hình phạt chung hoặc trường hợp hình phạt chung là tù chung thân thì việc xét giảm án thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.</p> <p>6. Đối với người bị kết án tử hình được ân giảm hoặc người bị kết án tử hình thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật này thì thời gian đã chấp hành hình phạt để được xét giảm lần đầu là 25 năm và dù được giảm nhiều lần nhưng vẫn phải bảo đảm thời hạn thực tế chấp hành hình phạt là 30 năm.</p>	<p>giảm lần đầu sau khi người đó đã chấp hành được một phần hai mức hình phạt chung.</p> <p>5. Đối với người đã được giảm một phần hình phạt mà lại thực hiện hành vi phạm tội mới nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì Tòa án chỉ xét giảm lần đầu sau khi người đó đã chấp hành được hai phần ba mức hình phạt chung hoặc trường hợp hình phạt chung là tù chung thân thì việc xét giảm án thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.</p> <p>6. Đối với người bị kết án tử hình được ân giảm hoặc người bị kết án tử hình thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật này thì thời gian đã chấp hành hình phạt để được xét giảm lần đầu là 25 năm và dù được giảm nhiều lần nhưng vẫn phải bảo đảm thời hạn thực tế chấp hành hình phạt là 30 năm.</p>
<p>Điều 64. Giảm thời hạn chấp hành hình phạt trong trường hợp đặc biệt</p> <p>Người bị kết án có lý do đáng được khoan hồng thêm như đã lập công, đã quá già yếu hoặc mắc bệnh hiểm nghèo, thì Tòa án có thể xét giảm vào thời gian sớm hơn hoặc với mức cao hơn so với thời gian và mức quy định tại Điều 63 của Bộ luật này.</p>	<p>Điều 64. Giảm thời hạn chấp hành hình phạt trong trường hợp đặc biệt</p> <p>Người bị kết án có lý do đáng được khoan hồng thêm như đã lập công, đã quá già yếu hoặc mắc bệnh hiểm nghèo, thì Tòa án có thể xét giảm vào thời gian sớm hơn hoặc với mức cao hơn so với thời gian và mức quy định tại Điều 63 của Bộ luật này.</p>

Điều 65. Án treo

1. Khi xử phạt tù không quá 03 năm, căn cứ vào nhân thân của người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, nếu xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, thì Tòa án cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ 01 năm đến 05 năm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

2. Trong thời gian thử thách, Tòa án giao người được hưởng án treo cho cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi người đó cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó.

3. Tòa án có thể quyết định áp dụng đối với người được hưởng án treo hình phạt bổ sung nếu trong điều luật áp dụng có quy định hình phạt này.

4. Người được hưởng án treo đã chấp hành được một phần hai thời gian thử thách và có nhiều tiến bộ thì theo đề nghị của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm giám sát, giáo dục, Tòa án có thể quyết định rút ngắn thời gian thử thách.

5. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

Điều 65. Án treo

1. Khi xử phạt tù không quá 03 năm, căn cứ vào nhân thân của người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, nếu xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, thì Tòa án cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ 01 năm đến 05 năm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

2. Khi xử phạt tù không quá 05 năm, căn cứ vào nhân thân của người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, nếu xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, nếu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này thì Tòa án quyết định cho hưởng án treo, mức tiền phải nộp để thay thế hình phạt tù và ấn định thời gian thử thách từ 01 năm đến 02 năm.

3. Người được hưởng án treo thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

~~2. Trong thời gian thử thách, Tòa án giao người được hưởng án treo cho cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi người đó cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó.~~

~~3~~**4.** Tòa án có thể quyết định áp dụng đối với người được hưởng án treo hình phạt bổ sung nếu trong điều luật áp dụng có quy định hình phạt này.

~~4~~**5.** Người được hưởng án treo đã chấp hành được một phần hai thời gian thử thách và có nhiều tiến bộ thì theo đề nghị của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm giám sát, giáo dục, Tòa án có thể quyết định rút ngắn thời gian thử thách.

~~5~~**6.** Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của

	bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.
<p>Điều 66. Tha tù trước thời hạn có điều kiện</p> <p>1. Người đang chấp hành án phạt tù về tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng mà đã được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù hoặc người đang chấp hành án phạt tù về tội phạm ít nghiêm trọng có thể được tha tù trước thời hạn khi có đủ các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Phạm tội lần đầu; b) Có nhiều tiến bộ, có ý thức cải tạo tốt; c) Có nơi cư trú rõ ràng; d) Đã chấp hành xong hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại và án phí; đ) Đã chấp hành được ít nhất là một phần hai mức phạt tù có thời hạn hoặc ít nhất là 15 năm đối với trường hợp bị phạt tù chung thân nhưng đã được giảm xuống tù có thời hạn. <p>Trường hợp người phạm tội là người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng, người đủ 70 tuổi trở lên, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi thì phải chấp hành được ít nhất là một phần ba mức phạt tù có thời hạn hoặc ít nhất là 12 năm đối với trường hợp bị phạt tù chung thân nhưng đã được giảm xuống tù có thời hạn;</p> <p>e) Không thuộc một trong các trường hợp phạm tội quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>2. Không áp dụng quy định của Điều này đối với người bị kết án thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Người bị kết án về một trong các tội quy định tại Chương XIII, Chương XXVI, Điều 299 của Bộ luật này; người bị kết án 10 năm tù trở lên về một trong các tội quy định tại Chương XIV của Bộ luật này do cố ý hoặc người bị kết án 07 năm tù trở lên đối với một 	<p>Điều 66. Tha tù trước thời hạn có điều kiện</p> <p>1. Người đang chấp hành án phạt tù về tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng mà đã được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù hoặc người đang chấp hành án phạt tù về tội phạm ít nghiêm trọng có thể được tha tù trước thời hạn khi có đủ các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Phạm tội lần đầu; b) Có nhiều tiến bộ, có ý thức cải tạo tốt; c) Có nơi cư trú rõ ràng; d) Đã chấp hành xong hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại và án phí; đ) Đã chấp hành được ít nhất là một phần hai mức phạt tù có thời hạn hoặc ít nhất là 15 năm đối với trường hợp bị phạt tù chung thân nhưng đã được giảm xuống tù có thời hạn. <p>Trường hợp người phạm tội là người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng, người đủ 70 tuổi trở lên, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi thì phải chấp hành được ít nhất là một phần ba mức phạt tù có thời hạn hoặc ít nhất là 12 năm đối với trường hợp bị phạt tù chung thân nhưng đã được giảm xuống tù có thời hạn;</p> <p>e) Không thuộc một trong các trường hợp phạm tội quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>2. Không áp dụng quy định của Điều này đối với người bị kết án thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Người bị kết án về một trong các tội quy định tại Chương XIII, Chương XXVI, Điều 299 của Bộ luật này; người bị kết án 10 năm tù trở lên về một trong các tội quy định tại Chương XIV của Bộ luật này do cố ý hoặc người bị kết án 07 năm tù trở lên đối với về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 248, 251 và 252 của Bộ luật này;

<p>trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 248, 251 và 252 của Bộ luật này;</p> <p>b) Người bị kết án tử hình được ân giảm hoặc thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật này.</p> <p>3. Theo đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền, Tòa án quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện đối với người bị kết án. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách. Thời gian thử thách bằng thời gian còn lại của hình phạt tù.</p> <p>4. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính 02 lần trở lên trong thời gian thử thách, thì Tòa án có thể hủy bỏ quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện đối với người đó và buộc họ phải chấp hành phần hình phạt tù còn lại chưa chấp hành.</p> <p>Nếu người đó thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án buộc người đó chấp hành hình phạt của bản án mới và tổng hợp với phần hình phạt tù chưa chấp hành của bản án trước theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.</p> <p>5. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện đã chấp hành được ít nhất là một phần hai thời gian thử thách và có nhiều tiến bộ thì theo đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định rút ngắn thời gian thử thách.</p>	<p>b) Người bị kết án tử hình được ân giảm hoặc thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật này.</p> <p>3. Theo đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền, Tòa án quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện đối với người bị kết án. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách. Thời gian thử thách bằng thời gian còn lại của hình phạt tù.</p> <p>4. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính 02 lần trở lên trong thời gian thử thách, thì Tòa án có thể hủy bỏ quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện đối với người đó và buộc họ phải chấp hành phần hình phạt tù còn lại chưa chấp hành.</p> <p>Nếu người đó thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án buộc người đó chấp hành hình phạt của bản án mới và tổng hợp với phần hình phạt tù chưa chấp hành của bản án trước theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.</p> <p>5. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện đã chấp hành được ít nhất là một phần hai thời gian thử thách và có nhiều tiến bộ thì theo đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định rút ngắn thời gian thử thách.</p>
<p>Điều 67. Hoãn chấp hành hình phạt tù</p> <p>1. Người bị xử phạt tù có thể được hoãn chấp hành hình phạt trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Bị bệnh nặng thì được hoãn cho đến khi sức khỏe được hồi phục;</p> <p>b) Phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, thì được hoãn cho đến khi con đủ 36 tháng tuổi;</p> <p>c) Là người lao động duy nhất trong gia đình, nếu phải chấp hành hình phạt tù thì gia đình sẽ gặp khó khăn đặc biệt, được hoãn</p>	<p>Điều 67. Hoãn chấp hành hình phạt tù</p> <p>1. Người bị xử phạt tù có thể được hoãn chấp hành hình phạt trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Bị bệnh nặng thì được hoãn cho đến khi sức khỏe được hồi phục;</p> <p>b) Phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, thì được hoãn cho đến khi con đủ 36 tháng tuổi;</p> <p>c) Là người lao động duy nhất trong gia đình, nếu phải chấp hành hình phạt tù thì gia đình sẽ gặp khó khăn đặc biệt, được hoãn đến 01</p>

<p>đến 01 năm, trừ trường hợp người đó bị kết án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc các tội khác là tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;</p> <p>d) Bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, do nhu cầu công vụ, thì được hoãn đến 01 năm.</p> <p>2. Trong thời gian được hoãn chấp hành hình phạt tù, nếu người được hoãn chấp hành hình phạt lại thực hiện hành vi phạm tội mới, thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.</p>	<p>năm, trừ trường hợp người đó bị kết án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc các tội khác là tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;</p> <p>d) Bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, do nhu cầu công vụ, thì được hoãn đến 01 năm.</p> <p>2. Trong thời gian được hoãn chấp hành hình phạt tù, nếu người được hoãn chấp hành hình phạt lại thực hiện hành vi phạm tội mới, thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.</p>
<p>Điều 68. Tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù</p> <p>1. Người đang chấp hành hình phạt tù mà thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 67 của Bộ luật này, thì có thể được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù.</p> <p>2. Thời gian tạm đình chỉ không được tính vào thời gian chấp hành hình phạt tù.</p>	<p>Điều 68. Tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù</p> <p>1. Người đang chấp hành hình phạt tù mà thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 67 của Bộ luật này hoặc người đang chấp hành hình phạt tù chung thân mà thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 67 của Bộ luật này thì có thể được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù.</p> <p>Người đang chấp hành hình phạt tù mà bị tạm giam phục vụ điều tra, truy tố, xét xử đối với vụ án khác thì được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù.</p> <p>2. Thời gian tạm đình chỉ không được tính vào thời gian chấp hành hình phạt tù, tù chung thân.</p>
<p style="text-align: center;">Chương X XÓA ÁN TÍCH</p>	<p style="text-align: center;">Chương X XÓA ÁN TÍCH</p>
<p>Điều 69. Xóa án tích</p> <p>1. Người bị kết án được xóa án tích theo quy định tại các điều từ Điều 70 đến Điều 73 của Bộ luật này.</p> <p>Người được xóa án tích coi như chưa bị kết án.</p> <p>2. Người bị kết án do lỗi vô ý về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và người được miễn hình phạt không bị coi là có án tích.</p>	<p>Điều 69. Xóa án tích</p> <p>1. Người bị kết án được xóa án tích theo quy định tại các điều từ Điều 70 đến Điều 73 của Bộ luật này.</p> <p>Người được xóa án tích coi như chưa bị kết án.</p> <p>2. Người bị kết án do lỗi vô ý về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và người được miễn hình phạt không bị coi là có án tích.</p>

Điều 70. Đương nhiên được xóa án tích

1. Đương nhiên được xóa án tích được áp dụng đối với người bị kết án không phải về các tội quy định tại Chương XIII và Chương XXVI của Bộ luật này khi họ đã chấp hành xong hình phạt chính, thời gian thử thách án treo hoặc hết thời hiệu thi hành bản án và đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Người bị kết án đương nhiên được xóa án tích, nếu từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc hết thời gian thử thách án treo, người đó đã chấp hành xong hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án và không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn sau đây:

- a) 01 năm trong trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, phạt tù nhưng được hưởng án treo;
- b) 02 năm trong trường hợp bị phạt tù đến 05 năm;
- c) 03 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 05 năm đến 15 năm;
- d) 05 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 15 năm, tù chung thân hoặc tử hình nhưng đã được giảm án.

Trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt bổ sung là quản chế, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tước một số quyền công dân mà thời hạn phải chấp hành dài hơn thời hạn quy định tại các điểm a, b và c khoản này thì thời hạn đương nhiên được xóa án tích sẽ hết vào thời điểm người đó chấp hành xong hình phạt bổ sung.

3. Người bị kết án đương nhiên được xóa án tích, nếu từ khi hết thời hiệu thi hành bản án, người đó không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có trách nhiệm cập nhật thông tin về tình hình án tích của người bị kết án và khi có yêu cầu thì cấp phiếu lý lịch tư pháp xác nhận không có án tích, nếu có đủ điều kiện quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều

Điều 70. Đương nhiên được xóa án tích

1. Đương nhiên được xóa án tích được áp dụng đối với người bị kết án không phải về các tội quy định tại Chương XIII và Chương XXVI của Bộ luật này khi họ đã chấp hành xong hình phạt chính, thời gian thử thách án treo hoặc hết thời hiệu thi hành bản án và đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Người bị kết án đương nhiên được xóa án tích, nếu từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc hết thời gian thử thách án treo, người đó đã chấp hành xong hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án. ***Trường hợp người chấp hành án phải nộp án phí nhưng đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án hoặc trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ dân sự nhưng người được thi hành án không yêu cầu thi hành án hoặc đồng ý xóa án tích*** và không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn sau đây:

- a) 01 năm trong trường hợp bị ~~phạt cảnh cáo~~, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, phạt tù nhưng được hưởng án treo;
- b) 02 năm trong trường hợp bị phạt tù đến 05 năm;
- c) 03 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 05 năm đến 15 năm;
- d) 05 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 15 năm, tù chung thân hoặc tử hình nhưng đã được giảm án.

Trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt bổ sung là quản chế, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tước một số quyền công dân mà thời hạn phải chấp hành dài hơn thời hạn quy định tại các điểm a, b và c khoản này thì thời hạn đương nhiên được xóa án tích sẽ hết vào thời điểm người đó chấp hành xong hình phạt bổ sung.

này.	
<p>Điều 71. Xóa án tích theo quyết định của Tòa án</p> <p>1. Xóa án tích theo quyết định của Tòa án được áp dụng đối với người bị kết án về một trong các tội quy định tại Chương XIII và Chương XXVI của Bộ luật này. Tòa án quyết định việc xóa án tích đối với người bị kết án căn cứ vào tính chất của tội phạm đã thực hiện, thái độ chấp hành pháp luật, thái độ lao động của người bị kết án và các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>2. Người bị kết án được Tòa án quyết định việc xóa án tích, nếu từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc hết thời gian thử thách án treo, người đó đã chấp hành xong hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án và không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn sau đây:</p> <p>a) 01 năm trong trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ, phạt tù nhưng được hưởng án treo;</p> <p>b) 03 năm trong trường hợp bị phạt tù đến 05 năm;</p> <p>c) 05 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 05 năm đến 15 năm;</p> <p>d) 07 năm trong trường hợp bị phạt tù trên 15 năm, tù chung thân hoặc tử hình nhưng đã được giảm án.</p> <p>Trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt bổ sung là quản chế, cấm cư trú, tước một số quyền công dân mà thời hạn phải chấp hành dài hơn thời hạn quy định tại điểm a, điểm b khoản này thì Tòa án quyết định việc xóa án tích từ khi người đó chấp hành xong hình phạt bổ sung.</p> <p>3. Người bị Tòa án bác đơn xin xóa án tích lần đầu, thì sau 01 năm kể từ ngày bị Tòa án bác đơn mới được xin xóa án tích; nếu bị bác đơn lần thứ hai trở đi, thì sau 02 năm kể từ ngày bị Tòa án bác đơn mới được xin xóa án tích.</p>	<p>Điều 71. Xóa án tích theo quyết định của Tòa án</p> <p>1. Xóa án tích theo quyết định của Tòa án được áp dụng đối với người bị kết án về một trong các tội quy định tại Chương XIII và Chương XXVI của Bộ luật này. Tòa án quyết định việc xóa án tích đối với người bị kết án căn cứ vào tính chất của tội phạm đã thực hiện, thái độ chấp hành pháp luật, thái độ lao động của người bị kết án và các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>2. Người bị kết án được Tòa án quyết định việc xóa án tích, nếu từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc hết thời gian thử thách án treo, người đó đã chấp hành xong hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án và không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn sau đây:</p> <p>a) 01 năm trong trường hợp bị phạt tiền cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ, phạt tù nhưng được hưởng án treo;</p> <p>b) 03 năm trong trường hợp bị phạt tù đến 05 năm;</p> <p>c) 05 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 05 năm đến 15 năm;</p> <p>d) 07 năm trong trường hợp bị phạt tù trên 15 năm, tù chung thân hoặc tử hình nhưng đã được giảm án.</p> <p>Trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt bổ sung là quản chế, cấm cư trú, tước một số quyền công dân mà thời hạn phải chấp hành dài hơn thời hạn quy định tại điểm a, điểm b khoản này thì Tòa án quyết định việc xóa án tích từ khi người đó chấp hành xong hình phạt bổ sung.</p> <p>3. Người bị Tòa án bác đơn xin xóa án tích lần đầu, thì sau 01 năm kể từ ngày bị Tòa án bác đơn mới được xin xóa án tích; nếu bị bác đơn lần thứ hai trở đi, thì sau 02 năm kể từ ngày bị Tòa án bác đơn mới được xin xóa án tích.</p>
Điều 72. Xóa án tích trong trường hợp đặc biệt	Điều 72. Xóa án tích trong trường hợp đặc biệt

<p>Trong trường hợp người bị kết án có những biểu hiện tiến bộ rõ rệt và đã lập công, được cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác hoặc chính quyền địa phương nơi người đó cư trú đề nghị, thì Tòa án quyết định việc xóa án tích nếu người đó đã bảo đảm được ít nhất một phần ba thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 70 và khoản 2 Điều 71 của Bộ luật này.</p>	<p>Trong trường hợp người bị kết án có những biểu hiện tiến bộ rõ rệt và đã lập công, được cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác hoặc chính quyền địa phương nơi người đó cư trú đề nghị, thì Tòa án quyết định việc xóa án tích nếu người đó đã bảo đảm được ít nhất một phần ba thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 70 và khoản 2 Điều 71 của Bộ luật này.</p>
<p>Điều 73. Cách tính thời hạn để xóa án tích</p> <p>1. Thời hạn để xóa án tích quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật này căn cứ vào hình phạt chính đã tuyên.</p> <p>2. Người bị kết án chưa được xóa án tích mà thực hiện hành vi phạm tội mới và bị Tòa án kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật thì thời hạn để xóa án tích cũ được tính lại kể từ ngày chấp hành xong hình phạt chính hoặc thời gian thử thách án treo của bản án mới hoặc từ ngày bản án mới hết thời hiệu thi hành.</p> <p>3. Người bị kết án trong trường hợp phạm nhiều tội mà có tội thuộc trường hợp đương nhiên được xóa án tích, có tội thuộc trường hợp xóa án tích theo quyết định của Tòa án thì căn cứ vào thời hạn quy định tại Điều 71 của Bộ luật này Tòa án quyết định việc xóa án tích đối với người đó.</p> <p>4. Người được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại cũng được coi như đã chấp hành xong hình phạt.</p>	<p>Điều 73. Cách tính thời hạn để xóa án tích</p> <p>1. Thời hạn để xóa án tích quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật này căn cứ vào hình phạt chính đã tuyên.</p> <p>2. Người bị kết án chưa được xóa án tích mà thực hiện hành vi phạm tội mới và bị Tòa án kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật thì thời hạn để xóa án tích cũ được tính lại kể từ ngày chấp hành xong hình phạt chính hoặc thời gian thử thách án treo của bản án mới hoặc từ ngày bản án mới hết thời hiệu thi hành.</p> <p>3. Người bị kết án trong trường hợp phạm nhiều tội mà có tội thuộc trường hợp đương nhiên được xóa án tích, có tội thuộc trường hợp xóa án tích theo quyết định của Tòa án thì căn cứ vào thời hạn quy định tại Điều 71 của Bộ luật này Tòa án quyết định việc xóa án tích đối với người đó.</p> <p>4. Người được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại cũng được coi như đã chấp hành xong hình phạt.</p>
<p style="text-align: center;">Chương XI NHỮNG QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI PHẠM TỘI</p>	<p style="text-align: center;">Chương XI NHỮNG QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI PHẠM TỘI</p>
<p>Điều 74. Áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội</p> <p>Pháp nhân thương mại phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự theo những quy định của Chương này; theo quy định khác của Phần thứ nhất của Bộ luật này không trái với quy định của Chương này.</p>	<p>Điều 74. Áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội</p> <p>Pháp nhân thương mại phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự theo những quy định của Chương này; theo quy định khác của Phần thứ nhất của Bộ luật này không trái với quy định của Chương này.</p>
<p>Điều 75. Điều kiện chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân</p>	<p>Điều 75. Điều kiện chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân</p>

<p>thương mại</p> <p>1. Pháp nhân thương mại chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự khi có đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại;</p> <p>b) Hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại;</p> <p>c) Hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại;</p> <p>d) Chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Bộ luật này.</p> <p>2. Việc pháp nhân thương mại chịu trách nhiệm hình sự không loại trừ trách nhiệm hình sự của cá nhân.</p>	<p>thương mại</p> <p>1. Pháp nhân thương mại chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự khi có đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại hoặc được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại;</p> <p>b) Hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại;</p> <p>e) Hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại;</p> <p>đc) Chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Bộ luật này.</p> <p>2. Việc pháp nhân thương mại chịu trách nhiệm hình sự không loại trừ trách nhiệm hình sự của cá nhân.</p>
<p>Điều 76. Phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại</p> <p>Pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm quy định tại một trong các điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 200, 203, 209, 210, 211, 213, 216, 217, 225, 226, 227, 232, 234, 235, 237, 238, 239, 242, 243, 244, 245, 246, 300 và 324 của Bộ luật này.</p>	<p>Điều 76. Phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại</p> <p>Pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm quy định tại một trong các điều 162, 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 200, 201, 203, 204, 205, 206, 207, 209, 210, 211, 213, 214, 215, 216, 217, 225, 226, 227, 228, 230, 232, 234, 235, 237, 238, 239, 242, 242A, 243, 244, 245, 246, 289, 290, 291, 295, 296, 300, và 324 và 364 của Bộ luật này.</p>
<p>Điều 77. Phạt tiền</p> <p>1. Phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính hoặc hình phạt bổ sung đối với pháp nhân thương mại phạm tội.</p> <p>2. Mức tiền phạt được quyết định căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm và có xét đến tình hình tài chính của pháp nhân thương mại phạm tội, sự biến động của giá cả nhưng không được thấp hơn 50.000.000 đồng.</p>	<p>Điều 77. Phạt tiền</p> <p>1. Phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính hoặc hình phạt bổ sung đối với pháp nhân thương mại phạm tội.</p> <p>2. Mức tiền phạt được quyết định căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm và có xét đến tình hình tài chính của pháp nhân thương mại phạm tội, sự biến động của giá cả nhưng không được thấp hơn 100.000.000 đồng 50.000.000 đồng.</p>
<p>Điều 78. Đình chỉ hoạt động có thời hạn</p> <p>1. Đình chỉ hoạt động có thời hạn là tạm dừng hoạt động của</p>	<p>Điều 78. Đình chỉ hoạt động có thời hạn</p> <p>1. Đình chỉ hoạt động có thời hạn là tạm dừng hoạt động của pháp</p>

<p>pháp nhân thương mại trong một hoặc một số lĩnh vực mà pháp nhân thương mại phạm tội gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe con người, môi trường hoặc an ninh, trật tự, an toàn xã hội và hậu quả gây ra có khả năng khắc phục trên thực tế.</p> <p>2. Thời hạn đình chỉ hoạt động từ 06 tháng đến 03 năm.</p>	<p>nhân thương mại trong một hoặc một số lĩnh vực, ngành, nghề mà pháp nhân thương mại phạm tội gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe con người, môi trường hoặc an ninh, trật tự, an toàn xã hội và hậu quả gây ra có khả năng khắc phục trên thực tế.</p> <p>2. Thời hạn đình chỉ hoạt động từ 06 tháng đến 03 năm.</p>
<p>Điều 79. Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn</p> <p>1. Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn là chấm dứt hoạt động của pháp nhân thương mại trong một hoặc một số lĩnh vực mà pháp nhân thương mại phạm tội gây thiệt hại hoặc có khả năng thực tế gây thiệt hại đến tính mạng của nhiều người, gây sự cố môi trường hoặc gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và không có khả năng khắc phục hậu quả gây ra.</p> <p>2. Pháp nhân thương mại được thành lập chỉ để thực hiện tội phạm thì bị đình chỉ vĩnh viễn toàn bộ hoạt động.</p>	<p>Điều 79. Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn</p> <p>1. Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn là chấm dứt hoạt động của pháp nhân thương mại trong một hoặc một số lĩnh vực, ngành, nghề mà pháp nhân thương mại phạm tội gây thiệt hại hoặc có khả năng thực tế gây thiệt hại đến tính mạng của nhiều người, gây sự cố môi trường hoặc gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và không có khả năng khắc phục hậu quả gây ra.</p> <p>2. Pháp nhân thương mại được thành lập chỉ chủ yếu để thực hiện tội phạm hoặc nhằm che giấu, hợp thức hoá tội phạm thì bị đình chỉ vĩnh viễn toàn bộ hoạt động.</p>
<p>Điều 80. Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định</p> <p>1. Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định được áp dụng khi xét thấy nếu để pháp nhân thương mại bị kết án tiếp tục kinh doanh hoặc hoạt động trong lĩnh vực đó, thì có thể gây nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của con người hoặc cho xã hội.</p> <p>2. Tòa án quyết định lĩnh vực cụ thể bị cấm kinh doanh hoặc cấm hoạt động.</p> <p>3. Thời hạn cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định là từ 01 năm đến 03 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.</p>	<p>Điều 80. Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định</p> <p>1. Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định được áp dụng khi xét thấy nếu để pháp nhân thương mại bị kết án tiếp tục kinh doanh hoặc hoạt động trong lĩnh vực đó, thì có thể gây nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của con người hoặc cho xã hội.</p> <p>2. Tòa án quyết định lĩnh vực cụ thể bị cấm kinh doanh hoặc cấm hoạt động.</p> <p>3. Thời hạn cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định là từ 01 năm đến 03 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.</p>
<p>Điều 81. Cấm huy động vốn</p> <p>1. Cấm huy động vốn được áp dụng khi xét thấy nếu để pháp nhân thương mại bị kết án huy động vốn thì có nguy cơ tiếp tục phạm tội.</p>	<p>Điều 81. Cấm huy động vốn</p> <p>1. Cấm huy động vốn được áp dụng khi xét thấy nếu để pháp nhân thương mại bị kết án huy động vốn thì có nguy cơ tiếp tục phạm tội.</p> <p>2. Các hình thức cấm huy động vốn bao gồm:</p>

<p>2. Các hình thức cầm huy động vốn bao gồm:</p> <p>a) Cầm vay vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc quỹ đầu tư ;</p> <p>b) Cầm phát hành, chào bán chứng khoán;</p> <p>c) Cầm huy động vốn khách hàng;</p> <p>d) Cầm liên doanh, liên kết trong và ngoài nước;</p> <p>đ) Cầm hình thành quỹ tín thác bất động sản.</p> <p>3. Tòa án quyết định áp dụng một hoặc một số hình thức cầm huy động vốn quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Thời hạn cầm huy động vốn là từ 01 năm đến 03 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.</p>	<p>a) Cầm vay vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc quỹ đầu tư ;</p> <p>b) Cầm phát hành, chào bán chứng khoán;</p> <p>c) Cầm huy động vốn khách hàng;</p> <p>d) Cầm liên doanh, liên kết trong và ngoài nước;</p> <p>đ) Cầm hình thành quỹ tín thác bất động sản.</p> <p>3. Tòa án quyết định áp dụng một hoặc một số hình thức cầm huy động vốn quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Thời hạn cầm huy động vốn là từ 01 năm đến 03 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.</p>
<p>Điều 82. Các biện pháp tư pháp áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội</p> <p>1. Tòa án có thể quyết định áp dụng các biện pháp sau đây đối với pháp nhân thương mại phạm tội:</p> <p>a) Các biện pháp tư pháp quy định tại Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật này;</p> <p>b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;</p> <p>c) Buộc thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra.</p> <p>2. Tòa án có thể quyết định áp dụng biện pháp tư pháp buộc pháp nhân thương mại phạm tội phải khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi phạm tội của mình gây ra.</p> <p>3. Căn cứ vào từng trường hợp phạm tội cụ thể, Tòa án có thể quyết định buộc pháp nhân thương mại phạm tội phải thực hiện một hoặc một số biện pháp sau đây nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả của tội phạm:</p> <p>a) Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép;</p> <p>b) Buộc khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh;</p>	<p>Điều 82. Các biện pháp tư pháp áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội</p> <p>1. Tòa án có thể quyết định áp dụng các biện pháp sau đây đối với pháp nhân thương mại phạm tội:</p> <p>a) Các biện pháp tư pháp quy định tại Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật này;</p> <p>b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;</p> <p>c) Buộc thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra.</p> <p>2. Tòa án có thể quyết định áp dụng biện pháp tư pháp buộc pháp nhân thương mại phạm tội phải khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi phạm tội của mình gây ra.</p> <p>3. Căn cứ vào từng trường hợp phạm tội cụ thể, Tòa án có thể quyết định buộc pháp nhân thương mại phạm tội phải thực hiện một hoặc một số biện pháp sau đây nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả của tội phạm:</p> <p>a) Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép;</p> <p>b) Buộc khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh;</p>

<p>c) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hoá, vật phẩm, phương tiện được đưa vào lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhập khẩu trái với quy định của pháp luật hoặc được tạm nhập, tái xuất nhưng không tái xuất theo đúng quy định của pháp luật; hàng hóa nhập khẩu, quá cảnh xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng hóa giả mạo quyền sở hữu trí tuệ, phương tiện, nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ sau khi đã loại bỏ yếu tố vi phạm;</p> <p>d) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại hoặc tang vật khác thuộc đối tượng bị tiêu hủy theo quy định của pháp luật;</p> <p>đ) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm;</p> <p>e) Buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa vi phạm đang lưu thông trên thị trường.</p>	<p>c) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hoá, vật phẩm, phương tiện được đưa vào lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhập khẩu trái với quy định của pháp luật hoặc được tạm nhập, tái xuất nhưng không tái xuất theo đúng quy định của pháp luật; hàng hóa nhập khẩu, quá cảnh xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng hóa giả mạo quyền sở hữu trí tuệ, phương tiện, nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ sau khi đã loại bỏ yếu tố vi phạm;</p> <p>d) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại hoặc tang vật khác thuộc đối tượng bị tiêu hủy theo quy định của pháp luật;</p> <p>đ) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm;</p> <p>e) Buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa vi phạm đang lưu thông trên thị trường.</p>
<p>Điều 83. Căn cứ quyết định hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội</p> <p>Khi quyết định hình phạt, Tòa án căn cứ vào quy định của Bộ luật này, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, việc chấp hành pháp luật của pháp nhân thương mại và các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự áp dụng đối với pháp nhân thương mại.</p>	<p>Điều 83. Căn cứ quyết định hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội</p> <p>Khi quyết định hình phạt, Tòa án căn cứ vào quy định của Bộ luật này, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, việc chấp hành pháp luật của pháp nhân thương mại và các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự áp dụng đối với pháp nhân thương mại.</p>
<p>Điều 84. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với pháp nhân thương mại</p> <p>1. Các tình tiết sau đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:</p> <p>a) Đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm;</p> <p>b) Tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả;</p> <p>c) Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không</p>	<p>Điều 84. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với pháp nhân thương mại</p> <p>1. Các tình tiết sau đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:</p> <p>a) Đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm;</p> <p>b) Tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả;</p> <p>c) Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn;</p>

<p>lớn;</p> <p>d) Tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án;</p> <p>đ) Có nhiều đóng góp trong việc thực hiện chính sách xã hội.</p> <p>2. Khi quyết định hình phạt, Tòa án có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ lý do giảm nhẹ trong bản án.</p> <p>3. Các tình tiết giảm nhẹ đã được Bộ luật này quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ trong khi quyết định hình phạt.</p>	<p>d) Tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án;</p> <p>đ) Có nhiều đóng góp trong việc thực hiện chính sách xã hội.</p> <p>2. Khi quyết định hình phạt, Tòa án có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ lý do giảm nhẹ trong bản án.</p> <p>3. Các tình tiết giảm nhẹ đã được Bộ luật này quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ trong khi quyết định hình phạt.</p>
<p>Điều 85. Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự áp dụng đối với pháp nhân thương mại</p> <p>1. Chỉ các tình tiết sau đây mới là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:</p> <p>a) Câu kết với pháp nhân thương mại khác để phạm tội;</p> <p>b) Cố ý thực hiện tội phạm đến cùng;</p> <p>c) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>d) Tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm;</p> <p>đ) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội;</p> <p>e) Dùng thủ đoạn tinh vi để phạm tội hoặc nhằm trốn tránh, che giấu tội phạm.</p> <p>2. Các tình tiết đã được Bộ luật này quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng.</p>	<p>Điều 85. Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự áp dụng đối với pháp nhân thương mại</p> <p>1. Chỉ các tình tiết sau đây mới là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:</p> <p>a) Câu kết với pháp nhân thương mại khác để phạm tội;</p> <p>b) Cố ý thực hiện tội phạm đến cùng;</p> <p>c) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>d) Tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm;</p> <p>đ) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội;</p> <p>e) Dùng thủ đoạn tinh vi để phạm tội hoặc nhằm trốn tránh, che giấu tội phạm.</p> <p>2. Các tình tiết đã được Bộ luật này quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng.</p>
<p>Điều 86. Quyết định hình phạt trong trường hợp pháp nhân thương mại phạm nhiều tội</p> <p>Khi xét xử cùng 01 lần pháp nhân thương mại phạm nhiều tội, Tòa án quyết định hình phạt đối với từng tội và tổng hợp hình phạt theo quy định sau đây:</p> <p>1. Đối với hình phạt chính:</p>	<p>Điều 86. Quyết định hình phạt trong trường hợp pháp nhân thương mại phạm nhiều tội</p> <p>Khi xét xử cùng 01 lần pháp nhân thương mại phạm nhiều tội, Tòa án quyết định hình phạt đối với từng tội và tổng hợp hình phạt theo quy định sau đây:</p> <p>1. Đối với hình phạt chính:</p>

<p>a) Nếu các hình phạt đã tuyên cùng là phạt tiền thì các khoản tiền phạt được cộng lại thành hình phạt chung. Hình phạt tiền không tổng hợp với các hình phạt khác;</p> <p>b) Nếu các hình phạt đã tuyên là đình chỉ hoạt động có thời hạn và đình chỉ hoạt động vĩnh viễn trong cùng lĩnh vực hoặc hình phạt đã tuyên cùng là đình chỉ hoạt động vĩnh viễn trong cùng lĩnh vực thì hình phạt chung là đình chỉ hoạt động vĩnh viễn trong lĩnh vực đó;</p> <p>c) Nếu các hình phạt đã tuyên là đình chỉ hoạt động có thời hạn trong cùng lĩnh vực thì được tổng hợp thành hình phạt chung nhưng không vượt quá 04 năm;</p> <p>d) Nếu trong số các hình phạt đã tuyên có hình phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 79 của Bộ luật này thì hình phạt chung là đình chỉ hoạt động vĩnh viễn đối với toàn bộ hoạt động;</p> <p>đ) Nếu các hình phạt đã tuyên là đình chỉ hoạt động có thời hạn trong các lĩnh vực khác nhau hoặc đình chỉ hoạt động vĩnh viễn trong các lĩnh vực khác nhau hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn và đình chỉ hoạt động vĩnh viễn trong các lĩnh vực khác nhau thì không tổng hợp.</p> <p>2. Đối với hình phạt bổ sung:</p> <p>a) Nếu các hình phạt đã tuyên là cùng loại thì hình phạt chung được quyết định trong giới hạn do Bộ luật này quy định đối với hình phạt đó; riêng đối với hình phạt tiền thì các khoản tiền được cộng lại thành hình phạt chung;</p> <p>b) Nếu các hình phạt đã tuyên là khác loại thì pháp nhân thương mại bị kết án phải chấp hành tất cả các hình phạt đã tuyên.</p>	<p>a) Nếu các hình phạt đã tuyên cùng là phạt tiền thì các khoản tiền phạt được cộng lại thành hình phạt chung. Hình phạt tiền không tổng hợp với các hình phạt khác;</p> <p>b) Nếu các hình phạt đã tuyên là đình chỉ hoạt động có thời hạn và đình chỉ hoạt động vĩnh viễn trong cùng lĩnh vực hoặc hình phạt đã tuyên cùng là đình chỉ hoạt động vĩnh viễn trong cùng lĩnh vực thì hình phạt chung là đình chỉ hoạt động vĩnh viễn trong lĩnh vực đó;</p> <p>c) Nếu các hình phạt đã tuyên là đình chỉ hoạt động có thời hạn trong cùng lĩnh vực thì được tổng hợp thành hình phạt chung nhưng không vượt quá 04 năm;</p> <p>d) Nếu trong số các hình phạt đã tuyên có hình phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 79 của Bộ luật này thì hình phạt chung là đình chỉ hoạt động vĩnh viễn đối với toàn bộ hoạt động;</p> <p>đ) Nếu các hình phạt đã tuyên là đình chỉ hoạt động có thời hạn trong các lĩnh vực khác nhau hoặc đình chỉ hoạt động vĩnh viễn trong các lĩnh vực khác nhau hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn và đình chỉ hoạt động vĩnh viễn trong các lĩnh vực khác nhau thì không tổng hợp.</p> <p>2. Đối với hình phạt bổ sung:</p> <p>a) Nếu các hình phạt đã tuyên là cùng loại thì hình phạt chung được quyết định trong giới hạn do Bộ luật này quy định đối với hình phạt đó; riêng đối với hình phạt tiền thì các khoản tiền được cộng lại thành hình phạt chung;</p> <p>b) Nếu các hình phạt đã tuyên là khác loại thì pháp nhân thương mại bị kết án phải chấp hành tất cả các hình phạt đã tuyên.</p>
<p>Điều 87. Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án</p> <p>1. Trường hợp pháp nhân thương mại đang chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án này, thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội đang bị xét xử, sau đó quyết định</p>	<p>Điều 87. Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án</p> <p>1. Trường hợp pháp nhân thương mại đang chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án này, thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội đang bị xét xử, sau đó quyết định hình</p>

<p>hình phạt chung theo quy định tại Điều 86 của Bộ luật này.</p> <p>Thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước về đình chỉ hoạt động có thời hạn, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung.</p> <p>2. Khi xét xử một pháp nhân thương mại đang phải chấp hành một bản án mà lại thực hiện hành vi phạm tội mới, Tòa án quyết định hình phạt đối với tội mới, sau đó tổng hợp với phần hình phạt chưa chấp hành của bản án trước rồi quyết định hình phạt chung theo quy định tại Điều 86 của Bộ luật này.</p> <p>3. Trong trường hợp một pháp nhân thương mại phải chấp hành nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật mà các hình phạt của các bản án chưa được tổng hợp, thì Chánh án Tòa án có thẩm quyền ra quyết định tổng hợp hình phạt của các bản án theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.</p>	<p>phạt chung theo quy định tại Điều 86 của Bộ luật này.</p> <p>Thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước về đình chỉ hoạt động có thời hạn, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung.</p> <p>2. Khi xét xử một pháp nhân thương mại đang phải chấp hành một bản án mà lại thực hiện hành vi phạm tội mới, Tòa án quyết định hình phạt đối với tội mới, sau đó tổng hợp với phần hình phạt chưa chấp hành của bản án trước rồi quyết định hình phạt chung theo quy định tại Điều 86 của Bộ luật này.</p> <p>3. Trong trường hợp một pháp nhân thương mại phải chấp hành nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật mà các hình phạt của các bản án chưa được tổng hợp, thì Chánh án Tòa án có thẩm quyền ra quyết định tổng hợp hình phạt của các bản án theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.</p>
<p>Điều 88. Miễn hình phạt</p> <p>Pháp nhân thương mại phạm tội có thể được miễn hình phạt khi đã khắc phục toàn bộ hậu quả và đã bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.</p>	<p>Điều 88. Miễn hình phạt</p> <p>Pháp nhân thương mại phạm tội có thể được miễn hình phạt khi đã khắc phục toàn bộ hậu quả và đã bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.</p>
<p>Điều 89. Xóa án tích</p> <p>Pháp nhân thương mại bị kết án đương nhiên được xóa án tích nếu trong thời hạn 02 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án mà pháp nhân thương mại không thực hiện hành vi phạm tội mới.</p>	<p>Điều 89. Xóa án tích</p> <p>Pháp nhân thương mại bị kết án đương nhiên được xóa án tích nếu trong thời hạn 02 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án mà pháp nhân thương mại không thực hiện hành vi phạm tội mới.</p>
<p>Điều 108. Tội phản bội Tổ quốc</p> <p>1. Công dân Việt Nam nào cấu kết với nước ngoài nhằm gây nguy hại cho độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tiềm lực quốc phòng, an ninh, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.</p>	<p>Điều 108. Tội phản bội Tổ quốc</p> <p>1. Công dân Việt Nam nào cấu kết với nước ngoài nhằm gây nguy hại cho độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tiềm lực quốc phòng, an ninh, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.</p>

<p>2. Phạm tội trong trường hợp có nhiều tình tiết giảm nhẹ, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.</p> <p>3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>2. Phạm tội trong trường hợp có nhiều tình tiết giảm nhẹ, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.</p> <p>3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Điều 109. Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân Người nào hoạt động thành lập hoặc tham gia tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân, thì bị phạt như sau:</p> <p>1. Người tổ chức, người xúi giục, người hoạt động đặc lực hoặc gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân;</p> <p>2. Người đồng phạm khác, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm;</p> <p>3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>Điều 109. Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân Người nào hoạt động thành lập hoặc tham gia tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân, thì bị phạt như sau:</p> <p>1. Người tổ chức, người xúi giục, người hoạt động đặc lực hoặc gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân;</p> <p>2. Người đồng phạm khác, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm;</p> <p>3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p><i>4. Người đã nhận tham gia tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân nhưng chưa thực hiện hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân và tự thú, thành khẩn khai báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thì được miễn trách nhiệm hình sự về tội này.</i></p>
<p>Điều 110. Tội gián điệp 1. Người nào có một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Hoạt động tình báo, phá hoại hoặc gây cơ sở để hoạt động tình báo, phá hoại chống nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>b) Gây cơ sở để hoạt động tình báo, phá hoại theo sự chỉ đạo của nước ngoài; hoạt động thám báo, chỉ điểm, chứa chấp, dẫn đường hoặc thực hiện hành vi khác giúp người nước ngoài hoạt động tình báo, phá hoại;</p> <p>c) Cung cấp hoặc thu thập nhằm cung cấp bí mật nhà nước cho nước ngoài; thu thập, cung cấp tin tức, tài liệu khác nhằm mục đích để nước ngoài sử dụng chống nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>2. Phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 15 năm.</p>	<p>Điều 110. Tội gián điệp 1. Người nào có một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Hoạt động tình báo, phá hoại hoặc gây cơ sở để hoạt động tình báo, phá hoại chống nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>b) Gây cơ sở để hoạt động tình báo, phá hoại theo sự chỉ đạo của nước ngoài; hoạt động thám báo, chỉ điểm, chứa chấp, dẫn đường hoặc thực hiện hành vi khác giúp người nước ngoài hoạt động tình báo, phá hoại;</p> <p>c) Cung cấp hoặc thu thập nhằm cung cấp bí mật nhà nước cho nước ngoài; thu thập, cung cấp tin tức, tài liệu khác nhằm mục đích để nước ngoài sử dụng chống nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam-;</p> <p><i>d) Xâm nhập mạng máy tính, mạng viễn thông, hệ thống thiết bị điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân để phá hoại, chiếm đoạt, thu thập dữ liệu nhằm để nước ngoài chống nước Cộng hòa xã hội chủ</i></p>

<p>3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>4. Người đã nhận làm gián điệp, nhưng không thực hiện nhiệm vụ được giao và tự thú, thành khẩn khai báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thì được miễn trách nhiệm hình sự về tội này.</p>	<p><i>nghĩa Việt Nam.</i></p> <p>2. Phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 15 năm.</p> <p>3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>4. Người đã nhận làm gián điệp, nhưng không thực hiện nhiệm vụ được giao và tự thú, thành khẩn khai báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thì được miễn trách nhiệm hình sự về tội này.</p>
<p>Điều 111. Tội xâm phạm an ninh lãnh thổ</p> <p>Người nào xâm nhập lãnh thổ, có hành động làm sai lệch đường biên giới quốc gia hoặc có hành động khác nhằm gây phương hại cho an ninh lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thì bị phạt như sau:</p> <p>1. Người tổ chức, người hoạt động đặc lực hoặc gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân;</p> <p>2. Người đồng phạm khác, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 15 năm;</p> <p>3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>Điều 111. Tội xâm phạm an ninh lãnh thổ</p> <p>Người nào xâm nhập lãnh thổ, có hành động làm sai lệch đường biên giới quốc gia hoặc có hành động khác nhằm gây phương hại cho an ninh lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thì bị phạt như sau:</p> <p>1. Người tổ chức, người hoạt động đặc lực hoặc gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân;</p> <p>2. Người đồng phạm khác, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 15 năm;</p> <p>3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Điều 112. Tội bạo loạn</p> <p>Người nào hoạt động vũ trang hoặc dùng bạo lực có tổ chức hoặc cướp phá tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm chống chính quyền nhân dân, thì bị phạt như sau:</p> <p>1. Người tổ chức, người hoạt động đặc lực hoặc gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình;</p> <p>2. Người đồng phạm khác, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 15 năm;</p> <p>3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>Điều 112. Tội bạo loạn</p> <p>Người nào hoạt động vũ trang hoặc dùng bạo lực có tổ chức hoặc cướp phá tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm chống chính quyền nhân dân, thì bị phạt như sau:</p> <p>1. Người tổ chức, người hoạt động đặc lực hoặc gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, <i>hoặc</i> tù chung thân <i>hoặc tử hình</i>;</p> <p>2. Người đồng phạm khác, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 15 năm;</p> <p>3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p>

<p>Điều 113. Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân</p> <p>1. Người nào nhằm chống chính quyền nhân dân mà xâm phạm tính mạng của cán bộ, công chức hoặc người khác hoặc phá hủy tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Thành lập, tham gia tổ chức khủng bố, tổ chức tài trợ khủng bố;</p> <p>b) Cưỡng ép, lôi kéo, tuyển mộ, đào tạo, huấn luyện phần tử khủng bố; chế tạo, cung cấp vũ khí cho phần tử khủng bố;</p> <p>c) Xâm phạm tự do thân thể, sức khỏe của cán bộ, công chức hoặc người khác; chiếm giữ, làm hư hại tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân;</p> <p>d) Tấn công, xâm hại, cản trở, gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân.</p> <p>3. Phạm tội trong trường hợp đe dọa thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này hoặc có hành vi khác uy hiếp tinh thần của cán bộ, công chức hoặc người khác, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.</p> <p>4. Khủng bố cá nhân, tổ chức nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế nhằm gây khó khăn cho quan hệ quốc tế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thì cũng bị xử phạt theo Điều này.</p> <p>5. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>Điều 113. Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân</p> <p>1. Người nào nhằm chống chính quyền nhân dân mà xâm phạm tính mạng của cán bộ, công chức hoặc người khác hoặc phá hủy tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Thành lập, tham gia tổ chức khủng bố, tổ chức tài trợ khủng bố;</p> <p>b) Cưỡng ép, lôi kéo, tuyển mộ, đào tạo, huấn luyện phần tử khủng bố; chế tạo, cung cấp vũ khí cho phần tử khủng bố;</p> <p>c) Xâm phạm tự do thân thể, sức khỏe của cán bộ, công chức hoặc người khác; chiếm giữ, làm hư hại tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân;</p> <p>d) Tấn công, xâm hại, cản trở, gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân.</p> <p>3. Phạm tội trong trường hợp đe dọa thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này hoặc có hành vi khác uy hiếp tinh thần của cán bộ, công chức hoặc người khác, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.</p> <p>4. Khủng bố cá nhân, tổ chức nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế nhằm gây khó khăn cho quan hệ quốc tế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thì cũng bị xử phạt theo Điều này.</p> <p>5. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Điều 114. Tội phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p> <p>1. Người nào nhằm chống chính quyền nhân dân mà phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt</p>	<p>Điều 114. Tội phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p> <p>1. Người nào nhằm chống chính quyền nhân dân mà phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p>

<p>Nam trong các lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, xã hội, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.</p> <p>2. Phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 15 năm.</p> <p>3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>trong các lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, xã hội, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.</p> <p>2. Phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 15 năm.</p> <p>3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Điều 115. Tội phá hoại việc thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội</p> <p>1. Người nào nhằm chống chính quyền nhân dân mà phá hoại việc thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.</p> <p>2. Phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.</p> <p>3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p>	<p>Điều 115. Tội phá hoại việc thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội</p> <p>1. Người nào nhằm chống chính quyền nhân dân mà phá hoại việc thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.</p> <p>2. Phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.</p> <p>3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p>
<p>Điều 116. Tội phá hoại chính sách đoàn kết</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây nhằm chống chính quyền nhân dân, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Gây chia rẽ giữa các tầng lớp nhân dân, giữa nhân dân với chính quyền nhân dân, với lực lượng vũ trang nhân dân, với các tổ chức chính trị - xã hội;</p> <p>b) Gây hằn thù, kỳ thị, chia rẽ, ly khai dân tộc, xâm phạm quyền bình đẳng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam;</p> <p>c) Gây chia rẽ người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, giữa người theo các tôn giáo khác nhau, chia rẽ các tín đồ tôn giáo với chính quyền nhân dân, với các tổ chức chính trị - xã hội;</p> <p>d) Phá hoại việc thực hiện chính sách đoàn kết quốc tế.</p> <p>2. Phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p>	<p>Điều 116. Tội phá hoại chính sách đoàn kết</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây nhằm chống chính quyền nhân dân, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Gây chia rẽ giữa các tầng lớp nhân dân, giữa nhân dân với chính quyền nhân dân, với lực lượng vũ trang nhân dân, với các tổ chức chính trị - xã hội;</p> <p>b) Gây hằn thù, kỳ thị, chia rẽ, ly khai dân tộc, xâm phạm quyền bình đẳng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam;</p> <p>c) Gây chia rẽ người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, giữa người theo các tôn giáo khác nhau, chia rẽ các tín đồ tôn giáo với chính quyền nhân dân, với các tổ chức chính trị - xã hội;</p> <p>d) Phá hoại việc thực hiện chính sách đoàn kết quốc tế.</p> <p>2. Phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p> <p>3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến</p>

3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.	03 năm.
<p>Điều 117. Tội làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p> <p>1. Người nào có một trong những hành vi sau đây nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm có nội dung xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân;</p> <p>b) Làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm có nội dung bịa đặt, gây hoang mang trong nhân dân;</p> <p>c) Làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm gây chiến tranh tâm lý.</p> <p>2. Phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm.</p> <p>3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>Điều 117. Tội làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm nhằm chống <i>Đảng Cộng sản Việt Nam</i>, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p> <p>1. Người nào có một trong những hành vi sau đây nhằm chống <i>Đảng Cộng sản Việt Nam</i>, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm có nội dung xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân;</p> <p>b) Làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm có nội dung bịa đặt, gây hoang mang trong nhân dân;</p> <p>c) Làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm gây chiến tranh tâm lý.</p> <p>2. Phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm.</p> <p>3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Điều 118. Tội phá rối an ninh</p> <p>1. Người nào nhằm chống chính quyền nhân dân mà kích động, lôi kéo, tụ tập nhiều người phá rối an ninh, chống người thi hành công vụ, cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 112 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 15 năm.</p> <p>2. Người đồng phạm khác, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p> <p>3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p>	<p>Điều 118. Tội phá rối an ninh</p> <p>1. Người nào nhằm chống chính quyền nhân dân mà kích động, lôi kéo, tụ tập nhiều người phá rối an ninh, chống người thi hành công vụ, cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 112 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 15 năm.</p> <p>2. Người đồng phạm khác, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p> <p>3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p>
Điều 119. Tội chống phá cơ sở giam giữ	Điều 119. Tội chống phá cơ sở giam giữ

<p>1. Người nào nhằm chống chính quyền nhân dân mà phá cơ sở giam giữ, tổ chức trốn khỏi cơ sở giam giữ, đánh tháo người bị giam giữ, người bị áp giải hoặc trốn khỏi cơ sở giam giữ, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.</p> <p>2. Phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.</p> <p>3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>1. Người nào nhằm chống chính quyền nhân dân mà phá cơ sở giam giữ, tổ chức trốn khỏi cơ sở giam giữ, đánh tháo người bị giam giữ, người bị áp giải hoặc trốn khỏi cơ sở giam giữ, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.</p> <p>2. Phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.</p> <p>3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Điều 120. Tội tổ chức, cưỡng ép, xúi giục người khác trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân</p> <p>1. Người nào tổ chức, cưỡng ép, xúi giục người khác trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 15 năm.</p> <p>2. Phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.</p> <p>3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>Điều 120. Tội tổ chức, cưỡng ép, xúi giục người khác trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân</p> <p>1. Người nào tổ chức, cưỡng ép, xúi giục người khác trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 15 năm.</p> <p>2. Phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.</p> <p>3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Điều 121. Tội trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân</p> <p>1. Người nào trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 12 năm.</p> <p>2. Phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm.</p> <p>3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>Điều 121. Tội trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân</p> <p>1. Người nào trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 12 năm.</p> <p>2. Phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm.</p> <p>3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Điều 122. Hình phạt bổ sung</p> <p>Người phạm tội quy định tại Chương này còn có thể bị tước một số quyền công dân, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	<p>Điều 122. Hình phạt bổ sung</p> <p>Người phạm tội quy định tại Chương này còn có thể bị tước một số quyền công dân, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>

<p>Điều 123. Tội giết người</p> <p>1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Giết 02 người trở lên; b) Giết người dưới 16 tuổi; c) Giết phụ nữ mà biết là có thai; d) Giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân; đ) Giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình; e) Giết người mà liên trước đó hoặc ngay sau đó lại thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; g) Để thực hiện hoặc che giấu tội phạm khác; h) Để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân; i) Thực hiện tội phạm một cách man rợ; k) Bằng cách lợi dụng nghề nghiệp; l) Bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người; m) Thuê giết người hoặc giết người thuê; n) Có tính chất côn đồ; o) Có tổ chức; p) Tái phạm nguy hiểm; q) Vì động cơ đê hèn. <p>2. Phạm tội không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.</p> <p>3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>Điều 123. Tội giết người</p> <p><i>1. Người nào cố ý tước đoạt mạng sống của người khác trái pháp luật, thì bị phạt tù từ 07 năm đến dưới 15 năm.</i></p> <p><i>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <i>a) Giết 02 người trở lên;</i> <i>b) Giết người dưới 16 tuổi;</i> <i>c) Giết phụ nữ mà biết là có thai;</i> <i>d) Giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân;</i> <i>đ) Giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình;</i> <i>e) Giết người mà liên trước đó hoặc ngay sau đó lại thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;</i> <i>g) Để thực hiện hoặc che giấu tội phạm khác;</i> <i>h) Để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân;</i> <i>i) Thực hiện tội phạm một cách man rợ;</i> <i>k) Bằng cách lợi dụng nghề nghiệp;</i> <i>l) Bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người;</i> <i>m) Thuê giết người hoặc giết người thuê;</i> <i>n) Có tính chất côn đồ;</i> <i>o) Có tổ chức;</i> <i>p) Tái phạm nguy hiểm;</i> <i>q) Vì động cơ đê hèn.</i> <i>r) Trong thời gian đang bị giữ, tạm giữ, tạm giam, đang chấp hành án phạt tù, đang chấp hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng hoặc đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng hoặc đang cai nghiện trong cơ sở cai nghiện công lập.</i> <p><i>3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</i></p>
---	---

	4. Người phạm tội còn có thể bị cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm.
Điều 124. Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ 1. Người mẹ nào do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt mà giết con do mình đẻ ra trong 07 ngày tuổi, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. 2. Người mẹ nào do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt mà vứt bỏ con do mình đẻ ra trong 07 ngày tuổi dẫn đến hậu quả đứa trẻ chết, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc bị phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.	Điều 124. Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ 1. Người mẹ nào do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt mà giết con do mình đẻ ra trong 07 ngày tuổi, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. 2. Người mẹ nào do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt mà vứt bỏ con do mình đẻ ra trong 07 ngày tuổi dẫn đến hậu quả đứa trẻ chết, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc bị phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.
Điều 125. Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh 1. Người nào giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người đó hoặc đối với người thân thích của người đó, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. 2. Phạm tội đối với 02 người trở lên, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.	Điều 125. Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh 1. Người nào giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người đó hoặc đối với người thân thích của người đó, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. 2. Phạm tội đối với 02 người trở lên, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.
Điều 126. Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội 1. Người nào giết người trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc trong trường hợp vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm. 2. Phạm tội đối với 02 người trở lên, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.	Điều 126. Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội 1. Người nào giết người trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc trong trường hợp vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm. 2. Phạm tội đối với 02 người trở lên, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.
Điều 127. Tội làm chết người trong khi thi hành công vụ 1. Người nào trong khi thi hành công vụ mà làm chết người do dùng vũ lực ngoài những trường hợp pháp luật cho phép, thì bị phạt tù từ	Điều 127. Tội làm chết người trong khi thi hành công vụ 1. Người nào trong khi thi hành công vụ mà làm chết người do dùng vũ lực ngoài những trường hợp pháp luật cho phép, thì bị phạt tù từ 05

<p>05 năm đến 10 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 08 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người trở lên;</p> <p>b) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>năm đến 10 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 08 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người trở lên;</p> <p>b) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Điều 128. Tội vô ý làm chết người</p> <p>1. Người nào vô ý làm chết người, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội làm chết 02 người trở lên, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.</p>	<p>Điều 128. Tội vô ý làm chết người</p> <p>1. Người nào vô ý làm chết người, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội làm chết 02 người trở lên, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.</p>
<p>Điều 129. Tội vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính</p> <p>1. Người nào vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội làm chết 02 người trở lên, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>Điều 129. Tội vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính</p> <p>1. Người nào vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội làm chết 02 người trở lên, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Điều 130. Tội bức tử</p> <p>1. Người nào đối xử tàn ác, thường xuyên ức hiếp, ngược đãi hoặc làm nhục người lệ thuộc mình làm người đó tự sát, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>b) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai.</p>	<p>Điều 130. Tội bức tử</p> <p>1. Người nào đối xử tàn ác, thường xuyên ức hiếp, ngược đãi hoặc làm nhục người lệ thuộc mình làm người đó tự sát, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>b) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai.</p>
<p>Điều 131. Tội xúi giục hoặc giúp người khác tự sát</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03</p>	<p>Điều 131. Tội xúi giục hoặc giúp người khác tự sát</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p>

<p>năm:</p> <p>a) Kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người khác tự tước đoạt tính mạng của họ;</p> <p>b) Tạo điều kiện vật chất hoặc tinh thần cho người khác tự tước đoạt tính mạng của họ.</p> <p>2. Phạm tội làm 02 người trở lên tự sát, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p>	<p>a) Kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người khác tự tước đoạt tính mạng của họ;</p> <p>b) Tạo điều kiện vật chất hoặc tinh thần cho người khác tự tước đoạt tính mạng của họ.</p> <p>2. Phạm tội làm 02 người trở lên tự sát, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p>
<p>Điều 132. Tội không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng</p> <p>1. Người nào thấy người khác đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, tuy có điều kiện mà không cứu giúp dẫn đến hậu quả người đó chết, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Người không cứu giúp là người đã vô ý gây ra tình trạng nguy hiểm;</p> <p>b) Người không cứu giúp là người mà theo pháp luật hay nghề nghiệp có nghĩa vụ phải cứu giúp.</p> <p>3. Phạm tội dẫn đến hậu quả 02 người trở lên chết, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>Điều 132. Tội không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng</p> <p>1. Người nào thấy người khác đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, tuy có điều kiện mà không cứu giúp dẫn đến hậu quả người đó chết, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Người không cứu giúp là người đã vô ý gây ra tình trạng nguy hiểm;</p> <p>b) Người không cứu giúp là người mà theo pháp luật hay nghề nghiệp có nghĩa vụ phải cứu giúp.</p> <p>3. Phạm tội dẫn đến hậu quả 02 người trở lên chết, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Điều 133. Tội đe dọa giết người</p> <p>1. Người nào đe dọa giết người, nếu có căn cứ làm cho người bị đe dọa lo sợ rằng việc đe dọa này sẽ được thực hiện, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p>	<p>Điều 133. Tội đe dọa giết người</p> <p>1. Người nào đe dọa giết người, nếu có căn cứ làm cho người bị đe dọa lo sợ rằng việc đe dọa này sẽ được thực hiện, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p>

<p>c) Đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân;</p> <p>d) Đối với người dưới 16 tuổi;</p> <p>đ) Để che giấu hoặc trốn tránh việc bị xử lý về một tội phạm khác.</p>	<p>c) Đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân;</p> <p>d) Đối với người dưới 16 tuổi;</p> <p>đ) Để che giấu hoặc trốn tránh việc bị xử lý về một tội phạm khác.</p>
<p>Điều 134. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác</p> <p>1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;</p> <p>b) Dùng a-xít nguy hiểm hoặc hóa chất nguy hiểm;</p> <p>c) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ;</p> <p>d) Đối với ông, bà, cha, mẹ, thầy giáo, cô giáo của mình, người nuôi dưỡng, chữa bệnh cho mình;</p> <p>đ) Có tổ chức;</p> <p>e) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>g) Trong thời gian đang bị giữ, tạm giữ, tạm giam, đang chấp hành án phạt tù, đang chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng hoặc đang chấp hành biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng hoặc đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;</p> <p>h) Thuê gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do được thuê;</p> <p>i) Có tính chất côn đồ;</p> <p>k) Đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân.</p>	<p>Điều 134. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác</p> <p>1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;</p> <p>b) Dùng a-xít nguy hiểm hoặc hóa chất nguy hiểm;</p> <p>c) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ;</p> <p>d) Đối với ông, bà, cha, mẹ, thầy giáo, cô giáo của mình, người nuôi dưỡng, chữa bệnh cho mình;</p> <p>đ) Có tổ chức;</p> <p>e) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>g) Trong thời gian đang bị giữ, tạm giữ, tạm giam, đang chấp hành án phạt tù, đang chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng hoặc đang chấp hành biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng hoặc đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;</p> <p>h) Thuê gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do được thuê;</p> <p>i) Có tính chất côn đồ;</p> <p>k) Đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân.</p>

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 11% đến 30%;

c) Phạm tội 02 lần trở lên;

d) Tái phạm nguy hiểm;

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên, nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này;

d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 14 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 11% đến 30%;

c) Phạm tội 02 lần trở lên;

d) Tái phạm nguy hiểm;

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên, nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này;

d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 14 năm:

a) Làm chết người;

b) Gây thương tích làm biến dạng vùng mặt của người khác mà

<p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích làm biến dạng vùng mặt của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên;</p> <p>d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này;</p> <p>đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.</p> <p>5. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Làm chết 02 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.</p> <p>6. Người nào chuẩn bị vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm, a-xít nguy hiểm, hóa chất nguy hiểm hoặc thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm nhằm gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p>	<p>tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên;</p> <p>d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này;</p> <p>đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.</p> <p>5. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Làm chết 02 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.</p> <p>6. Người nào chuẩn bị vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm, a-xít nguy hiểm, hóa chất nguy hiểm hoặc thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm nhằm gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p>
<p>Điều 135. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh</p> <p>1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người đó hoặc đối với người thân</p>	<p>Điều 135. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh</p> <p>1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người đó hoặc đối với người thân thích của người đó,</p>

<p>thích của người đó, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 31% trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc dẫn đến chết người.</p>	<p>thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 31% trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc dẫn đến chết người.</p>
<p>Điều 136. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội</p> <p>1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Đối với 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.</p> <p>3. Phạm tội dẫn đến chết người hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.</p>	<p>Điều 136. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội</p> <p>1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Đối với 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.</p> <p>3. Phạm tội dẫn đến chết người hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.</p>
<p>Điều 137. Tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong khi thi hành công vụ</p> <p>1. Người nào trong khi thi hành công vụ dùng vũ lực ngoài những trường hợp pháp luật cho phép gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến</p>	<p>Điều 137. Tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong khi thi hành công vụ</p> <p>1. Người nào trong khi thi hành công vụ dùng vũ lực ngoài những trường hợp pháp luật cho phép gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%,</p>

<p>60%, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Đối với 02 người trở lên, mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 31% trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Đối với 02 người trở lên, mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 31% trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Điều 138. Tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác</p> <p>1. Người nào vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ từ 01 năm đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Đối với 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.</p> <p>3. Phạm tội đối với 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên, thì bị phạt cải tạo không giam giữ từ 02 năm đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.</p>	<p>Điều 138. Tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác</p> <p>1. Người nào vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ từ 01 năm đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Đối với 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.</p> <p>3. Phạm tội đối với 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên, thì bị phạt cải tạo không giam giữ từ 02 năm đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.</p>
<p>Điều 139. Tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính</p>	<p>Điều 139. Tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính</p>

<p>1. Người nào vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ từ 02 năm đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Đối với 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.</p> <p>3. Phạm tội đối với 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>1. Người nào vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ từ 02 năm đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Đối với 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.</p> <p>3. Phạm tội đối với 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Điều 140. Tội hành hạ người khác</p> <p>1. Người nào đối xử tàn ác hoặc làm nhục người lệ thuộc mình nếu không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 185 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:</p> <p>a) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ;</p> <p>b) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 31% trở lên;</p> <p>c) Đối với 02 người trở lên.</p>	<p>Điều 140. Tội hành hạ người khác</p> <p>1. Người nào đối xử tàn ác hoặc làm nhục người lệ thuộc mình nếu không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 185 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:</p> <p>a) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ;</p> <p>b) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 31% trở lên;</p> <p>c) Đối với 02 người trở lên.</p>
<p>Điều 141. Tội hiếp dâm</p> <p>1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao</p>	<p>Điều 141. Tội hiếp dâm</p> <p>1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu hoặc</p>

<p>cầu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác trái với ý muốn của nạn nhân, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh;</p> <p>c) Nhiều người hiếp một người;</p> <p>d) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>đ) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>e) Có tính chất loạn luân;</p> <p>g) Làm nạn nhân có thai;</p> <p>h) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p> <p>i) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>b) Biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội;</p> <p>c) Làm nạn nhân chết hoặc tự sát.</p> <p>4. Phạm tội đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.</p> <p>Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này, thì bị xử phạt theo mức hình phạt quy định tại các khoản đó.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác trái với ý muốn của nạn nhân, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh;</p> <p>c) Nhiều người hiếp một người;</p> <p>d) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>đ) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>e) Có tính chất loạn luân;</p> <p>g) Làm nạn nhân có thai;</p> <p>h) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p> <p>i) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>b) Biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội;</p> <p>c) Làm nạn nhân chết hoặc tự sát.</p> <p>4. Phạm tội đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.</p> <p>Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này, thì bị xử phạt theo mức hình phạt quy định tại các khoản đó.</p> <p>5. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>5.6. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>
---	---

Điều 142. Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

- a) Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi trái với ý muốn của họ;
- b) Giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người dưới 13 tuổi.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

- a) Có tính chất loạn luân;
- b) Làm nạn nhân có thai;
- c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;
- d) Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh;
- đ) Phạm tội 02 lần trở lên;
- e) Đối với 02 người trở lên;
- g) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

- a) Có tổ chức;
- b) Nhiều người hiếp một người;
- c) Đối với người dưới 10 tuổi;
- d) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;
- đ) Biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội;
- e) Làm nạn nhân chết hoặc tự sát.

Điều 142. Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

- a) Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi trái với ý muốn của họ;
- b) Giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người dưới 13 tuổi.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

- a) Có tính chất loạn luân;
- b) Làm nạn nhân có thai;
- c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;
- d) Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh;
- đ) Phạm tội 02 lần trở lên;
- e) Đối với 02 người trở lên;
- g) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm, **hoặc** tù chung thân ~~hoặc tử hình~~:

- a) Có tổ chức;
- b) Nhiều người hiếp một người;
- c) Đối với người dưới 10 tuổi;
- d) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;
- đ) Biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội;
- e) Làm nạn nhân chết hoặc tự sát.

4. **Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05**

<p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p><i>năm.</i></p> <p>4-5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p><i>6. Chỉ người từ đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.</i></p>
<p>Điều 143. Tội cưỡng dâm</p> <p>1. Người nào dùng mọi thủ đoạn khiến người lệ thuộc mình hoặc người đang ở trong tình trạng quần bách phải miễn cưỡng giao cấu hoặc miễn cưỡng thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Nhiều người cưỡng dâm một người;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>d) Có tính chất loạn luân;</p> <p>đ) Làm nạn nhân có thai;</p> <p>e) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p> <p>g) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 18 năm:</p> <p>a) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>b) Biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội;</p> <p>c) Làm nạn nhân chết hoặc tự sát.</p> <p>4. Cưỡng dâm người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này, thì bị xử phạt theo mức</p>	<p>Điều 143. Tội cưỡng dâm</p> <p>1. Người nào dùng mọi thủ đoạn khiến người lệ thuộc mình hoặc người đang ở trong tình trạng quần bách phải miễn cưỡng giao cấu hoặc miễn cưỡng thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Nhiều người cưỡng dâm một người;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>d) Có tính chất loạn luân;</p> <p>đ) Làm nạn nhân có thai;</p> <p>e) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p> <p>g) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 18 năm:</p> <p>a) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>b) Biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội;</p> <p>c) Làm nạn nhân chết hoặc tự sát.</p> <p>4. Cưỡng dâm người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này, thì bị xử phạt theo mức hình phạt quy định tại các khoản đó.</p>

<p>hình phạt quy định tại các khoản đó.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>5. <i>Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</i></p> <p>5 6. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Điều 144. Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi</p> <p>1. Người nào dùng mọi thủ đoạn khiến người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi đang ở trong tình trạng lệ thuộc mình hoặc trong tình trạng quần bách phải miễn cưỡng giao cấu hoặc miễn cưỡng thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Có tính chất loạn luân;</p> <p>b) Làm nạn nhân có thai;</p> <p>c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p> <p>d) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>đ) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>e) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Nhiều người cưỡng dâm một người;</p> <p>b) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội;</p> <p>d) Làm nạn nhân chết hoặc tự sát.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>Điều 144. Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi</p> <p>1. Người nào dùng mọi thủ đoạn khiến người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi đang ở trong tình trạng lệ thuộc mình hoặc trong tình trạng quần bách phải miễn cưỡng giao cấu hoặc miễn cưỡng thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Có tính chất loạn luân;</p> <p>b) Làm nạn nhân có thai;</p> <p>c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p> <p>d) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>đ) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>e) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Nhiều người cưỡng dâm một người;</p> <p>b) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội;</p> <p>d) Làm nạn nhân chết hoặc tự sát.</p> <p>4. <i>Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</i></p> <p>4 5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Điều 145. Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ</p>	<p>Điều 145. Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục</p>

tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi

1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 142 và Điều 144 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

- a) Phạm tội 02 lần trở lên;
- b) Đối với 02 người trở lên;
- c) Có tính chất loạn luân;
- d) Làm nạn nhân có thai;

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;

e) Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

b) Biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội.

4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi

1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 142 và Điều 144 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

- a) Phạm tội 02 lần trở lên;
- b) Đối với 02 người trở lên;
- c) Có tính chất loạn luân;
- d) Làm nạn nhân có thai;

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;

e) Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

b) Biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội-;

4. **Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.**

4-5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

6. Người thực hiện tội phạm quy định tại Điều này được miễn trách nhiệm hình sự trong các trường hợp sau đây:

a) Phạm tội do lạc hậu và được người bị hại, người đại diện theo pháp luật của người bị hại có đơn đề nghị miễn trách nhiệm hình sự;

b) Do yếu tố khách quan dẫn đến nhận thức sai lầm về độ tuổi của bị hại là từ đủ 16 tuổi trở lên.

<p>Điều 146. Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi</p> <p>1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà có hành vi dâm ô đối với người dưới 16 tuổi không nhằm mục đích giao cấu hoặc không nhằm thực hiện các hành vi quan hệ tình dục khác, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Phạm tội có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>d) Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh;</p> <p>đ) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p> <p>e) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>b) Làm nạn nhân tự sát.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>Điều 146. Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi</p> <p>1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà có hành vi dâm ô đối với người dưới 16 tuổi không nhằm mục đích giao cấu hoặc không nhằm thực hiện các hành vi quan hệ tình dục khác, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Phạm tội có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>d) Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh;</p> <p>đ) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p> <p>e) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>b) Làm nạn nhân tự sát;</p> <p>4. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>4 5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Điều 147. Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm</p> <p>1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc người dưới 16 tuổi trình diễn khiêu dâm hoặc trực tiếp chứng kiến việc trình diễn khiêu dâm dưới mọi hình thức, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị</p>	<p>Điều 147. Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm</p> <p>1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc người dưới 16 tuổi trình diễn khiêu dâm hoặc trực tiếp chứng kiến việc trình diễn khiêu dâm dưới mọi hình thức, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p>

<p>phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Phạm tội có tổ chức; b) Phạm tội 02 lần trở lên; c) Đối với 02 người trở lên; d) Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh; đ) Có mục đích thương mại; e) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%; g) Tái phạm nguy hiểm. <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; b) Làm nạn nhân tự sát. <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<ul style="list-style-type: none"> a) Phạm tội có tổ chức; b) Phạm tội 02 lần trở lên; c) Đối với 02 người trở lên; d) Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh; đ) Có mục đích thương mại; e) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%; g) Tái phạm nguy hiểm. <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; b) Làm nạn nhân tự sát. <p>4. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>4-5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Điều 148. Tội lây truyền HIV cho người khác</p> <p>1. Người nào biết mình bị nhiễm HIV mà cố ý lây truyền HIV cho người khác, trừ trường hợp nạn nhân đã biết về tình trạng nhiễm HIV của người bị HIV và tự nguyện quan hệ tình dục, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Đối với 02 người trở lên; b) Đối với người dưới 18 tuổi, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 142 và Điều 145 của Bộ luật này; c) Đối với phụ nữ mà biết là có thai; d) Đối với thầy thuốc hoặc nhân viên y tế trực tiếp chữa bệnh cho mình; 	<p>Điều 148. Tội lây truyền HIV cho người khác</p> <p>1. Người nào biết mình bị nhiễm HIV mà cố ý lây truyền HIV cho người khác, trừ trường hợp nạn nhân đã biết về tình trạng nhiễm HIV của người bị HIV và tự nguyện quan hệ tình dục, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Đối với 02 người trở lên; b) Đối với người dưới 18 tuổi, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 142 và Điều 145 của Bộ luật này; c) Đối với phụ nữ mà biết là có thai; d) Đối với thầy thuốc hoặc nhân viên y tế trực tiếp chữa bệnh cho mình;

đ) Đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân.	đ) Đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân.
Điều 149. Tội cố ý truyền HIV cho người khác 1. Người nào cố ý truyền HIV cho người khác, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 148 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: a) Có tổ chức; b) Đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân; c) Đối với người dưới 18 tuổi; d) Đối với từ 02 người đến 05 người; đ) Lợi dụng nghề nghiệp; e) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%. 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân: a) Đối với phụ nữ mà biết là có thai; b) Đối với 06 người trở lên; c) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; d) Làm nạn nhân tự sát. 4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.	Điều 149. Tội cố ý truyền HIV cho người khác 1. Người nào cố ý truyền HIV cho người khác, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 148 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: a) Có tổ chức; b) Đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân; c) Đối với người dưới 18 tuổi; d) Đối với từ 02 người đến 05 người; đ) Lợi dụng nghề nghiệp; e) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%. 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân: a) Đối với phụ nữ mà biết là có thai; b) Đối với 06 người trở lên; c) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; d) Làm nạn nhân tự sát. 4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.
Điều 150. Tội mua bán người 1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc thủ đoạn khác thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm: a) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác;	Điều 150. Tội mua bán người 1. Người nào mua bán người dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc thủ đoạn khác thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm: a) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác;

<p>b) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác;</p> <p>c) Tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người khác để thực hiện hành vi quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 08 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Vì động cơ đê hèn;</p> <p>c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%, nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;</p> <p>d) Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>đ) Đối với từ 02 người đến 05 người;</p> <p>e) Phạm tội 02 lần trở lên.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>b) Đã lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân;</p> <p>c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>d) Làm nạn nhân chết hoặc tự sát;</p> <p>đ) Đối với 06 người trở lên;</p> <p>e) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	<p>b) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác;</p> <p>c) Tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người khác để thực hiện hành vi quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 08 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Vì động cơ đê hèn;</p> <p>c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%, nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;</p> <p>d) Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>đ) Đối với từ 02 người đến 05 người;</p> <p>e) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>b) Đã lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân;</p> <p>c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>d) Làm nạn nhân chết hoặc tự sát;</p> <p>đ) Đối với 06 người trở lên;</p> <p>e) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>4. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>4 5.Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 40.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>
--	--

Điều 151. Tội mua bán người dưới 16 tuổi

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:

- a) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác, trừ trường hợp vì mục đích nhân đạo;
- b) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác;
- c) Tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người dưới 16 tuổi để thực hiện hành vi quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

- a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- b) Lợi dụng hoạt động cho, nhận con nuôi để phạm tội;
- c) Đối với từ 02 người đến 05 người;
- d) Đối với người mà mình có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng;
- đ) Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- e) Phạm tội 02 lần trở lên;
- g) Vì động cơ đê hèn;
- h) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%, nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 3 Điều này.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 18 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

- a) Có tổ chức;
- b) Có tính chất chuyên nghiệp;
- c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở

Điều 151. Tội mua bán người dưới 16 ~~16~~ 18 tuổi

1. Người nào ~~thực hiện một trong các hành vi sau đây~~ ***mua bán người dưới 18 tuổi*** ~~thực hiện một trong các hành vi sau đây~~, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:

- ~~a) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác, trừ trường hợp vì mục đích nhân đạo;~~
- ~~b) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác;~~
- ~~c) Tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người dưới 16 tuổi để thực hiện hành vi quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này.~~

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

- a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- b) Lợi dụng hoạt động cho, nhận con nuôi để phạm tội;
- c) Đối với từ 02 người đến 05 người;
- d) Đối với người mà mình có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng;
- đ) Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- e) Phạm tội 02 lần trở lên;
- g) Vì động cơ đê hèn;
- h) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%, nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 3 Điều này.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 18 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

- a) Có tổ chức;
- b) Có tính chất chuyên nghiệp;
- c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;
- d) Đã lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân;

<p>lên;</p> <p>d) Đã lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân;</p> <p>đ) Làm nạn nhân chết hoặc tự sát;</p> <p>e) Đối với 06 người trở lên;</p> <p>g) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	<p>đ) Làm nạn nhân chết hoặc tự sát;</p> <p>e) Đối với 06 người trở lên;</p> <p>g) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>4. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>4-5.Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p> <p>6. Người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi mua bán từ khi còn là thai nhi.</p>
<p>Điều 152. Tội đánh tráo người dưới 01 tuổi</p> <p>1. Người nào đánh tráo người dưới 01 tuổi, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp;</p> <p>c) Đối với người dưới 01 tuổi mà mình có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng;</p> <p>d) Phạm tội 02 lần trở lên.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>b) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>Điều 152. Tội đánh tráo người dưới 01 tuổi</p> <p>1. Người nào đánh tráo người dưới 01 tuổi, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp;</p> <p>c) Đối với người dưới 01 tuổi mà mình có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng;</p> <p>d) Phạm tội 02 lần trở lên.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>b) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 40.000.000 20.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Điều 153. Tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi</p> <p>1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác chiếm giữ hoặc giao cho người khác chiếm giữ người dưới 16 tuổi,</p>	<p>Điều 153. Tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi</p> <p>1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác chiếm giữ hoặc giao cho người khác chiếm giữ người dưới 16 tuổi, thì</p>

<p>thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp;</p> <p>c) Đối với người mà mình có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng;</p> <p>d) Đối với từ 02 người đến 05 người;</p> <p>đ) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>e) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>b) Đối với 06 người trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>d) Làm nạn nhân chết;</p> <p>đ) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp;</p> <p>c) Đối với người mà mình có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng;</p> <p>d) Đối với từ 02 người đến 05 người;</p> <p>đ) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>e) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>b) Đối với 06 người trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>d) Làm nạn nhân chết;</p> <p>đ) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Điều 154. Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người</p> <p>1. Người nào mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người khác, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Vì mục đích thương mại;</p>	<p>Điều 154. Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người</p> <p>1. Người nào mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người khác, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Vì mục đích thương mại;</p> <p>c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp;</p>

<p>c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp; d) Đối với từ 02 người đến 05 người; đ) Phạm tội 02 lần trở lên; e) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Có tính chất chuyên nghiệp; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; c) Đối với 06 người trở lên; d) Gây chết người; đ) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>d) Đối với từ 02 người đến 05 người; đ) Phạm tội 02 lần trở lên; e) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Có tính chất chuyên nghiệp; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; c) Đối với 06 người trở lên; d) Gây chết người; đ) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Điều 155. Tội làm nhục người khác</p> <p>1. Người nào xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên; b) Đối với 02 người trở lên; c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; d) Đối với người đang thi hành công vụ; đ) Đối với người dạy dỗ, nuôi dưỡng, chăm sóc, chữa bệnh cho mình; e) Sử dụng mạng máy tính hoặc mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội; g) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn</p>	<p>Điều 155. Tội làm nhục người khác</p> <p>1. Người nào xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 30.000.000 60.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 tháng 01 năm đến 02 03 năm:</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên; b) Đối với 02 người trở lên; c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; d) Đối với người đang thi hành công vụ; đ) Đối với người dạy dỗ, nuôi dưỡng, chăm sóc, chữa bệnh cho mình; e) Sử dụng mạng máy tính hoặc mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội;</p>

<p>thương cơ thể từ 31% đến 60%.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>b) Làm nạn nhân tự sát.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>g) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 05 7 năm:</p> <p>a) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>b) Làm nạn nhân tự sát.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Điều 156. Tội vu khống</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm:</p> <p>a) Bịa đặt hoặc loan truyền những điều biết rõ là sai sự thật nhằm xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự hoặc gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác;</p> <p>b) Bịa đặt người khác phạm tội và tố cáo họ trước cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>c) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>d) Đối với ông, bà, cha, mẹ, người dạy dỗ, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh cho mình;</p> <p>đ) Đối với người đang thi hành công vụ;</p> <p>e) Sử dụng mạng máy tính hoặc mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội;</p> <p>g) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p> <p>h) Vu khống người khác phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt</p>	<p>Điều 156. Tội vu khống</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 06 tháng đến 04 02 năm:</p> <p>a) Bịa đặt hoặc loan truyền những điều biết rõ là sai sự thật nhằm xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự hoặc gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác;</p> <p>b) Bịa đặt người khác phạm tội và tố cáo họ trước cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>c) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>d) Đối với ông, bà, cha, mẹ, người dạy dỗ, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh cho mình;</p> <p>đ) Đối với người đang thi hành công vụ;</p> <p>e) Sử dụng mạng máy tính hoặc mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội;</p> <p>g) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p>

<p>ng nghiêm trọng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Vì động cơ đê hèn;</p> <p>b) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Làm nạn nhân tự sát.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>h) Vu khống người khác phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Vì động cơ đê hèn;</p> <p>b) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Làm nạn nhân tự sát.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Điều 157. Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật</p> <p>1. Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 377 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>c) Đối với người đang thi hành công vụ;</p> <p>d) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>đ) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>e) Đối với người dưới 18 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ;</p> <p>g) Làm cho người bị bắt, giữ, giam hoặc gia đình họ lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn;</p> <p>h) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của người bị bắt, giữ, giam mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%.</p>	<p>Điều 157. Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật</p> <p>1. Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 377 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>c) Đối với người đang thi hành công vụ;</p> <p>d) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>đ) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>e) Đối với người dưới 18 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ;</p> <p>g) Làm cho người bị bắt, giữ, giam hoặc gia đình họ lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn;</p> <p>h) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của người bị bắt, giữ, giam mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%.</p>

<p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Làm người bị bắt, giữ, giam chết hoặc tự sát; b) Tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục nhân phẩm của người bị bắt, giữ, giam; c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của người bị bắt, giữ, giam mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên. <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 07 năm đến 12 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Làm người bị bắt, giữ, giam chết hoặc tự sát; b) Tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục nhân phẩm của người bị bắt, giữ, giam; c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của người bị bắt, giữ, giam mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên. <p>4. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>4 5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Điều 158. Tội xâm phạm chỗ ở của người khác</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây xâm phạm chỗ ở của người khác, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Khám xét trái pháp luật chỗ ở của người khác; b) Đuổi trái pháp luật người khác ra khỏi chỗ ở của họ; c) Chiếm giữ chỗ ở hoặc cản trở trái pháp luật người đang ở hoặc người đang quản lý hợp pháp vào chỗ ở của họ; d) Xâm nhập trái pháp luật chỗ ở của người khác. <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có tổ chức; b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; c) Phạm tội 02 lần trở lên; d) Làm người bị xâm phạm chỗ ở tự sát; đ) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. <p>3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>Điều 158. Tội xâm phạm chỗ ở của người khác</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây xâm phạm chỗ ở của người khác, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Khám xét trái pháp luật chỗ ở của người khác; b) Đuổi trái pháp luật người khác ra khỏi chỗ ở của họ; c) Chiếm giữ chỗ ở hoặc cản trở trái pháp luật người đang ở hoặc người đang quản lý hợp pháp vào chỗ ở của họ; d) Xâm nhập trái pháp luật chỗ ở của người khác. <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 02 năm đến 05 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có tổ chức; b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; c) Phạm tội 02 lần trở lên; d) Làm người bị xâm phạm chỗ ở tự sát; đ) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. <p>3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Điều 159. Tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện</p>	<p>Điều 159. Tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện</p>

<p>thoại, điện tín hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt thư tín, điện báo, telex, fax hoặc văn bản khác của người khác được truyền đưa bằng mạng bưu chính, viễn thông dưới bất kỳ hình thức nào;</p> <p>b) Cố ý làm hư hỏng, thất lạc hoặc cố ý lấy các thông tin, nội dung của thư tín, điện báo, telex, fax hoặc văn bản khác của người khác được truyền đưa bằng mạng bưu chính, viễn thông;</p> <p>c) Nghe, ghi âm cuộc đàm thoại trái pháp luật;</p> <p>d) Khám xét, thu giữ thư tín, điện tín trái pháp luật;</p> <p>đ) Hành vi khác xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín, telex, fax hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>c) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>d) Tiết lộ các thông tin đã chiếm đoạt, làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín, nhân phẩm của người khác;</p> <p>đ) Làm nạn nhân tự sát.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>thoại, điện tín hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 20.000.000 40.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt thư tín, điện báo, telex, fax hoặc văn bản khác của người khác được truyền đưa bằng mạng bưu chính, viễn thông dưới bất kỳ hình thức nào;</p> <p>b) Cố ý làm hư hỏng, thất lạc hoặc cố ý lấy các thông tin, nội dung của thư tín, điện báo, telex, fax hoặc văn bản khác của người khác được truyền đưa bằng mạng bưu chính, viễn thông;</p> <p>c) Nghe, ghi âm cuộc đàm thoại của người khác trái pháp luật;</p> <p>d) Khám xét, thu giữ thư tín, điện tín trái pháp luật;</p> <p>đ) Hành vi khác xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín, telex, fax hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>c) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>d) Tiết lộ các thông tin đã chiếm đoạt, làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín, nhân phẩm của người khác;</p> <p>đ) Làm nạn nhân tự sát.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 10.000.000 đồng đến 20.000.000 40.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>Điều 159a. Tội xâm phạm dữ liệu cá nhân</p> <p>1. Người nào thực hiện hành vi thu thập, xử lý, trao đổi, tặng cho,</p>
---	---

	<p><i>công khai hóa, chiếm đoạt, sử dụng trái phép hoặc cố ý làm lộ, mất dữ liệu cá nhân của người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 291 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</i></p> <p><i>a) Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 400.000.000 đồng;</i></p> <p><i>b) Gây thiệt hại từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng.</i></p> <p><i>c) xâm phạm dữ liệu cá nhân cơ bản từ 10.000 người trở lên, dữ liệu cá nhân nhạy cảm từ 2.000 người trở lên.</i></p> <p><i>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</i></p> <p><i>a) Có tổ chức;</i></p> <p><i>b) Có tính chất chuyên nghiệp;</i></p> <p><i>c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</i></p> <p><i>d) Phạm tội từ 02 lần trở lên;</i></p> <p><i>đ) xâm phạm dữ liệu cá nhân cơ bản từ 15.000 người trở lên, dữ liệu cá nhân nhạy cảm từ 3.000 chủ thể dữ liệu trở lên;</i></p> <p><i>e) Gây thiệt hại từ 1.000.000.000 đồng trở lên;</i></p> <p><i>g) Thu lợi bất chính từ 400.000.000 đồng trở lên;</i></p> <p><i>h) Làm nạn nhân tỵ sát;</i></p> <p><i>i) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc quan hệ đối ngoại của Việt Nam;</i></p> <p><i>k) Sử dụng trái phép dữ liệu cá nhân của người khác để thành lập doanh nghiệp, mở tài khoản thanh toán, tài khoản chứng khoán, ví điện tử, tài khoản tài sản số hoặc các loại tài khoản số có chức năng giao dịch tài chính, tiền tệ.</i></p> <p><i>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến</i></p>
--	--

	<p>05 năm.</p> <p>4. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;</p> <p>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 3.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 03 năm đến 05 năm;</p> <p>c) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực từ 01 năm đến 03 năm.</p>
	<p>Điều 159b. Tội mua, bán trái phép dữ liệu cá nhân</p> <p>1. Người nào mua, bán trái phép dữ liệu cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp quy định tại Điều 291 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:</p> <p>a) Thu lợi bất chính từ 40.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;</p> <p>b) Mua, bán dữ liệu cá nhân cơ bản của từ 10.000 người trở lên, dữ liệu cá nhân nhạy cảm của từ 2.000 người trở lên;</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>c) Phạm tội từ 02 lần trở lên hoặc tái phạm nguy hiểm;</p> <p>d) Mua, bán dữ liệu cá nhân cơ bản từ 15.000 người trở lên, dữ liệu cá nhân nhạy cảm từ 3.000 người trở lên;</p> <p>d) Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 400.000.000 đồng;</p>

	<p><i>đ) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</i></p> <p><i>e) Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội;</i></p> <p><i>3. Phạm tội thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 600.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 05 năm đến 07 năm:</i></p> <p><i>a) Mua, bán dữ liệu cá nhân cơ bản từ 20.000 người trở lên, dữ liệu cá nhân nhạy cảm từ 4.000 người trở lên;</i></p> <p><i>b) Thu lợi bất chính từ 400.000.000 đồng trở lên đến dưới 1.000.000.000 đồng.</i></p> <p><i>4. Phạm tội thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 07 năm đến 10 năm:</i></p> <p><i>a) Mua, bán dữ liệu cá nhân cơ bản từ 25.000 chủ thẻ dữ liệu trở lên, dữ liệu cá nhân nhạy cảm từ 5.000 chủ thẻ dữ liệu trở lên;</i></p> <p><i>b) Thu lợi bất chính từ 1.000.000.000 đồng trở lên.</i></p> <p><i>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</i></p> <p><i>6. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</i></p> <p><i>a) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng;</i></p> <p><i>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 năm đến 03 năm;</i></p> <p><i>c) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm.</i></p>
	<i>Điều 159c. Tội cản trở hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân</i>

	<p><i>1. Người nào có hành vi chống đối, cản trở hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân của cơ quan, tổ chức, cá nhân, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: a) Không thông báo hoặc che giấu thông tin, cung cấp thông tin sai lệch về sự cố vi phạm quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân; b) Thiết lập rào cản kỹ thuật trái phép nhằm vô hiệu hóa các biện pháp giám sát, thu thập chứng cứ của cơ quan có thẩm quyền. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm: a) Có tổ chức; b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; c) Gây hậu quả nghiêm trọng đến 10.000 chủ thể dữ liệu trở lên; 3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ từ 01 năm đến 05 năm. 4. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau: a) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng; b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng, bị áp dụng biện pháp buộc khôi phục tình trạng ban đầu của hệ thống chứng cứ điện tử; c) Pháp nhân thương mại còn có thể bị cấm huy động vốn, cấm tham gia đấu thầu cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin từ 01 năm đến 03 năm.</i></p>
<p>Điều 160. Tội xâm phạm quyền của công dân về bầu cử, ứng cử hoặc biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân</p> <p>1. Người nào lừa gạt, mua chuộc, cưỡng ép hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở công dân thực hiện quyền bầu cử, quyền ứng cử hoặc quyền biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt</p>	<p>Điều 160. Tội xâm phạm quyền của công dân về bầu cử, ứng cử hoặc biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân</p> <p>1. Người nào lừa gạt, mua chuộc, cưỡng ép hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở công dân thực hiện quyền bầu cử, quyền ứng cử hoặc quyền biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 02 năm:</p>

<p>tù từ 01 năm đến 02 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>c) Dẫn đến hoãn ngày bầu cử, bầu cử lại hoặc hoãn việc trưng cầu ý dân.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>c) Dẫn đến hoãn ngày bầu cử, bầu cử lại hoặc hoãn việc trưng cầu ý dân.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Điều 161. Tội làm sai lệch kết quả bầu cử, kết quả trưng cầu ý dân</p> <p>1. Người nào có trách nhiệm trong việc tổ chức, giám sát việc bầu cử, tổ chức trưng cầu ý dân mà giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu cử, kết quả trưng cầu ý dân, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Dẫn đến phải tổ chức lại việc bầu cử hoặc trưng cầu ý dân.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>Điều 161. Tội làm sai lệch kết quả bầu cử, kết quả trưng cầu ý dân</p> <p>1. Người nào có trách nhiệm trong việc tổ chức, giám sát việc bầu cử, tổ chức trưng cầu ý dân mà giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu cử, kết quả trưng cầu ý dân, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 02 năm đến 03 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Dẫn đến phải tổ chức lại việc bầu cử hoặc trưng cầu ý dân.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Điều 162. Tội buộc công chức, viên chức thôi việc hoặc sa thải người lao động trái pháp luật</p> <p>1. Người nào vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà thực hiện một trong các hành vi sau đây gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm:</p> <p>a) Ra quyết định buộc thôi việc trái pháp luật đối với công chức, viên chức;</p> <p>b) Sa thải trái pháp luật đối với người lao động;</p> <p>c) Cưỡng ép, đe dọa buộc công chức, viên chức, người lao động phải thôi việc.</p>	<p>Điều 162. Tội buộc công chức, viên chức thôi việc hoặc sa thải người lao động trái pháp luật</p> <p>1. Người nào vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà thực hiện một trong các hành vi sau đây gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm:</p> <p>a) Ra quyết định buộc thôi việc trái pháp luật đối với công chức, viên chức;</p> <p>b) Sa thải trái pháp luật đối với người lao động;</p> <p>c) Cưỡng ép, đe dọa buộc công chức, viên chức, người lao động phải</p>

<p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Đối với 02 người trở lên; b) Đối với phụ nữ mà biết là có thai; c) Đối với người đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi; d) Làm người bị buộc thôi việc, người bị sa thải tự sát; đ) Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng khác. <p>3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>thôi việc.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến 200.000.000 400.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Đối với 02 người trở lên; b) Đối với phụ nữ mà biết là có thai; c) Đối với người đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi; d) Làm người bị buộc thôi việc, người bị sa thải tự sát; đ) Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng khác. <p>3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>4. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đến 500.000.000 đồng; b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng; c) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm.
<p>Điều 163. Tội xâm phạm quyền hội họp, lập hội của công dân</p> <p>1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác ngăn cản hoặc ép buộc người khác lập hội, hội họp hợp pháp, đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có tổ chức; 	<p>Điều 163. Tội xâm phạm quyền hội họp, lập hội của công dân</p> <p>1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác ngăn cản hoặc ép buộc người khác lập hội, hội họp hợp pháp, đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có tổ chức; b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

<p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; c) Phạm tội 02 lần trở lên; d) Dẫn đến biểu tình; đ) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. 3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>c) Phạm tội 02 lần trở lên; d) Dẫn đến biểu tình; đ) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. 3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Điều 164. Tội xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người khác 1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác ngăn cản hoặc ép buộc người khác thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm: a) Có tổ chức; b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; c) Phạm tội 02 lần trở lên; d) Dẫn đến biểu tình; đ) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. 3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>Điều 164. Tội xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người khác 1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác ngăn cản hoặc ép buộc người khác thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm: a) Có tổ chức; b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; c) Phạm tội 02 lần trở lên; d) Dẫn đến biểu tình; đ) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. 3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Điều 165. Tội xâm phạm quyền bình đẳng giới 1. Người nào vì lý do giới mà thực hiện hành vi dưới bất kỳ hình thức nào cản trở người khác tham gia hoạt động trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế, đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm.</p>	<p>Điều 165. Tội xâm phạm quyền bình đẳng giới 1. Người nào vì lý do giới mà thực hiện hành vi dưới bất kỳ hình thức nào cản trở người khác tham gia hoạt động trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế, đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 5.000.000 10.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm.</p>

<p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Đối với 02 người trở lên.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Đối với 02 người trở lên.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Điều 166. Tội xâm phạm quyền khiếu nại, tố cáo</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc hành vi khác cản trở việc khiếu nại, tố cáo, việc xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc việc xử lý người bị khiếu nại, tố cáo;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn cản trở việc thi hành quyết định của cơ quan có thẩm quyền xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo gây thiệt hại cho người khiếu nại, tố cáo.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Trả thù người khiếu nại, tố cáo;</p> <p>c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;</p> <p>d) Dẫn đến biểu tình;</p> <p>đ) Làm người khiếu nại, tố cáo tự sát.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>Điều 166. Tội xâm phạm quyền khiếu nại, tố cáo</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc hành vi khác cản trở việc khiếu nại, tố cáo, việc xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc việc xử lý người bị khiếu nại, tố cáo;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn cản trở việc thi hành quyết định của cơ quan có thẩm quyền xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo gây thiệt hại cho người khiếu nại, tố cáo.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Trả thù người khiếu nại, tố cáo;</p> <p>c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;</p> <p>d) Dẫn đến biểu tình;</p> <p>đ) Làm người khiếu nại, tố cáo tự sát.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Điều 167. Tội xâm phạm quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, quyền biểu tình của công dân</p> <p>1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn</p>	<p>Điều 167. Tội xâm phạm quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, quyền biểu tình của công dân</p> <p>1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác cản</p>

<p>khác cản trở công dân thực hiện quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, quyền biểu tình của công dân, đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có tổ chức; b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. <p>3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>trở công dân thực hiện quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, quyền biểu tình của công dân, đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có tổ chức; b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. <p>3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Điều 168. Tội cướp tài sản</p> <p>1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có tổ chức; b) Có tính chất chuyên nghiệp; c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30%; d) Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác; đ) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng; e) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ; g) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; h) Tái phạm nguy hiểm. <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt</p>	<p>Điều 168. Tội cướp tài sản</p> <p>1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 10 năm đến 15 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có tổ chức; b) Có tính chất chuyên nghiệp; c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30%; d) Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác; đ) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng; e) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ; g) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; h) Tái phạm nguy hiểm. <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12</p>

<p>tù từ 12 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p> <p>c) Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 18 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 31% trở lên;</p> <p>c) Làm chết người;</p> <p>d) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.</p> <p>5. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>6. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	<p>năm đến 20 18 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p> <p>c) Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 18 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 31% trở lên;</p> <p>c) Làm chết người;</p> <p>d) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.</p> <p>5. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>6. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>
<p>Điều 169. Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản</p> <p>1. Người nào bắt cóc người khác làm con tin nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>c) Dùng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác;</p> <p>d) Đối với người dưới 16 tuổi;</p> <p>đ) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>e) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới</p>	<p>Điều 169. Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản</p> <p>1. Người nào bắt cóc người khác làm con tin nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>c) Dùng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác;</p> <p>d) Đối với người dưới 16 tuổi;</p> <p>đ) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>e) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000</p>

<p>200.000.000 đồng;</p> <p>g) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30%;</p> <p>h) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;</p> <p>i) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 18 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>b) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Làm chết người;</p> <p>c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.</p> <p>5. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>6. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	<p>đồng;</p> <p>g) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30%;</p> <p>h) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;</p> <p>i) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 18 15 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>b) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Làm chết người;</p> <p>c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.</p> <p>5. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>6. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>
<p>Điều 170. Tội cưỡng đoạt tài sản</p> <p>1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p>	<p>Điều 170. Tội cưỡng đoạt tài sản</p> <p>1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 05 năm đến 10 năm:</p>

<p>a) Có tổ chức; b) Có tính chất chuyên nghiệp; c) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ; d) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng; đ) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; e) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; b) Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm: a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên; b) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	<p>a) Có tổ chức; b) Có tính chất chuyên nghiệp; c) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ; d) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng; đ) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; e) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 10 năm đến 15 năm: a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; b) Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 15 năm đến 20 năm: a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên; b) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>
<p>Điều 171. Tội cướp giật tài sản</p> <p>1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm: a) Có tổ chức; b) Có tính chất chuyên nghiệp; c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng; d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm; đ) Hành hung để tẩu thoát;</p>	<p>Điều 171. Tội cướp giật tài sản</p> <p>1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 05 năm đến 10 năm: a) Có tổ chức; b) Có tính chất chuyên nghiệp; c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng; d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm; đ) Hành hung để tẩu thoát;</p>

<p>e) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30%;</p> <p>g) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ;</p> <p>h) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;</p> <p>i) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p> <p>c) Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 31% trở lên;</p> <p>c) Làm chết người;</p> <p>d) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.</p>	<p>e) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30%;</p> <p>g) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ;</p> <p>h) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;</p> <p>i) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p> <p>c) Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 31% trở lên;</p> <p>c) Làm chết người;</p> <p>d) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng.</p>
<p>Điều 172. Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản</p> <p>1. Người nào công nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài</p>	<p>Điều 172. Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản</p> <p>1. Người nào công nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 5.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà</p>

<p>sản mà còn vi phạm;</p> <p>b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 173, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;</p> <p>d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ .</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;</p> <p>b) Hành hung để tẩu thoát;</p> <p>c) Tái phạm nguy hiểm;</p> <p>d) Chiếm đoạt tài sản là hàng cứu trợ;</p> <p>đ) (được bãi bỏ)</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>b) (được bãi bỏ)</p> <p>c) Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) (được bãi bỏ)</p> <p>c) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.</p>	<p>còn vi phạm;</p> <p>b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 173, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;</p> <p>d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;</p> <p>b) Hành hung để tẩu thoát;</p> <p>c) Tái phạm nguy hiểm;</p> <p>d) Chiếm đoạt tài sản là hàng cứu trợ;</p> <p>đ) (được bãi bỏ)</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 400.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng;</p> <p>b) (được bãi bỏ)</p> <p>c) Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 15 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) (được bãi bỏ)</p> <p>c) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.</p>
<p>Điều 173. Tội trộm cắp tài sản</p> <p>1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000</p>	<p>Điều 173. Tội trộm cắp tài sản</p> <p>1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000</p>

<p>đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;</p> <p>b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;</p> <p>d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;</p> <p>đ) Tài sản là di vật, cổ vật.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;</p> <p>d) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;</p> <p>đ) Hành hung để tẩu thoát;</p> <p>e) Tài sản là bảo vật quốc gia;</p> <p>g) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>b) Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.</p>	<p>5.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 290 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản; mà còn vi phạm</p> <p>b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;</p> <p>d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;</p> <p>đ) Tài sản là di vật, cổ vật.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;</p> <p>d) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;</p> <p>đ) Hành hung để tẩu thoát;</p> <p>e) Tài sản là bảo vật quốc gia;</p> <p>g) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>b) Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 15 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;</p>
---	--

<p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.</p>	<p>b) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp. 5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 10.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng.</p>
<p>Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản</p> <p>1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;</p> <p>b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;</p> <p>d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ .</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;</p> <p>d) Tái phạm nguy hiểm;</p> <p>đ) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>e) Dùng thủ đoạn xảo quyệt;</p> <p>g) (được bãi bỏ)</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới</p>	<p>Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản</p> <p>1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 5.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, <i>nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 290 của Bộ luật này</i>, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;</p> <p>b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;</p> <p>d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;</p> <p>d) Tái phạm nguy hiểm;</p> <p>đ) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>e) Dùng thủ đoạn xảo quyệt;</p> <p>g) (được bãi bỏ)</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p>

<p>500.000.000 đồng; b) (được bãi bỏ) c) Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh. 4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân: a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên; b) (được bãi bỏ) c) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp. 5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	<p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; b) (được bãi bỏ) c) Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh. 4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân: a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên; b) (được bãi bỏ) c) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp. 5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>
<p>Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả; b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.</p>	<p>Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 10.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 10.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả; b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02</p>

<p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có tổ chức; b) Có tính chất chuyên nghiệp; c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng; d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức; đ) Dùng thủ đoạn xảo quyệt; e) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; g) Tái phạm nguy hiểm. <p>3. Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm.</p> <p>4. Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	<p>03 năm đến 07 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có tổ chức; b) Có tính chất chuyên nghiệp; c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng; d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức; đ) Dùng thủ đoạn xảo quyệt; e) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; g) Tái phạm nguy hiểm. <p>3. Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 05 07 năm đến 12 năm.</p> <p>4. Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>
<p>Điều 176. Tội chiếm giữ trái phép tài sản</p> <p>1. Người nào cố tình không trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc không giao nộp cho cơ quan có trách nhiệm tài sản trị giá từ 10.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc dưới 10.000.000 đồng nhưng tài sản là di vật, cổ vật bị giao nhầm hoặc do mình tìm được, bắt được, sau khi chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc cơ quan có trách nhiệm yêu cầu được nhận lại tài sản đó theo quy định của pháp luật, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội chiếm giữ tài sản trị giá 200.000.000 đồng trở lên hoặc bảo vật quốc gia, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>Điều 176. Tội chiếm giữ trái phép tài sản</p> <p>1. Người nào cố tình không trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc không giao nộp cho cơ quan có trách nhiệm tài sản trị giá từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc dưới 10.000.000 20.000.000 đồng nhưng tài sản là di vật, cổ vật bị giao nhầm hoặc do mình tìm được, bắt được, sau khi chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc cơ quan có trách nhiệm yêu cầu được nhận lại tài sản đó theo quy định của pháp luật, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội chiếm giữ tài sản trị giá 200.000.000 đồng trở lên hoặc bảo vật quốc gia, thì bị phạt tù từ 01 02 năm đến 05 năm.</p>

Điều 177. Tội sử dụng trái phép tài sản

1. Người nào vì vụ lợi mà sử dụng trái phép tài sản của người khác trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, đã bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc dưới 500.000.000 đồng nhưng tài sản là di vật, cổ vật nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 219 và Điều 220 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

- a) Tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng;
- b) Tài sản là bảo vật quốc gia;
- c) Phạm tội 02 lần trở lên;
- d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- đ) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội sử dụng trái phép tài sản trị giá 1.500.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Điều 177. Tội sử dụng trái phép tài sản

1. Người nào vì vụ lợi mà sử dụng trái phép tài sản của người khác ***có giá trị từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng hoặc thuộc một trong các trường hợp sau đây***, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 219 và Điều 220 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ ~~10.000.000~~ ***20.000.000*** đồng đến ~~50.000.000~~ ***100.000.000*** đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:

a) Trị giá từ ~~100.000.000~~ ***200.000.000*** đồng đến dưới ~~500.000.000~~ ***1.000.000.000*** đồng, đã bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích ~~mà còn vi phạm~~;

b) Trị giá dưới ~~500.000.000~~ ***1.000.000.000*** đồng nhưng tài sản là di vật, cổ vật.

~~nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 219 và Điều 220 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 10.000.000~~ ***20.000.000*** đồng đến ~~50.000.000~~ ***100.000.000*** đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ ~~50.000.000~~ ***100.000.000*** đồng đến ~~100.000.000~~ ***200.000.000*** đồng hoặc phạt tù từ ~~01~~ ***02*** năm đến 05 năm:

a) Phạm tội có tổ chức;

b) Tài sản trị giá từ ~~500.000.000~~ ***3.000.000.000*** đồng đến dưới ~~1.500.000.000~~ ***9.000.000.000*** đồng;

c) Tài sản trị giá ***từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng nhưng là di vật, cổ vật;***

b) Tài sản ***trị giá dưới 1.000.000.000 đồng nhưng tài sản*** là bảo vật quốc gia;

c) Phạm tội 02 lần trở lên;

d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

đ) Tái phạm nguy hiểm.

	<p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây sử dụng trái phép tài sản trị giá 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 03 05 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Tài sản trị giá từ 9.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Tài sản trị giá từ 3.000.000.000 đồng trở lên nhưng tài sản là di vật, cổ vật;</p> <p>b) Tài sản trị giá từ 1.000.000.000 đồng trở lên nhưng tài sản là bảo vật quốc gia;</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 10.000.000 đồng đến 20.000.000 40.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Điều 178. Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản</p> <p>1. Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này mà còn vi phạm;</p> <p>b) Đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;</p> <p>d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;</p> <p>đ) Tài sản là di vật, cổ vật.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Gây thiệt hại cho tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;</p> <p>c) Tài sản là bảo vật quốc gia;</p>	<p>Điều 178. Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản</p> <p>1. Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 5.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này mà còn vi phạm;</p> <p>b) Đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;</p> <p>d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;</p> <p>đ) Tài sản là di vật, cổ vật.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Gây thiệt hại cho tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;</p> <p>c) Tài sản là bảo vật quốc gia;</p>

<p>d) Dùng chất nguy hiểm về cháy, nổ hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác;</p> <p>đ) Đe dọa giết người phạm khác;</p> <p>e) Vì lý do công vụ của người bị hại;</p> <p>g) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội gây thiệt hại cho tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.</p> <p>4. Phạm tội gây thiệt hại cho tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>d) Dùng chất nguy hiểm về cháy, nổ hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác;</p> <p>đ) Đe dọa giết người phạm khác;</p> <p>e) Vì lý do công vụ của người bị hại;</p> <p>g) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội gây thiệt hại cho tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 05 07 năm đến 10 năm.</p> <p>4. Phạm tội gây thiệt hại cho tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Điều 179. Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp</p> <p>1. Người nào có nhiệm vụ trực tiếp trong công tác quản lý tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, vì thiếu trách nhiệm mà để mất mát, hư hỏng, lãng phí gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt cảnh cáo hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 2.000.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>3. Phạm tội gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trị giá 2.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>Điều 179. Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp</p> <p>1. Người nào có nhiệm vụ trực tiếp trong công tác quản lý tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, vì thiếu trách nhiệm mà để mất mát, hư hỏng, lãng phí gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng, thì bị phạt cảnh cáo tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trị giá từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 2.000.000.000 4.000.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>3. Phạm tội gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trị giá 2.000.000.000 4.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>

<p>Điều 180. Tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản</p> <p>1. Người nào vô ý gây thiệt hại cho tài sản của người khác trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt cảnh cáo hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội gây thiệt hại cho tài sản của người khác trị giá 500.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt cải tạo không giam giữ từ 02 năm đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p>	<p>Điều 180. Tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản</p> <p>1. Người nào vô ý gây thiệt hại cho tài sản của người khác trị giá từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng, thì bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội gây thiệt hại cho tài sản của người khác trị giá 500.000.000 1.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt cải tạo không giam giữ từ 02 năm đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p>
<p>Điều 181. Tội cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, cản trở ly hôn tự nguyện</p> <p>Người nào cưỡng ép người khác kết hôn trái với sự tự nguyện của họ, cản trở người khác kết hôn hoặc duy trì quan hệ hôn nhân tự nguyện, tiến bộ hoặc cưỡng ép hoặc cản trở người khác ly hôn bằng cách hành hạ, ngược đãi, uy hiếp tinh thần, yêu sách của cải hoặc bằng thủ đoạn khác, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 03 năm.</p>	<p>Điều 181. Tội cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, cản trở ly hôn tự nguyện</p> <p>Người nào cưỡng ép người khác kết hôn trái với sự tự nguyện của họ, cản trở người khác kết hôn hoặc duy trì quan hệ hôn nhân tự nguyện, tiến bộ hoặc cưỡng ép hoặc cản trở người khác ly hôn bằng cách hành hạ, ngược đãi, uy hiếp tinh thần, yêu sách của cải hoặc bằng thủ đoạn khác, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 03 năm.</p>
<p>Điều 182. Tội vi phạm chế độ một vợ, một chồng</p> <p>1. Người nào đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc người chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người mà mình biết rõ là đang có chồng, có vợ thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm:</p> <p>a) Làm cho quan hệ hôn nhân của một hoặc hai bên dẫn đến ly hôn;</p> <p>b) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Làm cho vợ, chồng hoặc con của một trong hai bên tự sát;</p> <p>b) Đã có quyết định của Tòa án hủy việc kết hôn hoặc buộc phải</p>	<p>Điều 182. Tội vi phạm chế độ một vợ, một chồng</p> <p>1. Người nào đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc người chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người mà mình biết rõ là đang có chồng, có vợ thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm:</p> <p>a) Làm cho quan hệ hôn nhân của một hoặc hai bên dẫn đến ly hôn;</p> <p>b) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Làm cho vợ, chồng hoặc con của một trong hai bên tự sát;</p> <p>b) Đã có quyết định của Tòa án hủy việc kết hôn hoặc buộc phải chấm dứt việc chung sống như vợ chồng trái với chế độ một vợ, một chồng</p>

chấm dứt việc chung sống như vợ chồng trái với chế độ một vợ, một chồng mà vẫn duy trì quan hệ đó.	mà vẫn duy trì quan hệ đó.
Điều 183. Tội tổ chức tảo hôn Người nào tổ chức việc lấy vợ, lấy chồng cho những người chưa đến tuổi kết hôn, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm.	Điều 183. Tội tổ chức tảo hôn Người nào tổ chức việc lấy vợ, lấy chồng cho những người chưa đến tuổi kết hôn, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm.
Điều 184. Tội loạn luân Người nào giao cấu với người mà biết rõ người đó cùng dòng máu về trực hệ, là anh chị em cùng cha mẹ, anh chị em cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.	Điều 184. Tội loạn luân 1. Người nào giao cấu với người mà biết rõ người đó cùng dòng máu về trực hệ, là anh chị em cùng cha mẹ, anh chị em cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm , phạt tù từ 01 năm đến 05 03 năm. 2. Phạm tội đối với từ 02 người trở lên thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.
Điều 185. Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình 1. Người nào đối xử tồi tệ hoặc có hành vi bạo lực xâm phạm thân thể ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: a) Thường xuyên làm cho nạn nhân bị đau đớn về thể xác, tinh thần; b) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm: a) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu; b) Đối với người khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng hoặc người mắc bệnh hiểm nghèo.	Điều 185. Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình 1. Người nào đối xử tồi tệ hoặc có hành vi bạo lực xâm phạm thân thể ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: a) Thường xuyên làm cho nạn nhân bị đau đớn về thể xác, tinh thần; b) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm: a) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu; b) Đối với người khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng hoặc người mắc bệnh hiểm nghèo.

<p>Điều 186. Tội từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng Người nào có nghĩa vụ cấp dưỡng và có khả năng thực tế để thực hiện việc cấp dưỡng đối với người mà mình có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật mà từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng, làm cho người được cấp dưỡng lâm vào tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này mà còn vi phạm, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 380 của Bộ luật này, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p>	<p>Điều 186. Tội từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng Người nào có nghĩa vụ cấp dưỡng và có khả năng thực tế để thực hiện việc cấp dưỡng đối với người mà mình có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật mà từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng, làm cho người được cấp dưỡng lâm vào tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này mà còn vi phạm, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 380 của Bộ luật này, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p>
<p>Điều 187. Tội tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại 1. Người nào tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: a) Đối với 02 người trở lên; b) Phạm tội 02 lần trở lên; c) Lợi dụng danh nghĩa của cơ quan, tổ chức; d) Tái phạm nguy hiểm. 3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>Điều 187. Tội tổ chức <i>hoặc môi giới</i> mang thai hộ vì mục đích thương mại 1. Người nào tổ chức <i>hoặc môi giới</i> mang thai hộ vì mục đích thương mại, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến 200.000.000 400.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: a) Đối với 02 người trở lên; b) Phạm tội 02 lần trở lên; c) Lợi dụng danh nghĩa của cơ quan, tổ chức; d) Tái phạm nguy hiểm. 3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Điều 188. Tội buôn lậu 1. Người nào buôn bán qua biên giới hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại trái pháp luật hàng hóa, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng</p>	<p>Điều 188. Tội buôn lậu, <i>kinh doanh, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ</i> 1. Người nào buôn bán, <i>vận chuyển</i> qua biên giới hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại trái pháp luật mà vi phạm quy định về thuế, phí, lệ phí, chính sách quản lý nhà nước về xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu đối với hàng</p>

<p>đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các điều 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196 và 200 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>b) Vật phạm pháp là di vật, cổ vật.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>c) Vật phạm pháp trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>d) Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>đ) Vật phạm pháp là bảo vật quốc gia;</p> <p>e) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>g) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>h) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>i) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 1.500.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Vật phạm pháp trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Thu lợi bất chính từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Vật phạm pháp trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 1.000.000.000 đồng trở lên;</p>	<p>hóa, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý, tiền Việt Nam hoặc kinh doanh, vận chuyển hàng hóa trong nước mà biết là có xuất xứ từ nước ngoài nhưng không có giấy tờ hợp pháp chứng minh nguồn gốc trị giá từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 600.000.000 đồng hoặc từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 200.000.000 đồng thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 190 Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến 300.000.000 600.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 03 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này từ lần hoặc tại một trong các điều 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196 và 200 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>b) Vật phạm pháp là di vật, cổ vật.</p> <p>c) Vật phạm pháp là thuốc lá điều từ 1.500 bao đến dưới 3.000 bao;</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 600.000.000 đồng đến 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>c) Vật phạm pháp trị giá từ 300.000.000 600.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng;</p> <p>d) Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>đ) Vật phạm pháp là bảo vật quốc gia;</p> <p>c) Vật phạm pháp là thuốc lá điều từ 3000 bao đến dưới 4.500 bao;</p> <p>e) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>g) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>h) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>i) Tái phạm nguy hiểm.</p>
--	--

<p>c) Lợi dụng chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh hoặc hoàn cảnh đặc biệt khó khăn khác.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p> <p>6.115 Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này với hàng hóa, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng; hàng hóa trị giá dưới 200.000.000 đồng nhưng là di vật, cổ vật; hàng hóa, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các điều 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196 và 200 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, h và i khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 3.000.000.000 đồng đến 7.000.000.000 đồng;</p> <p>d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, thì bị phạt tiền từ 7.000.000.000 đồng đến 15.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;</p> <p>đ) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p> <p>e) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	<p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 10.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 07 năm đến 15 12 năm:</p> <p>a) Vật phạm pháp trị giá từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Thu lợi bất chính từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Vật phạm pháp trị giá từ 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Lợi dụng chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh hoặc hoàn cảnh đặc biệt khó khăn khác.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 40.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p> <p>6. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này với hàng hóa, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý trị giá từ 200.000.000 400.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 600.000.000 đồng; hàng hóa trị giá dưới 200.000.000 400.000.000 đồng nhưng là di vật, cổ vật; hàng hóa, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý trị giá từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 400.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các điều 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196 và 200 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 600.000.000 đồng đến 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng;</p>
--	--

	<p>b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, h và i khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 6.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 3.000.000.000 6.000.000.000 đồng đến 7.000.000.000 14.000.000.000 đồng;</p> <p>d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, thì bị phạt tiền từ 7.000.000.000 14.000.000.000 đồng đến 15.000.000.000 30.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;</p> <p>đ) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p> <p>e) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến 300.000.000 600.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>
<p>Điều 189. Tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới</p> <p>1. Người nào vận chuyển qua biên giới hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại trái pháp luật hàng hóa, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các điều 188, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196 và 200 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>b) Vật phạm pháp là di vật, cổ vật.</p>	<p>Điều 189. Tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới</p> <p>1. Người nào vận chuyển qua biên giới hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại trái pháp luật hàng hóa, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý trị giá từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 600.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 200.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 40.000.000 đồng đến 200.000.000 400.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các điều 188, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196 và 200 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p>

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

- Có tổ chức;
- Vật phạm pháp trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;
- Vật phạm pháp là bảo vật quốc gia;
- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;
- Phạm tội 02 lần trở lên;
- Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội trong trường hợp vật phạm pháp trị giá 500.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

5. 118 Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:

- Thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này với hàng hóa, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng; hàng hóa trị giá dưới 200.000.000 đồng nhưng là di vật, cổ vật; hàng hóa, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các điều 188, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196 và 200 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng;
- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, e và g khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng

b) Vật phạm pháp là di vật, cổ vật.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 ~~đồng đến 1.000.000.000 đồng~~ **400.000.000** đồng đến 1.000.000.000 ~~đồng~~ **2.000.000.000** đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

- Có tổ chức;
- Vật phạm pháp trị giá từ 300.000.000 ~~đồng đến dưới 500.000.000 đồng~~ **600.000.000** đồng đến dưới 500.000.000 ~~đồng~~ **1.000.000.000** đồng;
- Vật phạm pháp là bảo vật quốc gia;
- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;
- Phạm tội 02 lần trở lên;
- Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội trong trường hợp vật phạm pháp trị giá 500.000.000 ~~đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng~~ **1.000.000.000** đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 ~~đồng~~ **2.000.000.000** đồng đến 3.000.000.000 ~~đồng~~ **6.000.000.000** đồng hoặc phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 ~~đồng đến 50.000.000 đồng~~ **20.000.000** đồng đến 50.000.000 ~~đồng~~ **100.000.000** đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

5. ~~Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:~~

- ~~Thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này với hàng hóa, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng; hàng hóa trị giá dưới 200.000.000 đồng nhưng là di vật, cổ vật; hàng hóa, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các điều 188, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196 và 200 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một~~

<p>đến 2.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;</p> <p>d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p> <p>đ) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	<p>trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 400.000.000 đồng đến 500.000.000 1.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, e và g khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến 2.000.000.000 4.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 4.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 10.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;</p> <p>d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p> <p>đ) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến 200.000.000 400.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>
<p>Điều 190. Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 232, 234, 244, 246, 248, 251, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng từ 50 kilôgam đến dưới 100 kilôgam hoặc từ 50 lít đến dưới 100 lít;</p> <p>b) Buôn bán thuốc lá điều nhập lậu từ 1.500 bao đến dưới 3.000 bao;</p> <p>c) Sản xuất, buôn bán pháo nổ từ 06 kilôgam đến dưới 40 kilôgam;</p> <p>d) Sản xuất, buôn bán hàng hóa khác mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;</p>	<p>Điều 190. Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 232, 234, 244, 246, 248, 251, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng từ 50 kilôgam đến dưới 100 kilôgam hoặc từ 50 lít đến dưới 100 lít;</p> <p>b) Sản xuất, buôn bán, kinh doanh khí N2O dùng vào mục đích trái pháp luật có thể tích từ 300 lít đến dưới 1.000 lít;</p> <p>b) Buôn bán thuốc lá điều nhập lậu từ 1.500 bao đến dưới 3.000 bao;</p> <p>c) Sản xuất, buôn bán pháo nổ từ 06 kilôgam đến dưới 40 kilôgam;</p>

<p>đ) Sản xuất, buôn bán hàng hóa chưa được phép lưu hành, chưa được phép sử dụng tại Việt Nam trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng;</p> <p>e) Sản xuất, buôn bán hàng hóa dưới mức quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các điều 188, 189, 191, 192, 193, 194, 195, 196 và 200 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>c) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>d) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>đ) Thuốc bảo vệ thực vật mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng từ 100 kilôgam đến dưới 300 kilôgam hoặc từ 100 lít đến dưới 300 lít;</p> <p>e) Thuốc lá điều nhập lậu từ 3.000 bao đến dưới 4.500 bao;</p> <p>g) Pháo nổ từ 40 kilôgam đến dưới 120 kilôgam;</p> <p>h) Hàng hóa khác mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>i) Hàng hóa chưa được phép lưu hành, chưa được phép sử dụng tại Việt Nam trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 300.000.000 đồng đến dưới 700.000.000 đồng;</p> <p>k) Buôn bán qua biên giới, trừ hàng hóa là thuốc lá điều nhập lậu;</p>	<p>đđ) Sản xuất, buôn bán hàng hóa khác mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng hoặc khi sử dụng trái mục đích gây tác hại nghiêm trọng cho sức khỏe con người hoặc gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội trị giá từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 600.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 400.000.000 đồng;</p> <p>đe) Sản xuất, buôn bán hàng hóa chưa được phép lưu hành, chưa được phép sử dụng tại Việt Nam trị giá từ 200.000.000 400.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 600.000.000 đồng;</p> <p>eg) Sản xuất, buôn bán hàng hóa dưới mức quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các điều 188, 189, 191, 192, 193, 194, 195, 196 và 200 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 6.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>c) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>d) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>đ) Thuốc bảo vệ thực vật mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng từ 100 kilôgam đến dưới 300 kilôgam hoặc từ 100 lít đến dưới 300 lít;</p> <p>e) Sản xuất, buôn bán, kinh doanh khí N₂O dùng vào mục đích trái pháp luật có thể tích từ 1.000 lít đến dưới 3.000 lít;</p> <p>eg) Thuốc lá điều nhập lậu từ 3.000 bao đến dưới 4.500 bao;</p>
--	--

<p>l) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 08 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Thuốc bảo vệ thực vật mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng 300 kilôgam trở lên hoặc 300 lít trở lên;</p> <p>b) Thuốc lá điều nhập lậu 4.500 bao trở lên;</p> <p>c) Pháo nổ 120 kilôgam trở lên;</p> <p>d) Hàng hóa khác mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng trị giá 500.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>đ) Hàng hóa chưa được phép lưu hành, chưa được phép sử dụng tại Việt Nam trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính 700.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, d, đ, e, g, h, i, k và l khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 3.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 6.000.000.000 đồng đến 9.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;</p> <p>d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p> <p>đ) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	<p>gh) Pháo nổ từ 40 kilôgam đến dưới 120 kilôgam;</p> <p>hi) Hàng hóa khác mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng trị giá từ 300.000.000 600.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 200.000.000 400.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng;</p> <p>ik) Hàng hóa chưa được phép lưu hành, chưa được phép sử dụng hoặc hàng hoá khi sử dụng gây tác hại cho sức khoẻ con người, ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại Việt Nam trị giá từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 300.000.000 600.000.000 đồng đến dưới 700.000.000 1.400.000.000 đồng;</p> <p>kl) Buôn bán qua biên giới, trừ hàng hóa là thuốc lá điều nhập lậu;</p> <p>lm) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 08 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Thuốc bảo vệ thực vật mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng 300 kilôgam trở lên hoặc 300 lít trở lên;</p> <p>b) Sản xuất, buôn bán, kinh doanh khí N2O dùng vào mục đích trái pháp luật có thể tích từ 3.000 lít trở lên;</p> <p>bc) Thuốc lá điều nhập lậu 4.500 bao trở lên;</p> <p>cđ) Pháo nổ 120 kilôgam trở lên;</p> <p>dd) Hàng hóa khác mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng trị giá 500.000.000 1.000.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính 500.000.000 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>đe) Hàng hóa chưa được phép lưu hành, chưa được phép sử dụng hoặc hàng hoá khi sử dụng gây tác hại cho sức khoẻ con người, ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại Việt Nam trị giá 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính 700.000.000 1.400.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000</p>
---	--

	<p>40.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 2.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 6.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, d, đ, e, g, h, i, k và l khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 3.000.000.000 6.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 12.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 6.000.000.000 12.000.000.000 đồng đến 9.000.000.000 18.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;</p> <p>d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p> <p>đ) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến 200.000.000 400.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>
<p>Điều 191. Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm</p> <p>1. Người nào tàng trữ, vận chuyển hàng cấm thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 232, 234, 239, 244, 246, 249, 250, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Thuốc bảo vệ thực vật mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng từ 50 kilôgam đến dưới 100 kilôgam hoặc từ 50 lít đến dưới 100 lít;</p>	<p>Điều 191. Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm</p> <p>1. Người nào tàng trữ, vận chuyển hàng cấm thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 232, 234, 239, 244, 246, 249, 250, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến 300.000.000 600.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Thuốc bảo vệ thực vật mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng từ 50 kilôgam đến dưới 100 kilôgam hoặc từ 50 lít</p>

<p>b) Thuốc lá điều nhập lậu từ 1.500 bao đến dưới 3.000 bao; c) Pháo nổ từ 06 kilôgam đến dưới 40 kilôgam; d) Hàng hóa khác mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng; đ) Hàng hóa chưa được phép lưu hành, chưa được phép sử dụng tại Việt Nam trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng; e) Hàng hóa dưới mức quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các điều 188, 189, 190, 192, 193, 194, 195, 196 và 200 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2.126 Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức; b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; c) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức; d) Có tính chất chuyên nghiệp; đ) Thuốc bảo vệ thực vật mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng từ 100 kilôgam đến dưới 300 kilôgam hoặc từ 100 lít đến dưới 300 lít; e) Thuốc lá điều nhập lậu từ 3.000 bao đến dưới 4.500 bao; g) Pháo nổ từ 40 kilôgam đến dưới 120 kilôgam; h) Hàng hóa khác mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p>	<p>đến dưới 100 lít; b) Sản xuất, buôn bán, kinh doanh khí N₂O dùng vào mục đích trái pháp luật có thể tích từ 300 lít đến dưới 1.000 lít; b) Thuốc lá điều nhập lậu từ 1.500 bao đến dưới 3.000 bao; c) Pháo nổ từ 06 kilôgam đến dưới 40 kilôgam; đ) Hàng hóa khác mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng; đ) Hàng hóa chưa được phép lưu hành, chưa được phép sử dụng hoặc hàng hoá khi sử dụng gây tác hại cho sức khoẻ con người, ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại Việt Nam trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng; e) Hàng hóa dưới mức quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các điều 188, 189, 190, 192, 193, 194, 195, 196 và 200 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức; b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; c) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức; d) Có tính chất chuyên nghiệp; đ) Thuốc bảo vệ thực vật mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng từ 100 kilôgam đến dưới 300 kilôgam hoặc từ 100 lít đến dưới 300 lít; e) Sản xuất, buôn bán, kinh doanh khí N₂O dùng vào mục</p>
---	---

i) Hàng hóa chưa được phép lưu hành, chưa được phép sử dụng tại Việt Nam trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 300.000.000 đồng đến dưới 700.000.000 đồng;

k) Vận chuyển qua biên giới, trừ hàng hóa là thuốc lá điều nhập lậu;

l) Tái phạm nguy hiểm.

3.127 Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) Thuốc bảo vệ thực vật mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng 300 kilôgam trở lên hoặc 300 lít trở lên;

b) Thuốc lá điều nhập lậu 4.500 bao trở lên;

c) Pháo nổ 120 kilôgam trở lên;

d) Hàng hóa khác mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng trị giá 500.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên;

đ) Hàng hóa chưa được phép lưu hành, chưa được phép sử dụng tại Việt Nam trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính 700.000.000 đồng trở lên.

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:

a) 128 Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng;

b) 129 Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, d, đ, e, g, h, i, k và l khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng;

c) 130 Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 3.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;

đích trái pháp luật có thể tích từ 1.000 lít đến dưới 3.000 lít;

eg) Thuốc lá điều nhập lậu từ 3.000 bao đến dưới 4.500 bao;

gh) Pháo nổ từ 40 kilôgam đến dưới 120 kilôgam;

hi) Hàng hóa khác mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng trị giá từ 300.000.000 **600.000.000** đồng đến dưới 500.000.000 **1.000.000.000** đồng hoặc thu lợi bất chính từ 200.000.000 **400.000.000** đồng đến dưới 500.000.000 **1.000.000.000** đồng;

ik) Hàng hóa chưa được phép lưu hành, chưa được phép sử dụng ***hoặc hàng hoá khi sử dụng gây tác hại cho sức khoẻ con người, ảnh hưởng đến an ninh trật tự*** tại Việt Nam trị giá từ 500.000.000 **1.000.000.000** đồng đến dưới 1.000.000.000 **2.000.000.000** đồng hoặc thu lợi bất chính từ 300.000.000 **600.000.000** đồng đến dưới 700.000.000 **1.400.000.000** đồng;

kl) Vận chuyển qua biên giới, trừ hàng hóa là thuốc lá điều nhập lậu;

lm) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) Thuốc bảo vệ thực vật mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng 300 kilôgam trở lên hoặc 300 lít trở lên;

b) Sản xuất, buôn bán, kinh doanh khí N2O dùng vào mục đích trái pháp luật có thể tích từ 3.000 lít trở lên;

b) Thuốc lá điều nhập lậu 4.500 bao trở lên;

c) Pháo nổ 120 kilôgam trở lên;

d) Hàng hóa khác mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng trị giá 500.000.000 **1.000.000.000** đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính 500.000.000 **1.000.000.000** đồng trở lên;

đ) Hàng hóa chưa được phép lưu hành, chưa được phép sử dụng ***hoặc hàng hoá khi sử dụng gây tác hại cho sức khoẻ con người, ảnh hưởng đến an ninh trật tự*** tại Việt Nam trị giá 1.000.000.000

<p>d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p> <p>đ) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	<p>2.000.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính 700.000.000 1.400.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 600.000.000 đồng đến 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, d, đ, e, g, h, i, k và l khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 6.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 3.000.000.000 6.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 10.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;</p> <p>d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p> <p>đ) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến 200.000.000 400.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>
<p>Điều 192. Tội sản xuất, buôn bán hàng giả</p> <p>1. [133] Người nào sản xuất, buôn bán hàng giả thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 193, 194 và 195 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa</p>	<p>Điều 192. Tội sản xuất, buôn bán hàng giả</p> <p>1. Người nào sản xuất, buôn bán hàng giả thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 193, 194 và 195 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Hàng giả tương đương với số lượng của của hàng thật hoặc</p>

có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá từ 30.000.000 đồng đến dưới 150.000.000 đồng hoặc dưới 30.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các điều 188, 189, 190, 191, 193, 194, 195, 196 và 200 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;

c) Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;

d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

2. [\[134\]](#) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;

đ) Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá từ 150.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

e) Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

g) Làm chết người;

h) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

i) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;

k) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng;

l) Buôn bán qua biên giới;

hàng hoá có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá từ ~~30.000.000~~ **60.000.000** đồng đến dưới ~~150.000.000~~ **300.000.000** đồng hoặc dưới ~~30.000.000~~ **60.000.000** đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các điều 188, 189, 190, 191, 193, 194, 195, 196 và 200 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;

c) Thu lợi bất chính từ ~~50.000.000~~ **100.000.000** đồng đến dưới ~~100.000.000~~ **200.000.000** đồng;

d) Gây thiệt hại về tài sản từ ~~100.000.000~~ **200.000.000** đồng đến dưới ~~500.000.000~~ **1.000.000.000** đồng.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;

đ) Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá từ ~~150.000.000~~ **300.000.000** đồng đến dưới ~~500.000.000~~ **1.000.000.000** đồng;

e) Thu lợi bất chính từ ~~100.000.000~~ **200.000.000** đồng đến dưới ~~500.000.000~~ **1.000.000.000** đồng;

g) Làm chết người;

h) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

i) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;

k) Gây thiệt hại về tài sản từ ~~500.000.000~~ **1.000.000.000** đồng

<p>m) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. [135] Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Làm chết 02 người trở lên;</p> <p>d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 122% trở lên;</p> <p>đ) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. [136] Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p> <p>5. [137] Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, đ, e, g, h, i, k, l và m khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 6.000.000.000 đồng đến 12.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 12.000.000.000 đồng đến 18.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;</p> <p>d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p> <p>đ) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03</p>	<p>đến dưới 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng;</p> <p>l) Buôn bán qua biên giới;</p> <p>m) Tái phạm nguy hiểm;</p> <p><i>n) Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử để thực hiện tội phạm;</i></p> <p><i>o) Hàng giả là mỹ phẩm; vật liệu xây dựng; thiết bị, vật tư ngành điện; sản phẩm dễ cháy, nổ;</i></p> <p><i>p) Sử dụng các nền tảng thương mại điện tử có từ 10.000 tài khoản theo dõi, đăng ký hoặc thành viên đến 100.000 tài khoản theo dõi, đăng ký hoặc thành viên.</i></p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá 500.000.000 từ 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 500.000.000 từ 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Làm chết 02 người trở lên;</p> <p>d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 122% trở lên;</p> <p>đ) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 từ 3.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p><i>e) Sử dụng các nền tảng thương mại điện tử có từ 100.000 tài khoản theo dõi, đăng ký hoặc thành viên trở lên.</i></p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p> <p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì</p>
---	--

<p>năm.</p>	<p>bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, đ, e, g, h, i, k, l, m và n khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 6.000.000.000 đồng đến 12.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 12.000.000.000 đồng đến 18.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;</p> <p>d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p> <p>đ) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>
<p>Điều 193. Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm</p> <p>1. Người nào sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.</p> <p>2. [138] Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>c) Tái phạm nguy hiểm;</p> <p>d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>đ) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>e) Buôn bán qua biên giới;</p> <p>g) Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá từ 150.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>h) Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>i) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p>	<p>Điều 193. Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm</p> <p>1. Người nào sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>c) Tái phạm nguy hiểm;</p> <p>d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>đ) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>e) Buôn bán qua biên giới;</p> <p>g) Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá từ 150.000.000 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng;</p> <p>h) Thu lợi bất chính từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng;</p> <p>i) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p>

<p>k) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>3.[139] Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Thu lợi bất chính từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng;</p> <p>d) Làm chết người;</p> <p>đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>e) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%.</p> <p>4.[140] Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Thu lợi bất chính 1.500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Làm chết 02 người trở lên;</p> <p>d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 122% trở lên.</p> <p>5.[141] Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p> <p>6.[142] Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p>	<p>k) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng;</p> <p><i>l) Sử dụng các nền tảng thương mại điện tử có từ 10.000 tài khoản theo dõi, đăng ký hoặc thành viên đến 100.000 tài khoản theo dõi, đăng ký hoặc thành viên;</i></p> <p><i>m) Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử để thực hiện tội phạm.</i></p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá 500.000.000 từ 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Thu lợi bất chính từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng;</p> <p>d) Làm chết người;</p> <p>đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61 % trở lên;</p> <p>e) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%.</p> <p><i>g) Sử dụng các nền tảng thương mại điện tử có từ 100.000 tài khoản theo dõi, đăng ký hoặc thành viên đến 300.000 tài khoản theo dõi, đăng ký hoặc thành viên;</i></p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Thu lợi bất chính 1.500.000.000 từ 3.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 từ 3.000.000.000 đồng trở lên;</p>
---	---

<p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, e, g, h, i và k khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 6.000.000.000 đồng đến 12.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 12.000.000.000 đồng đến 18.000.000.000 đồng;</p> <p>d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, thì bị phạt tiền từ 18.000.000.000 đồng đến 36.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;</p> <p>đ) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p> <p>e) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	<p>c) Làm chết 02 người trở lên;</p> <p>d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 122% trở lên.</p> <p><i>đ) Sử dụng các nền tảng thương mại điện tử có từ 300.000 tài khoản theo dõi, đăng ký hoặc thành viên trở lên;</i></p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p> <p>6. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, e, g, h, i và k khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 6.000.000.000 đồng đến 12.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 12.000.000.000 đồng đến 18.000.000.000 đồng;</p> <p>d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, thì bị phạt tiền từ 18.000.000.000 đồng đến 36.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;</p> <p>đ) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p> <p>e) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>
	<p><i>Điều 193a. Tội sản xuất, buôn bán lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm, thức ăn dùng để chăn nuôi vi phạm quy định về chất lượng</i></p> <p><i>1. Người nào được phép sản xuất, kinh doanh lương thực,</i></p>

	<p><i>thực phẩm, phụ gia thực phẩm, thức ăn dùng để chăn nuôi mà biết rõ hàng hóa đó có hàm lượng chất chính hoặc định lượng chất dinh dưỡng, đặc tính kỹ thuật chỉ đạt mức 70% trở xuống so với tiêu chuẩn công bố hoặc ghi trên nhãn, thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:</i></p> <p>a) Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hoá có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá từ 30.000.000 60.000.000 đồng đến dưới 150.000.000 300.000.000 đồng hoặc dưới 30.000.000 60.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các điều 188, 189, 190, 191, 193, 194, 195, 196 và 200 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>c) Thu lợi bất chính từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 200.000.000 đồng;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>đ) Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hoá có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá từ 150.000.000 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng;</p> <p>e) Thu lợi bất chính từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng;</p> <p>k) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng</p>
--	--

	<p>đến dưới 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng;</p> <p>l) Buôn bán qua biên giới;</p> <p>m) Tái phạm nguy hiểm;</p> <p><i>n) Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử để thực hiện tội phạm;</i></p> <p><i>o) Hàng giả là mỹ phẩm; vật liệu xây dựng; thiết bị, vật tư ngành điện; sản phẩm dễ cháy, nổ;</i></p> <p><i>p) Sử dụng các nền tảng thương mại điện tử có từ 10.000 tài khoản theo dõi, đăng ký hoặc thành viên đến 100.000 tài khoản theo dõi, đăng ký hoặc thành viên.</i></p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá 500.000.000 từ 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 500.000.000 từ 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Làm chết 02 người trở lên;</p> <p>d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 122% trở lên;</p> <p>đ) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 từ 3.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p><i>e) Sử dụng các nền tảng thương mại điện tử có từ 100.000 tài khoản theo dõi, đăng ký hoặc thành viên trở lên.</i></p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p> <p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì</p>
--	---

	<p>bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, đ, e, g, h, i, k, l, m và n khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 6.000.000.000 đồng đến 12.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 12.000.000.000 đồng đến 18.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;</p> <p>d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p> <p>đ) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>
<p>Điều 194. Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh</p> <p>1. Người nào sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p> <p>2. [143] Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>c) Tái phạm nguy hiểm;</p> <p>d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>đ) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>e) Buôn bán qua biên giới;</p> <p>g) Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá từ 150.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>h) Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>i) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p>	<p>Điều 194. Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh</p> <p>1. Người nào sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>c) Tái phạm nguy hiểm;</p> <p>d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>đ) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>e) Buôn bán qua biên giới;</p> <p>g) Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá từ 150.000.000 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng;</p> <p>h) Thu lợi bất chính từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng;</p> <p>i) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p>

<p>k) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>3.[144] Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Thu lợi bất chính từ 500.000.000 đồng đến dưới 2.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Làm chết người;</p> <p>d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>e) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>4.[145] Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Thu lợi bất chính 2.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Làm chết 02 người trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 122% trở lên;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>5.[146] Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p> <p>6.[147] Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p>	<p>k) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng.</p> <p><i>l) Sử dụng các nền tảng thương mại điện tử có từ 10.000 tài khoản theo dõi, đăng ký hoặc thành viên đến 100.000 tài khoản theo dõi, đăng ký hoặc thành viên;</i></p> <p><i>m) Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử để thực hiện tội phạm.</i></p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá 500.000.000 từ 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Thu lợi bất chính từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 2.000.000.000 4.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Làm chết người;</p> <p>d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>e) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng.</p> <p><i>g) Sử dụng các nền tảng thương mại điện tử có từ 100.000 tài khoản theo dõi, đăng ký hoặc thành viên đến 300.000 tài khoản theo dõi, đăng ký hoặc thành viên.</i></p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Thu lợi bất chính 2.000.000.000 4.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Làm chết 02 người trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 122% trở</p>
---	--

<p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 8.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, e, g, h, i và k khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 8.000.000.000 đồng đến 18.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 18.000.000.000 đồng đến 30.000.000.000 đồng;</p> <p>d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, thì bị phạt tiền từ 30.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 năm đến 03 năm;</p> <p>đ) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p> <p>e) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	<p>lên;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p><i>đ) Sử dụng các nền tảng thương mại điện tử có từ 300.000 tài khoản theo dõi, đăng ký hoặc thành viên trở lên.</i></p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p> <p>6. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 8.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, e, g, h, i và k khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 8.000.000.000 đồng đến 18.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 18.000.000.000 đồng đến 30.000.000.000 đồng;</p> <p>d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, thì bị phạt tiền từ 30.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 năm đến 03 năm;</p> <p>đ) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p> <p>e) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>
<p>Điều 195. Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, giống vật nuôi^[148]</p> <p>1.^[149] Người nào sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây</p>	<p>Điều 195. Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, giống vật nuôi</p> <p>1. Người nào sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây</p>

trồng, giống vật nuôi thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá từ 30.000.000 đồng đến dưới 150.000.000 đồng hoặc dưới 30.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 196 và 200 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

c) Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

2. [\[150\]](#) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Tái phạm nguy hiểm;

d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

đ) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;

e) Buôn bán qua biên giới;

g) Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá từ 150.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

h) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng;

i) Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

3. [\[151\]](#) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:

a) Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa

trồng, giống vật nuôi thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá từ ~~30.000.000~~ **60.000.000** đồng đến dưới ~~150.000.000~~ **300.000.000** đồng hoặc dưới ~~30.000.000~~ **60.000.000** đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 196 và 200 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

c) Thu lợi bất chính từ ~~50.000.000~~ **100.000.000** đồng đến dưới ~~100.000.000~~ **200.000.000** đồng.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Tái phạm nguy hiểm;

d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

đ) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;

e) Buôn bán qua biên giới;

g) Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá từ ~~150.000.000~~ **300.000.000** đồng đến dưới ~~500.000.000~~ **1.000.000.000** đồng;

h) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng;

i) Thu lợi bất chính từ ~~100.000.000~~ **200.000.000** đồng đến dưới ~~500.000.000~~ **1.000.000.000** đồng.

k) Sử dụng các nền tảng thương mại điện tử có từ 10.000 tài

có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá 500.000.000 đồng trở lên;

b) Gây thiệt hại về tài sản từ 1.500.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng;

c) Thu lợi bất chính từ 500.000.000 đồng đến dưới 2.000.000.000 đồng.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

a) Gây thiệt hại về tài sản 3.000.000.000 đồng trở lên;

b) Thu lợi bất chính 2.000.000.000 đồng trở lên.

5. [\[152\]](#) Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

6. [\[153\]](#) Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:

a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng;

b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, e, g, h và i khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 6.000.000.000 đồng đến 12.000.000.000 đồng;

c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 12.000.000.000 đồng đến 18.000.000.000 đồng;

d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, thì bị phạt tiền từ 18.000.000.000 đồng đến 30.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;

đ) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;

e) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03

khoản theo dõi, đăng ký hoặc thành viên đến 100.000 tài khoản theo dõi, đăng ký hoặc thành viên;

l) Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử để thực hiện tội phạm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:

a) Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá ~~500.000.000~~ **1.000.000.000** đồng trở lên;

b) Gây thiệt hại về tài sản từ 1.500.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng;

c) Thu lợi bất chính từ ~~500.000.000~~ **1.000.000.000** đồng đến dưới ~~2.000.000.000~~ **4.000.000.000** đồng.

d) Sử dụng các nền tảng thương mại điện tử có từ 100.000 tài khoản theo dõi, đăng ký hoặc thành viên đến 300.000 tài khoản theo dõi, đăng ký hoặc thành viên;

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

a) Gây thiệt hại về tài sản 3.000.000.000 đồng trở lên;

b) Thu lợi bất chính ~~2.000.000.000~~ **4.000.000.000** đồng trở lên.

c) Sử dụng các nền tảng thương mại điện tử có từ 300.000 tài khoản theo dõi, đăng ký hoặc thành viên trở lên;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

6. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:

a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng;

b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các

<p>năm.</p>	<p>điểm a, b, c, e, g, h và i khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 6.000.000.000 đồng đến 12.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 12.000.000.000 đồng đến 18.000.000.000 đồng;</p> <p>d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, thì bị phạt tiền từ 18.000.000.000 đồng đến 30.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;</p> <p>đ) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p> <p>e) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>
<p>Điều 196. Tội đầu cơ</p> <p>1. Người nào lợi dụng tình hình khan hiếm hoặc tạo ra sự khan hiếm giả tạo trong tình hình thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh hoặc tình hình khó khăn về kinh tế mua vét hàng hóa thuộc danh mục mặt hàng bình ổn giá hoặc thuộc danh mục hàng hóa được Nhà nước định giá nhằm bán lại để thu lợi bất chính thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Hàng hóa trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng;</p> <p>b) Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>c) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>d) Hàng hóa trị giá từ 1.500.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000</p>	<p>Điều 196. Tội đầu cơ</p> <p>1. Người nào lợi dụng tình hình khan hiếm hoặc tạo ra sự khan hiếm giả tạo trong tình hình thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh hoặc tình hình khó khăn về kinh tế mua vét hàng hóa thuộc danh mục mặt hàng bình ổn giá hoặc thuộc danh mục hàng hóa được Nhà nước định giá nhằm bán lại để thu lợi bất chính thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 60.000.000 đồng đến 300.000.000 600.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Hàng hóa trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng;</p> <p>b) Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 600.000.000 đồng đến 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>c) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>d) Hàng hóa trị giá từ 1.500.000.000 đồng đến dưới</p>

<p>đồng;</p> <p>đ) Thu lợi bất chính từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>e) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 1.500.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Hàng hóa trị giá 3.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị xử phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, d, đ và e khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 4.000.000.000 đồng đến 9.000.000.000 đồng;</p> <p>d) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	<p>3.000.000.000 đồng;</p> <p>đ) Thu lợi bất chính từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p><i>e) Đang trong tình trạng khẩn cấp, chiến tranh, thiên tai hoặc dịch bệnh;</i></p> <p>e) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 10.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Hàng hóa trị giá 3.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 40.000.000 đồng đến 200.000.000 400.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị xử phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 600.000.000 đồng đến 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, d, đ và e khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng đến 4.000.000.000 8.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 4.000.000.000 8.000.000.000 đồng đến 9.000.000.000 18.000.000.000 đồng;</p> <p>d) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến 300.000.000 600.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>
--	---

<p>Điều 197. Tội quảng cáo gian dối</p> <p>1. Người nào quảng cáo gian dối về hàng hóa, dịch vụ, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.</p> <p>2. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>Điều 197. Tội vi phạm quy định về quảng cáo</p> <p>1. Người nào quảng cáo gian dối về hàng hóa, dịch vụ, thực hiện hành vi thuộc một trong các trường hợp sau đây, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm:</p> <p><i>a) Quảng cáo không đúng hoặc gây nhầm lẫn về khả năng kinh doanh, khả năng cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; về số lượng, chất lượng, giá, công dụng, kiểu dáng, bao bì, nhãn hiệu, xuất xứ, chủng loại, phương thức phục vụ, thời hạn bảo hành của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã đăng ký hoặc đã được công bố;</i></p> <p><i>b) Quảng cáo các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cấm quảng cáo theo quy định pháp luật về quảng cáo, nếu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;</i></p> <p>2. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 03 năm:</p> <p><i>a) Quảng cáo hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh theo quy định;</i></p> <p><i>b) Quảng cáo các loại sản phẩm, hàng hóa có tính chất kích dục;</i></p> <p><i>c) Quảng cáo súng săn và đạn súng săn, vũ khí thể thao và các loại sản phẩm, hàng hóa có tính chất kích động bạo lực;</i></p> <p><i>d) Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử để thực hiện tội phạm.</i></p> <p>3. Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến</p>
--	--

	<p><i>100.000.000 đồng, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</i></p> <p><i>4. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị xử phạt như sau:</i></p> <p><i>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng;</i></p> <p><i>b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 1.200.000.000 đồng;</i></p> <p><i>c) Pháp nhân thương mại bị buộc tháo gỡ, tháo dỡ, xóa quảng cáo hoặc thu hồi sản phẩm có nội dung quảng cáo; có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đến 200.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</i></p>
<p>Điều 198. Tội lừa dối khách hàng</p> <p>1. Người nào trong việc mua, bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ mà cân, đong, đo, đếm, tính gian hàng hóa, dịch vụ hoặc dùng thủ đoạn gian dối khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>b) Thu lợi bất chính từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>c) Dùng thủ đoạn xảo quyệt;</p> <p>d) Thu lợi bất chính 50.000.000 đồng trở lên.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến</p>	<p>Điều 198. Tội lừa dối khách hàng</p> <p>1. Người nào trong việc mua, bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ mà cân, đong, đo, đếm, tính gian hàng hóa, dịch vụ hoặc dùng thủ đoạn gian dối khác <i>thu lợi bất chính từ 10.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng nhưng</i> thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này;</p> <p>b) Đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>b) Thu lợi bất chính từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến 500.000.000 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p>

<p>100.000.000 đồng, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>b) Có tính chất chuyên nghiệp; c) Dùng thủ đoạn xảo quyệt; d) Thu lợi bất chính từ 50.000.000 100.000.000 đồng trở lên. <i>đ) Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử để thực hiện tội phạm.</i></p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p><i>4. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị xử phạt như sau:</i></p> <p><i>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng;</i></p> <p><i>b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng;</i></p> <p><i>c) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đến 200.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</i></p>
<p>Điều 199. Tội vi phạm quy định về cung ứng điện</p> <p>1. Người nào có trách nhiệm mà đóng điện, cắt điện, từ chối cung cấp điện trái quy định của pháp luật hoặc trì hoãn việc xử lý sự cố điện không có lý do chính đáng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 200.000.000 đồng đến dưới</p>	<p>Điều 199. Tội vi phạm quy định về cung ứng điện</p> <p>1. Người nào có trách nhiệm mà đóng điện, cắt điện, từ chối cung cấp điện trái quy định của pháp luật hoặc trì hoãn việc xử lý sự cố điện không có lý do chính đáng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 60.000.000 đồng đến 150.000.000 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 200.000.000 đồng đến dưới</p>

<p>500.000.000 đồng;</p> <p>d) Đã bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>500.000.000 đồng;</p> <p>d) Đã bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 150.000.000 300.000.000 đồng đến 500.000.000 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 200. Tội trốn thuế</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây trốn thuế với số tiền từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trốn thuế hoặc đã bị kết án về tội này</p>	<p>Điều 200. Tội trốn thuế</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây trốn thuế với số tiền từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 600.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 200.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trốn</p>	

<p>hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 202, 250, 251, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm:</p> <p>a) Không nộp hồ sơ đăng ký thuế; không nộp hồ sơ khai thuế; nộp hồ sơ khai thuế sau 90 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ khai thuế hoặc hết thời hạn gia hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp;</p> <p>c) Không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ hoặc ghi giá trị trên hóa đơn bán hàng thấp hơn giá trị thanh toán thực tế của hàng hóa, dịch vụ đã bán;</p> <p>d) Sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm hoặc tăng số tiền thuế được khấu trừ, số tiền thuế được hoàn;</p> <p>đ) Sử dụng chứng từ, tài liệu không hợp pháp khác để xác định sai số tiền thuế phải nộp, số tiền thuế được hoàn;</p> <p>e) Khai sai với thực tế hàng hóa xuất khẩu,</p>	<p>thuế hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 202, 250, 251, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến 500.000.000 1.000.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm:</p> <p>a) Không nộp hồ sơ đăng ký thuế; không nộp hồ sơ khai thuế; nộp hồ sơ khai thuế sau 90 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ khai thuế hoặc hết thời hạn gia hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp;</p> <p>c) Không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ hoặc ghi giá trị trên hóa đơn bán hàng thấp hơn giá trị thanh toán thực tế của hàng hóa, dịch vụ đã bán;</p> <p>d) Sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm hoặc tăng số tiền thuế được khấu trừ, số tiền thuế được hoàn;</p> <p>đ) Sử dụng chứng từ, tài liệu không hợp pháp khác để xác định sai số tiền thuế</p>	
---	---	--

<p>nhập khẩu mà không khai bổ sung hồ sơ khai thuế sau khi hàng hóa đã được thông quan, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 188 và Điều 189 của Bộ luật này;</p> <p>g) Cố ý không kê khai hoặc khai sai về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 188 và Điều 189 của Bộ luật này;</p> <p>h) Câu kết với người gửi hàng để nhập khẩu hàng hóa, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 188 và Điều 189 của Bộ luật này;</p> <p>i) Sử dụng hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, xét miễn thuế không đúng mục đích quy định mà không khai báo việc chuyển đổi mục đích sử dụng với cơ quan quản lý thuế.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Số tiền trốn thuế từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>d) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>đ) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội trốn thuế với số tiền 1.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền</p>	<p>phải nộp, số tiền thuế được hoàn;</p> <p>e) Khai sai với thực tế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu mà không khai bổ sung hồ sơ khai thuế sau khi hàng hóa đã được thông quan, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 188 và Điều 189 của Bộ luật này;</p> <p>g) Cố ý không kê khai hoặc khai sai về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 188 và Điều 189 của Bộ luật này;</p> <p>h) Câu kết với người gửi hàng để nhập khẩu hàng hóa, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 188 và Điều 189 của Bộ luật này;</p> <p>i) Sử dụng hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, xét miễn thuế không đúng mục đích quy định mà không khai báo việc chuyển đổi mục đích sử dụng với cơ quan quản lý thuế.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Số tiền trốn thuế từ 300.000.000 600.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>d) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>đ) Tái phạm nguy hiểm.</p>	
---	--	--

<p>từ 1.500.000.000 đồng đến 4.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p> <p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này trốn thuế với số tiền từ 200.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trốn thuế hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195 và 196 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 3.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000</p>	<p>3. Phạm tội trốn thuế với số tiền 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng đến 4.500.000.000 9.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 40.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p> <p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này trốn thuế với số tiền từ 200.000.000 400.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 600.000.000 đồng hoặc từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 400.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trốn thuế hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195 và 196 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 600.000.000 đồng đến 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ</p>	
---	--	--

<p>đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;</p> <p>d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p> <p>đ) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	<p>1.000.000.000 2.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 6.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 3.000.000.000 6.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 20.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;</p> <p>d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p> <p>đ) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến 200.000.000 400.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	
<p>Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự</p> <p>1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội mà thu lợi bất chính</p>	<p>Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự</p> <p>1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, và thu lợi bất chính từ 30.000.000 100.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến 200.000.000</p>	

<p>100.000.000 đồng trở lên¹⁵⁵, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>400.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm; hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>a) Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>b) Đối với 10 người trở lên.</p> <p>2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 300.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 400.000.000 đồng đến 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm 03 năm đến 07 năm.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 60.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 202. Tội làm, buôn bán tem giả, vé giả</p> <p>1. Người nào làm, buôn bán các loại tem giả, vé giả thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Tem giả, vé giả không có mệnh giá có số lượng từ 15.000 đơn vị đến dưới 30.000 đơn vị;</p> <p>b) Tem giả, vé giả có mệnh giá có tổng trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;</p>	<p>Điều 202. Tội làm, buôn bán tem giả, vé giả</p> <p>1. Người nào làm, buôn bán các loại tem giả, vé giả thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 60.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Tem giả, vé giả không có mệnh giá có số lượng từ 15.000 đơn vị đến dưới 30.000 đơn vị;</p> <p>b) Tem giả, vé giả có mệnh giá có tổng trị giá từ 50.000.000 100.000.000 đồng</p>	

<p>c) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm; d) Thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức; b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; c) Tem giả, vé giả không có mệnh giá có số lượng 30.000 đơn vị trở lên; d) Tem giả, vé giả có mệnh giá có tổng trị giá 200.000.000 đồng trở lên; đ) Thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên; e) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>đến dưới 200.000.000 400.000.000 đồng; c) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm; d) Thu lợi bất chính từ 30.000.000 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 200.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến 500.000.000 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức; b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; c) Tem giả, vé giả không có mệnh giá có số lượng 30.000 đơn vị trở lên; d) Tem giả, vé giả có mệnh giá có tổng trị giá 200.000.000 400.000.000 đồng trở lên; đ) Thu lợi bất chính 100.000.000 200.000.000 đồng trở lên; e) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 10.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 203. Tội in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước</p> <p>1. Người nào in, phát hành, mua bán trái</p>	<p>Điều 203. Tội in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước</p> <p>1. Người nào in, phát hành, mua bán</p>	

<p>phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước ở dạng phôi từ 50 số đến dưới 100 số hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 10 số đến dưới 30 số hoặc thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>d) Hóa đơn, chứng từ ở dạng phôi từ 100 số trở lên hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 30 số trở lên;</p> <p>đ) Thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên;</p> <p>e) Gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước 100.000.000 đồng trở lên;</p> <p>g) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>4. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p>	<p>trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước ở dạng phôi từ 50 số đến dưới 100 số hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 10 số đến dưới 30 số hoặc thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng, thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tiền từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến 200.000.000 400.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>a) Ở dạng phôi từ 50 số đến dưới 100 số hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 10 số đến dưới 30 số và thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;</p> <p>b) Trị giá hàng hoá, dịch vụ và thuế ghi trên hoá đơn, chứng từ từ 300.000.000 đồng đến 900.000.000 đồng và thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 400.000.000 đồng đến 500.000.000 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>d) Hóa đơn, chứng từ ở dạng phôi từ 100 số trở lên hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi</p>	
---	---	--

<p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, d, đ, e và g khoản 2 Điều này¹⁵⁷, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p> <p>d) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	<p>nội dung từ 30 số trở lên</p> <p><i>d1) Trị giá hàng hoá, dịch vụ và thuế ghi trên hoá đơn, chứng từ từ 900.000.000 đồng trở lên;</i></p> <p>đ) Thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên;</p> <p>e) Gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước 100.000.000 200.000.000 đồng trở lên;</p> <p>g) Tái phạm nguy hiểm;</p> <p><i>h) Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử để thực hiện tội phạm.</i></p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>4. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến 500.000.000 1.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, d, <i>d1</i>, đ, e, g <i>và h</i> khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p>	
---	---	--

	<p>d) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến 200.000.000 400.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	
<p>Điều 204. Tội vi phạm quy định về bảo quản, quản lý hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước</p> <p>1. Người nào có trách nhiệm bảo quản, quản lý hóa đơn, chứng từ mà vi phạm quy định của Nhà nước về bảo quản, quản lý hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước hoặc cho người khác từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>b) Gây thiệt hại 500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>Điều 204. Tội vi phạm quy định về bảo quản, quản lý hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước</p> <p>1. Người nào có trách nhiệm bảo quản, quản lý hóa đơn, chứng từ mà vi phạm quy định của Nhà nước về bảo quản, quản lý hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước hoặc cho người khác từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến 500.000.000 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>b) Gây thiệt hại 500.000.000 1.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất</p>	

	định từ 01 năm đến 05 năm.	
<p>Điều 205. Tội lập quỹ trái phép</p> <p>1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn lập quỹ trái quy định của pháp luật và đã sử dụng quỹ đó gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000. 000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Dùng thủ đoạn xảo quyệt để trốn tránh việc kiểm soát;</p> <p>b) Để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật khác;</p> <p>c) Gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước từ 1.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.</p> <p>4. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.</p>	<p>Điều 205. Tội lập quỹ trái phép</p> <p>1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn lập quỹ trái quy định của pháp luật và đã sử dụng quỹ đó gây thiệt hại cho tài sản công, tài sản của Nhà nước từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 400.000.000 đồng hoặc đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến 500.000.000 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Dùng thủ đoạn xảo quyệt để trốn tránh việc kiểm soát;</p> <p>b) Để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật khác;</p> <p>c) Gây thiệt hại cho tài sản công, tài sản của Nhà nước từ 200.000.000 400.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội gây thiệt hại cho tài sản công, tài sản của Nhà nước từ 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.</p> <p>4. Người phạm tội còn bị cấm đảm</p>	

	<p>nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng.</p>	
<p>Điều 206. Tội vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây gây thiệt hại cho người khác về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Cấp tín dụng cho trường hợp không được cấp tín dụng, trừ trường hợp cấp dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng;</p> <p>b) Cấp tín dụng không có bảo đảm hoặc cấp tín dụng với điều kiện ưu đãi cho đối tượng bị hạn chế cấp tín dụng theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Vi phạm quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn cho hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng;</p> <p>d) Cố ý nâng khống giá trị tài sản bảo đảm khi thẩm định giá để cấp tín dụng đối với trường hợp phải có tài sản bảo đảm;</p> <p>đ) Vi phạm quy định của pháp luật về tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với đối tượng bị hạn chế cấp tín dụng;</p> <p>e) Cấp tín dụng vượt giới hạn so với vốn tự</p>	<p>Điều 206. Tội vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây gây thiệt hại cho người khác về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 600.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến 300.000.000 600.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Cấp tín dụng cho trường hợp không được cấp tín dụng, trừ trường hợp cấp dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng;</p> <p>b) Cấp tín dụng không có bảo đảm hoặc cấp tín dụng với điều kiện ưu đãi cho đối tượng bị hạn chế cấp tín dụng theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Vi phạm quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn cho hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng;</p> <p>d) Cố ý nâng khống giá trị tài sản bảo đảm khi thẩm định giá để cấp tín dụng đối với trường hợp phải có tài sản bảo đảm;</p> <p>đ) Vi phạm quy định của pháp luật về tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với đối tượng bị hạn chế cấp tín dụng;</p>	

<p>có đối với một khách hàng và người có liên quan, trừ trường hợp có chấp thuận của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;</p> <p>g) Vi phạm quy định của pháp luật về góp vốn, giới hạn góp vốn, mua cổ phần, điều kiện cấp tín dụng;</p> <p>h) Phát hành, cung ứng, sử dụng phương tiện thanh toán không hợp pháp; làm giả chứng từ thanh toán, phương tiện thanh toán; sử dụng chứng từ thanh toán, phương tiện thanh toán giả;</p> <p>i) Kinh doanh vàng trái phép hoặc kinh doanh ngoại hối trái phép;</p> <p>k) Tiến hành hoạt động ngân hàng khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Luật Các tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Phạm tội gây thiệt hại về tài sản từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.</p> <p>3. Phạm tội gây thiệt hại về tài sản từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm.</p> <p>4. Phạm tội gây thiệt hại về tài sản 3.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm</p>	<p>e) Cấp tín dụng vượt giới hạn so với vốn tự có đối với một khách hàng và người có liên quan, trừ trường hợp có chấp thuận của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;</p> <p>g) Vi phạm quy định của pháp luật về góp vốn, giới hạn góp vốn, mua cổ phần, điều kiện cấp tín dụng;</p> <p>h) Phát hành, cung ứng, sử dụng phương tiện thanh toán không hợp pháp; làm giả chứng từ thanh toán, phương tiện thanh toán; sử dụng chứng từ thanh toán, phương tiện thanh toán giả;</p> <p>i) Kinh doanh vàng trái phép hoặc kinh doanh ngoại hối trái phép hoặc vi phạm quy định về việc chuyển tiền quốc tế;</p> <p>k) Tiến hành hoạt động ngân hàng khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Luật Các tổ chức tín dụng.</p> <p>l) Vi phạm quy định về quản lý tài sản đảm bảo, quản lý khoản vay sau giải ngân;</p> <p>m) Vi phạm quy định về cấp và chấp nhận thư tín dụng, bảo lãnh, chứng từ, chứng nhận tiền gửi, xác nhận tài chính cho người khác.</p> <p>2. Phạm tội gây thiệt hại về tài sản từ 300.000.000 600.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng, thì bị</p>	
---	---	--

<p>công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.</p> <p>3. Phạm tội gây thiệt hại về tài sản từ 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 6.000.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm.</p> <p>4. Phạm tội gây thiệt hại về tài sản 3.000.000.000 6.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 207. Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả</p> <p>1. Người nào làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội trong trường hợp tiền giả có trị giá tương ứng từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm.</p> <p>3. Phạm tội trong trường hợp tiền giả có trị giá tương ứng từ 50.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.</p> <p>4. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài</p>	<p>Điều 207. Tội <i>sản xuất, mua bán, làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả</i></p> <p>1. Người nào <i>sản xuất, mua bán</i> làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội trong trường hợp <i>mệnh giá</i> tiền giả có trị giá tương ứng <i>với mệnh giá tiền thật trị giá</i> từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 05 07 năm đến 12 năm.</p> <p>3. Phạm tội trong trường hợp <i>mệnh giá</i> tiền giả có trị giá tương ứng <i>với mệnh giá tiền thật trị giá</i> từ 50.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 10 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.</p> <p>4. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt</p>	

sản.	tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.	
	<p><i>Điều 207a. Tội tàng trữ, lưu hành tiền giả</i></p> <p><i>1. Người nào cố ý tàng trữ, lưu hành tiền giả có giá trị tương đương tiền thật từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đến dưới 100.000.000 đồng hoặc bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.</i></p> <p><i>2. Phạm tội trong trường hợp tiền giả có trị giá tương ứng từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</i></p> <p><i>3. Phạm tội trong trường hợp tiền giả có trị giá tương đương tiền thật từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.</i></p> <p><i>4. Phạm tội trong trường hợp tiền giả có trị giá tương ứng từ 500.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm.</i></p> <p><i>4. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.</i></p> <p><i>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt</i></p>	

	<i>tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</i>	
<p>Điều 208. Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành công cụ chuyển nhượng giả hoặc các giấy tờ có giá giả khác</p> <p>1. Người nào làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành công cụ chuyển nhượng giả hoặc các giấy tờ có giá giả khác, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội trong trường hợp công cụ chuyển nhượng giả hoặc các giấy tờ có giá giả khác có trị giá tương ứng từ 10.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.</p> <p>3. Phạm tội trong trường hợp công cụ chuyển nhượng giả hoặc các giấy tờ có giá giả khác có trị giá tương ứng từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm.</p> <p>4. Phạm tội trong trường hợp công cụ chuyển nhượng giả hoặc các giấy tờ có giá giả khác có trị giá tương ứng từ 300.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	<p>Điều 208. Tội làm sản xuất, mua bán, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành công cụ chuyển nhượng giả hoặc các giấy tờ có giá giả khác</p> <p>1. Người nào làm sản xuất, mua bán, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành công cụ chuyển nhượng giả hoặc các giấy tờ có giá giả khác, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội trong trường hợp công cụ chuyển nhượng giả hoặc các giấy tờ có giá giả khác có trị giá tương ứng từ 10.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.</p> <p>3. Phạm tội trong trường hợp công cụ chuyển nhượng giả hoặc các giấy tờ có giá giả khác có trị giá tương ứng từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm.</p> <p>4. Phạm tội trong trường hợp công cụ chuyển nhượng giả hoặc các giấy tờ có giá giả khác có trị giá tương ứng từ 300.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.</p> <p>5. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.</p> <p>5. 6. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến</p>	Nâng định lượng

	100.000.000 200.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.	
<p>Điều 209. Tội cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán</p> <p>1. Người nào cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chào bán, niêm yết, giao dịch, hoạt động kinh doanh chứng khoán, tổ chức thị trường, đăng ký, lưu ký, bù trừ hoặc thanh toán chứng khoán thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Gây thiệt hại cho nhà đầu tư từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Thu lợi bất chính từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 1.000.000.000 đồng</p>	<p>Điều 209. Tội cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán</p> <p>1. Người nào cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chào bán, niêm yết, giao dịch, hoạt động kinh doanh chứng khoán, tổ chức thị trường, đăng ký, lưu ký, bù trừ hoặc thanh toán chứng khoán thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến 500.000.000 1.000.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Gây thiệt hại cho nhà đầu tư từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Thu lợi bất chính từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến 2.000.000.000 4.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p>	

<p>trở lên; c) Gây thiệt hại cho nhà đầu tư 3.000.000.000 đồng trở lên; d) Tái phạm nguy hiểm. 3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. 4. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau: a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng; b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng; c) Pháp nhân thương mại còn có thể bị cấm kinh doanh, cấm <u>161</u> hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	<p>a) Có tổ chức; b) Thu lợi bất chính 1.000.000.000 đồng trở lên; c) Gây thiệt hại cho nhà đầu tư 3.000.000.000 đồng trở lên; d) Tái phạm nguy hiểm. 3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến 200.000.000 400.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. 4. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau: a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến 2.000.000.000 4.000.000.000 đồng; b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 4.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 10.000.000.000 đồng; c) Pháp nhân thương mại còn có thể bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	
<p>Điều 210. Tội sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán 1. Người nào biết được thông tin liên quan đến công ty đại chúng hoặc quỹ đại chúng chưa được công bố mà nếu được công bố có thể ảnh hưởng lớn đến giá chứng</p>	<p>Điều 210. Tội sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán 1. Người nào biết được thông tin liên quan đến công ty đại chúng hoặc quỹ đại chúng chưa được công bố mà nếu được công bố có thể ảnh hưởng lớn đến giá chứng</p>	

<p>khoản của công ty đại chúng hoặc quỹ đại chúng đó mà sử dụng thông tin này để mua bán chứng khoán hoặc tiết lộ, cung cấp thông tin này hoặc tư vấn cho người khác mua bán chứng khoán trên cơ sở thông tin này, thu lợi bất chính từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho nhà đầu tư từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại cho nhà đầu tư 1.500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>d) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>4. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ</p>	<p>khoản của công ty đại chúng hoặc quỹ đại chúng đó mà sử dụng thông tin này để mua bán chứng khoán hoặc tiết lộ, cung cấp thông tin này hoặc tư vấn cho người khác mua bán chứng khoán trên cơ sở thông tin này, thu lợi bất chính từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho nhà đầu tư từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến 2.000.000.000 4.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 4.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 10.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại cho nhà đầu tư 1.500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>d) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến 200.000.000 400.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>4. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy</p>	
--	---	--

<p>1.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 5.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Pháp nhân thương mại còn có thể bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	<p>định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 10.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 5.000.000.000 10.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 20.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Pháp nhân thương mại còn có thể bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	
<p>Điều 211. Tội thao túng thị trường chứng khoán</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây thu lợi bất chính từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho nhà đầu tư từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Sử dụng một hoặc nhiều tài khoản giao dịch của mình hoặc của người khác hoặc thông đồng với nhau liên tục mua, bán chứng khoán nhằm tạo ra cung, cầu giả tạo;</p> <p>b) Thông đồng với người khác đặt lệnh mua và bán cùng loại chứng khoán trong cùng ngày giao dịch hoặc thông đồng với nhau giao dịch mua bán chứng khoán mà không dẫn đến chuyển nhượng thực sự quyền sở hữu hoặc quyền sở hữu chỉ luân</p>	<p>Điều 211. Tội thao túng thị trường chứng khoán</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây thu lợi bất chính từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho nhà đầu tư từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến 2.000.000.000 4.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Sử dụng một hoặc nhiều tài khoản giao dịch của mình hoặc của người khác hoặc thông đồng với nhau liên tục mua, bán chứng khoán nhằm tạo ra cung, cầu giả tạo;</p> <p>b) Thông đồng với người khác đặt lệnh mua và bán cùng loại chứng khoán trong cùng ngày giao dịch hoặc thông đồng với nhau giao dịch mua bán chứng khoán mà không dẫn đến chuyển nhượng</p>	

<p>chuyển giữa các thành viên trong nhóm nhằm tạo giá chứng khoán, cung cầu giả tạo;</p> <p>c) Liên tục mua hoặc bán chứng khoán với khối lượng chi phối vào thời điểm mở cửa hoặc đóng cửa thị trường nhằm tạo ra mức giá đóng cửa hoặc giá mở cửa mới cho loại chứng khoán đó trên thị trường;</p> <p>d) Giao dịch chứng khoán bằng hình thức cầu kết, lôi kéo người khác liên tục đặt lệnh mua, bán chứng khoán gây ảnh hưởng lớn đến cung cầu và giá chứng khoán, thao túng giá chứng khoán;</p> <p>đ) Đưa ra ý kiến một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua phương tiện thông tin đại chúng về một loại chứng khoán, về tổ chức phát hành chứng khoán nhằm tạo ảnh hưởng đến giá của loại chứng khoán đó sau khi đã thực hiện giao dịch và nắm giữ vị thế đối với loại chứng khoán đó;</p> <p>e) Sử dụng các phương thức hoặc thực hiện các hành vi giao dịch khác để tạo cung cầu giả tạo, thao túng giá chứng khoán.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 1.500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại cho nhà đầu tư</p>	<p>thực sự quyền sở hữu hoặc quyền sở hữu chỉ luân chuyển giữa các thành viên trong nhóm nhằm tạo giá chứng khoán, cung cầu giả tạo;</p> <p>c) Liên tục mua hoặc bán chứng khoán với khối lượng chi phối vào thời điểm mở cửa hoặc đóng cửa thị trường nhằm tạo ra mức giá đóng cửa hoặc giá mở cửa mới cho loại chứng khoán đó trên thị trường;</p> <p>d) Giao dịch chứng khoán bằng hình thức cầu kết, lôi kéo người khác liên tục đặt lệnh mua, bán chứng khoán gây ảnh hưởng lớn đến cung cầu và giá chứng khoán, thao túng giá chứng khoán;</p> <p>đ) Đưa ra ý kiến một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua phương tiện thông tin đại chúng về một loại chứng khoán, về tổ chức phát hành chứng khoán nhằm tạo ảnh hưởng đến giá của loại chứng khoán đó sau khi đã thực hiện giao dịch và nắm giữ vị thế đối với loại chứng khoán đó;</p> <p>e) Sử dụng các phương thức hoặc thực hiện các hành vi giao dịch khác để tạo cung cầu giả tạo, thao túng giá chứng khoán.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 4.000.000.000 đồng đến 4.000.000.000 8.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 1.500.000.000</p>	
--	--	--

<p>3.000.000.000 đồng trở lên; d) Tái phạm nguy hiểm. 3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. 4. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau: a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng; b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 5.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng; c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn; d) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	<p>đồng trở lên; c) Gây thiệt hại cho nhà đầu tư 3.000.000.000 đồng trở lên; d) Tái phạm nguy hiểm. 3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến 250.000.000 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. 4. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau: a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 4.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 10.000.000.000 đồng; b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 5.000.000.000 10.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 20.000.000.000 đồng; c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn; d) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến 2.000.000.000 4.000.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	
<p>Điều 212. Tội làm giả tài liệu trong hồ sơ chào bán, niêm yết chứng khoán</p>	<p>Điều 212. Tội làm giả tài liệu trong hồ sơ chào bán, niêm yết chứng khoán</p>	

<p>1. Người nào làm giả tài liệu trong hồ sơ chào bán, niêm yết chứng khoán thu lợi bất chính từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 2.000.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho nhà đầu tư từ 1.500.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Thu lợi bất chính 2.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Gây thiệt hại cho nhà đầu tư 3.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Có tổ chức;</p> <p>d) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>1. Người nào làm giả tài liệu trong hồ sơ chào bán, niêm yết chứng khoán thu lợi bất chính từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 2.000.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho nhà đầu tư từ 1.500.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến 2.000.000.000 4.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 4.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 10.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Thu lợi bất chính 2.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Gây thiệt hại cho nhà đầu tư 3.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Có tổ chức;</p> <p>d) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến 250.000.000 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 213. Tội gian lận trong kinh doanh bảo hiểm</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tiền bảo hiểm từ 20.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại từ 50.000.000 đồng</p>	<p>Điều 213. Tội gian lận trong kinh doanh bảo hiểm</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tiền bảo hiểm từ 20.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại từ 50.000.000 đồng</p>	

<p>đến dưới 200.000.000 đồng, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 174, 353 và 355 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm:</p> <p>a) Thông đồng với người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm để giải quyết bồi thường bảo hiểm, trả tiền bảo hiểm trái pháp luật;</p> <p>b) Giả mạo tài liệu, cố ý làm sai lệch thông tin để từ chối bồi thường, trả tiền bảo hiểm khi sự kiện bảo hiểm đã xảy ra;</p> <p>c) Giả mạo tài liệu, cố ý làm sai lệch thông tin trong hồ sơ yêu cầu bồi thường, trả tiền bảo hiểm;</p> <p>d) Tự gây thiệt hại về tài sản, sức khỏe của mình để hưởng quyền lợi bảo hiểm, trừ trường hợp luật có quy định khác.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;</p> <p>c) Chiếm đoạt số tiền bảo hiểm từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>d) Gây thiệt hại từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>đ) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp</p>	<p>đến dưới 200.000.000 đồng, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 174, 353 và 355 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 60.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm:</p> <p>a) Thông đồng với người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm để giải quyết bồi thường bảo hiểm, trả tiền bảo hiểm trái pháp luật;</p> <p>b) Giả mạo tài liệu, cố ý làm sai lệch thông tin để từ chối bồi thường, trả tiền bảo hiểm khi sự kiện bảo hiểm đã xảy ra;</p> <p>c) Giả mạo tài liệu, cố ý làm sai lệch thông tin trong hồ sơ yêu cầu bồi thường, trả tiền bảo hiểm;</p> <p>d) Tự gây thiệt hại về tài sản, sức khỏe của mình để hưởng quyền lợi bảo hiểm, trừ trường hợp luật có quy định khác.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến 300.000.000 600.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;</p> <p>c) Chiếm đoạt số tiền bảo hiểm từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>d) Gây thiệt hại từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>đ) Tái phạm nguy hiểm.</p>	
--	---	--

<p>sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt số tiền bảo hiểm 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Gây thiệt hại 1.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này chiếm đoạt số tiền bảo hiểm từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại từ 400.000.000 đồng đến dưới 2.000.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và đ khoản 2 Điều này hoặc chiếm đoạt số tiền bảo hiểm từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại từ 2.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này chiếm đoạt số tiền bảo</p>	<p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt số tiền bảo hiểm 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Gây thiệt hại 1.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này chiếm đoạt số tiền bảo hiểm từ 200.000.000 400.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại từ 400.000.000 800.000.000 đồng đến dưới 2.000.000.000 4.000.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 400.000.000 đồng đến 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và đ khoản 2 Điều này hoặc chiếm đoạt số tiền bảo hiểm từ 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 6.000.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại từ 2.000.000.000 4.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 10.000.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ</p>	
---	--	--

<p>hiểm 3.000.000.000 đồng trở lên hoặc gây thiệt hại 5.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 3.000.000.000 đồng đến 7.000.000.000 đồng;</p> <p>d) Pháp nhân thương mại còn có thể bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	<p>1.000.000.000 2.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 6.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này chiếm đoạt số tiền bảo hiểm 3.000.000.000 6.000.000.000 đồng trở lên hoặc gây thiệt hại 5.000.000.000 10.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 3.000.000.000 6.000.000.000 đồng đến 7.000.000.000 14.000.000.000 đồng;</p> <p>d) Pháp nhân thương mại còn có thể bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	
<p>Điều 214. Tội gian lận bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, chiếm đoạt tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp từ 10.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại từ 20.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng mà không thuộc trường hợp quy định tại một trong các điều 174, 353 và 355 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Lập hồ sơ giả hoặc làm sai lệch nội dung hồ sơ bảo hiểm xã hội, hồ sơ bảo hiểm thất nghiệp lừa dối cơ quan bảo hiểm xã hội;</p> <p>b) Dùng hồ sơ giả hoặc hồ sơ đã bị làm sai</p>	<p>Điều 214. Tội gian lận bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, chiếm đoạt tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp từ 10.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại từ 20.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng mà không thuộc trường hợp quy định tại một trong các điều 174, 353 và 355 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 40.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Lập hồ sơ giả hoặc làm sai lệch nội dung hồ sơ bảo hiểm xã hội, hồ sơ bảo hiểm thất nghiệp lừa dối cơ quan bảo hiểm xã hội;</p>	

<p>lệch nội dung lừa dối cơ quan bảo hiểm xã hội hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>c) Chiếm đoạt tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>d) Gây thiệt hại từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>đ) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;</p> <p>e) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Gây thiệt hại 500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>b) Dùng hồ sơ giả hoặc hồ sơ đã bị làm sai lệch nội dung lừa dối cơ quan bảo hiểm xã hội hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến 200.000.000 400.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>c) Chiếm đoạt tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>d) Gây thiệt hại từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>đ) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;</p> <p>e) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Gây thiệt hại 500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
--	--	--

	<p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng;</p> <p>d) Pháp nhân thương mại còn có thể bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định.</p>	
<p>Điều 215. Tội gian lận bảo hiểm y tế</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, chiếm đoạt tiền bảo hiểm y tế từ 10.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại từ 20.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng mà không thuộc trường hợp quy định tại một trong các điều 174, 353 và 355 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Lập hồ sơ bệnh án, kê đơn thuốc không hoặc kê tăng số lượng hoặc thêm loại</p>	<p>Điều 215. Tội gian lận bảo hiểm y tế</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, chiếm đoạt tiền bảo hiểm y tế từ 10.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại từ 20.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng mà không thuộc trường hợp quy định tại một trong các điều 174, 353 và 355 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 40.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Lập hồ sơ bệnh án, kê đơn thuốc</p>	

<p>thuốc, vật tư y tế, dịch vụ kỹ thuật, chi phí giường bệnh và các chi phí khác mà thực tế người bệnh không sử dụng;</p> <p>b) Giả mạo hồ sơ, thẻ bảo hiểm y tế hoặc sử dụng thẻ bảo hiểm y tế được cấp khống, thẻ bảo hiểm y tế giả, thẻ đã bị thu hồi, thẻ bị sửa chữa, thẻ bảo hiểm y tế của người khác trong khám chữa bệnh hưởng chế độ bảo hiểm y tế trái quy định.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>c) Chiếm đoạt tiền bảo hiểm y tế từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>d) Gây thiệt hại từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>d) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;</p> <p>e) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt tiền bảo hiểm y tế 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Gây thiệt hại 500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề</p>	<p>khống hoặc kê tăng số lượng hoặc thêm loại thuốc, vật tư y tế, dịch vụ kỹ thuật, chi phí giường bệnh và các chi phí khác mà thực tế người bệnh không sử dụng;</p> <p>b) Giả mạo hồ sơ, thẻ bảo hiểm y tế hoặc sử dụng thẻ bảo hiểm y tế được cấp khống, thẻ bảo hiểm y tế giả, thẻ đã bị thu hồi, thẻ bị sửa chữa, thẻ bảo hiểm y tế của người khác trong khám chữa bệnh hưởng chế độ bảo hiểm y tế trái quy định.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến 200.000.000 400.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 02 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>c) Chiếm đoạt tiền bảo hiểm y tế từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>d) Gây thiệt hại từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>d) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;</p> <p>e) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt tiền bảo hiểm y tế 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Gây thiệt hại 500.000.000 đồng trở lên.</p>	
---	--	--

<p>hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng;</p> <p>d) Pháp nhân thương mại còn có thể bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định.</p>	
<p>Điều 216. Tội trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động</p> <p>1. Người nào có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động mà gian dối hoặc bằng thủ đoạn khác để không đóng hoặc không đóng đầy đủ theo quy định từ 06 tháng trở lên thuộc một trong những trường hợp sau</p>	<p>Điều 216. Tội trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động</p> <p>1. Người nào có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động mà gian dối hoặc bằng thủ đoạn khác để không đóng hoặc không đóng đầy đủ theo quy định từ 06 tháng trở lên thuộc một trong những trường</p>	

<p>đây, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm:</p> <p>a) Trốn đóng bảo hiểm từ 50.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng;</p> <p>b) Trốn đóng bảo hiểm cho từ 10 người đến dưới 50 người lao động.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>b) Trốn đóng bảo hiểm từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Trốn đóng bảo hiểm cho từ 50 người đến dưới 200 người lao động;</p> <p>d) Không đóng số tiền bảo hiểm đã thu hoặc đã khấu trừ của người lao động quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Trốn đóng bảo hiểm 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Trốn đóng bảo hiểm cho 200 người lao động trở lên;</p>	<p>hợp sau đây, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến 200.000.000 400.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm:</p> <p>a) Trốn đóng bảo hiểm từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 600.000.000 đồng;</p> <p>b) Trốn đóng bảo hiểm cho từ 10 người đến dưới 50 người lao động.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 400.000.000 đồng đến 500.000.000 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng 01 năm đến 03 năm:</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>b) Trốn đóng bảo hiểm từ 300.000.000 600.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Trốn đóng bảo hiểm cho từ 50 người đến dưới 200 người lao động;</p> <p>d) Không đóng số tiền bảo hiểm đã thu hoặc đã khấu trừ của người lao động quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng hoặc bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p>	
--	---	--

<p>c) Không đóng số tiền bảo hiểm đã thu hoặc đã khấu trừ của người lao động quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng.</p>	<p>a) Trốn đóng bảo hiểm 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Trốn đóng bảo hiểm cho 200 người lao động trở lên;</p> <p>c) Không đóng số tiền bảo hiểm đã thu hoặc đã khấu trừ của người lao động quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 40.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 400.000.000 đồng đến 500.000.000 1.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 6.000.000.000 đồng.</p>	
<p style="text-align: center;">Mục 3. CÁC TỘI PHẠM KHÁC XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ KINH TẾ</p>		
<p>Điều 217. Tội vi phạm quy định về cạnh</p>	<p>Điều 217. Tội vi phạm quy định về cạnh</p>	

<p>tranh</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây gây thiệt hại cho người khác từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 500.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Thỏa thuận ngăn cản, kìm hãm không cho doanh nghiệp khác tham gia thị trường hoặc phát triển kinh doanh;</p> <p>b) Thỏa thuận loại bỏ khỏi thị trường doanh nghiệp không phải là các bên của thỏa thuận;</p> <p>c) Thỏa thuận hạn chế cạnh tranh khi các bên tham gia thỏa thuận có thị phần kết hợp trên thị trường liên quan 30% trở lên thuộc một trong các trường hợp: thỏa thuận ấn định giá hàng hóa, dịch vụ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp; thỏa thuận phân chia thị trường tiêu thụ, nguồn cung cấp hàng hóa, cung ứng dịch vụ; thỏa thuận hạn chế hoặc kiểm soát số lượng, khối lượng sản xuất, mua, bán hàng hóa, dịch vụ; thỏa thuận hạn chế phát triển kỹ thuật, công nghệ, hạn chế đầu tư; thỏa thuận áp đặt cho doanh nghiệp khác điều kiện ký kết hợp đồng mua, bán hàng hóa, dịch vụ hoặc buộc doanh nghiệp khác chấp nhận nghĩa</p>	<p>tranh</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây gây thiệt hại từ 1.000.000.000 4.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 20.000.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 500.000.000 2.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 12.000.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 800.000.000 đồng đến 1.000.000.000 4.000.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Thỏa thuận ngăn cản, kìm hãm không cho doanh nghiệp khác tham gia thị trường hoặc phát triển kinh doanh để một hoặc các bên tham gia thỏa thuận thắng thầu khi tham gia đấu thầu trong việc cung cấp hàng hóa, cung ứng dịch vụ nhưng không thuộc trường hợp quy định về tội vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng;</p> <p>b) Thỏa thuận loại bỏ khỏi thị trường doanh nghiệp không phải là các bên của thỏa thuận;</p> <p>c) Thỏa thuận hạn chế cạnh tranh khi các bên tham gia thỏa thuận có thị phần kết hợp trên thị trường liên quan 30% trở lên thuộc một trong các trường hợp: thỏa thuận ấn định giá hàng hóa, dịch vụ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp; thỏa thuận phân chia thị trường tiêu thụ, nguồn cung</p>	
--	---	--

<p>vụ không liên quan trực tiếp đến đối tượng của hợp đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>b) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;</p> <p>c) Lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường hoặc vị trí độc quyền;</p> <p>d) Thu lợi bất chính 3.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>đ) Gây thiệt hại cho người khác 5.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>4. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 3.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 02 năm;</p> <p>c) <u>167</u> Pháp nhân thương mại còn có thể bị</p>	<p>cấp hàng hóa, cung ứng dịch vụ; thỏa thuận hạn chế hoặc kiểm soát số lượng, khối lượng sản xuất, mua, bán hàng hóa, dịch vụ; thỏa thuận hạn chế phát triển kỹ thuật, công nghệ, hạn chế đầu tư; thỏa thuận áp đặt cho doanh nghiệp khác điều kiện ký kết hợp đồng mua, bán hàng hóa, dịch vụ hoặc buộc doanh nghiệp khác chấp nhận nghĩa vụ không liên quan trực tiếp đến đối tượng của hợp đồng giữa các doanh nghiệp trên cùng thị trường liên quan thuộc một trong các trường hợp: thỏa thuận ấn định giá hàng hóa, dịch vụ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp; thỏa thuận phân chia khách hàng, phân chia thị trường tiêu thụ, nguồn cung cấp hàng hóa, cung ứng dịch vụ; thỏa thuận hạn chế hoặc kiểm soát số lượng, khối lượng sản xuất, mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 4.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 12.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>b) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;</p> <p>c) Có vị trí thống lĩnh trên thị trường liên quan;</p> <p>d) Thu lợi bất chính từ 3.000.000.000 12.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>đ) Gây thiệt hại từ 5.000.000.000</p>	
---	---	--

<p>phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	<p>20.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 200.000.000 đồng đến 200.000.000 800.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>4. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng 05% đến 10% tổng doanh thu trên thị trường liên quan trong năm tài chính trước năm thực hiện hành vi phạm tội, nhưng không thấp hơn 4.000.000.000 đồng.</p> <p>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 3.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng 10% đến 20% tổng doanh thu trên thị trường liên quan trong năm tài chính trước năm thực hiện hành vi phạm tội, nhưng không thấp hơn 20.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 02 năm;</p> <p>c) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 400.000.000 đồng đến 500.000.000 2.000.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	
--	--	--

<p>Điều 217a. Tội vi phạm quy định về kinh doanh theo phương thức đa cấp</p> <p>1. Người nào tổ chức hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp mà không có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp hoặc không đúng với nội dung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 174 và Điều 290 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>b) Thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Gây thiệt hại cho người khác từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Thu lợi bất chính 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Gây thiệt hại cho người khác 1.500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Quy mô mạng lưới người tham gia 100</p>	<p>Điều 217a. Tội vi phạm quy định về kinh doanh theo phương thức đa cấp <i>trái phép</i></p> <p>1. Người nào tổ chức hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp mà không có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp hoặc không đúng với nội dung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 174 và Điều 290 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng 01 năm đến 02-03 năm:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>b) Thu lợi bất chính từ 200.000.000 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng;</p> <p>e) Gây thiệt hại cho người khác từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>c) Quy mô mạng lưới người tham gia từ 100 người đến dưới 1.000 người.</p> <p>d) Số tiền thu từ người tham gia từ 1.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 tỷ đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000</p>	
--	--	--

<p>người trở lên.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01-03 năm đến 05 07 năm:</p> <p>a) Thu lợi bất chính 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Gây thiệt hại cho người khác 1.500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Quy mô mạng lưới người tham gia từ 100 1.000 người trở lên;</p> <p><i>c) Số tiền thu từ người tham gia từ 10.000.000.000 tỷ đồng trở lên;</i></p> <p><i>d) Hoạt động trên quy mô nhiều quốc gia</i></p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến 500.000.000 1.000.000.000 đồng, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 218. Tội vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho người khác từ 50.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Lập danh sách không về người đăng ký mua tài sản bán đấu giá;</p> <p>b) Lập hồ sơ không, hồ sơ giả tham gia hoạt động bán đấu giá tài sản;</p>	<p>Điều 218. Tội vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thu lợi bất chính từ 30.000.000 60.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 400.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho <i>Nhà nước, tổ chức, cá nhân</i> người khác từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 600.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 40.000.000 đồng đến 200.000.000 400.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Lập danh sách không về người đăng ký mua tài sản bán đấu giá;</p>	<p>Tăng mức phạt tiền trong tất cả các khoản</p>

<p>c) Thông đồng dìm giá hoặc nâng giá trong hoạt động bán đấu giá tài sản.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 200.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại cho người khác 300.000.000 đồng trở lên;</p> <p>d) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>đ) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>b) Lập hồ sơ khống, hồ sơ giả tham gia hoạt động bán đấu giá tài sản;</p> <p>c) Thông đồng dìm giá hoặc nâng giá, làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản;</p> <p><i>d) Để lộ thông tin về người đăng ký tham gia đấu giá;</i></p> <p><i>e) Cản trở, gây khó khăn cho người khác đăng ký tham gia đấu giá hoặc tham gia phiên đấu giá, cản trở hoạt động đấu giá tài sản;</i></p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 400.000.000 đồng đến 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 200.000.000 400.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại cho người khác 300.000.000 600.000.000 đồng trở lên;</p> <p>d) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>đ) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;</p> <p><i>e) Đe dọa, khống chế đấu giá viên, người tham gia đấu giá khác nhằm làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản.</i></p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p><i>4. Pháp nhân thương mại phạm tội</i></p>	
--	--	--

	<p><i>quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</i></p> <p><i>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng;</i></p> <p><i>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 800.000.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng;</i></p> <p><i>c) Pháp nhân thương mại phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định.</i></p>	
<p>Điều 219. Tội vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí</p> <p>1. Người nào được giao quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước mà vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản, gây thất thoát, lãng phí từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Vì vụ lợi;</p> <p>b) Có tổ chức;</p> <p>c) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;</p>	<p>Điều 219. Tội vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí</p> <p>1. Người nào được giao quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước mà vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản, gây thất thoát, lãng phí từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 600.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 200.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Vì vụ lợi;</p> <p>b) Có tổ chức;</p>	

<p>d) Gây thất thoát, lãng phí từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội gây thất thoát, lãng phí 1.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	<p>c) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;</p> <p>d) Gây thất thoát, lãng phí từ 300.000.000 600.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội gây thất thoát, lãng phí 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	
<p>Điều 220. Tội vi phạm quy định về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công gây hậu quả nghiêm trọng</p> <p>1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện một trong những hành vi sau đây gây thiệt hại từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 224 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Vi phạm quy định về quyết định chủ trương đầu tư;</p> <p>b) Vi phạm quy định về lập, thẩm định chủ trương đầu tư;</p> <p>c) Vi phạm quy định về quyết định đầu tư chương trình, dự án;</p> <p>d) Vi phạm quy định về tư vấn, thiết kế</p>	<p><i>Phương án 1:</i></p> <p>Điều 220. Tội vi phạm quy định về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công gây hậu quả nghiêm trọng</p> <p>1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện một trong những hành vi sau đây gây thiệt hại từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 600.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 200.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 224 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Vi phạm quy định về quyết định chủ trương đầu tư;</p> <p>b) Vi phạm quy định về lập, thẩm định chủ trương đầu tư;</p>	

<p>chương trình, dự án.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Vì vụ lợi;</p> <p>b) Có tổ chức;</p> <p>c) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;</p> <p>d) Gây thiệt hại từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội gây thiệt hại 1.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	<p>c) Vi phạm quy định về quyết định đầu tư chương trình, dự án;</p> <p>d) Vi phạm quy định về tư vấn, thiết kế chương trình, dự án.</p> <p><i>e) Vi phạm quy định về sử dụng vốn đầu tư công</i></p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Vì vụ lợi;</p> <p>b) Có tổ chức;</p> <p>c) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;</p> <p>d) Gây thiệt hại từ 300.000.000 600.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội gây thiệt hại 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p> <p>Phương án 2:</p> <p>Điều 220. Tội vi phạm quy định về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công gây hậu quả nghiêm trọng</p> <p>1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn <i>trong quản lý và sử dụng vốn đầu tư công mà</i> thực hiện một trong những hành vi sau đây <i>nếu trị giá vốn đầu tư công từ 500.000.000 đồng đến dưới</i></p>	
---	--	--

	<p>1.000.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 224 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư không phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; không xác định được nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; không đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Quyết định đầu tư chương trình, dự án khi chưa được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo quy định; quyết định đầu tư hoặc quyết định điều chỉnh chương trình, dự án không đúng thẩm quyền, không đúng với các nội dung về mục tiêu, địa điểm, vượt mức vốn đầu tư công, vượt mức vốn đầu tư công của ngân sách cấp trên, vượt tổng mức đầu tư trong chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định.</p> <p>c) Quyết định điều chỉnh tổng vốn đầu tư của chương trình, tổng mức đầu tư của dự án trái quy định của pháp luật;</p>	
--	--	--

	<p><i>d) Yêu cầu tổ chức, cá nhân tự bỏ vốn đầu tư khi chương trình, dự án chưa được quyết định chủ trương đầu tư, chưa được phê duyệt quyết định đầu tư; thực hiện dự án khi chưa được giao kế hoạch đầu tư công gây nợ đọng xây dựng cơ bản;</i></p> <p><i>đ) Làm giả, làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, triển khai thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án;</i></p> <p><i>e) Cố ý báo cáo, cung cấp thông tin không đúng, không trung thực, không khách quan ảnh hưởng đến việc lập, thẩm định, quyết định kế hoạch, chương trình, dự án;</i></p> <p><i>g) Cố ý hủy hoại, lừa dối, che giấu hoặc lưu giữ không đầy đủ tài liệu, chứng từ, hồ sơ liên quan đến quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, triển khai thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án.</i></p> <p><i>h) Thực hiện một trong những hành vi quy định tại khoản này mà giá trị vốn đầu tư công dưới 500.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại dưới 200.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm.</i></p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm</p>	
--	---	--

	<p>đến 12 năm:</p> <p>a) Vì vụ lợi;</p> <p>b) Có tổ chức;</p> <p>c) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;</p> <p>d) Gây thiệt hại từ 300.000.000 600.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng;</p> <p>đ) Trị giá vốn đầu tư công từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng;</p> <p>3. Phạm tội mà trị giá vốn đầu tư công từ 5.000.000.000 đồng trở lên hoặc gây thiệt hại từ 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	
<p>Điều 221. Tội vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng</p> <p>1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện một trong những hành vi sau đây, gây thiệt hại từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Giả mạo, khai man, thỏa thuận hoặc ép</p>	<p>Điều 221. Tội vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng</p> <p>1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện một trong những hành vi sau đây <i>nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 200 của Bộ luật này</i>, gây thiệt hại từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 600.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 200.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ</p>	

<p>buộc người khác giả mạo, khai man, tẩy xóa tài liệu kế toán;</p> <p>b) Dụ dỗ, thỏa thuận hoặc ép buộc người khác cung cấp, xác nhận thông tin, số liệu kế toán sai sự thật;</p> <p>c) Để ngoài sổ kế toán tài sản của đơn vị kế toán hoặc tài sản liên quan đến đơn vị kế toán;</p> <p>d) Hủy bỏ hoặc cố ý làm hư hỏng tài liệu kế toán trước thời hạn lưu trữ theo quy định của Luật Kế toán;</p> <p>đ) Lập hai hệ thống sổ kế toán tài chính trở lên nhằm bỏ ngoài sổ kế toán tài sản, nguồn vốn, kinh phí của đơn vị kế toán.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Vì vụ lợi;</p> <p>b) Có tổ chức;</p> <p>c) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;</p> <p>d) Gây thiệt hại từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội gây thiệt hại 1.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	<p>đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Giả mạo, khai man, thỏa thuận hoặc ép buộc người khác giả mạo, khai man, tẩy xóa tài liệu kế toán;</p> <p>b) Dụ dỗ, thỏa thuận hoặc ép buộc người khác cung cấp, xác nhận thông tin, số liệu kế toán sai sự thật;</p> <p>c) Để ngoài sổ kế toán tài sản của đơn vị kế toán hoặc tài sản liên quan đến đơn vị kế toán;</p> <p>d) Hủy bỏ hoặc cố ý làm hư hỏng tài liệu kế toán trước thời hạn lưu trữ theo quy định của Luật Kế toán;</p> <p>đ) Lập hai hệ thống sổ kế toán tài chính trở lên nhằm bỏ ngoài sổ kế toán tài sản, nguồn vốn, kinh phí của đơn vị kế toán.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 05 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Vì vụ lợi;</p> <p>b) Có tổ chức;</p> <p>c) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;</p> <p>d) Gây thiệt hại từ 300.000.000 600.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội gây thiệt hại 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất</p>	
---	---	--

	<p>định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p> <p>5. Người nào trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điều này, gây thiệt hại cho tài sản nhà nước, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 200 của Bộ luật này, thì bị xử lý theo quy định tại Điều này.</p>	
<p>Điều 222. Tội vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây, gây thiệt hại từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu;</p> <p>b) Thông thầu;</p> <p>c) Gian lận trong đấu thầu;</p> <p>d) Cản trở hoạt động đấu thầu;</p> <p>đ) Vi phạm quy định của pháp luật về bảo đảm công bằng, minh bạch trong hoạt động đấu thầu;</p> <p>e) Tổ chức lựa chọn nhà thầu khi nguồn vốn cho gói thầu chưa được xác định dẫn đến nợ đọng vốn của nhà thầu;</p>	<p>Điều 222. Tội vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây, mà trị giá gói thầu từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 600.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu;</p> <p>b) Thông thầu;</p> <p>c) Gian lận trong đấu thầu;</p> <p>d) Cản trở hoạt động đấu thầu;</p> <p>đ) Vi phạm quy định của pháp luật về bảo đảm công bằng, minh bạch trong hoạt động đấu thầu;</p> <p>e) Tổ chức lựa chọn nhà thầu khi nguồn vốn cho gói thầu chưa được xác định dẫn đến nợ đọng vốn của nhà thầu;</p>	

<p>g) Chuyển nhượng thầu trái phép.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Vì vụ lợi;</p> <p>b) Có tổ chức;</p> <p>c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>d) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;</p> <p>đ) Gây thiệt hại từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội gây thiệt hại 1.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	<p>g) Chuyển nhượng thầu trái phép;</p> <p><i>h) Tiết lộ trái pháp luật những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;</i></p> <p><i>i) Thực hiện một trong các hành vi quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, h của Điều này mà trị giá gói thầu dưới 500.000.000 đồng hoặc</i> gây thiệt hại dưới 100.000.000 <i>200.000.000</i> đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền tạt phạt tù từ 03 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Vì vụ lợi;</p> <p>b) Có tổ chức;</p> <p>c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>d) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;</p> <p>đ) Gây thiệt hại từ 300.000.000 <i>600.000.000</i> đồng đến dưới 1.000.000.000 <i>2.000.000.000</i> đồng;</p> <p><i>e) Trị giá gói thầu từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng.</i></p> <p>3. Phạm tội <i>mà trị giá gói thầu từ 5.000.000.000 đồng trở lên hoặc</i> gây thiệt hại từ 1.000.000.000 <i>2.000.000.000</i> đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	
--	---	--

<p>Điều 223. Tội thông đồng, bao che cho người nộp thuế gây hậu quả nghiêm trọng</p> <p>1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện một trong các hành vi sau đây, làm thất thoát tiền thuế phải nộp từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Thực hiện việc miễn thuế, giảm thuế, xóa nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt, hoàn thuế không đúng quy định của Luật Quản lý thuế và các quy định khác của pháp luật về thuế;</p> <p>b) Xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế không đúng quy định của Luật Quản lý thuế và quy định khác của pháp luật về thuế.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Vì vụ lợi;</p> <p>b) Có tổ chức;</p> <p>c) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;</p> <p>d) Làm thất thoát tiền thuế từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội gây thất thoát tiền thuế 1.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt</p>	<p>Điều 223. Tội thông đồng, bao che cho người nộp thuế gây hậu quả nghiêm trọng</p> <p>1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện một trong các hành vi sau đây, làm thất thoát tiền thuế phải nộp từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 600.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 200.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Thực hiện việc miễn thuế, giảm thuế, xóa nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt, hoàn thuế không đúng quy định của Luật Quản lý thuế và các quy định khác của pháp luật về thuế;</p> <p>b) Xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế không đúng quy định của Luật Quản lý thuế và quy định khác của pháp luật về thuế.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Vì vụ lợi;</p> <p>b) Có tổ chức;</p> <p>c) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;</p> <p>d) Làm thất thoát tiền thuế từ 300.000.000 600.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng.</p>	<p><i>Các quy định về quản lý thuế hiện nay đang trong quá trình sửa đổi, do đó, cần cập nhật lại các luật sẽ sửa về đầu tư công để xác định lại hành vi và nâng mức giá trị tài sản.</i></p> <p>Tnăg mức định lượng về tiền trong tất cả các điều luật</p>
--	--	---

<p>tù từ 10 năm đến 20 năm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	<p>3. Phạm tội gây thất thoát tiền thuế 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	
<p>Điều 224. Tội vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng</p> <p>1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện một trong những hành vi sau đây, gây thiệt hại từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Quyết định đầu tư xây dựng không đúng quy định của Luật Xây dựng;</p> <p>b) Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán, điều chỉnh dự toán, nghiệm thu công trình sử dụng vốn của Nhà nước trái với quy định của Luật Xây dựng;</p> <p>c) Lựa chọn nhà thầu không đủ điều kiện năng lực để thực hiện hoạt động xây dựng;</p> <p>d) Dàn xếp, thông đồng làm sai lệch kết quả lập dự án, khảo sát, thiết kế, giám sát thi công, xây dựng công trình.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 12</p>	<p>Điều 224. Tội vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng</p> <p>1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện một trong những hành vi sau đây, <i>mà trị giá vốn đầu tư công trình xây dựng từ 500.000.000 đến 1.000.000.000 đồng hoặc</i> gây thiệt hại từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 600.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Quyết định đầu tư xây dựng không đúng quy định của Luật Xây dựng;</p> <p>b) Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán, điều chỉnh dự toán, nghiệm thu công trình sử dụng <i>vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công</i> trái với quy định của Luật Xây dựng;</p> <p>c) Lựa chọn nhà thầu không đủ điều kiện năng lực để thực hiện hoạt động xây dựng;</p>	<p>Tăng mức định lượng về tiền trong tất cả các khoản</p> <p>Bất cập:</p> <p>(1) Điều 224 hình sự hoá hành vi bị cấm theo Luật Xây dựng 2014, hiện Luật này đã được sửa đổi, bổ sung (năm 2021) nên cần rà soát lại để đảm bảo tính thống nhất;</p> <p>(2) Việc xác định thiệt hại trong xử lý đối với tội phạm này gặp vướng mắc và rất phức tạp.</p> <p>Đề xuất:</p> <p>(1) Bỏ cụm từ “gây hậu quả nghiêm trọng” trong tên điều luật;</p> <p>(2) Điều chỉnh hành vi thống nhất với quy định sửa đổi, bổ sung của Luật Xây dựng; Bổ sung trị giá công trình xây dựng làm tính tiết định tội và định khung hình phạt.</p> <p>BXD: Điểm c về nhà thầu không phù hợp ở điều này.</p> <p>Giá trị vốn công trình rất lớn.</p> <p>C03: Bổ sung hành vi “làm giảm hiệu quả đầu tư hoặc nguồn lực nhà nước”.</p> <p>C01, BTC: PA1</p> <p>T02: Dẫn chiếu cả Luật Đầu tư công</p>

<p>năm:</p> <p>a) Vì vụ lợi;</p> <p>b) Có tổ chức;</p> <p>c) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;</p> <p>d) Gây thiệt hại từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội gây thiệt hại 1.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	<p>d) Dàn xếp, thông đồng làm sai lệch kết quả lập dự án, khảo sát, thiết kế, giám sát thi công, xây dựng công trình;</p> <p><i>đ) Thực hiện một trong các hành vi quy định tại điểm a, b, c, d của Điều này mà trị giá vốn đầu tư công trình xây dựng dưới 500.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại dưới 200.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm.</i></p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Vì vụ lợi;</p> <p>b) Có tổ chức;</p> <p>c) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;</p> <p>d) Gây thiệt hại từ 300.000.000 <i>600.000.000</i> đồng đến dưới 1.000.000.000 <i>2.000.000.000</i> đồng.</p> <p><i>đ) Trị giá vốn đầu tư công trình xây dựng từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng.</i></p> <p>3. Phạm tội <i>mà trị giá vốn đầu tư công trình xây dựng từ 5.000.000.000 đồng trở lên hoặc</i> gây thiệt hại từ 1.000.000.000 <i>2.000.000.000</i> đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	
<p>Điều 225. Tội xâm phạm quyền tác giả,</p>	<p>Điều 225. Tội xâm phạm quyền tác</p>	

<p>quyền liên quan</p> <p>1. Người nào không được phép của chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan mà cố ý thực hiện một trong các hành vi sau đây, xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan đang được bảo hộ tại Việt Nam với quy mô thương mại hoặc thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm:</p> <p>a) Sao chép tác phẩm, bản ghi âm, bản ghi hình;</p> <p>b) Phân phối đến công chúng bản sao tác phẩm, bản sao bản ghi âm, bản sao bản ghi hình.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Thu lợi bất chính 300.000.000 đồng trở lên;</p> <p>d) Gây thiệt hại cho chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan 500.000.000 đồng trở lên;</p>	<p>giả, quyền liên quan</p> <p>1. Người nào không được phép của chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan mà cố ý thực hiện một trong các hành vi sau đây, xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan đang được bảo hộ tại Việt Nam với quy mô thương mại hoặc thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến 300.000.000 600.000.000 đồng, hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Sao chép tác phẩm, bản ghi âm, bản ghi hình; tín hiệu cáp mang chương trình được mã hóa, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa;</p> <p>b) Phân phối đến công chúng bản sao tác phẩm, bản sao bản ghi âm, bản sao bản ghi hình, bao gồm cả bản sao dưới hình thức điện tử.</p> <p>c) Biểu diễn tác phẩm trước công chúng nhằm mục đích thương mại với quy mô lớn;</p> <p>d) Phát sóng, truyền đạt tác phẩm, bản ghi âm, bản ghi hình đến công chúng dưới bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào, bao</p>	
--	---	--

<p>đ) Hàng hóa vi phạm trị giá 500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>4. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này với quy mô thương mại hoặc thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan từ 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại</p>	<p><i>gồm môi trường mạng.</i></p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 600.000.000 đồng đến 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng 03 năm đến 03 10 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Thu lợi bất chính 300.000.000 đồng trở lên;</p> <p>d) Gây thiệt hại cho chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>đ) Hàng hóa vi phạm trị giá 500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 40.000.000 đồng đến 200.000.000 400.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>4. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này với quy mô thương mại hoặc thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan từ 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; thu lợi bất chính từ</p>	
--	--	--

<p>khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 02 năm;</p> <p>c) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	<p>100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 600.000.000 đồng đến 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 6.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 02 năm;</p> <p>c) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến 300.000.000 600.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	
<p>Điều 226. Tội xâm phạm quyền Sở hữu công nghiệp</p> <p>1. Người nào cố ý xâm phạm quyền Sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ tại Việt Nam mà đối tượng là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý với quy mô thương mại</p>	<p>Điều 226. Tội xâm phạm quyền Sở hữu công nghiệp</p> <p>1. Người nào không được phép của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp mà cố ý thực hiện một trong các hành vi sau đây, xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý đang được</p>	<p>Bổ sung tình tiết tăng nặng tại khoản 2 “Sử dụng mạng máy tính hoặc mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội” để phù hợp với thực tiễn hiện nay, tình hình xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp trên không gian mạng diễn biến phức tạp của dạng hành vi này; tương xứng với mức độ nguy hiểm của hành vi xâm phạm quyền</p>

<p>hoặc thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ Sở hữu nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Thu lợi bất chính 300.000.000 đồng trở lên;</p> <p>d) Gây thiệt hại cho chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>đ) Hàng hóa vi phạm trị giá 500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>4. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 1</p>	<p>bảo hộ tại Việt Nam mà đối tượng là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý với quy mô thương mại hoặc thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ thể quyền sở hữu công nghiệp nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến 500.000.000 1.000.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.</p> <p>a) Sản xuất, buôn bán, nhập khẩu, tàng trữ hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý, gồm cả trên môi trường mạng, mạng xã hội hoặc sàn thương mại điện tử;</p> <p>b) Sản xuất, buôn bán, nhập khẩu hoặc khai thác thương mại trái phép sản phẩm, bộ phận sản phẩm xâm phạm quyền đối với sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc kiểu dáng công nghiệp;</p> <p>c) Thu thập, chiếm đoạt, cung cấp hoặc phân phối trái phép dữ liệu kỹ thuật, file thiết kế công nghiệp, bản vẽ kỹ thuật hoặc bí mật kinh doanh được bảo hộ nhằm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm vi phạm;</p> <p>d) Thiết lập, sử dụng website, tên miền, tài khoản mạng xã hội hoặc các</p>	<p>sở hữu trí tuệ trên không gian mạng (tính lan tỏa, tính khó kiểm soát và tính thu lợi bất chính lớn); đáp ứng yêu cầu trong Báo cáo đặc biệt số 301 của Hoa Kỳ đối với Việt Nam, trong đó, cho rằng Việt Nam chưa có các cơ chế hữu hiệu để phòng, chống xâm phạm sở hữu trí tuệ trên không gian mạng.</p> <p>C03: Bổ sung cấu thành cơ bản: Sản xuất, buôn bán hàng giả nhãn mác, chỉ dẫn địa lý... trên môi trường mạng. Thu thập, chiếm đoạt các dữ liệu kỹ thuật trái phép. Thiết lập sử dụng web, tên miền trái phép. Tăng mức phạt tù</p>
--	--	--

<p>Điều này với quy mô thương mại hoặc thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý từ 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 02 năm;</p> <p>c) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	<p><i>phương tiện điện tử khác gây nhầm lẫn với nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý được bảo hộ để quảng cáo, kinh doanh hàng hóa vi phạm nhằm thu lợi bất chính.</i></p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng 03 năm đến 03 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Thu lợi bất chính 300.000.000 đồng trở lên;</p> <p>d) Gây thiệt hại cho chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>đ) Hàng hóa vi phạm trị giá 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p><i>e) Thực hiện hành vi phạm tội xuyên biên giới hoặc thông qua mạng máy tính, mạng viễn thông với quy mô lớn.</i></p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 40.000.000 đồng đến 200.000.000 400.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>4. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này với quy mô thương mại hoặc thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng</p>	
--	---	--

	<p>đến dưới 300.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý từ 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến 2.000.000.000 4.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 4.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 10.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 02 năm;</p> <p>c) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến 500.000.000 1.000.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	
Điều 227. Tội vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài	Điều 227. Tội vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng mức phạt tiền trong tất cả các khoản. - Bổ sung một khoản để quy định về khung hình

<p>nguyên</p> <p>1. Người nào vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên trong đất liền, hải đảo, nội thủy, vùng lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa và vùng trời của Việt Nam mà không có giấy phép hoặc không đúng với nội dung giấy phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Thu lợi bất chính từ nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên nước, dầu khí hoặc khoáng sản khác từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>b) Khoáng sản trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>đ) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 1.500.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc phạt tù</p>	<p>nguyên</p> <p>1. Người nào vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên trong đất liền, hải đảo, nội thủy, vùng lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa và vùng trời của Việt Nam mà không có giấy phép hoặc không đúng với nội dung giấy phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 600.000.000 đồng đến 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Thu lợi bất chính từ nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên nước, dầu khí hoặc khoáng sản khác từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>b) Khoáng sản trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>đ) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ</p>	<p>phạt từ 07 đến 12 năm nhằm nâng cao tính răn đe đối với loại tội phạm này.</p> <p>- Tách hành vi nghiên cứu, thăm dò, khai thác không có giấy phép ra một điều luật riêng để bảo đảm tính phân hóa tội phạm, vì rõ ràng, hành vi này có mức độ nguy hiểm cao hơn và bản chất của việc khai thác không có giấy phép là hành vi trộm cắp tài sản thuộc sở hữu toàn dân.</p> <p>C05: Chuyển sang Chương Môi trường, cân nhắc khách thể các tội này.</p> <p>VKS: Tên điều về tài nguyên</p> <p>Nội dung k1 bao gồm cả khoáng sản và tài nguyên</p>
---	---	---

<p>từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Thu lợi bất chính từ nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên nước, dầu khí hoặc khoáng sản khác 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Khoáng sản trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Có tổ chức;</p> <p>d) Gây sự cố môi trường;</p> <p>đ) Làm chết người;</p> <p>e) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 122% trở lên.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng.</p> <p>4. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này, thu lợi bất chính từ nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên nước, dầu khí hoặc khoáng sản khác từ 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc khoáng sản trị giá từ 700.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%; thu lợi bất chính từ</p>	<p>1.500.000.000 3.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 10.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 03 năm đến 07 10 năm:</p> <p>a) Thu lợi bất chính từ nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên nước, dầu khí hoặc khoáng sản khác từ 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Khoáng sản trị giá từ 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Có tổ chức;</p> <p>d) Gây sự cố môi trường;</p> <p>đ) Làm chết người;</p> <p>e) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% trở lên.</p> <p>3. 4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến 500.000.000 1.000.000.000 đồng.</p> <p>4. 5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này, thu lợi bất chính từ nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên nước, dầu khí hoặc khoáng sản khác từ 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc khoáng sản trị giá từ 700.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc gây thương tích hoặc gây</p>	
--	--	--

<p>nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên nước, dầu khí hoặc khoáng sản khác từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc khoáng sản trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 700.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 1.500.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 3.000.000.000 đồng đến 7.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;</p> <p>c) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	<p>tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%; thu lợi bất chính từ nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên nước, dầu khí hoặc khoáng sản khác từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc khoáng sản trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 700.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 6.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 3.000.000.000 6.000.000.000 đồng đến 7.000.000.000 14.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 14.000.000.000 đồng đến 30.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;</p> <p>e) d) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến 500.000.000 1.000.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	
--	---	--

<p>Điều 228. Tội vi phạm các quy định về sử dụng đất đai</p> <p>1. Người nào lấn chiếm đất, chuyển quyền sử dụng đất hoặc sử dụng đất trái với các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.</p>	<p>Điều 228. Tội vi phạm các quy định về sử dụng đất đai</p> <p>1. Người nào <i>lấn đất</i>, chiếm đất, <i>huỷ hoại đất hoặc sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất hoặc chuyển quyền sử dụng đất trái với các quy định của pháp luật về đất đai</i>, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 <i>100.000.000</i> đồng đến 500.000.000 <i>1.000.000.000</i> đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 <i>1.000.000.000</i> đồng đến 2.000.000.000 <i>4.000.000.000</i> đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 <i>20.000.000</i> đồng đến 50.000.000 <i>100.000.000</i> đồng.</p> <p><i>4. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</i></p> <p><i>a) Phạm tội trong trường hợp quy định tại khoản 1 điều này thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 2.000.000.000</i></p>	<p>- Tăng mức định lượng về tiền trong các hình phạt.</p> <p>Bất cập:</p> <p>(1) Hành vi vi phạm quy định về sử dụng đất đai hình sự hoá hành vi bị cấm trong sử dụng đất đai theo Luật Đất đai 2013. Hiện nay, Luật này đã bị thay thế bởi Luật Đất đai 2024, do đó cần rà soát để đảm bảo thống nhất;</p> <p>(2) Quy định hiện hành chưa có quy định điều chỉnh pháp nhân thương mại phạm tội trong khi pháp nhân thương mại cũng là chủ thể sử dụng đất.</p> <p>Đề xuất:</p> <p>(1) Sửa cụm từ “các quy định” thành “quy định” trong tên điều luật.</p> <p>(2) Liệt kê các hành vi phạm tội thống nhất với Luật Đất đai 2024;</p> <p>Bổ sung quy định về pháp nhân thương mại phạm tội.</p>
---	--	--

	<p><i>đồng;</i></p> <p><i>b) Phạm tội trong trường hợp quy định tại khoản 2 điều này thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 8.000.000.000 đồng;</i></p> <p><i>c) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định.</i></p>	
<p>Điều 229. Tội vi phạm các quy định về quản lý đất đai</p> <p>1. Người nào lợi dụng hoặc lạm dụng chức vụ, quyền hạn giao đất, thu hồi, cho thuê, cho phép chuyển quyền sử dụng, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trái quy định của pháp luật thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Đất trồng lúa có diện tích từ 5.000 mét vuông (m²) đến dưới 30.000 mét vuông (m²); đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất có diện tích từ 10.000 mét vuông (m²) đến dưới 50.000 mét vuông (m²); đất nông nghiệp khác và đất phi nông nghiệp có diện tích từ 10.000 mét vuông (m²) đến dưới 40.000 mét vuông (m²);</p> <p>b) Đất có giá trị quyền sử dụng đất được quy thành tiền từ 500.000.000 đồng đến dưới 2.000.000.000 đồng đối với đất nông nghiệp hoặc từ 1.000.000.000 đồng đến</p>	<p>Điều 229. Tội vi phạm các quy định về quản lý đất đai</p> <p>1. Người nào lợi dụng hoặc lạm dụng chức vụ, quyền hạn giao đất, thu hồi, cho thuê, cho phép chuyển quyền sử dụng, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trái quy định của pháp luật thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Đất trồng lúa có diện tích từ 5.000 mét vuông (m²) đến dưới 30.000 mét vuông (m²); đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất có diện tích từ 10.000 mét vuông (m²) đến dưới 50.000 mét vuông (m²); đất nông nghiệp khác và đất phi nông nghiệp có diện tích từ 10.000 mét vuông (m²) đến dưới 40.000 mét vuông (m²);</p> <p>b) Đất có giá trị quyền sử dụng đất được quy thành tiền từ 500.000.000 đồng đến dưới 2.000.000.000 đồng đối với đất nông nghiệp hoặc từ 1.000.000.000 đồng</p>	<p>Bổ sung tình tiết thu lợi bất chính trong cấu thành tội phạm và định khung tăng nặng.</p>

<p>dưới 5.000.000.000 đồng đối với đất phi nông nghiệp;</p> <p>c) Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Đất trồng lúa có diện tích từ 30.000 mét vuông (m²) đến dưới 70.000 mét vuông (m²); đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất có diện tích từ 50.000 mét vuông (m²) đến dưới 100.000 mét vuông (m²); đất nông nghiệp khác và đất phi nông nghiệp có diện tích từ 40.000 mét vuông (m²) đến dưới 80.000 mét vuông (m²);</p> <p>c) Đất có giá trị quyền sử dụng đất được quy thành tiền từ 2.000.000.000 đồng đến dưới 7.000.000.000 đồng đối với đất nông nghiệp hoặc từ 5.000.000.000 đồng đến dưới 15.000.000.000 đồng đối với đất phi nông nghiệp;</p> <p>d) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Đất trồng lúa có diện tích 70.000 mét vuông (m²) trở lên; đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất có diện tích 100.000 mét vuông (m²) trở lên; đất nông</p>	<p>đến dưới 5.000.000.000 đồng đối với đất phi nông nghiệp;</p> <p>c) Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm;</p> <p><i>d) Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.</i></p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 <i>03</i> năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Đất trồng lúa có diện tích từ 30.000 mét vuông (m²) đến dưới 70.000 mét vuông (m²); đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất có diện tích từ 50.000 mét vuông (m²) đến dưới 100.000 mét vuông (m²); đất nông nghiệp khác và đất phi nông nghiệp có diện tích từ 40.000 mét vuông (m²) đến dưới 80.000 mét vuông (m²);</p> <p>c) Đất có giá trị quyền sử dụng đất được quy thành tiền từ 2.000.000.000 đồng đến dưới 7.000.000.000 đồng đối với đất nông nghiệp hoặc từ 5.000.000.000 đồng đến dưới 15.000.000.000 đồng đối với đất phi nông nghiệp;</p> <p>d) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.</p> <p><i>đ) Thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</i></p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 <i>07</i> năm đến 12 năm:</p>	
---	--	--

<p>ng nghiệp khác và đất phi nông nghiệp có diện tích 80.000 mét vuông (m²) trở lên; b) Đất có giá trị quyền sử dụng đất được quy thành tiền 7.000.000.000 đồng trở lên đối với đất nông nghiệp hoặc 15.000.000.000 đồng trở lên đối với đất phi nông nghiệp. 4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>a) Đất trồng lúa có diện tích 70.000 mét vuông (m²) trở lên; đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất có diện tích 100.000 mét vuông (m²) trở lên; đất nông nghiệp khác và đất phi nông nghiệp có diện tích 80.000 mét vuông (m²) trở lên; b) Đất có giá trị quyền sử dụng đất được quy thành tiền 7.000.000.000 đồng trở lên đối với đất nông nghiệp hoặc 15.000.000.000 đồng trở lên đối với đất phi nông nghiệp. <i>c) Thu lợi bất chính từ 500.000.000 đồng trở lên.</i> 4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 150.000.000 300.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 230. Tội vi phạm quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất 1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện một trong những hành vi sau đây, gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: a) Vi phạm quy định của pháp luật về bồi thường về đất, hỗ trợ và tái định cư;</p>	<p>Điều 230. Tội vi phạm quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất 1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện một trong những hành vi sau đây, gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: a) Vi phạm quy định của pháp luật về</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên</p>

<p>b) Vi phạm quy định của pháp luật về bồi thường về tài sản, về sản xuất kinh doanh.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Vì vụ lợi hoặc vì động cơ cá nhân khác;</p> <p>b) Có tổ chức;</p> <p>c) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;</p> <p>d) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;</p> <p>đ) Gây thiệt hại từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội gây thiệt hại 1.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	<p>bồi thường về đất, hỗ trợ và tái định cư;</p> <p>b) Vi phạm quy định của pháp luật về bồi thường về tài sản, về sản xuất kinh doanh.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 05 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Vì vụ lợi hoặc vì động cơ cá nhân khác;</p> <p>b) Có tổ chức;</p> <p>c) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;</p> <p>d) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;</p> <p>đ) Gây thiệt hại từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội gây thiệt hại 1.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 10-12 năm đến 20 năm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p> <p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000</p>	
---	--	--

	<p><i>đồng;</i></p> <p><i>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng;</i></p> <p><i>d) Pháp nhân thương mại còn có thể bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định.</i></p>	
<p>Điều 231. Tội cố ý làm trái quy định về phân phối tiền, hàng cứu trợ</p> <p>1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn cố ý làm trái những quy định về phân phối tiền, hàng cứu trợ gây thiệt hại hoặc thất thoát tiền, hàng cứu trợ từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại hoặc thất thoát tiền, hàng cứu trợ 3 00.000.000 đồng trở lên;</p> <p>d) Gây ảnh hưởng xấu về an ninh, trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>Điều 231. Tội cố ý làm trái quy định về phân phối tiền, hàng cứu trợ</p> <p>1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn cố ý làm trái những quy định về phân phối tiền, hàng cứu trợ gây thiệt hại hoặc thất thoát tiền, hàng cứu trợ từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại hoặc thất thoát tiền, hàng cứu trợ 3 00.000.000 đồng trở lên;</p> <p>d) Gây ảnh hưởng xấu về an ninh, trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	

<p>Điều 232. Tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 243 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Khai thác trái phép rừng sản xuất là rừng trồng từ 20 mét khối (m³) đến dưới 40 mét khối (m³) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 15 mét khối (m³) đến dưới 30 mét khối (m³) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>b) Khai thác trái phép rừng sản xuất là rừng tự nhiên từ 10 mét khối (m³) đến dưới 20 mét khối (m³) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 07 mét khối (m³) đến dưới 15 mét khối (m³) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>c) Khai thác trái phép rừng phòng hộ là rừng trồng từ 15 mét khối (m³) đến dưới 30 mét khối (m³) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 10 mét khối (m³) đến dưới 20 mét khối (m³) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>d) Khai thác trái phép rừng phòng hộ là</p>	<p>Điều 232. Tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 243 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Khai thác trái phép rừng sản xuất là rừng trồng từ 20 mét khối (m³) đến dưới 40 mét khối (m³) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 15 mét khối (m³) đến dưới 30 mét khối (m³) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>b) Khai thác trái phép rừng sản xuất là rừng tự nhiên từ 10 mét khối (m³) đến dưới 20 mét khối (m³) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 07 mét khối (m³) đến dưới 15 mét khối (m³) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>c) Khai thác trái phép rừng phòng hộ là rừng trồng từ 15 mét khối (m³) đến dưới 30 mét khối (m³) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 10 mét khối (m³) đến dưới 20 mét khối (m³) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>d) Khai thác trái phép rừng phòng hộ là</p>	
--	--	--

<p>rừng tự nhiên từ 07 mét khối (m^3) đến dưới 15 mét khối (m^3) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 05 mét khối (m^3) đến dưới 10 mét khối (m^3) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>đ) Khai thác trái phép rừng đặc dụng là rừng trồng từ 10 mét khối (m^3) đến dưới 20 mét khối (m^3) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 05 mét khối (m^3) đến dưới 10 mét khối (m^3) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>e) Khai thác trái phép rừng đặc dụng là rừng tự nhiên từ 03 mét khối (m^3) đến dưới 08 mét khối (m^3) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 01 mét khối (m^3) đến dưới 03 mét khối (m^3) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>g) Khai thác trái phép thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng; thực vật rừng thông thường ngoài gỗ trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;</p> <p>h) Khai thác trái phép gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm 1A từ 01</p>	<p>rừng tự nhiên từ 07 mét khối (m^3) đến dưới 15 mét khối (m^3) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 05 mét khối (m^3) đến dưới 10 mét khối (m^3) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>đ) Khai thác trái phép rừng đặc dụng là rừng trồng từ 10 mét khối (m^3) đến dưới 20 mét khối (m^3) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 05 mét khối (m^3) đến dưới 10 mét khối (m^3) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>e) Khai thác trái phép rừng đặc dụng là rừng tự nhiên từ 03 mét khối (m^3) đến dưới 08 mét khối (m^3) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 01 mét khối (m^3) đến dưới 03 mét khối (m^3) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>g) Khai thác trái phép thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng; thực vật rừng thông thường ngoài gỗ trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;</p> <p>h) Khai thác trái phép gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm 1A từ 01</p>	
--	--	--

<p>mét khối (m³) đến dưới 02 mét khối (m³) tại rừng sản xuất, từ 0,5 mét khối (m³) đến dưới 1,5 mét khối (m³) tại rừng phòng hộ hoặc từ 0,5 mét khối (m³) đến dưới 01 mét khối (m³) tại rừng đặc dụng;</p> <p>i) Khai thác trái phép thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA trị giá từ 30.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng;</p> <p>k) Tàng trữ, vận chuyển, chế biến hoặc mua bán trái phép từ 1,5 mét khối (m³) đến dưới 03 mét khối (m³) gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA hoặc gỗ có nguồn gốc từ nước ngoài thuộc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; từ 10 mét khối (m³) đến dưới 20 mét khối (m³) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA hoặc gỗ có nguồn gốc từ nước ngoài thuộc Phụ lục II Công Ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; từ 20 mét khối (m³) đến dưới 40 mét khối (m³) gỗ loài thực vật rừng thông thường;</p> <p>l) Tàng trữ, vận chuyển, chế biến hoặc mua bán trái phép loài thực vật rừng ngoài gỗ trị</p>	<p>mét khối (m³) đến dưới 02 mét khối (m³) tại rừng sản xuất, từ 0,5 mét khối (m³) đến dưới 1,5 mét khối (m³) tại rừng phòng hộ hoặc từ 0,5 mét khối (m³) đến dưới 01 mét khối (m³) tại rừng đặc dụng;</p> <p>i) Khai thác trái phép thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA trị giá từ 30.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng;</p> <p>k) Tàng trữ, vận chuyển, chế biến hoặc mua bán trái phép từ 1,5 mét khối (m³) đến dưới 03 mét khối (m³) gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA hoặc gỗ có nguồn gốc từ nước ngoài thuộc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; từ 10 mét khối (m³) đến dưới 20 mét khối (m³) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA hoặc gỗ có nguồn gốc từ nước ngoài thuộc Phụ lục II Công Ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; từ 20 mét khối (m³) đến dưới 40 mét khối (m³) gỗ loài thực vật rừng thông thường;</p> <p>l) Tàng trữ, vận chuyển, chế biến hoặc mua bán trái phép loài thực vật rừng ngoài gỗ trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới</p>	
---	--	--

<p>giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 600.000.000 đồng;</p> <p>m) Khai thác, tàng trữ, vận chuyển, chế biến hoặc mua bán trái phép gỗ hoặc thực vật rừng ngoài gỗ có khối lượng hoặc trị giá dưới mức quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm 1 khoản này nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2.190 Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Khai thác trái phép rừng sản xuất là rừng trồng từ 40 mét khối (m³) đến dưới 80 mét khối (m³) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 30 mét khối (m³) đến dưới 50 mét khối (m³) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>b) Khai thác trái phép rừng sản xuất là rừng tự nhiên từ 20 mét khối (m³) đến dưới 40 mét khối (m³) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 15 mét khối (m³) đến dưới 30 mét khối (m³) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>c) Khai thác trái phép rừng phòng hộ là rừng trồng từ 30 mét khối (m³) đến dưới 60</p>	<p>600.000.000 đồng;</p> <p>m) Khai thác, tàng trữ, vận chuyển, chế biến hoặc mua bán trái phép gỗ hoặc thực vật rừng ngoài gỗ có khối lượng hoặc trị giá dưới mức quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm 1 khoản này nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2.190 Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Khai thác trái phép rừng sản xuất là rừng trồng từ 40 mét khối (m³) đến dưới 80 mét khối (m³) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 30 mét khối (m³) đến dưới 50 mét khối (m³) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>b) Khai thác trái phép rừng sản xuất là rừng tự nhiên từ 20 mét khối (m³) đến dưới 40 mét khối (m³) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 15 mét khối (m³) đến dưới 30 mét khối (m³) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>c) Khai thác trái phép rừng phòng hộ là rừng trồng từ 30 mét khối (m³) đến dưới 60 mét khối (m³) gỗ loài thực vật thông thường</p>	
---	---	--

<p>mét khối (m³) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 20 mét khối (m³) đến dưới 40 mét khối (m³) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>d) Khai thác trái phép rừng phòng hộ là rừng tự nhiên từ 15 mét khối (m³) đến dưới 30 mét khối (m³) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 10 mét khối (m³) đến dưới 20 mét khối (m³) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>đ) Khai thác trái phép rừng đặc dụng là rừng trồng từ 20 mét khối (m³) đến dưới 40 mét khối (m³) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 10 mét khối (m³) đến dưới 20 mét khối (m³) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>e) Khai thác trái phép rừng đặc dụng là rừng tự nhiên từ 08 mét khối (m³) đến dưới 15 mét khối (m³) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 03 mét khối (m³) đến dưới 10 mét khối (m³) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>g) Khai thác trái phép thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng; thực vật rừng thông thường ngoài gỗ</p>	<p>hoặc từ 20 mét khối (m³) đến dưới 40 mét khối (m³) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>d) Khai thác trái phép rừng phòng hộ là rừng tự nhiên từ 15 mét khối (m³) đến dưới 30 mét khối (m³) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 10 mét khối (m³) đến dưới 20 mét khối (m³) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>đ) Khai thác trái phép rừng đặc dụng là rừng trồng từ 20 mét khối (m³) đến dưới 40 mét khối (m³) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 10 mét khối (m³) đến dưới 20 mét khối (m³) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>e) Khai thác trái phép rừng đặc dụng là rừng tự nhiên từ 08 mét khối (m³) đến dưới 15 mét khối (m³) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 03 mét khối (m³) đến dưới 10 mét khối (m³) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>g) Khai thác trái phép thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng; thực vật rừng thông thường ngoài gỗ trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới</p>	
--	--	--

<p>trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 400.000.000 đồng;</p> <p>h) Khai thác trái phép gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA từ 02 mét khối (m³) đến dưới 04 mét khối (m³) tại rừng sản xuất, từ 1,5 mét khối (m³) đến dưới 03 mét khối (m³) tại rừng phòng hộ hoặc từ 01 mét khối (m³) đến dưới 02 mét khối (m³) tại rừng đặc dụng;</p> <p>i) Khai thác trái phép thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA trị giá từ 60.000.000 đồng đến dưới 120.000.000 đồng;</p> <p>k) Tàng trữ, vận chuyển, chế biến hoặc mua bán trái phép từ 03 mét khối (m³) đến dưới 06 mét khối (m³) gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA hoặc gỗ có nguồn gốc từ nước ngoài thuộc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; từ 20 mét khối (m³) đến dưới 40 mét khối (m³) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA hoặc gỗ có nguồn gốc từ nước ngoài thuộc Phụ lục II Công ước về buôn bán</p>	<p>400.000.000 đồng;</p> <p>h) Khai thác trái phép gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA từ 02 mét khối (m³) đến dưới 04 mét khối (m³) tại rừng sản xuất, từ 1,5 mét khối (m³) đến dưới 03 mét khối (m³) tại rừng phòng hộ hoặc từ 01 mét khối (m³) đến dưới 02 mét khối (m³) tại rừng đặc dụng;</p> <p>i) Khai thác trái phép thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA trị giá từ 60.000.000 đồng đến dưới 120.000.000 đồng;</p> <p>k) Tàng trữ, vận chuyển, chế biến hoặc mua bán trái phép từ 03 mét khối (m³) đến dưới 06 mét khối (m³) gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA hoặc gỗ có nguồn gốc từ nước ngoài thuộc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; từ 20 mét khối (m³) đến dưới 40 mét khối (m³) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA hoặc gỗ có nguồn gốc từ nước ngoài thuộc Phụ lục II Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;</p>	
---	---	--

<p>quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; từ 40 mét khối (m³) đến dưới 80 mét khối (m³) gỗ loài thực vật rừng thông thường;</p> <p>l) Tàng trữ, vận chuyển, chế biến hoặc mua bán trái phép loài thực vật rừng ngoài gỗ trị giá từ 600.000.000 đồng đến dưới 1.200.000.000 đồng;</p> <p>m) Có tổ chức;</p> <p>n) Mua bán, vận chuyển qua biên giới;</p> <p>o) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Khai thác trái phép rừng sản xuất là rừng trồng 80 mét khối (m³) trở lên gỗ loài thực vật thông thường hoặc 50 mét khối (m³) trở lên gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>b) Khai thác trái phép rừng sản xuất là rừng tự nhiên 40 mét khối (m³) trở lên gỗ loài thực vật thông thường hoặc 30 mét khối (m³) trở lên gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>c) Khai thác trái phép rừng phòng hộ là rừng trồng 60 mét khối (m³) trở lên gỗ loài thực vật thông thường hoặc 40 mét khối (m³) trở lên gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p>	<p>từ 40 mét khối (m³) đến dưới 80 mét khối (m³) gỗ loài thực vật rừng thông thường;</p> <p>l) Tàng trữ, vận chuyển, chế biến hoặc mua bán trái phép loài thực vật rừng ngoài gỗ trị giá từ 600.000.000 đồng đến dưới 1.200.000.000 đồng;</p> <p>m) Có tổ chức;</p> <p>n) Mua bán, vận chuyển qua biên giới;</p> <p>o) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Khai thác trái phép rừng sản xuất là rừng trồng 80 mét khối (m³) trở lên gỗ loài thực vật thông thường hoặc 50 mét khối (m³) trở lên gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>b) Khai thác trái phép rừng sản xuất là rừng tự nhiên 40 mét khối (m³) trở lên gỗ loài thực vật thông thường hoặc 30 mét khối (m³) trở lên gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>c) Khai thác trái phép rừng phòng hộ là rừng trồng 60 mét khối (m³) trở lên gỗ loài thực vật thông thường hoặc 40 mét khối (m³) trở lên gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>d) Khai thác trái phép rừng phòng hộ là rừng tự nhiên 30 mét khối (m³) trở lên gỗ loài thực vật thông thường hoặc 20 mét khối</p>	
--	---	--

<p>d) Khai thác trái phép rừng phòng hộ là rừng tự nhiên 30 mét khối (m^3) trở lên gỗ loài thực vật thông thường hoặc 20 mét khối (m^3) trở lên gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>đ) Khai thác trái phép rừng đặc dụng là rừng trồng 40 mét khối (m^3) trở lên gỗ loài thực vật thông thường hoặc 20 mét khối (m^3) trở lên gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>e) Khai thác trái phép rừng đặc dụng là rừng tự nhiên 15 mét khối (m^3) trở lên gỗ loài thực vật thông thường hoặc 10 mét khối (m^3) trở lên gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>g) Khai thác trái phép thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA trị giá 200.000.000 đồng trở lên; thực vật rừng thông thường ngoài gỗ trị giá 400.000.000 đồng trở lên;</p> <p>h) Khai thác trái phép gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA 04 mét khối (m^3) trở lên tại rừng sản xuất, 03 mét khối (m^3) trở lên tại rừng phòng hộ hoặc 02 mét khối (m^3) trở lên tại rừng đặc dụng;</p>	<p>(m^3) trở lên gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>đ) Khai thác trái phép rừng đặc dụng là rừng trồng 40 mét khối (m^3) trở lên gỗ loài thực vật thông thường hoặc 20 mét khối (m^3) trở lên gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>e) Khai thác trái phép rừng đặc dụng là rừng tự nhiên 15 mét khối (m^3) trở lên gỗ loài thực vật thông thường hoặc 10 mét khối (m^3) trở lên gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>g) Khai thác trái phép thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA trị giá 200.000.000 đồng trở lên; thực vật rừng thông thường ngoài gỗ trị giá 400.000.000 đồng trở lên;</p> <p>h) Khai thác trái phép gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA 04 mét khối (m^3) trở lên tại rừng sản xuất, 03 mét khối (m^3) trở lên tại rừng phòng hộ hoặc 02 mét khối (m^3) trở lên tại rừng đặc dụng;</p> <p>i) Khai thác trái phép thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm</p>	
---	---	--

<p>i) Khai thác trái phép thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA trị giá 120.000.000 đồng trở lên;</p> <p>k) Tàng trữ, vận chuyển, chế biến hoặc mua bán trái phép 06 mét khối (m³) trở lên gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA hoặc gỗ có nguồn gốc từ nước ngoài thuộc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; 40 mét khối (m³) trở lên gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA hoặc gỗ có nguồn gốc từ nước ngoài thuộc Phụ lục II Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; 80 mét khối (m³) trở lên gỗ loài thực vật rừng thông thường;</p> <p>l) Tàng trữ, vận chuyển, chế biến hoặc mua bán trái phép loài thực vật rừng ngoài gỗ trị giá 1.200.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.</p> <p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) <u>192</u> Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ</p>	<p>Nhóm IA trị giá 120.000.000 đồng trở lên;</p> <p>k) Tàng trữ, vận chuyển, chế biến hoặc mua bán trái phép 06 mét khối (m³) trở lên gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA hoặc gỗ có nguồn gốc từ nước ngoài thuộc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; 40 mét khối (m³) trở lên gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA hoặc gỗ có nguồn gốc từ nước ngoài thuộc Phụ lục II Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; 80 mét khối (m³) trở lên gỗ loài thực vật rừng thông thường;</p> <p>l) Tàng trữ, vận chuyển, chế biến hoặc mua bán trái phép loài thực vật rừng ngoài gỗ trị giá 1.200.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.</p> <p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) <u>192</u> Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng;</p> <p>b) <u>193</u> Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ</p>	
---	--	--

<p>300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng;</p> <p>b)<u>193</u> Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 02 năm;</p> <p>c)<u>194</u> Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 3.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 năm đến 03 năm;</p> <p>d) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	<p>06 tháng đến 02 năm;</p> <p>c)<u>194</u> Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 3.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 năm đến 03 năm;</p> <p>d) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	
<p>Điều 233. Tội vi phạm quy định về quản lý rừng</p> <p>1. Người nào lợi dụng hoặc lạm dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Giao rừng, thu hồi rừng, cho thuê rừng trái pháp luật từ 20.000 mét vuông (m²) đến dưới 25.000 mét vuông (m²) đối với rừng sản xuất; từ 15.000 mét vuông (m²) đến dưới 20.000 mét vuông (m²) đối với rừng phòng hộ hoặc từ 10.000 mét vuông (m²) đến dưới 15.000 mét vuông (m²) đối với rừng đặc dụng;</p>	<p>Điều 233. Tội vi phạm quy định về quản lý rừng</p> <p>1. Người nào lợi dụng hoặc lạm dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Giao rừng, thu hồi rừng, cho thuê rừng trái pháp luật từ 20.000 mét vuông (m²) đến dưới 25.000 mét vuông (m²) đối với rừng sản xuất; từ 15.000 mét vuông (m²) đến dưới 20.000 mét vuông (m²) đối với rừng phòng hộ hoặc từ 10.000 mét vuông (m²) đến dưới 15.000 mét vuông (m²) đối với rừng đặc dụng;</p>	

<p>b) Cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng trái pháp luật từ 10.000 mét vuông (m^2) đến dưới 12.500 mét vuông (m^2) đối với rừng sản xuất; từ 7.500 mét vuông (m^2) đến dưới 10.000 mét vuông (m^2) đối với rừng phòng hộ hoặc từ 5.000 mét vuông (m^2) đến dưới 7.500 mét vuông (m^2) đối với rừng đặc dụng;</p> <p>c) Cho phép khai thác, vận chuyển lâm sản trái pháp luật thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 232 của Bộ luật này;</p> <p>d) Giao rừng, thu hồi rừng, cho thuê rừng, cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng trái pháp luật hoặc cho phép khai thác, vận chuyển lâm sản trái pháp luật dưới mức quy định tại điểm a, điểm b khoản này và các điểm từ điểm a đến điểm 1 khoản 1 Điều 232 của Bộ luật này nhưng đã bị xử lý kỷ luật về một trong các hành vi quy định tại Điều này mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Giao rừng, thu hồi rừng, cho thuê rừng trái pháp luật từ 25.000 mét vuông (m^2) đến dưới 40.000 mét vuông (m^2) đối với rừng sản xuất; từ 20.000 mét vuông (m^2) đến dưới 30.000 mét vuông (m^2) đối với rừng</p>	<p>b) Cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng trái pháp luật từ 10.000 mét vuông (m^2) đến dưới 12.500 mét vuông (m^2) đối với rừng sản xuất; từ 7.500 mét vuông (m^2) đến dưới 10.000 mét vuông (m^2) đối với rừng phòng hộ hoặc từ 5.000 mét vuông (m^2) đến dưới 7.500 mét vuông (m^2) đối với rừng đặc dụng;</p> <p>c) Cho phép khai thác, vận chuyển lâm sản trái pháp luật thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 232 của Bộ luật này;</p> <p>d) Giao rừng, thu hồi rừng, cho thuê rừng, cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng trái pháp luật hoặc cho phép khai thác, vận chuyển lâm sản trái pháp luật dưới mức quy định tại điểm a, điểm b khoản này và các điểm từ điểm a đến điểm 1 khoản 1 Điều 232 của Bộ luật này nhưng đã bị xử lý kỷ luật về một trong các hành vi quy định tại Điều này mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Giao rừng, thu hồi rừng, cho thuê rừng trái pháp luật từ 25.000 mét vuông (m^2) đến dưới 40.000 mét vuông (m^2) đối với rừng sản xuất; từ 20.000 mét vuông (m^2) đến dưới 30.000 mét vuông (m^2) đối với rừng</p>	
---	---	--

<p>rừng phòng hộ hoặc từ 15.000 mét vuông (m²) đến dưới 25.000 mét vuông (m²) đối với rừng đặc dụng;</p> <p>d) Cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng trái pháp luật từ 12.500 mét vuông (m²) đến dưới 17.000 mét vuông (m²) đối với rừng sản xuất; từ 10.000 mét vuông (m²) đến dưới 15.000 mét vuông (m²) đối với rừng phòng hộ hoặc từ 7.500 mét vuông (m²) đến dưới 12.000 mét vuông (m²) đối với rừng đặc dụng;</p> <p>đ) Cho phép khai thác, vận chuyển lâm sản trái pháp luật thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm 1 khoản 2 Điều 232 của Bộ luật này.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Giao rừng, thu hồi rừng, cho thuê rừng trái pháp luật 40.000 mét vuông (m²) trở lên đối với rừng sản xuất; 30.000 mét vuông (m²) trở lên đối với rừng phòng hộ hoặc 25.000 mét vuông (m²) trở lên đối với rừng đặc dụng;</p> <p>b) Cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng trái pháp luật 17.000 mét vuông (m²) trở lên đối với rừng sản xuất; 15.000 mét vuông (m²) trở lên đối với rừng phòng hộ hoặc 12.000 mét vuông (m²) trở lên đối với rừng đặc dụng;</p> <p>c) Cho phép khai thác, vận chuyển lâm sản</p>	<p>phòng hộ hoặc từ 15.000 mét vuông (m²) đến dưới 25.000 mét vuông (m²) đối với rừng đặc dụng;</p> <p>d) Cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng trái pháp luật từ 12.500 mét vuông (m²) đến dưới 17.000 mét vuông (m²) đối với rừng sản xuất; từ 10.000 mét vuông (m²) đến dưới 15.000 mét vuông (m²) đối với rừng phòng hộ hoặc từ 7.500 mét vuông (m²) đến dưới 12.000 mét vuông (m²) đối với rừng đặc dụng;</p> <p>đ) Cho phép khai thác, vận chuyển lâm sản trái pháp luật thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm 1 khoản 2 Điều 232 của Bộ luật này.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Giao rừng, thu hồi rừng, cho thuê rừng trái pháp luật 40.000 mét vuông (m²) trở lên đối với rừng sản xuất; 30.000 mét vuông (m²) trở lên đối với rừng phòng hộ hoặc 25.000 mét vuông (m²) trở lên đối với rừng đặc dụng;</p> <p>b) Cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng trái pháp luật 17.000 mét vuông (m²) trở lên đối với rừng sản xuất; 15.000 mét vuông (m²) trở lên đối với rừng phòng hộ hoặc 12.000 mét vuông (m²) trở lên đối với rừng đặc dụng;</p> <p>c) Cho phép khai thác, vận chuyển lâm sản</p>	
---	--	--

<p>trái pháp luật thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 232 của Bộ luật này.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>trái pháp luật thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 232 của Bộ luật này.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 234. Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 242 và Điều 244 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB hoặc Phụ lục II Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp trị giá từ 150.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc động vật hoang dã khác trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 700.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;</p> <p>b) Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật thuộc Danh mục thực vật rừng,</p>	<p>Điều 234. Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 242 và Điều 244 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB hoặc Phụ lục II Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp trị giá từ 150.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc động vật hoang dã khác trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 700.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;</p> <p>b) Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB hoặc</p>	

<p>động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB hoặc Phụ lục II Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp trị giá từ 150.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc của động vật hoang dã khác trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 700.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;</p> <p>c) Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật thu lợi bất chính hoặc trị giá dưới mức quy định tại điểm a, điểm b khoản này nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>c) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>d) Sử dụng công cụ hoặc phương tiện săn bắt bị cấm;</p> <p>đ) Săn bắt trong khu vực bị cấm hoặc vào thời gian bị cấm;</p> <p>e) Vận chuyển, buôn bán qua biên giới;</p> <p>g) Động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm</p>	<p>Phụ lục II Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp trị giá từ 150.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc của động vật hoang dã khác trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 700.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;</p> <p>c) Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật thu lợi bất chính hoặc trị giá dưới mức quy định tại điểm a, điểm b khoản này nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>c) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>d) Sử dụng công cụ hoặc phương tiện săn bắt bị cấm;</p> <p>đ) Săn bắt trong khu vực bị cấm hoặc vào thời gian bị cấm;</p> <p>e) Vận chuyển, buôn bán qua biên giới;</p> <p>g) Động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật thuộc Danh mục thực vật rừng,</p>	
--	---	--

<p>của động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB hoặc Phụ lục II Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng hoặc của động vật hoang dã khác trị giá từ 700.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng;</p> <p>h) Thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>i) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB hoặc Phụ lục II Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên hoặc của động vật hoang dã khác trị giá 1.500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB hoặc Phụ lục II Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng hoặc của động vật hoang dã khác trị giá từ 700.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng;</p> <p>h) Thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>i) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB hoặc Phụ lục II Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên hoặc của động vật hoang dã khác trị giá 1.500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại</p>	
--	--	--

<p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng;</p> <p>b) <u>200</u> Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, d, đ, e, g, h và i khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 3.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;</p> <p>d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p> <p>đ) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	<p>khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng;</p> <p>b) <u>200</u> Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, d, đ, e, g, h và i khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 3.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;</p> <p>d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p> <p>đ) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	
<p align="center">CHƯƠNG XIX CÁC TỘI PHẠM VỀ MÔI TRƯỜNG</p>	<p align="center">CHƯƠNG XIX CÁC TỘI PHẠM VỀ MÔI TRƯỜNG</p>	
<p>Điều 235. Tội gây ô nhiễm môi trường</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 03 năm:</p> <p>a) Chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái</p>	<p>Điều 235. Tội <i>xả chất thải nguy hại, chất thải có thông số môi trường nguy hại</i> gây ô nhiễm môi trường</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng</p>	

<p>pháp luật từ 1.000 kilôgam đến dưới 3.000 kilôgam chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc từ 3.000 kilôgam đến dưới 10.000 kilôgam chất thải nguy hại khác;</p> <p>b) Chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái pháp luật từ 500 kilôgam đến dưới 1.000 kilôgam chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc từ 1.500 kilôgam đến dưới 3.000 kilôgam chất thải nguy hại khác nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>c) Xả thải ra môi trường từ 500 mét khối (m³) trên ngày đến dưới 5.000 mét khối (m³) trên ngày nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 03 lần đến dưới 05 lần hoặc từ 300 mét khối (m³) trên ngày đến dưới 500 mét khối (m³) trên ngày nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt</p>	<p>hoặc phạt tù từ 02 01 năm đến 03 năm:</p> <p>a) Chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái pháp luật từ 1.000 kilôgam đến dưới 3.000 kilôgam chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc từ 3.000 kilôgam đến dưới 10.000 kilôgam chất thải nguy hại khác;</p> <p>b) Chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái pháp luật từ 500 kilôgam đến dưới 1.000 kilôgam chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc từ 1.500 kilôgam đến dưới 3.000 kilôgam chất thải nguy hại khác nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>c) Xả thải ra môi trường lưu lượng từ 500 mét khối (m³) trên ngày đến dưới 5.000 mét khối (m³) trên ngày nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 03 lần đến dưới 05 lần hoặc từ 300 mét khối (m³) trên ngày đến dưới 500 mét khối (m³)</p>	
--	--	--

<p>quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 05 lần trở lên;</p> <p>d) Xả thải ra môi trường 500 mét khối (m³) trên ngày trở lên nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 02 lần đến dưới 03 lần hoặc từ 300 mét khối (m³) trên ngày đến dưới 500 mét khối (m³) trên ngày nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 03 lần đến dưới 05 lần hoặc từ 100 mét khối (m³) trên ngày đến dưới 300 mét khối (m³) trên ngày nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 05 lần trở lên nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>đ) Thải ra môi trường từ 150.000 mét khối (m³) trên giờ đến dưới 300.000 mét khối (m³) trên giờ khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 03 lần đến dưới 05 lần hoặc từ 100.000 mét khối (m³) trên giờ đến dưới 150.000 mét khối (m³) trên giờ khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 05 lần trở lên; Điều này được sửa đổi, bổ sung lần thứ hai theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Luật số</p>	<p>trên ngày nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 05 lần trở lên.</p> <p>d) Xả thải ra môi trường lưu lượng 500 mét khối (m³) trên ngày trở lên nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 02 lần đến dưới 03 lần hoặc từ 300 mét khối (m³) trên ngày đến dưới 500 mét khối (m³) trên ngày nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 03 lần đến dưới 05 lần hoặc từ 100 mét khối (m³) trên ngày đến dưới 300 mét khối (m³) trên ngày nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 05 lần trở lên nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>đ) Thải ra môi trường lưu lượng từ 150.000 mét khối (m³) trên giờ đến dưới 300.000 mét khối (m³) trên giờ khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 03 lần đến dưới 05 lần hoặc từ 100.000 mét khối (m³) trên giờ đến dưới 150.000 mét khối (m³) trên giờ khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 05 lần trở lên;</p> <p>e) Thải ra môi trường lưu lượng</p>	
--	--	--

<p>86/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.</p> <p>e) Thải ra môi trường 150.000 mét khối (m^3) trên giờ trở lên khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 02 lần đến dưới 03 lần hoặc từ 100.000 mét khối (m^3) trên giờ đến dưới 150.000 mét khối (m^3) trên giờ khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 03 lần đến dưới 05 lần hoặc từ 50.000 mét khối (m^3) trên giờ đến dưới 100.000 mét khối (m^3) trên giờ khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 05 lần trở lên nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>g) Chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái pháp luật chất thải rắn thông thường từ 100.000 kilôgam đến dưới 200.000 kilôgam hoặc từ 70.000 kilôgam đến dưới 100.000 kilôgam nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>h) Xả thải ra môi trường nước thải, chôn,</p>	<p>150.000 mét khối (m^3) trên giờ trở lên khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 02 lần đến dưới 03 lần hoặc từ 100.000 mét khối (m^3) trên giờ đến dưới 150.000 mét khối (m^3) trên giờ khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 03 lần đến dưới 05 lần hoặc từ 50.000 mét khối (m^3) trên giờ đến dưới 100.000 mét khối (m^3) trên giờ khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 05 lần trở lên nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>g) Chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái pháp luật chất thải rắn thông thường từ 100.000 kilôgam đến dưới 200.000 kilôgam hoặc từ 70.000 kilôgam đến dưới 100.000 kilôgam nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>hg) Xả thải ra môi trường nước thải, chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường chất thải rắn hoặc phát tán khí thải có chứa chất phóng xạ vượt giá trị liều từ 50 milisivo (mSv)/năm đến dưới 200 milisivo (mSv)/năm hoặc giá trị suất liều từ 0,0025</p>	
--	---	--

<p>lắp, đổ, thải ra môi trường chất thải rắn hoặc phát tán khí thải có chứa chất phóng xạ vượt giá trị liều từ 50 millisivơ (mSv) trên năm đến dưới 200 millisivơ (mSv) trên năm hoặc giá trị suất liều từ 0,0025 millisivơ (mSv) trên giờ đến dưới 0,01 millisivơ (mSv) trên giờ.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái pháp luật từ 3.000 kilôgam đến dưới 5.000 kilôgam chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc từ 10.000 kilôgam đến dưới 50.000 kilôgam chất thải nguy hại khác;</p> <p>b) Xả thải ra môi trường từ 5.000 mét khối (m³) trên ngày đến dưới 10.000 mét khối (m³) trên ngày nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 03 lần đến dưới 05 lần hoặc từ 500 mét khối (m³) trên ngày đến dưới 5.000 mét khối (m³) trên ngày nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 05 lần trở lên;</p>	<p>millisivơ (mSv)/giờ đến dưới 0,01 millisivơ (mSv)/giờ.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 05 07 năm:</p> <p>a) Chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái pháp luật từ 3.000 kilôgam đến dưới 5.000 kilôgam chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc từ 10.000 kilôgam đến dưới 50.000 kilôgam chất thải nguy hại khác;</p> <p>b) Xả thải ra môi trường lưu lượng từ 5.000 mét khối (m³) trên ngày đến dưới 10.000 mét khối (m³) trên ngày nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 03 lần đến dưới 05 lần hoặc từ 500 mét khối (m³) trên ngày đến dưới 5.000 mét khối (m³) trên ngày nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 05 lần trở lên;</p> <p>c) Thải ra môi trường lưu lượng từ 300.000 mét khối (m³) trên giờ đến dưới 500.000 mét khối (m³) trên giờ khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 03</p>	
---	--	--

<p>c) Thải ra môi trường từ 300.000 mét khối (m³) trên giờ đến dưới 500.000 mét khối (m³) trên giờ khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 03 lần đến dưới 05 lần hoặc từ 150.000 mét khối (m³) trên giờ đến dưới 300.000 mét khối (m³) trên giờ khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 05 lần trở lên;</p> <p>d) Chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái pháp luật chất thải rắn thông thường từ 200.000 kilôgam đến dưới 500.000 kilôgam;</p> <p>đ) Xả thải ra môi trường nước thải, chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường chất thải rắn hoặc phát tán khí thải có chứa chất phóng xạ vượt giá trị liều từ 200 milisivơ (mSv) trên năm đến dưới 400 milisivơ (mSv) trên năm hoặc giá trị suất liều từ 0,01 milisivơ (mSv) trên giờ đến dưới 0,02 milisivơ (mSv) trên giờ;</p> <p>e) Gây hậu quả nghiêm trọng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 05 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái pháp luật 5.000 kilôgam trở lên chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy</p>	<p>lần đến dưới 05 lần hoặc từ 150.000 mét khối (m³) trên giờ đến dưới 300.000 mét khối (m³) trên giờ khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 05 lần trở lên;</p> <p>d) Chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái pháp luật chất thải rắn thông thường từ 200.000 kilôgam đến dưới 500.000 kilôgam;</p> <p>đ) Xả thải ra môi trường nước thải, chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường chất thải rắn hoặc phát tán khí thải có chứa chất phóng xạ vượt giá trị liều từ 200 milisivơ (mSv)/năm đến dưới 400 milisivơ (mSv)/năm hoặc giá trị suất liều từ 0,01 milisivơ (mSv)/giờ đến dưới 0,02 milisivơ (mSv)/giờ;</p> <p>đe) Gây hậu quả nghiêm trọng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 05 07 năm đến 07 12 năm:</p> <p>a) Chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái pháp luật 5.000 kilôgam trở lên chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc 50.000 kilôgam trở lên chất thải nguy hại khác;</p>	
--	--	--

<p>định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc 50.000 kilôgam trở lên chất thải nguy hại khác;</p> <p>b) Xả thải ra môi trường 10.000 mét khối (m³) trên ngày trở lên nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 03 lần đến dưới 05 lần hoặc 5.000 mét khối (m³) trên ngày trở lên nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 05 lần trở lên;</p> <p>c) Thải ra môi trường 500.000 mét khối (m³) trên giờ trở lên khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 03 lần đến dưới 05 lần hoặc 300.000 mét khối (m³) trên giờ trở lên khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 05 lần trở lên;</p> <p>d) Chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái pháp luật chất thải rắn thông thường 500.000 kilôgam trở lên;</p> <p>đ) Xả thải ra môi trường nước thải, chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường chất thải rắn hoặc phát tán khí thải có chứa chất phóng xạ vượt giá trị liều 400 milisivơ (mSv) trên năm trở lên hoặc giá trị suất liều 0,02 milisivơ (mSv) trên giờ trở lên;</p> <p>e) Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc</p>	<p>b) Xả thải ra môi trường lưu lượng 10.000 mét khối (m³) trên ngày trở lên nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 03 lần đến dưới 05 lần hoặc 5.000 mét khối (m³) trên ngày trở lên nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 05 lần trở lên;</p> <p>c) Thải ra môi trường lưu lượng 500.000 mét khối (m³) trên giờ trở lên khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 03 lần đến dưới 05 lần hoặc 300.000 mét khối (m³) giờ trở lên khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 05 lần trở lên;</p> <p>d) Chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái pháp luật chất thải rắn thông thường 500.000 kilôgam trở lên;</p> <p>đ) Xả thải ra môi trường nước thải, chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường chất thải rắn hoặc phát tán khí thải có chứa chất phóng xạ vượt giá trị liều 400 milisivơ (mSv)/năm trở lên hoặc giá trị suất liều 0,02 milisivơ (mSv)/giờ trở lên;</p> <p>eđ) Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành</p>	
--	---	--

<p>biệt nghiêm trọng.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 6.000.000.000 đồng đến 14.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 14.000.000.000 đồng đến 24.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 02 năm;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 24.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 năm đến 03 năm;</p> <p>d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p> <p>đ) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm.</p>	<p>nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 6.000.000.000 đồng đến 14.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 14.000.000.000 đồng đến 24.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 02 năm;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 24.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 năm đến 03 năm;</p> <p>d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p> <p>đ) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm.</p>	
	<i>Điều 235a. Tội vi phạm quy định về</i>	

	<p><i>xử lý chất thải thông thường và chất thải rắn sinh hoạt</i></p> <p><i>1. Người nào phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</i></p> <p><i>a) Không có trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt mà chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái pháp luật từ 100.000 kilôgam đến dưới 200.000 kilôgam chất thải rắn thông thường hoặc từ 50.000 kilôgam đến dưới 100.000 kilôgam chất thải rắn sinh hoạt;</i></p> <p><i>b) Có trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt hoặc có trách nhiệm quản lý mà thực hiện hoặc cho phép chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái pháp luật từ 50.000 kilôgam đến dưới 100.000 kilôgam đối với chất thải rắn thông thường hoặc từ 20.000 kilôgam đến dưới 50.000 kilôgam chất thải rắn sinh hoạt.</i></p> <p><i>c) Xả lượng nước thải thông thường trái pháp luật từ 5.000 mét khối (m³) đến dưới 20.000 mét khối (m³) trong 01 ngày có thông số môi trường thông thường vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 10 lần trở lên mà đã bị xử phạt vi phạm</i></p>	
--	--	--

	<p><i>hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Trong trường hợp không xác định được tổng lượng nước thải xả ra trong 01 ngày thì tính theo lưu lượng tại thời điểm đo từ 3,5 mét khối (m³) đến dưới 14 mét khối (m³) trên 01 phút có thông số môi trường thông thường vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 10 lần trở lên mà đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</i></p> <p><i>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</i></p> <p><i>a) Không có trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt mà chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường từ 200.000 kilôgam chất thải rắn sinh hoạt trở lên hoặc từ 100.000 kilôgam trở lên chất thải rắn sinh hoạt;</i></p> <p><i>b) Có trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt hoặc có trách nhiệm quản lý mà thực hiện hoặc cho phép chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường từ 100.000 kilôgam trở lên đối với chất thải rắn thông thường hoặc từ 50.000 kilôgam trở lên chất thải rắn sinh hoạt.</i></p>	
--	---	--

	<p><i>c) Xả lượng nước thải từ 20.000 mét khối (m³) trở lên trong 01 ngày có thông số môi trường thông thường vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 10 lần trở lên mà đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Trong trường hợp không xác định được tổng lượng nước thải xả ra trong 01 ngày thì tính theo lưu lượng tại thời điểm đo từ 14 mét khối (m³) trên 01 phút trở lên nước thải có thông số môi trường thông thường vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 10 lần trở lên mà đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</i></p> <p><i>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</i></p> <p><i>4. Phá nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</i></p> <p><i>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 9.000.000.000 đồng đến 21.000.000.000 đồng;</i></p> <p><i>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 21.000.000.000 đồng đến</i></p>	
--	---	--

	<p>36.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 02 năm;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 80 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.</p> <p>d) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 3.000.000.000 đồng đến 15.000.000.000 đồng.</p>	
<p>Điều 236. Tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại</p> <p>1. Người nào có thẩm quyền mà cho phép chôn, lấp, đổ, thải trái quy định của pháp luật chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy từ 3.000 kilôgam đến dưới 5.000 kilôgam; chất thải có chứa chất phóng xạ, gây nhiễm xạ môi trường thuộc nguồn phóng xạ loại có mức độ nguy hiểm dưới trung bình theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn bức xạ - phân nhóm và phân loại nguồn phóng xạ vượt quy chuẩn cho phép, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 02 năm đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù</p>	<p>Điều 236. Tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại</p> <p>1. Người nào có thẩm quyền trách nhiệm mà cho phép chôn, lấp, đổ, thải trái quy định của pháp luật hoặc xử lý chất thải bằng công nghệ không phù hợp hoặc xử lý không phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia hoặc quy hoạch có nội dung về xử lý chất thải nguy hại chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy từ 3.000 kilôgam đến dưới 5.000 kilôgam; chất thải có chứa chất phóng xạ, gây nhiễm xạ môi trường thuộc nguồn phóng xạ loại có mức độ nguy hiểm dưới trung bình theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn bức xạ - phân nhóm và phân loại nguồn phóng xạ vượt quy chuẩn cho phép, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm</p>	

<p>từ 03 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy từ 5.000 kilôgam đến dưới 10.000 kilôgam; chất thải có chứa chất phóng xạ, gây nhiễm xạ môi trường thuộc nguồn phóng xạ loại có mức độ nguy hiểm trung bình theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn bức xạ - phân nhóm và phân loại nguồn phóng xạ vượt quy chuẩn cho phép;</p> <p>b) Có tổ chức;</p> <p>c) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>d) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc trường hợp chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy 10.000 kilôgam trở lên; chất thải có chứa chất phóng xạ, gây nhiễm xạ môi trường thuộc nguồn phóng xạ loại có mức độ nguy hiểm trên trung bình theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn bức xạ - phân nhóm và phân loại nguồn phóng xạ vượt quy chuẩn cho phép, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.</p>	<p>hoặc phạt tù từ 02 năm đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 05 07 năm:</p> <p>a) Chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy từ 5.000 kilôgam đến dưới 10.000 kilôgam; chất thải có chứa chất phóng xạ, gây nhiễm xạ môi trường thuộc nguồn phóng xạ loại có mức độ nguy hiểm trung bình theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn bức xạ - phân nhóm và phân loại nguồn phóng xạ vượt quy chuẩn cho phép;</p> <p>b) Có tổ chức;</p> <p>c) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>d) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc trường hợp chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy 10.000 kilôgam trở lên; chất thải có chứa chất phóng xạ, gây nhiễm xạ môi trường thuộc nguồn phóng xạ loại có mức độ nguy hiểm trên trung bình theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn bức xạ - phân nhóm và</p>	
---	---	--

<p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>phân loại nguồn phóng xạ vượt quy chuẩn cho phép, thì bị phạt tù từ 05 07 năm đến 10 15 năm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.400.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 5.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 02 năm;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 10.000.000.000 đồng đến 20.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 năm đến 03 năm;</p> <p>d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p> <p>đ) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 3.000.000.000 đồng đến 15.000.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất</p>	
---	--	--

	<i>định từ 01 năm đến 03 năm.</i>	
<p>Điều 237. Tội vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Vi phạm quy định về phòng ngừa sự cố môi trường để xảy ra sự cố môi trường;</p> <p>b) Vi phạm quy định về ứng phó, khắc phục sự cố môi trường làm môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121% hoặc gây thiệt hại từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p>	<p>Điều 237. Tội vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Vi phạm quy định về phòng ngừa sự cố môi trường để xảy ra sự cố môi trường;</p> <p>b) Vi phạm quy định về ứng phó, khắc phục sự cố môi trường làm môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121% hoặc gây thiệt hại từ 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 6.000.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p>	

<p>c) Gây thiệt hại từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 7.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại 7.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 6.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 10.000.000.000 đồng đến 20.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn</p>	<p>c) Gây thiệt hại từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 7.000.000.000 đồng 6.000.000.000 đồng đến dưới 7.000.000.000 14.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại 7.000.000.000 đồng 14.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 6.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 10.000.000.000 đồng đến 20.000.000.000</p>	
--	--	--

<p>từ 01 năm đến 03 năm; d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn; đ) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm.</p>	<p>đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 năm đến 03 năm; d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn; đ) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm.</p>	
<p>Điều 238. Tội vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, đê điều và phòng, chống thiên tai; vi phạm quy định về bảo vệ bờ, bãi sông 1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121% hoặc gây thiệt hại từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 303 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm: a) Xây nhà, công trình trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều,</p>	<p>Điều 238. Tội vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, đê điều và phòng, chống thiên tai; vi phạm quy định về bảo vệ bờ, bãi sông 1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121% hoặc gây thiệt hại từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 600.000.000 đồng, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 303 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm: a) Xây nhà, công trình trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, công</p>	

<p>công trình phòng, chống thiên tai;</p> <p>b) Làm hư hỏng công trình thủy lợi, đê điều, công trình phòng, chống thiên tai, công trình bảo vệ, khai thác, sử dụng, quan trắc, giám sát tài nguyên nước, công trình phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;</p> <p>c) Khoan, đào thăm dò, khảo sát, khai thác đất, đá, cát sỏi, khoáng sản, nước dưới đất trái phép;</p> <p>d) Sử dụng chất nổ, gây nổ, gây cháy trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, công trình phòng, chống thiên tai, công trình bảo vệ, khai thác, sử dụng, quan trắc, giám sát tài nguyên nước, công trình phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, trừ trường hợp có giấy phép hoặc trường hợp khẩn cấp do luật định;</p> <p>đ) Vận hành hồ chứa nước không đúng quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa; vận hành công trình phân lũ, làm chậm lũ không đúng với quy trình, quy chuẩn kỹ thuật cho phép, trừ trường hợp đặc biệt thực hiện theo quyết định của người có thẩm quyền.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 600.000.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p>	<p>trình phòng, chống thiên tai;</p> <p>b) Làm hư hỏng công trình thủy lợi, đê điều, công trình phòng, chống thiên tai, công trình bảo vệ, khai thác, sử dụng, quan trắc, giám sát tài nguyên nước, công trình phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;</p> <p>c) Khoan, đào thăm dò, khảo sát, khai thác đất, đá, cát sỏi, khoáng sản, nước dưới đất trái phép, trừ trường hợp quy định tại Điều 227 của Bộ luật này;</p> <p>d) Sử dụng chất nổ, gây nổ, gây cháy trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, công trình phòng, chống thiên tai, công trình bảo vệ, khai thác, sử dụng, quan trắc, giám sát tài nguyên nước, công trình phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, trừ trường hợp có giấy phép hoặc trường hợp khẩn cấp do luật định;</p> <p>đ) Vận hành hồ chứa nước không đúng quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa; vận hành công trình phân lũ, làm chậm lũ không đúng với quy trình, quy chuẩn kỹ thuật cho phép, trừ trường hợp đặc biệt thực hiện theo quyết định của người có thẩm quyền.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 600.000.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p>	
---	---	--

<p>b) Phạm tội 02 lần trở lên; c) Làm chết người; d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%; đ) Gây thiệt hại từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng; e) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người trở lên; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên; c) Gây thiệt hại 1.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 02 năm đến 05 năm.</p> <p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 600.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng; b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng</p>	<p>b) Phạm tội 02 lần trở lên; c) Làm chết người; d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%; đ) Gây thiệt hại từ 300.000.000 600.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng; e) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người trở lên; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên; c) Gây thiệt hại 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 02 năm đến 05 năm.</p> <p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 600.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng; b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ</p>	
--	--	--

<p>đồng; c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 6.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 năm đến 03 năm; d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn; đ) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm.</p>	<p>2.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng; c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 6.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 năm đến 03 năm; d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn; đ) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm.</p>	
<p>Điều 239. Tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam 1. Người nào đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam trái pháp luật thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: a) Đưa từ 1.000 kilôgam đến dưới 3.000 kilôgam chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc từ 3.000 kilôgam đến dưới 10.000 kilôgam chất thải</p>	<p>Điều 239. Tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam 1. Người nào đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam trái pháp luật thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: a) Đưa từ 1.000 kilôgam đến dưới 3.000 kilôgam chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc từ 3.000 kilôgam đến dưới 10.000 kilôgam chất thải nguy hại</p>	

<p>nguy hại khác;</p> <p>b) Đưa từ 70.000 kilôgam đến dưới 170.000 kilôgam chất thải khác.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Đưa từ 3.000 kilôgam đến dưới 5.000 kilôgam chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc từ 10.000 kilôgam đến dưới 50.000 kilôgam chất thải nguy hại khác;</p> <p>c) Đưa từ 170.000 kilôgam đến dưới 300.000 kilôgam chất thải khác.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 4.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Đưa 5.000 kilôgam trở lên chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc 50.000 kilôgam trở lên chất thải nguy hại khác;</p>	<p>khác;</p> <p>b) Đưa từ 70.000 kilôgam đến dưới 170.000 kilôgam chất thải khác.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Đưa từ 3.000 kilôgam đến dưới 5.000 kilôgam chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc từ 10.000 kilôgam đến dưới 50.000 kilôgam chất thải nguy hại khác;</p> <p>c) Đưa từ 170.000 kilôgam đến dưới 300.000 kilôgam chất thải khác.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 4.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Đưa 5.000 kilôgam trở lên chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc 50.000 kilôgam trở lên chất thải nguy hại khác;</p>	
--	---	--

<p>b) Đưa 300.000 kilôgam trở lên chất thải khác.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 6.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 01 năm;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 10.000.000.000 đồng đến 14.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 năm đến 03 năm;</p> <p>d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p> <p>đ) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm.</p>	<p>b) Đưa 300.000 kilôgam trở lên chất thải khác.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 6.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 01 năm;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 10.000.000.000 đồng đến 14.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 năm đến 03 năm;</p> <p>d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p> <p>đ) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm.</p>	
---	---	--

<p>Điều 240. Tội làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho người</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho người, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Đưa ra hoặc cho phép đưa ra khỏi vùng có dịch bệnh động vật, thực vật, sản phẩm động vật, thực vật hoặc vật phẩm khác có khả năng lây truyền dịch bệnh nguy hiểm cho người, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;</p> <p>b) Đưa vào hoặc cho phép đưa vào lãnh thổ Việt Nam động vật, thực vật hoặc sản phẩm động vật, thực vật bị nhiễm bệnh hoặc mang mầm bệnh nguy hiểm có khả năng lây truyền cho người;</p> <p>c) Hành vi khác làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho người.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Dẫn đến phải công bố dịch thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ trưởng Bộ Y tế;</p> <p>b) Làm chết người.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Dẫn đến phải công bố dịch thuộc thẩm</p>	<p>Điều 240. Tội làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho người</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho người, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Đưa ra hoặc cho phép đưa ra khỏi vùng có dịch bệnh động vật, thực vật, sản phẩm động vật, thực vật hoặc vật phẩm khác có khả năng lây truyền dịch bệnh nguy hiểm cho người, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;</p> <p>b) Đưa vào hoặc cho phép đưa vào lãnh thổ Việt Nam động vật, thực vật hoặc sản phẩm động vật, thực vật bị nhiễm bệnh hoặc mang mầm bệnh nguy hiểm có khả năng lây truyền cho người;</p> <p>c) Hành vi khác làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho người.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Dẫn đến phải công bố dịch thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ trưởng Bộ Y tế;</p> <p>b) Làm chết người.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 1215 năm:</p> <p>a) Dẫn đến phải công bố dịch thuộc thẩm</p>	
--	--	--

<p>quyền của Thủ tướng Chính phủ; b) Làm chết 02 người trở lên. 4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>quyền của Thủ tướng Chính phủ; b) Làm chết 02 người trở lên. 4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 241. Tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật 1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong những hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm: a) Đưa vào, mang ra hoặc cho phép đưa vào, mang ra khỏi vùng có dịch động vật, thực vật, sản phẩm động vật, thực vật hoặc vật phẩm khác bị nhiễm bệnh hoặc mang mầm bệnh, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; b) Đưa vào hoặc cho phép đưa vào lãnh thổ Việt Nam động vật, thực vật, sản phẩm động vật, thực vật thuộc diện kiểm dịch mà không thực hiện các quy định của pháp luật về kiểm dịch; c) Hành vi khác làm lây lan dịch bệnh nguy</p>	<p>Điều 241. Tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật 1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong những hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm: a) Đưa vào, mang ra hoặc cho phép đưa vào, mang ra khỏi vùng có dịch động vật, thực vật, sản phẩm động vật, thực vật hoặc vật phẩm khác bị nhiễm bệnh hoặc mang mầm bệnh, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; b) Đưa vào hoặc cho phép đưa vào lãnh thổ Việt Nam động vật, thực vật, sản phẩm động vật, thực vật thuộc diện kiểm dịch mà không thực hiện các quy định của pháp luật về kiểm dịch;</p>	

<p>hiểm cho động vật, thực vật.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Dẫn đến phải công bố dịch thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Gây thiệt hại về tài sản 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Dẫn đến phải công bố dịch thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>c) Hành vi khác làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Dẫn đến phải công bố dịch thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Gây thiệt hại về tài sản 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Dẫn đến phải công bố dịch thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 242. Tội hủy hoại nguồn lợi thủy sản</p> <p>1. Người nào vi phạm quy định về bảo vệ nguồn lợi thủy sản thuộc một trong các trường hợp sau đây, gây thiệt hại nguồn lợi thủy sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc thủy sản thu được</p>	<p>Điều 242. Tội hủy hoại nguồn lợi thủy sản</p> <p>1. Người nào vi phạm quy định về bảo vệ nguồn lợi thủy sản thuộc một trong các trường hợp sau đây, gây thiệt hại nguồn lợi thủy sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng hoặc thủy sản thu được trị giá từ 50.000.000</p>	

<p>trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Sử dụng chất độc, chất nổ, hóa chất, dòng điện hoặc phương tiện, ngư cụ bị cấm để khai thác thủy sản hoặc làm hủy hoại nguồn lợi thủy sản;</p> <p>b) Khai thác thủy sản trong khu vực cấm hoặc trong khu vực cấm có thời hạn;</p> <p>c) Khai thác loài thủy sản bị cấm khai thác, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 244 của Bộ luật này;</p> <p>d) Phá hoại nơi cư ngụ của loài thủy sản thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;</p> <p>đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>e) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>g) Vi phạm quy định khác của pháp luật về bảo vệ nguồn lợi thủy sản.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp</p>	<p>100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 400.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Sử dụng chất độc, chất nổ, hóa chất, dòng điện hoặc phương tiện, ngư cụ bị cấm để khai thác thủy sản hoặc làm hủy hoại nguồn lợi thủy sản;</p> <p>Sử dụng chất, hóa chất cấm, chất độc, chất nổ, xung điện, dòng điện, phương pháp, phương tiện, ngư cụ khai thác có tính hủy diệt, tận diệt để khai thác hoặc làm hủy hoại nguồn lợi thủy sản;</p> <p>b) Khai thác thủy sản trong khu vực cấm hoặc trong khu vực cấm có thời hạn;</p> <p>c) Khai thác loài thủy sản bị cấm khai thác, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 244 của Bộ luật này;</p> <p>d) Phá hoại nơi cư ngụ của loài thủy sản thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;</p> <p>đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>e) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn</p>	
---	--	--

<p>sau đây, thì bị phạt tiền từ 600.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Gây thiệt hại nguồn lợi thủy sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng hoặc thủy sản thu được trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>b) Làm chết người;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Gây thiệt hại nguồn lợi thủy sản 1.500.000.000 đồng trở lên hoặc thủy sản thu được trị giá 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Làm chết 02 người trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p>	<p>thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>g) Vi phạm quy định khác của pháp luật về bảo vệ nguồn lợi thủy sản.</p> <p><i>Gây hại khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, khu bảo tồn biển.</i></p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 600.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Gây thiệt hại nguồn lợi thủy sản từ 500.000.000 <i>1.000.000.000</i> đồng đến dưới 1.500.000.000 <i>3.000.000.000</i> đồng hoặc thủy sản thu được trị giá từ 200.000.000 <i>400.000.000</i> đồng đến dưới 500.000.000 <i>1.000.000.000</i> đồng;</p> <p>b) Làm chết người;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Gây thiệt hại nguồn lợi thủy sản 1.500.000.000 <i>3.000.000.000</i> đồng trở lên hoặc thủy sản thu được trị giá 500.000.000 <i>1.000.000.000</i> đồng trở lên;</p> <p>b) Làm chết 02 người trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn</p>	
---	---	--

<p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 600.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 6.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;</p> <p>d) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	<p>thương cơ thể của những người này 201% trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 600.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 6.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;</p> <p>d) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	
	<p><i>Điều 242a. Tội khai thác thủy sản trái phép</i></p> <p><i>1. Người nào khai thác thủy sản trái phép trong vùng biển thuộc quyền quản lý</i></p>	

	<p><i>của tổ chức quản lý nghề cá khu vực, quốc gia và vùng lãnh thổ khác, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 188, 189, 198, 242, 244, 287, 341, 347, 348 và 349 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</i></p> <p><i>2. Phạm tội thuộc trường hợp thủy sản thu được trị giá từ 1.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.</i></p> <p><i>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</i></p> <p><i>4. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</i></p> <p><i>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 600.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng;</i></p> <p><i>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng;</i></p>	
--	---	--

	<i>c) Phá nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm.</i>	
Điều 243. Tội hủy hoại rừng 1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: a) Cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc rừng chưa có trữ lượng có diện tích từ 30.000 mét vuông (m ²) đến dưới 50.000 mét vuông (m ²); b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m ²) đến dưới 10.000 mét vuông (m ²); c) Rừng phòng hộ có diện tích từ 3.000 mét vuông (m ²) đến dưới 7.000 mét vuông (m ²); d) Rừng đặc dụng có diện tích từ 1.000 mét vuông (m ²) đến dưới 3.000 mét vuông (m ²); đ) Gây thiệt hại về lâm sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng trong trường hợp rừng bị thiệt hại không tính được bằng diện tích; e) Thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp,	Điều 243. Tội hủy hoại rừng 1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: a) Cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc rừng chưa có trữ lượng có diện tích từ 30.000 mét vuông (m ²) đến dưới 50.000 mét vuông (m ²); b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m ²) đến dưới 10.000 mét vuông (m ²); c) Rừng phòng hộ có diện tích từ 3.000 mét vuông (m ²) đến dưới 7.000 mét vuông (m ²); d) Rừng đặc dụng có diện tích từ 1.000 mét vuông (m ²) đến dưới 3.000 mét vuông (m ²); đ) Gây thiệt hại về lâm sản trị giá từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 200.000.000 đồng trong trường hợp rừng bị thiệt hại không tính được bằng	

<p>quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng; thực vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;</p> <p>g) Diện tích rừng hoặc trị giá lâm sản dưới mức quy định tại một trong các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>c) Tái phạm nguy hiểm;</p> <p>d) Cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc rừng chưa có trữ lượng có diện tích từ 50.000 mét vuông (m²) đến dưới 100.000 mét vuông (m²);</p> <p>đ) Rừng sản xuất có diện tích từ 10.000 mét vuông (m²) đến dưới 50.000 mét vuông (m²);</p> <p>e) Rừng phòng hộ có diện tích từ 7.000 mét vuông (m²) đến dưới 10.000 mét vuông</p>	<p>diện tích;</p> <p>e) Thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA trị giá từ 20.000.000 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 120.000.000 đồng; thực vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA trị giá từ 40.000.000 80.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 200.000.000 đồng;</p> <p>g) Diện tích rừng hoặc trị giá lâm sản dưới mức quy định tại một trong các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p><i>h) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</i></p> <p><i>i) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%.</i></p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p>	
--	--	--

<p>(m²);</p> <p>g) Rừng đặc dụng có diện tích từ 3.000 mét vuông (m²) đến dưới 5.000 mét vuông (m²);</p> <p>h) Gây thiệt hại về lâm sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng trong trường hợp rừng bị thiệt hại không tính được bằng diện tích;</p> <p>i) Thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA trị giá từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng; thực vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc rừng chưa có trữ lượng có diện tích 100.000 mét vuông (m²) trở lên;</p> <p>b) Rừng sản xuất có diện tích 50.000 mét vuông (m²) trở lên; c) Rừng phòng hộ có diện tích 10.000 mét vuông (m²) trở lên; d) Rừng đặc dụng có diện tích 5.000 mét vuông (m²) trở lên;</p> <p>đ) Gây thiệt hại về lâm sản trị giá 200.000.000 đồng trở lên trong trường hợp</p>	<p>c) Tái phạm nguy hiểm;</p> <p>d) Cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc rừng chưa có trữ lượng có diện tích từ 50.000 mét vuông (m²) đến dưới 100.000 mét vuông (m²);</p> <p>đ) Rừng sản xuất có diện tích từ 10.000 mét vuông (m²) đến dưới 50.000 mét vuông (m²);</p> <p>e) Rừng phòng hộ có diện tích từ 7.000 mét vuông (m²) đến dưới 10.000 mét vuông (m²);</p> <p>g) Rừng đặc dụng có diện tích từ 3.000 mét vuông (m²) đến dưới 5.000 mét vuông (m²);</p> <p>h) Gây thiệt hại về lâm sản trị giá từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 400.000.000 đồng trong trường hợp rừng bị thiệt hại không tính được bằng diện tích;</p> <p>i) Thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA trị giá từ 60.000.000 120.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 200.000.000 đồng; thực vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA trị giá từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 400.000.000 đồng.</p> <p>k) Làm chết người;</p>	
---	---	--

<p>rừng bị thiệt hại không tính được bằng diện tích;</p> <p>e) Thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA trị giá 100.000.000 đồng trở lên; thực vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA trị giá 200.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, c, d, đ, e, g, h và i khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 4.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 10.000.000.000 đồng đến 14.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;</p>	<p><i>l) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%.</i></p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc rừng chưa có trữ lượng có diện tích 100.000 mét vuông (m^2) trở lên;</p> <p>b) Rừng sản xuất có diện tích 50.000 mét vuông (m^2) trở lên;</p> <p>c) Rừng phòng hộ có diện tích 10.000 mét vuông (m^2) trở lên;</p> <p>d) Rừng đặc dụng có diện tích 5.000 mét vuông (m^2) trở lên;</p> <p>đ) Gây thiệt hại về lâm sản trị giá 200.000.000 400.000.000 đồng trở lên trong trường hợp rừng bị thiệt hại không tính được bằng diện tích;</p> <p>e) Thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA trị giá 100.000.000 200.000.000 đồng trở lên; thực vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA trị giá 200.000.000 400.000.000 đồng trở lên.</p> <p><i>g) Làm chết 02 người trở lên;</i></p> <p><i>h) Gây thương tích hoặc gây tổn hại</i></p>	
--	---	--

<p>d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p> <p>đ) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	<p><i>cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên.</i></p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, c, d, đ, e, g, h và i khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 4.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 10.000.000.000 đồng đến 14.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;</p> <p>d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p> <p>đ) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định</p>	
---	--	--

	hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.	
<p>Điều 244. Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm</p> <p>1. Người nào vi phạm quy định về bảo vệ động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;</p> <p>b) Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>c) Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép ngà voi có khối lượng từ 02 kilôgam đến dưới 20 kilôgam; sừng tê giác có khối lượng từ 50 gam đến dưới 01 kilôgam;</p> <p>d) Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I</p>	<p>Điều 244. Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm</p> <p>1. Người nào vi phạm quy định về bảo vệ động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;</p> <p>b) Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>c) Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép ngà voi có khối lượng từ 02 kilôgam đến dưới 20 kilôgam; sừng tê giác có khối lượng từ 50 gam đến dưới 01 kilôgam; vây tê tê có khối lượng từ 03kg đến dưới 60kg;</p> <p>d) Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc</p>	

<p>Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp mà không thuộc loài quy định tại điểm a khoản này với số lượng từ 03 cá thể đến 07 cá thể lớp thú, từ 07 cá thể đến 10 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 10 cá thể đến 15 cá thể động vật lớp khác;</p> <p>đ) Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của từ 03 cá thể đến 07 cá thể lớp thú, từ 07 cá thể đến 10 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 10 cá thể đến 15 cá thể động vật lớp khác quy định tại điểm d khoản này;</p> <p>e) Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật hoặc tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật có số lượng dưới mức quy định tại các điểm c, d và đ khoản này nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Số lượng động vật hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của từ 03 cá thể đến 07 cá thể lớp thú, từ 07 cá thể đến 10</p>	<p>Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp mà không thuộc loài quy định tại điểm a khoản này với số lượng từ 03 cá thể đến 07 cá thể lớp thú, từ 07 cá thể đến 10 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 10 cá thể đến 15 cá thể động vật lớp khác;</p> <p>đ) Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của từ 03 cá thể đến 07 cá thể lớp thú, từ 07 cá thể đến 10 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 10 cá thể đến 15 cá thể động vật lớp khác quy định tại điểm d khoản này;</p> <p>e) Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật hoặc tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật có số lượng dưới mức quy định tại các điểm c, d và đ khoản này nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p><i>g) Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ có giá trị từ 100.000.000 đồng đến dưới 2.000.000.000 đồng.</i></p>	
---	---	--

<p>cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 10 cá thể đến 15 cá thể động vật lớp khác quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Số lượng động vật hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của từ 08 cá thể đến 11 cá thể lớp thú, từ 11 cá thể đến 15 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 16 cá thể đến 20 cá thể động vật lớp khác quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;</p> <p>c) Từ 01 cá thể đến 02 cá thể voi, tê giác hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của từ 01 cá thể đến 02 cá thể voi, tê giác; từ 03 cá thể đến 05 cá thể gấu, hổ hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của từ 03 cá thể đến 05 cá thể gấu, hổ;</p> <p>d) Ngà voi có khối lượng từ 20 kilôgam đến dưới 90 kilôgam; sừng tê giác có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 09 kilôgam;</p> <p>đ) Có tổ chức;</p> <p>e) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>g) Sử dụng công cụ hoặc phương tiện săn bắt bị cấm;</p> <p>h) Săn bắt trong khu vực bị cấm hoặc vào thời gian bị cấm;</p> <p>i) Buôn bán, vận chuyển qua biên giới;</p> <p>k) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3.[223] Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Số lượng động vật hoặc bộ phận cơ thể</p>	<p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Số lượng động vật hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của từ 03 cá thể đến 07 cá thể lớp thú, từ 07 cá thể đến 10 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 10 cá thể đến 15 cá thể động vật lớp khác quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Số lượng động vật hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của từ 08 cá thể đến 11 cá thể lớp thú, từ 11 cá thể đến 15 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 16 cá thể đến 20 cá thể động vật lớp khác quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;</p> <p>c) Từ 01 cá thể đến 02 cá thể voi, tê giác hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của từ 01 cá thể đến 02 cá thể voi, tê giác; từ 03 cá thể đến 05 cá thể gấu, hổ hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của từ 03 cá thể đến 05 cá thể gấu, hổ;</p> <p>d) Ngà voi có khối lượng từ 20 kilôgam đến dưới 90 kilôgam; sừng tê giác có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 09 kilôgam; vây tê tê có khối lượng từ 60 kilôgam đến dưới 250 kilôgam;</p> <p>đ) Có tổ chức;</p> <p>e) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>g) Sử dụng công cụ hoặc phương tiện săn bắt bị cấm;</p>	
---	---	--

<p>không thể tách rời sự sống của 08 cá thể lớp thú trở lên, 11 cá thể lớp chim, bò sát trở lên hoặc 16 cá thể động vật lớp khác trở lên quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Số lượng động vật hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của 12 cá thể lớp thú trở lên, 16 cá thể lớp chim, bò sát trở lên hoặc 21 cá thể động vật lớp khác trở lên quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;</p> <p>c) Từ 03 cá thể voi, tê giác trở lên hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của 03 cá thể voi, tê giác trở lên; 06 cá thể gấu, hổ trở lên hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của 06 cá thể gấu, hổ trở lên;</p> <p>d) Ngà voi có khối lượng 90 kilôgam trở lên; sừng tê giác có khối lượng 09 kilôgam trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, g, h,</p>	<p>h) Săn bắt trong khu vực bị cấm hoặc vào thời gian bị cấm;</p> <p>i) Buôn bán, vận chuyển qua biên giới;</p> <p>k) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p><i>l) Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ có giá trị từ 2.000.000.000 đồng đến dưới 18.000.000.000 đồng.</i></p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Số lượng động vật hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của 08 cá thể lớp thú trở lên, 11 cá thể lớp chim, bò sát trở lên hoặc 16 cá thể động vật lớp khác trở lên quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Số lượng động vật hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của 12 cá thể lớp thú trở lên, 16 cá thể lớp chim, bò sát trở lên hoặc 21 cá thể động vật lớp khác trở lên quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;</p> <p>c) Từ 03 cá thể voi, tê giác trở lên hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của 03 cá thể voi, tê giác trở lên; 06 cá thể gấu, hổ trở lên hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của 06 cá thể gấu, hổ trở lên;</p>	
---	---	--

<p>i và k khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 10.000.000.000 đồng đến 20.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 20.000.000.000 đồng đến 30.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;</p> <p>d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p> <p>đ) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 600.000.000 đồng đến 1.200.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	<p>d) Ngà voi có khối lượng 90 kilôgam trở lên; sừng tê giác có khối lượng 09 kilôgam; <i>vây tê tê có khối lượng từ 250 kilôgam trở lên;</i></p> <p><i>đ) Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ có giá trị từ 18.000.000.000 đồng trở lên.</i></p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, g, h, i và k khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 10.000.000.000 đồng đến 20.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 20.000.000.000 đồng đến 30.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;</p> <p>d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 80 của Bộ luật này, thì bị đình</p>	
---	---	--

	<p>chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p> <p>đ) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 600.000.000 đồng đến 1.200.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	
<p>Điều 245. Tội vi phạm quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên</p> <p>1. Người nào vi phạm quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Gây thiệt hại về tài sản từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;</p> <p>b) Gây thiệt hại đến cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn thiên nhiên có tổng diện tích từ 300 mét vuông (m²) đến dưới 500 mét vuông (m²);</p> <p>c) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong những hành vi này mà còn vi phạm hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Gây thiệt hại về tài sản 200.000.000 đồng trở lên;</p>	<p>Điều 245. Tội vi phạm quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên</p> <p>1. Người nào vi phạm quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Gây thiệt hại về tài sản từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 400.000.000 đồng;</p> <p>b) Gây thiệt hại đến cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn thiên nhiên có tổng diện tích từ 300 mét vuông (m²) đến dưới 500 mét vuông (m²);</p> <p>c) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong những hành vi này mà còn vi phạm hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Gây thiệt hại về tài sản 200.000.000</p>	

<p>b) Gây thiệt hại đến cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn thiên nhiên có tổng diện tích 500 mét vuông (m²) trở lên;</p> <p>c) Có tổ chức;</p> <p>d) Sử dụng công cụ, phương tiện, biện pháp bị cấm;</p> <p>đ) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>4. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 600.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p> <p>d) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03</p>	<p>400.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Gây thiệt hại đến cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn thiên nhiên có tổng diện tích 500 mét vuông (m²) trở lên;</p> <p>c) Có tổ chức;</p> <p>d) Sử dụng công cụ, phương tiện, biện pháp bị cấm;</p> <p>đ) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>4. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 600.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p> <p>d) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy</p>	
---	---	--

năm.	động vốn từ 01 năm đến 03 năm.	
<p>Điều 246. Tội nhập khẩu, phát tán các loài ngoại lai xâm hại</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Nhập khẩu trái phép loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại hoặc loài động vật, thực vật ngoại lai có nguy cơ xâm hại trong trường hợp vật phạm pháp trị giá từ 250.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc trong trường hợp vật phạm pháp trị giá dưới 250.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm;</p> <p>b) Phát tán loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại hoặc loài động vật, thực vật ngoại lai có nguy cơ xâm hại, gây thiệt hại về tài sản từ 150.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Nhập khẩu trái phép loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại hoặc loài động vật, thực vật ngoại lai có nguy cơ xâm hại trong trường hợp vật phạm pháp trị giá 500.000.000 đồng trở lên;</p>	<p>Điều 246. Tội nhập khẩu, phát tán các loài ngoại lai xâm hại</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Nhập khẩu trái phép loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại hoặc loài động vật, thực vật ngoại lai có nguy cơ xâm hại trong trường hợp vật phạm pháp trị giá từ 250.000.000 500.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng hoặc trong trường hợp vật phạm pháp trị giá dưới 250.000.000 500.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm;</p> <p>b) Phát tán loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại hoặc loài động vật, thực vật ngoại lai có nguy cơ xâm hại, gây thiệt hại về tài sản từ 150.000.000 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Nhập khẩu trái phép loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại hoặc loài động vật, thực vật ngoại lai có nguy cơ xâm hại trong trường hợp vật phạm pháp trị giá</p>	

<p>c) Phát tán loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại hoặc loài động vật, thực vật ngoại lai có nguy cơ xâm hại, gây thiệt hại về tài sản 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>d) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>4. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 6.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;</p> <p>c) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	<p>500.000.000 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Phát tán loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại hoặc loài động vật, thực vật ngoại lai có nguy cơ xâm hại, gây thiệt hại về tài sản 500.000.000 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>d) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>4. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 6.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;</p> <p>c) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	
Chương XX CÁC TỘI PHẠM VỀ MA TÚY		
Điều 247. Tội trồng cây thuốc phiện, cây	Điều 247. Tội trồng cây thuốc phiện, cây	

<p>côca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy</p> <p>1. Người nào trồng cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Đã được giáo dục 02 lần và đã được tạo điều kiện ổn định cuộc sống;</p> <p>b) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>c) Với số lượng từ 500 cây đến dưới 3.000 cây.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Với số lượng 3.000 cây trở lên;</p> <p>c) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.</p> <p>4. Người nào phạm tội thuộc khoản 1 Điều này, nhưng đã tự nguyện phá bỏ, giao nộp cho cơ quan chức năng có thẩm quyền trước khi thu hoạch, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự.</p>	<p>côca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy</p> <p>1. Người nào trồng cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Đã được giáo dục 02 lần và đã được tạo điều kiện ổn định cuộc sống;</p> <p>b) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>c) Với số lượng từ 500 cây đến dưới 3.000 cây.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Với số lượng 3.000 cây trở lên;</p> <p>c) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.</p> <p>4. Người nào phạm tội thuộc khoản 1 Điều này, nhưng đã tự nguyện phá bỏ, giao nộp cho cơ quan chức năng có thẩm quyền trước khi thu hoạch, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự.</p>	
<p>Điều 248. Tội sản xuất trái phép chất ma túy</p> <p>1. Người nào sản xuất trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ</p>	<p>Điều 248. Tội sản xuất trái phép chất ma túy</p> <p>1. Người nào sản xuất trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ</p>	<p>4. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.</p>

<p>03 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>đ) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 500 gam đến dưới 01 kilôgam;</p> <p>e) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;</p> <p>g) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam;</p> <p>h) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 100 mililit đến dưới 200 mililit;</p> <p>i) Tái phạm nguy hiểm;</p> <p>k) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm đ đến điểm h khoản này.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới</p>	<p>03 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>đ) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 500 gam đến dưới 01 kilôgam;</p> <p>e) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;</p> <p>g) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam;</p> <p>h) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 100 mililit đến dưới 200 mililit;</p> <p>i) Tái phạm nguy hiểm;</p> <p>k) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm đ đến điểm h khoản này.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới</p>	
--	--	--

<p>05 kilôgam;</p> <p>c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;</p> <p>d) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam;</p> <p>đ) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 200 mililit đến dưới 750 mililit;</p> <p>e) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm đ khoản này.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 05 kilôgam đến dưới 30 kilôgam;</p> <p>b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 100 gam đến dưới 03 kilôgam;</p> <p>c) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 300 gam đến dưới 09 kilôgam;</p> <p>d) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 750 mililit đến dưới 22 lít;</p> <p>đ) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma</p>	<p>05 kilôgam;</p> <p>c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;</p> <p>d) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam;</p> <p>đ) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 200 mililit đến dưới 750 mililit;</p> <p>e) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm đ khoản này.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 05 kilôgam đến dưới 30 kilôgam;</p> <p>b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 100 gam đến dưới 03 kilôgam;</p> <p>c) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 300 gam đến dưới 09 kilôgam;</p> <p>d) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 750 mililit đến dưới 22 lít;</p> <p>đ) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương</p>	
--	---	--

<p>túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm d khoản này.</p> <p>5. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù chung thân hoặc tử hình:</p> <p>a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng 30 kilôgam trở lên;</p> <p>b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng 03 kilôgam trở lên;</p> <p>c) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 09 kilôgam trở lên;</p> <p>d) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích 22 lít trở lên;</p> <p>đ) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm d khoản này.</p> <p>6. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	<p>túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm d khoản này.</p> <p>5. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù chung thân hoặc tử hình:</p> <p>a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng 30 kilôgam trở lên;</p> <p>b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng 03 kilôgam trở lên;</p> <p>c) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 09 kilôgam trở lên;</p> <p>d) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích 22 lít trở lên;</p> <p>đ) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm d khoản này.</p> <p>6. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>6. 7. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	
<p>Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy</p>	<p>Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy</p>	

<p>1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các điều 248, 250, 251, 252 và 256a của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam;</p> <p>c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;</p> <p>d) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 10 kilôgam;</p> <p>đ) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 05 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;</p> <p>e) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 10 kilôgam;</p> <p>g) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 20 gam;</p> <p>h) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 10 mililít đến dưới 100 mililít;</p>	<p>1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các điều 248, 250, 251, 252 và 256a của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam;</p> <p>c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;</p> <p>d) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 10 kilôgam;</p> <p>đ) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 05 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;</p> <p>e) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 10 kilôgam;</p> <p>g) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 20 gam;</p> <p>h) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 10 mililít đến dưới 100 mililít;</p>	
---	---	--

<p>i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>đ) Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội;</p> <p>e) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 500 gam đến dưới 01 kilôgam;</p> <p>g) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;</p> <p>h) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 25 kilôgam;</p> <p>i) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 200 kilôgam;</p> <p>k) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;</p> <p>l) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối</p>	<p>i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>đ) Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội;</p> <p>e) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 500 gam đến dưới 01 kilôgam;</p> <p>g) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;</p> <p>h) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 25 kilôgam;</p> <p>i) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 200 kilôgam;</p> <p>k) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;</p> <p>l) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối</p>	
---	---	--

<p>lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam;</p> <p>m) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 100 mililit đến dưới 250 mililit;</p> <p>n) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm e đến điểm m khoản này;</p> <p>o) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 05 kilôgam;</p> <p>b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;</p> <p>c) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 25 kilôgam đến dưới 75 kilôgam;</p> <p>d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 200 kilôgam đến dưới 600 kilôgam;</p> <p>đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 150 kilôgam;</p> <p>e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam;</p> <p>g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể</p>	<p>lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam;</p> <p>m) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 100 mililit đến dưới 250 mililit;</p> <p>n) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm e đến điểm m khoản này;</p> <p>o) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 05 kilôgam;</p> <p>b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;</p> <p>c) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 25 kilôgam đến dưới 75 kilôgam;</p> <p>d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 200 kilôgam đến dưới 600 kilôgam;</p> <p>đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 150 kilôgam;</p> <p>e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam;</p> <p>g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể</p>	
---	---	--

<p>tích từ 250 mililít đến dưới 750 mililít; h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng 05 kilôgam trở lên; b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng 100 gam trở lên; c) Lá cây côca; lá khát (lá cây <i>Catha edulis</i>); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng 75 kilôgam trở lên; d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng 600 kilôgam trở lên; đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng 150 kilôgam trở lên; e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 300 gam trở lên; g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích 750 mililít trở lên; h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma</p>	<p>tích từ 250 mililít đến dưới 750 mililít; h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng 05 kilôgam trở lên; b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng 100 gam trở lên; c) Lá cây côca; lá khát (lá cây <i>Catha edulis</i>); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng 75 kilôgam trở lên; d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng 600 kilôgam trở lên; đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng 150 kilôgam trở lên; e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 300 gam trở lên; g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích 750 mililít trở lên; h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma</p>	
--	--	--

<p>túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	<p>túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	
<p>Điều 250. Tội vận chuyển trái phép chất ma túy</p> <p>1. Người nào vận chuyển trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích sản xuất, mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các điều 248, 249, 251, 252 và 256a của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam;</p> <p>c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;</p> <p>d) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa</p>	<p>Điều 250. Tội vận chuyển trái phép chất ma túy</p> <p>1. Người nào vận chuyển trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích sản xuất, mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các điều 248, 249, 251, 252 và 256a của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam;</p> <p>c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;</p> <p>d) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma</p>	

<p>chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 10 kilôgam;</p> <p>đ) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 05 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;</p> <p>e) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 10 kilôgam;</p> <p>g) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 20 gam;</p> <p>h) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 10 mililit đến dưới 100 mililit;</p> <p>i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>đ) Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội;</p> <p>e) Qua biên giới;</p> <p>g) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 500 gam đến dưới 01 kilôgam;</p> <p>h) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05</p>	<p>túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 10 kilôgam;</p> <p>đ) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 05 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;</p> <p>e) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 10 kilôgam;</p> <p>g) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 20 gam;</p> <p>h) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 10 mililit đến dưới 100 mililit;</p> <p>i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>đ) Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội;</p> <p>e) Qua biên giới;</p> <p>g) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 500 gam đến dưới 01 kilôgam;</p> <p>h) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến</p>	
--	--	--

<p>gam đến dưới 30 gam;</p> <p>i) Lá cây côca; lá khát (lá cây <i>Catha edulis</i>); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 25 kilôgam;</p> <p>k) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 200 kilôgam;</p> <p>l) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;</p> <p>m) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam;</p> <p>n) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 100 mililit đến dưới 250 mililit;</p> <p>o) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm g đến điểm n khoản này;</p> <p>p) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 05 kilôgam;</p> <p>b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;</p> <p>c) Lá cây côca; lá khát (lá cây <i>Catha</i></p>	<p>dưới 30 gam;</p> <p>i) Lá cây côca; lá khát (lá cây <i>Catha edulis</i>); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 25 kilôgam;</p> <p>k) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 200 kilôgam;</p> <p>l) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;</p> <p>m) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam;</p> <p>n) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 100 mililit đến dưới 250 mililit;</p> <p>o) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm g đến điểm n khoản này;</p> <p>p) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 05 kilôgam;</p> <p>b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;</p> <p>c) Lá cây côca; lá khát (lá cây <i>Catha edulis</i>);</p>	
---	--	--

<p>edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 25 kilôgam đến dưới 75 kilôgam;</p> <p>d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 200 kilôgam đến dưới 600 kilôgam;</p> <p>đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 150 kilôgam;</p> <p>e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam;</p> <p>g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 250 mililit đến dưới 750 mililit;</p> <p>h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng 05 kilôgam trở lên;</p> <p>b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng 100 gam trở lên;</p> <p>c) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng 75 kilôgam trở lên;</p>	<p>lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 25 kilôgam đến dưới 75 kilôgam;</p> <p>d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 200 kilôgam đến dưới 600 kilôgam;</p> <p>đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 150 kilôgam;</p> <p>e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam;</p> <p>g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 250 mililit đến dưới 750 mililit;</p> <p>h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng 05 kilôgam trở lên;</p> <p>b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng 100 gam trở lên;</p> <p>c) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng 75 kilôgam trở lên;</p>	
--	---	--

<p>d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng 600 kilôgam trở lên;</p> <p>đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng 150 kilôgam trở lên;</p> <p>e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 300 gam trở lên;</p> <p>g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích 750 mililit trở lên;</p> <p>h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	<p>d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng 600 kilôgam trở lên;</p> <p>đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng 150 kilôgam trở lên;</p> <p>e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 300 gam trở lên;</p> <p>g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích 750 mililit trở lên;</p> <p>h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	
<p>Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy</p> <p>1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>đ) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p>	<p>Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy</p> <p>1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>đ) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p>	

<p>e) Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội hoặc bán ma túy cho người dưới 16 tuổi;</p> <p>g) Qua biên giới;</p> <p>h) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 500 gam đến dưới 01 kilôgam;</p> <p>i) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;</p> <p>k) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 25 kilôgam;</p> <p>l) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 200 kilôgam;</p> <p>m) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;</p> <p>n) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam;</p> <p>o) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 100 mililit đến dưới 250 mililit;</p> <p>p) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm h đến điểm o khoản này;</p> <p>q) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp</p>	<p>e) Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội hoặc bán ma túy cho người dưới 16 tuổi;</p> <p>g) Qua biên giới;</p> <p>h) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 500 gam đến dưới 01 kilôgam;</p> <p>i) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;</p> <p>k) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 25 kilôgam;</p> <p>l) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 200 kilôgam;</p> <p>m) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;</p> <p>n) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam;</p> <p>o) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 100 mililit đến dưới 250 mililit;</p> <p>p) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm h đến điểm o khoản này;</p> <p>q) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp</p>	
--	--	--

<p>sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 05 kilôgam;</p> <p>b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;</p> <p>c) Lá cây côca; lá khát (lá cây <i>Catha edulis</i>); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 25 kilôgam đến dưới 75 kilôgam;</p> <p>d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 200 kilôgam đến dưới 600 kilôgam;</p> <p>đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 150 kilôgam;</p> <p>e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam;</p> <p>g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 250 mililit đến dưới 750 mililit;</p> <p>h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao</p>	<p>sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 05 kilôgam;</p> <p>b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;</p> <p>c) Lá cây côca; lá khát (lá cây <i>Catha edulis</i>); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 25 kilôgam đến dưới 75 kilôgam;</p> <p>d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 200 kilôgam đến dưới 600 kilôgam;</p> <p>đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 150 kilôgam;</p> <p>e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam;</p> <p>g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 250 mililit đến dưới 750 mililit;</p> <p>h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao</p>	
---	---	--

<p>côca có khối lượng từ 05 kilôgam đến dưới 30 kilôgam;</p> <p>b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 100 gam đến dưới 03 kilôgam;</p> <p>c) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 75 kilôgam đến dưới 150 kilôgam;</p> <p>d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 600 kilôgam đến dưới 1.200 kilôgam;</p> <p>đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 150 kilôgam đến dưới 300 kilôgam;</p> <p>e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 300 gam đến dưới 09 kilôgam;</p> <p>g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 750 mililit đến dưới 22 lít;</p> <p>h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.</p> <p>5. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù chung thân hoặc tử hình:</p> <p>a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng 30 kilôgam trở lên;</p> <p>b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine,</p>	<p>côca có khối lượng từ 05 kilôgam đến dưới 30 kilôgam;</p> <p>b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 100 gam đến dưới 03 kilôgam;</p> <p>c) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 75 kilôgam đến dưới 150 kilôgam;</p> <p>d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 600 kilôgam đến dưới 1.200 kilôgam;</p> <p>đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 150 kilôgam đến dưới 300 kilôgam;</p> <p>e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 300 gam đến dưới 09 kilôgam;</p> <p>g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 750 mililit đến dưới 22 lít;</p> <p>h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.</p> <p>5. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù chung thân hoặc tử hình:</p> <p>a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng 30 kilôgam trở lên;</p> <p>b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA</p>	
---	--	--

<p>Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng 03 kilôgam trở lên;</p> <p>c) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng 150 kilôgam trở lên;</p> <p>d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng 1.200 kilôgam trở lên;</p> <p>đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng 300 kilôgam trở lên;</p> <p>e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 09 kilôgam trở lên;</p> <p>g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích 22 lít trở lên;</p> <p>h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.</p> <p>6. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	<p>hoặc XLR-11 có khối lượng 03 kilôgam trở lên;</p> <p>c) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng 150 kilôgam trở lên;</p> <p>d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng 1.200 kilôgam trở lên;</p> <p>đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng 300 kilôgam trở lên;</p> <p>e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 09 kilôgam trở lên;</p> <p>g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích 22 lít trở lên;</p> <p>h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.</p> <p>6. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>6. 7. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	
<p>Điều 252. Tội chiếm đoạt chất ma túy</p> <p>1. Người nào chiếm đoạt chất ma túy dưới</p>	<p>Điều 252. Tội chiếm đoạt chất ma túy</p> <p>1. Người nào chiếm đoạt chất ma túy dưới</p>	

<p>bất kỳ hình thức nào thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các điều 248, 249, 250, 251 và 256a của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam;</p> <p>c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;</p> <p>d) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 10 kilôgam;</p> <p>đ) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 05 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;</p> <p>e) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 10 kilôgam;</p> <p>g) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 20 gam;</p> <p>h) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 10 mililit đến dưới 100 mililit;</p> <p>i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương</p>	<p>bất kỳ hình thức nào thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các điều 248, 249, 250, 251 và 256a của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam;</p> <p>c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;</p> <p>d) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 10 kilôgam;</p> <p>đ) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 05 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;</p> <p>e) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 10 kilôgam;</p> <p>g) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 20 gam;</p> <p>h) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 10 mililit đến dưới 100 mililit;</p> <p>i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương</p>	
--	--	--

<p>đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>đ) Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội;</p> <p>e) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 500 gam đến dưới 01 kilôgam;</p> <p>g) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;</p> <p>h) Lá cây côca; lá khát (lá cây <i>Catha edulis</i>); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 25 kilôgam;</p> <p>i) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 200 kilôgam;</p> <p>k) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;</p> <p>l) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam;</p> <p>m) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể</p>	<p>đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>đ) Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội;</p> <p>e) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 500 gam đến dưới 01 kilôgam;</p> <p>g) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;</p> <p>h) Lá cây côca; lá khát (lá cây <i>Catha edulis</i>); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 25 kilôgam;</p> <p>i) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 200 kilôgam;</p> <p>k) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;</p> <p>l) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam;</p> <p>m) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể</p>	
---	---	--

<p>tích từ 100 mililít đến dưới 250 mililít; n) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm e đến điểm m khoản này; o) Tái phạm nguy hiểm. 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm: a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 05 kilôgam; b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam; c) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 25 kilôgam đến dưới 75 kilôgam; d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 200 kilôgam đến dưới 600 kilôgam; đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 150 kilôgam; e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam; g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 250 mililít đến dưới 750 mililít; h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối</p>	<p>tích từ 100 mililít đến dưới 250 mililít; n) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm e đến điểm m khoản này; o) Tái phạm nguy hiểm. 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm: a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 05 kilôgam; b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam; c) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 25 kilôgam đến dưới 75 kilôgam; d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 200 kilôgam đến dưới 600 kilôgam; đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 150 kilôgam; e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam; g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 250 mililít đến dưới 750 mililít; h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối</p>	
---	---	--

<p>lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng 05 kilôgam trở lên;</p> <p>b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng 100 gam trở lên;</p> <p>c) Lá cây côca; lá khát (lá cây <i>Catha edulis</i>); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng 75 kilôgam trở lên;</p> <p>d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng 600 kilôgam trở lên;</p> <p>đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng 150 kilôgam trở lên;</p> <p>e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 300 gam trở lên;</p> <p>g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích 750 mililit trở lên;</p> <p>h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.</p>	<p>lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng 05 kilôgam trở lên;</p> <p>b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng 100 gam trở lên;</p> <p>c) Lá cây côca; lá khát (lá cây <i>Catha edulis</i>); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng 75 kilôgam trở lên;</p> <p>d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng 600 kilôgam trở lên;</p> <p>đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng 150 kilôgam trở lên;</p> <p>e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 300 gam trở lên;</p> <p>g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích 750 mililit trở lên;</p> <p>h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.</p>	
---	---	--

<p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	<p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	
<p>Điều 253. Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy</p> <p>1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 06 năm:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>b) Tiền chất ở thể rắn có khối lượng từ 50 gam đến dưới 200 gam;</p> <p>c) Tiền chất ở thể lỏng có thể tích từ 75 mililit đến dưới 300 mililit.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 năm đến 13 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>đ) Tiền chất ở thể rắn có khối lượng từ 200 gam đến dưới 500 gam;</p>	<p>Điều 253. Tội <i>sản xuất</i>, tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy</p> <p>1. Người nào <i>sản xuất</i>, tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 06 năm:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>b) Tiền chất ở thể rắn có khối lượng từ 50 gam đến dưới 200 gam;</p> <p>c) Tiền chất ở thể lỏng có thể tích từ 75 mililit đến dưới 300 mililit.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 năm đến 13 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>đ) Tiền chất ở thể rắn có khối lượng từ 200</p>	

<p>e) Tiền chất ở thể lỏng có thể tích từ 300 mililit đến dưới 750 mililit;</p> <p>g) Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội;</p> <p>h) Vận chuyển, mua bán qua biên giới;</p> <p>i) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 13 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Tiền chất ở thể rắn có khối lượng từ 500 gam đến dưới 1.200 gam;</p> <p>b) Tiền chất ở thể lỏng có thể tích từ 750 mililit đến dưới 1.800 mililit.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Tiền chất ở thể rắn có khối lượng 1.200 gam trở lên;</p> <p>b) Tiền chất ở thể lỏng có thể tích 1.800 mililit trở lên.</p> <p>5. Trường hợp phạm tội có cả tiền chất ở thể rắn và tiền chất ở thể lỏng thì được quy đổi để làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự, với tỷ lệ 01 gam tiền chất ở thể rắn tương đương với 1,5 mililit tiền chất ở thể lỏng. Sau khi quy đổi, số lượng tiền chất thuộc khoản nào, thì người thực hiện hành vi phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản đó.</p> <p>6. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng,</p>	<p>gam đến dưới 500 gam;</p> <p>e) Tiền chất ở thể lỏng có thể tích từ 300 mililit đến dưới 750 mililit;</p> <p>g) Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội;</p> <p>h) Vận chuyển, mua bán qua biên giới;</p> <p>i) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 13 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Tiền chất ở thể rắn có khối lượng từ 500 gam đến dưới 1.200 gam;</p> <p>b) Tiền chất ở thể lỏng có thể tích từ 750 mililit đến dưới 1.800 mililit.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Tiền chất ở thể rắn có khối lượng 1.200 gam trở lên;</p> <p>b) Tiền chất ở thể lỏng có thể tích 1.800 mililit trở lên.</p> <p>5. Trường hợp phạm tội có cả tiền chất ở thể rắn và tiền chất ở thể lỏng thì được quy đổi để làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự, với tỷ lệ 01 gam tiền chất ở thể rắn tương đương với 1,5 mililit tiền chất ở thể lỏng. Sau khi quy đổi, số lượng tiền chất thuộc khoản nào, thì người thực hiện hành vi phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản đó.</p> <p>6. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ</p>	
--	---	--

cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 n	5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 n	
<p>Điều 254. Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy</p> <p>1. Người nào sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>b) Có số lượng từ 06 đơn vị đến 19 đơn vị dụng cụ, phương tiện cùng loại hoặc khác loại.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>đ) Có số lượng 20 đơn vị dụng cụ, phương tiện cùng loại hoặc khác loại trở lên;</p> <p>e) Vận chuyển, mua bán qua biên giới;</p> <p>g) Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc</p>	<p>Điều 254. Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy</p> <p>1. Người nào sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>b) Có số lượng từ 06 đơn vị đến 19 đơn vị dụng cụ, phương tiện cùng loại hoặc khác loại.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>đ) Có số lượng 20 đơn vị dụng cụ, phương tiện cùng loại hoặc khác loại trở lên;</p> <p>e) Vận chuyển, mua bán qua biên giới;</p> <p>g) Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc</p>	

<p>phạm tội; h) Tái phạm nguy hiểm. 3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	<p>phạm tội; h) Tái phạm nguy hiểm. 3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	
<p>Điều 255. Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy 1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: a) Phạm tội 02 lần trở lên; b) Đối với 02 người trở lên; c) Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi; d) Đối với phụ nữ mà biết là có thai; đ) Đối với người đang cai nghiện; e) Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%; g) Gây bệnh nguy hiểm cho người khác; h) Tái phạm nguy hiểm. 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm: a) Gây tổn hại cho sức khỏe của người</p>	<p>Điều 255. Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy 1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: a) Phạm tội 02 lần trở lên; b) Đối với 02 người trở lên; c) Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi; d) Đối với phụ nữ mà biết là có thai; đ) Đối với người đang cai nghiện; e) Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%; g) Gây bệnh nguy hiểm cho người khác; h) Tái phạm nguy hiểm. 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm: a) Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên</p>	

<p>khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên hoặc gây chết người;</p> <p>b) Gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;</p> <p>c) Gây bệnh nguy hiểm cho 02 người trở lên;</p> <p>d) Đối với người dưới 13 tuổi.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên;</p> <p>b) Làm chết 02 người trở lên.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	<p>hoặc gây chết người;</p> <p>b) Gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;</p> <p>c) Gây bệnh nguy hiểm cho 02 người trở lên;</p> <p>d) Đối với người dưới 13 tuổi.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên;</p> <p>b) Làm chết 02 người trở lên.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	
<p>Điều 256. Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy</p> <p>1. Người nào cho thuê, cho mượn địa điểm hoặc có bất kỳ hành vi nào khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 255 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p>	<p>Điều 256. Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy</p> <p>1. Người nào cho thuê, cho mượn địa điểm hoặc có bất kỳ hành vi nào khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 255 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p>	

<p>a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; b) Phạm tội 02 lần trở lên; c) Đối với người dưới 16 tuổi; d) Đối với 02 người trở lên; đ) Tái phạm nguy hiểm. 3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	<p>a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; b) Phạm tội 02 lần trở lên; c) Đối với người dưới 16 tuổi; d) Đối với 02 người trở lên; đ) Tái phạm nguy hiểm. 3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	
<p>Điều 256a. Tội sử dụng trái phép chất ma túy 1. Người nào sử dụng trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 03 năm: a) Đang trong thời hạn cai nghiện ma túy hoặc điều trị nghiện các chất ma túy bằng thuốc thay thế theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy; b) Đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy; c) Đang trong thời hạn 02 năm kể từ ngày hết thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy và trong thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy; d) Đang trong thời hạn 02 năm kể từ khi tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện hoặc điều trị nghiện các chất ma túy bằng thuốc thay thế theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy.</p>	<p>Điều 256a. Tội sử dụng trái phép chất ma túy 1. Người nào sử dụng trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 03 năm: a) Đang trong thời hạn cai nghiện ma túy hoặc điều trị nghiện các chất ma túy bằng thuốc thay thế theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy; b) Đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy; c) Đang trong thời hạn 02 năm kể từ ngày hết thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy và trong thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy; d) Đang trong thời hạn 02 năm kể từ khi tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện hoặc điều trị nghiện các chất ma túy bằng thuốc thay thế theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy.</p>	

2. Tái phạm về tội này thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm.	2. Tái phạm về tội này thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm.	
<p>Điều 257. Tội cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy</p> <p>1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần của người khác để buộc họ phải sử dụng trái phép chất ma túy trái với ý muốn của họ, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Vì động cơ đê hèn hoặc vì tư lợi;</p> <p>d) Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi;</p> <p>đ) Đối với phụ nữ mà biết là có thai;</p> <p>e) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>g) Đối với người đang cai nghiện;</p> <p>h) Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p> <p>i) Gây bệnh nguy hiểm cho người khác;</p> <p>k) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở</p>	<p>Điều 257. Tội cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy</p> <p>1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần của người khác để buộc họ phải sử dụng trái phép chất ma túy trái với ý muốn của họ, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Vì động cơ đê hèn hoặc vì tư lợi;</p> <p>d) Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi;</p> <p>đ) Đối với phụ nữ mà biết là có thai;</p> <p>e) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>g) Đối với người đang cai nghiện;</p> <p>h) Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p> <p>i) Gây bệnh nguy hiểm cho người khác;</p> <p>k) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên hoặc gây chết người;</p> <p>b) Gây bệnh nguy hiểm cho 02 người trở</p>	

<p>lên hoặc gây chết người; b) Gây bệnh nguy hiểm cho 02 người trở lên; c) Đối với người dưới 13 tuổi. 4. Phạm tội trong trường hợp làm chết 02 người trở lên, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân. 5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.</p>	<p>lên; c) Đối với người dưới 13 tuổi. 4. Phạm tội trong trường hợp làm chết 02 người trở lên, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân. 5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.</p>	
<p>Điều 258. Tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy 1. Người nào rủ rê, dụ dỗ, xúi giục hoặc bằng các thủ đoạn khác nhằm lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm: a) Có tổ chức; b) Phạm tội 02 lần trở lên; c) Vì động cơ đê hèn hoặc vì tư lợi; d) Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi; đ) Đối với phụ nữ mà biết là có thai; e) Đối với 02 người trở lên; g) Đối với người đang cai nghiện; h) Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%; i) Gây bệnh nguy hiểm cho người khác; k) Tái phạm nguy hiểm.</p>	<p>Điều 258. Tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy 1. Người nào rủ rê, dụ dỗ, xúi giục hoặc bằng các thủ đoạn khác nhằm lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm: a) Có tổ chức; b) Phạm tội 02 lần trở lên; c) Vì động cơ đê hèn hoặc vì tư lợi; d) Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi; đ) Đối với phụ nữ mà biết là có thai; e) Đối với 02 người trở lên; g) Đối với người đang cai nghiện; h) Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%; i) Gây bệnh nguy hiểm cho người khác; k) Tái phạm nguy hiểm. 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp</p>	

<p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc gây chết người;</p> <p>b) Gây bệnh nguy hiểm cho 02 người trở lên;</p> <p>c) Đối với người dưới 13 tuổi.</p> <p>4. Phạm tội trong trường hợp gây chết 02 người trở lên, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.</p>	<p>sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc gây chết người;</p> <p>b) Gây bệnh nguy hiểm cho 02 người trở lên;</p> <p>c) Đối với người dưới 13 tuổi.</p> <p>4. Phạm tội trong trường hợp gây chết 02 người trở lên, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.</p>	
<p>Điều 259. Tội vi phạm quy định về quản lý chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần</p> <p>1. Người nào có trách nhiệm trong quản lý chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần mà thực hiện một trong các hành vi sau đây, đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Chương XX của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Vi phạm quy định về xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, quá cảnh chất ma</p>	<p>Điều 259. Tội vi phạm quy định về quản lý chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần</p> <p>1. Người nào có trách nhiệm trong quản lý chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần mà thực hiện một trong các hành vi sau đây, <i>gây hậu quả nghiêm trọng hoặc</i> đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Chương XX của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Vi phạm quy định về xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, quá cảnh chất ma</p>	

<p>túy, tiền chất, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần;</p> <p>b) Vi phạm quy định về nghiên cứu, giám định, sản xuất, bảo quản chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần;</p> <p>c) Vi phạm quy định về giao nhận, vận chuyển chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần;</p> <p>d) Vi phạm quy định về phân phối, mua bán, trao đổi chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần;</p> <p>đ) Vi phạm quy định về quản lý, kiểm soát, lưu giữ chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần tại khu vực cửa khẩu, khu vực biên giới, trên biển;</p> <p>e) Vi phạm quy định về cấp phát, cho phép sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>túy, tiền chất, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần;</p> <p>b) Vi phạm quy định về nghiên cứu, giám định, sản xuất, bảo quản chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần;</p> <p>c) Vi phạm quy định về giao nhận, vận chuyển chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần;</p> <p>d) Vi phạm quy định về phân phối, mua bán, trao đổi chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần;</p> <p>đ) Vi phạm quy định về quản lý, kiểm soát, lưu giữ chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần tại khu vực cửa khẩu, khu vực biên giới, trên biển;</p> <p>e) Vi phạm quy định về cấp phát, cho phép sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
Chương XXI		

CÁC TỘI XÂM PHẠM AN TOÀN CÔNG CỘNG, TRẬT TỰ CÔNG CỘNG

Mục 1. CÁC TỘI XÂM PHẠM AN TOÀN GIAO THÔNG

Điều 260. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ

1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

- a) Làm chết người;
- b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;
- c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;
- d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

- a) Không có giấy phép lái xe theo quy định;
- b) Trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định, có sử dụng

Điều 260. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ

1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ ~~30.000.000~~ **60.000.000** đồng đến ~~100.000.000~~ **200.000.000** đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

- a) Làm chết người;
- b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;
- c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;
- d) Gây thiệt hại về tài sản từ ~~100.000.000~~ **200.000.000** đồng đến dưới ~~500.000.000~~ **1.000.000.000** đồng.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ~~03~~ **05** năm đến 10 năm:

- a) Không có giấy phép lái xe theo quy định;
- b) Trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn ~~vượt quá mức quy định~~, có sử dụng chất ma túy hoặc chất kích thích mạnh khác;

<p>chất ma túy hoặc chất kích thích mạnh khác;</p> <p>c) Bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm hoặc cố ý không cứu giúp người bị nạn;</p> <p>d) Không chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển hoặc hướng dẫn giao thông;</p> <p>đ) Làm chết 02 người;</p> <p>e) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>g) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b và c khoản 3 Điều này nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến</p>	<p>c) Bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm hoặc cố ý không cứu giúp người bị nạn;</p> <p>d) Không chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển hoặc hướng dẫn giao thông;</p> <p>đ) Làm chết 02 người;</p> <p>e) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>g) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b và c khoản 3 Điều này nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.</p>	
--	---	--

<p>50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 261. Tội cản trở giao thông đường bộ</p> <p>1. Người nào đào, khoan, xẻ, san lấp trái phép công trình giao thông đường bộ; đặt, để, đổ trái phép vật liệu, phế thải, rác thải, vật sắc nhọn, chất gây trơn hoặc chướng ngại vật khác gây cản trở giao thông đường bộ; tháo dỡ, di chuyển trái phép, làm sai lệch, che khuất hoặc phá hủy biển báo hiệu, đèn tín hiệu, cọc tiêu, gương cầu, dải phân cách hoặc thiết bị an toàn giao thông đường bộ khác; mở đường giao cắt trái phép qua đường bộ, đường có dải phân cách; sử dụng trái phép lề đường, hè phố, phần đường xe chạy, hành lang an toàn đường bộ hoặc vi phạm quy định về bảo đảm an toàn giao thông khi thi công trên đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p>	<p>Điều 261. Tội cản trở giao thông đường bộ</p> <p>1. Người nào đào, khoan, xẻ, san lấp trái phép công trình giao thông đường bộ; đặt, để, đổ trái phép vật liệu, phế thải, rác thải, vật sắc nhọn, chất gây trơn hoặc chướng ngại vật khác gây cản trở giao thông đường bộ; tháo dỡ, di chuyển trái phép, làm sai lệch, che khuất hoặc phá hủy biển báo hiệu, đèn tín hiệu, cọc tiêu, gương cầu, dải phân cách hoặc thiết bị an toàn giao thông đường bộ khác; mở đường giao cắt trái phép qua đường bộ, đường có dải phân cách; sử dụng trái phép lề đường, hè phố, phần đường xe chạy, hành lang an toàn đường bộ hoặc vi phạm quy định về bảo đảm an toàn giao thông khi thi công trên đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 60.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p>	

<p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Tại đèo, dốc, đường cao tốc hoặc đoạn đường nguy hiểm;</p> <p>b) Làm chết 02 người;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người</p>	<p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Tại đèo, dốc, đường cao tốc hoặc đoạn đường nguy hiểm;</p> <p>b) Làm chết 02 người;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 07 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201%</p>	
---	---	--

<p>này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Cản trở giao thông đường bộ trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b và c khoản 3 Điều này nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm.</p>	<p>trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Cản trở giao thông đường bộ trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b và c khoản 3 Điều này nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 10.000.000 đồng đến 20.000.000 40.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm.</p>	
<p>Điều 262. Tội đưa vào sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe máy chuyên dùng không bảo đảm an toàn</p> <p>1. Người nào chịu trách nhiệm trực tiếp về việc điều động hoặc về tình trạng kỹ thuật mà cho phép đưa vào sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe máy chuyên dùng rõ ràng không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại</p>	<p>Điều 262. Tội đưa vào sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe máy chuyên dùng không bảo đảm an toàn</p> <p>1. Người nào chịu trách nhiệm trực tiếp về việc điều động hoặc về tình trạng kỹ thuật mà cho phép đưa vào sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe máy chuyên dùng rõ ràng không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 40.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức</p>	

<p>cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 07 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
---	---	--

<p>Điều 263. Tội điều động người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ</p> <p>1. Người nào có thẩm quyền mà biết rõ người không có giấy phép lái xe, không đủ sức khỏe, độ tuổi để điều khiển phương tiện hoặc người đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ còn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy, chất kích thích mạnh khác hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật mà vẫn điều động người đó điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Làm chết người; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%; d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng. <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường</p>	<p>Điều 263. Tội điều động người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ</p> <p>1. Người nào có thẩm quyền mà biết rõ người không có giấy phép lái xe, không đủ sức khỏe, độ tuổi để điều khiển phương tiện hoặc người đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ còn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy, chất kích thích mạnh khác hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật mà vẫn điều động người đó điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 40.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Làm chết người; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%; d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng. 	
---	---	--

<p>hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 30.000.000 60.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 264. Tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ</p> <p>1. Người nào giao cho người mà biết rõ người đó không có giấy phép lái xe hoặc</p>	<p>Điều 264. Tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ</p> <p>1. Người nào giao cho người mà biết rõ người đó không có giấy phép lái xe hoặc</p>	<p>Bổ sung người giao biết rõ người đó “đang hoặc ngay sau khi sử dụng rượu bia” hoặc biết rõ đang trong tình trạng say.</p>

<p>đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy, chất kích thích mạnh khác hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p>	<p>vừa đang trong tình trạng có sử dụng ma túy, rượu, bia mà hoặc biết rõ trong máu hoặc hơi thở có nồng độ ma túy, còn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy, chất kích thích mạnh khác hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến 200.000.000 400.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức</p>	
--	--	--

<p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.</p>	<p>khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 30.000.000 60.000.000 đồng.</p>	
<p>Điều 265. Tội tổ chức đua xe trái phép</p> <p>1. Người nào tổ chức trái phép việc đua xe ô tô, xe máy hoặc các loại xe khác có gắn động cơ, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 04 năm đến 10 năm:</p>	<p>Điều 265. Tội tổ chức đua xe trái phép</p> <p>1. Người nào tổ chức trái phép việc đua xe ô tô, xe máy hoặc các loại xe khác có gắn động cơ, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 60.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến 500.000.000 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 04 05</p>	

<p>a) Tổ chức cho 10 xe tham gia trở lên trong cùng một lúc hoặc tổ chức 02 cuộc đua xe trở lên trong cùng một lúc;</p> <p>b) Tổ chức cá cược;</p> <p>c) Chống lại người có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông hoặc người có trách nhiệm giải tán cuộc đua xe trái phép;</p> <p>d) Tại nơi tập trung đông dân cư;</p> <p>đ) Tháo dỡ thiết bị an toàn khỏi phương tiện đua;</p> <p>e) Làm chết người;</p> <p>g) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>h) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>i) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>k) Tái phạm về tội này hoặc tội đua xe trái phép.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 08 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người</p>	<p>năm đến 10 năm:</p> <p>a) Tổ chức cho 10 xe tham gia trở lên trong cùng một lúc hoặc tổ chức 02 cuộc đua xe trở lên trong cùng một lúc;</p> <p>b) Tổ chức cá cược;</p> <p>c) Chống lại người có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông hoặc người có trách nhiệm giải tán cuộc đua xe trái phép;</p> <p>d) Tại nơi tập trung đông dân cư;</p> <p>đ) Tháo dỡ thiết bị an toàn khỏi phương tiện đua;</p> <p>e) Làm chết người;</p> <p>g) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>h) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>i) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng;</p> <p>k) Tái phạm về tội này hoặc tội đua xe trái phép.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 08 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ</p>	
---	--	--

<p>này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng;</p> <p>d) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.</p>	<p>122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng;</p> <p>d) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng.</p>	
<p>Điều 266. Tội đua xe trái phép</p> <p>1. Người nào đua trái phép xe ô tô, xe máy hoặc các loại xe khác có gắn động cơ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc Điều 265 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p>	<p>Điều 266. Tội đua xe trái phép</p> <p>1. Người nào đua trái phép xe ô tô, xe máy hoặc các loại xe khác có gắn động cơ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc Điều 265 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p>	

<p>a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p> <p>b) Gây thiệt hại về tài sản từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>đ) Bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm hoặc cố ý không cứu giúp người bị nạn;</p> <p>e) Tham gia cá cược;</p> <p>g) Chống lại người có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông hoặc người có trách nhiệm giải tán cuộc đua xe trái phép;</p> <p>h) Tại nơi tập trung đông dân cư;</p> <p>i) Tháo dỡ thiết bị an toàn khỏi phương tiện đua;</p>	<p>a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p> <p>b) Gây thiệt hại về tài sản từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 200.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến 150.000.000 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng;</p> <p>đ) Bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm hoặc cố ý không cứu giúp người bị nạn;</p> <p>e) Tham gia cá cược;</p> <p>g) Chống lại người có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông hoặc người có trách nhiệm giải tán cuộc đua xe trái phép;</p> <p>h) Tại nơi tập trung đông dân cư;</p> <p>i) Tháo dỡ thiết bị an toàn khỏi phương tiện đua;</p>	
--	--	--

<p>k) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.</p>	<p>k) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 15 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng.</p>	
<p>Điều 267. Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường sắt</p> <p>1. Người nào chỉ huy, điều khiển phương tiện giao thông đường sắt mà vi phạm quy định về an toàn giao thông</p>	<p>Điều 267. Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường sắt</p> <p>1. Người nào chỉ huy, điều khiển phương tiện giao thông đường sắt mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường sắt gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các</p>	

<p>đường sắt gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Không có giấy phép, bằng hoặc chứng chỉ chuyên môn tương ứng với nhiệm vụ được giao;</p> <p>b) Trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ còn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy hoặc chất kích thích mạnh khác;</p> <p>c) Bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm hoặc cố ý không cứu giúp người bị nạn;</p> <p>d) Không chấp hành hiệu lệnh của</p>	<p>trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến 200.000.000 400.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Không có giấy phép, bằng hoặc chứng chỉ chuyên môn tương ứng với nhiệm vụ được giao;</p> <p>b) Trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ còn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy hoặc chất kích thích mạnh khác;</p> <p>c) Bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm hoặc cố ý không cứu giúp người bị nạn;</p> <p>d) Không chấp hành hiệu lệnh của người chỉ huy hoặc người có thẩm quyền điều khiển, giữ gìn trật tự, an toàn giao thông;</p>	
---	--	--

<p>người chỉ huy hoặc người có thẩm quyền điều khiển, giữ gìn trật tự, an toàn giao thông;</p> <p>đ) Làm chết 02 người;</p> <p>e) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>g) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường sắt trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b và c khoản 3 Điều này nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị cấm</p>	<p>đ) Làm chết 02 người;</p> <p>e) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>g) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường sắt trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b và c khoản 3 Điều này nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
--	---	--

đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.		
<p>Điều 268. Tội cản trở giao thông đường sắt</p> <p>1. Người nào đặt chướng ngại vật trên đường sắt; làm xê dịch ray, tà vẹt; khoan, đào, xẻ trái phép nền đường sắt; mở đường ngang, xây cống hoặc công trình khác trái phép qua đường sắt; làm hỏng, thay đổi, chuyển dịch, che khuất tín hiệu, biển hiệu, mốc hiệu của công trình giao thông đường sắt; để súc vật đi qua đường sắt không đúng quy định hoặc để súc vật kéo xe qua đường sắt mà không có người điều khiển; đưa trái phép phương tiện tự tạo, phương tiện không được phép chạy trên đường sắt; phá hoại phương tiện giao thông đường sắt; lấn chiếm hành lang an toàn giao thông đường sắt, phạm vi bảo vệ công trình giao thông đường sắt gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây hoặc đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại</p>	<p>Điều 268. Tội cản trở giao thông đường sắt</p> <p>1. Người nào đặt chướng ngại vật trên đường sắt; làm xê dịch ray, tà vẹt; khoan, đào, xẻ trái phép nền đường sắt; mở đường ngang, xây cống hoặc công trình khác trái phép qua đường sắt; làm hỏng, thay đổi, chuyển dịch, che khuất tín hiệu, biển hiệu, mốc hiệu của công trình giao thông đường sắt; để súc vật đi qua đường sắt không đúng quy định hoặc để súc vật kéo xe qua đường sắt mà không có người điều khiển; đưa trái phép phương tiện tự tạo, phương tiện không được phép chạy trên đường sắt; phá hoại phương tiện giao thông đường sắt; lấn chiếm hành lang an toàn giao thông đường sắt, phạm vi bảo vệ công trình giao thông đường sắt gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây hoặc đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 60.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức</p>	

<p>cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Cản trở giao thông đường sắt trong</p>	<p>khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Cản trở giao thông đường sắt trong</p>	
--	---	--

<p>trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b và c khoản 3 Điều này nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.</p>	<p>trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b và c khoản 3 Điều này nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.</p>	
<p>Điều 269. Tội đưa vào sử dụng phương tiện, thiết bị giao thông đường sắt không bảo đảm an toàn</p> <p>1. Người nào chịu trách nhiệm trực tiếp về việc điều động hoặc về tình trạng kỹ thuật mà cho phép đưa vào sử dụng phương tiện, thiết bị giao thông đường sắt rõ ràng không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật, không có giấy chứng nhận đăng ký, đăng kiểm gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây hoặc đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng</p>	<p>Điều 269. Tội đưa vào sử dụng phương tiện, thiết bị giao thông đường sắt không bảo đảm an toàn</p> <p>1. Người nào chịu trách nhiệm trực tiếp về việc điều động hoặc về tình trạng kỹ thuật mà cho phép đưa vào sử dụng phương tiện, thiết bị giao thông đường sắt rõ ràng không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật, không có giấy chứng nhận đăng ký, đăng kiểm gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây hoặc đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 40.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn</p>	

<p>tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
Điều 270. Tội điều động người	Điều 270. Tội điều động người không đủ	

<p>không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường sắt</p> <p>1. Người nào điều động người không có giấy phép lái tàu hoặc người đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ còn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy, chất kích thích mạnh khác hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật điều khiển phương tiện giao thông đường sắt gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây hoặc đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p>	<p>điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường sắt</p> <p>1. Người nào điều động người không có giấy phép lái tàu hoặc người đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ còn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy, chất kích thích mạnh khác hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật điều khiển phương tiện giao thông đường sắt gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây hoặc đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 60.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 05 năm đến 10</p>	
---	--	--

<p>a) Làm chết 02 người; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%; c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên; c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>năm: a) Làm chết 02 người; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%; c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên; c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 271. Tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường sắt</p> <p>1. Người nào giao cho người không có giấy phép lái tàu hoặc người đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ còn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy, chất kích thích mạnh khác hoặc không đủ các</p>	<p>Điều 271. Tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường sắt</p> <p>1. Người nào giao cho người không có giấy phép lái tàu hoặc người đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ còn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy, chất kích thích mạnh khác hoặc không đủ các điều</p>	

<p>điều kiện khác theo quy định của pháp luật điều khiển phương tiện giao thông đường sắt gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây hoặc đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p>	<p>kiện khác theo quy định của pháp luật điều khiển phương tiện giao thông đường sắt gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây hoặc đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 60.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000</p>	
--	--	--

<p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>3.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 272. Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy</p> <p>1. Người nào điều khiển phương tiện giao thông đường thủy mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường thủy gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng</p>	<p>Điều 272. Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy</p> <p>1. Người nào điều khiển phương tiện giao thông đường thủy mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường thủy gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 60.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng</p>	

<p>tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Không có bằng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoặc chứng chỉ chuyên môn phù hợp với chức danh, loại phương tiện theo quy định;</p> <p>b) Trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ còn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy hoặc chất kích thích mạnh khác;</p> <p>c) Bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm hoặc cố ý không cứu giúp người bị nạn;</p> <p>d) Không chấp hành hiệu lệnh của người chỉ huy hoặc người có thẩm quyền điều khiển, giữ gìn trật tự, an toàn giao thông đường thủy;</p> <p>đ) Làm chết 02 người;</p> <p>e) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>g) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p>	<p>thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Không có bằng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoặc chứng chỉ chuyên môn phù hợp với chức danh, loại phương tiện theo quy định;</p> <p>b) Trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ còn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy hoặc chất kích thích mạnh khác;</p> <p>c) Bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm hoặc cố ý không cứu giúp người bị nạn;</p> <p>d) Không chấp hành hiệu lệnh của người chỉ huy hoặc người có thẩm quyền điều khiển, giữ gìn trật tự, an toàn giao thông đường thủy;</p> <p>đ) Làm chết 02 người;</p> <p>e) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>g) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp</p>	
--	--	--

<p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b và c khoản 3 Điều này nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>sau đây, thì bị phạt tù từ 07 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b và c khoản 3 Điều này nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 273. Tội cản trở giao thông đường thủy</p> <p>1. Người nào khoan, đào trái phép làm hư hại kết cấu của công trình giao thông đường thủy; tạo ra chướng ngại vật gây cản trở giao thông đường thủy mà không đặt và duy trì báo hiệu; di chuyển làm giảm hiệu lực, tác dụng của báo hiệu; tháo dỡ báo</p>	<p>Điều 273. Tội cản trở giao thông đường thủy</p> <p>1. Người nào khoan, đào trái phép làm hư hại kết cấu của công trình giao thông đường thủy; tạo ra chướng ngại vật gây cản trở giao thông đường thủy mà không đặt và duy trì báo hiệu; di chuyển làm giảm hiệu lực, tác dụng của báo hiệu; tháo dỡ báo hiệu</p>	

<p>hiệu hoặc phá hoại công trình giao thông đường thủy; lấn chiếm luồng hoặc hành lang bảo vệ luồng giao thông đường thủy hoặc hành vi khác cản trở giao thông đường thủy gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Làm chết người; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%; d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng. <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Làm chết 02 người; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%; c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 	<p>hoặc phá hoại công trình giao thông đường thủy; lấn chiếm luồng hoặc hành lang bảo vệ luồng giao thông đường thủy hoặc hành vi khác cản trở giao thông đường thủy gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 60.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Làm chết người; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%; d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng. <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 05 năm đến 10 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Làm chết 02 người; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%; c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 	
---	---	--

<p>đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Cản trở giao thông đường thủy trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b và c khoản 3 Điều này nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.</p>	<p>3.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Cản trở giao thông đường thủy trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b và c khoản 3 Điều này nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 30.000.000 60.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.</p>	
<p>Điều 274. Tội đưa vào sử dụng phương tiện giao thông đường thủy không bảo đảm an toàn</p> <p>1. Người nào chịu trách nhiệm trực tiếp về việc điều động hoặc về tình trạng kỹ thuật mà cho phép đưa vào sử dụng phương tiện giao thông đường thủy rõ ràng không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây hoặc đã bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính về</p>	<p>Điều 274. Tội đưa vào sử dụng phương tiện giao thông đường thủy không bảo đảm an toàn</p> <p>1. Người nào chịu trách nhiệm trực tiếp về việc điều động hoặc về tình trạng kỹ thuật mà cho phép đưa vào sử dụng phương tiện giao thông đường thủy rõ ràng không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây hoặc đã bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này</p>	

<p>hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p>	<p>hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 60.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 10 năm đến 15 năm:</p>	
---	--	--

<p>a) Làm chết 03 người trở lên; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên; c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>a) Làm chết 03 người trở lên; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên; c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 275. Tội điều động người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường thủy</p> <p>1. Người nào điều động người không có bằng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn theo quy định hoặc người đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ còn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy, chất kích thích mạnh khác hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật điều khiển phương tiện giao thông đường thủy gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây hoặc đã bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam</p>	<p>Điều 275. Tội điều động người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường thủy</p> <p>1. Người nào điều động người không có bằng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn theo quy định hoặc người đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ còn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy, chất kích thích mạnh khác hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật điều khiển phương tiện giao thông đường thủy gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây hoặc đã bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 60.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam</p>	

<p>giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người</p>	<p>giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201%</p>	
---	--	--

<p>này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 276. Tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường thủy</p> <p>1. Người nào giao cho người không có bằng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn theo quy định hoặc người đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ còn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy, chất kích thích mạnh khác hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật điều khiển phương tiện giao thông đường thủy gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây hoặc đã bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại</p>	<p>Điều 276. Tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường thủy</p> <p>1. Người nào giao cho người không có bằng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn theo quy định hoặc người đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ còn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy, chất kích thích mạnh khác hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật điều khiển phương tiện giao thông đường thủy gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây hoặc đã bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 60.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức</p>	

<p>cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm</p>	<p>khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm</p>	
--	---	--

đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.	nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.	
<p>Điều 277. Tội vi phạm quy định về điều khiển tàu bay</p> <p>1. Người nào chỉ huy, điều khiển tàu bay mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường không, có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe hoặc tài sản của người khác nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến</p>	<p>Điều 277. Tội vi phạm quy định về điều khiển tàu bay</p> <p>1. Người nào chỉ huy, điều khiển tàu bay, <i>tàu bay không người lái hoặc phương tiện bay khác</i> mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường không, có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe hoặc tài sản của người khác nếu không được ngăn chặn kịp thời hoặc <i>gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường từ 10 chuyến bay trở lên</i>, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 60.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000</p>	<p>Bổ sung hậu quả là tính tiết định khung trong trường hợp khi điều khiển tàu bay không người lái hoặc phương tiện bay khác “<i>Gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường từ 10 chuyến bay trở lên</i>”</p>

<p>15 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>1.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 15 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 278. Tội cản trở giao thông đường không</p> <p>1. Người nào đặt chướng ngại vật; di chuyển trái phép, làm sai lệch, che khuất hoặc phá hủy biển hiệu, tín hiệu an toàn giao thông đường không; sử dụng sai hoặc</p>	<p>Điều 278. Tội cản trở giao thông đường không</p> <p>1. Người nào đặt chướng ngại vật; di chuyển trái phép, làm sai lệch, che khuất hoặc phá hủy biển hiệu, tín hiệu an toàn giao thông đường không; sử dụng sai hoặc làm nhiều</p>	

<p>làm nhiễu tần số thông tin liên lạc; làm hư hỏng trang bị, thiết bị của sân bay hoặc trang bị, thiết bị phụ trợ khác phục vụ cho an toàn bay; cung cấp thông tin sai đến mức gây uy hiếp an toàn của tàu bay, an toàn của hành khách, tổ bay, nhân viên mặt đất hoặc người khác tại cảng hàng không, sân bay hoặc công trình, trang bị, thiết bị hàng không dân dụng; điều khiển, đưa phương tiện mặt đất không đáp ứng điều kiện kỹ thuật vào khai thác tại khu bay hoặc có hành vi khác cản trở giao thông đường không gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây hoặc đã bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ</p>	<p>tần số thông tin liên lạc; làm hư hỏng trang bị, thiết bị của sân bay hoặc trang bị, thiết bị phụ trợ khác phục vụ cho an toàn bay; cung cấp thông tin sai đến mức gây uy hiếp an toàn của tàu bay, an toàn của hành khách, tổ bay, nhân viên mặt đất hoặc người khác tại cảng hàng không, sân bay hoặc công trình, trang bị, thiết bị hàng không dân dụng; điều khiển, đưa phương tiện mặt đất không đáp ứng điều kiện kỹ thuật vào khai thác tại khu bay hoặc có hành vi khác cản trở giao thông đường không gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây hoặc đã bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 60.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000</p>	
--	--	--

<p>100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng;</p> <p>d) Là người có trách nhiệm trực tiếp bảo đảm an toàn giao thông đường không hoặc trực tiếp quản lý thiết bị an toàn giao thông đường không.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Cản trở giao thông đường không trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b và c khoản 3 Điều này nếu không</p>	<p>1.000.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng;</p> <p>d) Là người có trách nhiệm trực tiếp bảo đảm an toàn giao thông đường không hoặc trực tiếp quản lý thiết bị an toàn giao thông đường không.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Cản trở giao thông đường không trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b và c khoản 3 Điều này nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt tiền từ 10.000.000</p>	
---	---	--

<p>được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>20.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 279. Tội đưa vào sử dụng tàu bay, thiết bị bảo đảm hoạt động bay không bảo đảm an toàn</p> <p>1. Người nào chịu trách nhiệm trực tiếp về việc điều động hoặc về tình trạng kỹ thuật mà cho phép đưa vào sử dụng tàu bay, thiết bị bảo đảm hoạt động bay rõ ràng không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p>	<p>Điều 279. Tội đưa vào sử dụng tàu bay, thiết bị bảo đảm hoạt động bay không bảo đảm an toàn</p> <p>1. Người nào chịu trách nhiệm trực tiếp về việc điều động hoặc về tình trạng kỹ thuật mà cho phép đưa vào sử dụng tàu bay, thiết bị bảo đảm hoạt động bay rõ ràng không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng.</p>	

<p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 08 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 08 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 15 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 280. Tội điều động hoặc giao cho người không đủ điều kiện điều khiển tàu bay</p> <p>1. Người nào điều động hoặc giao cho người không có giấy phép người lái tàu bay hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy</p>	<p>Điều 280. Tội điều động hoặc giao cho người không đủ điều kiện điều khiển tàu bay</p> <p>1. Người nào điều động hoặc giao cho người không có giấy phép người lái tàu bay hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định</p>	

<p>định của pháp luật điều khiển tàu bay, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p>	<p>của pháp luật điều khiển tàu bay, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 15 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p>	
--	---	--

<p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 281. Tội vi phạm quy định về duy tu, sửa chữa, quản lý công trình giao thông</p> <p>1. Người nào có trách nhiệm trong việc duy tu, sửa chữa, quản lý công trình giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường không mà có một trong các hành vi sau đây, dẫn đến hậu quả làm chết người, gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121% hoặc gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về duy tu, bảo dưỡng, quản lý để công trình giao thông không bảo đảm an toàn kỹ thuật và tiêu chuẩn kỹ</p>	<p>Điều 281. Tội vi phạm quy định về duy tu, sửa chữa, quản lý công trình giao thông</p> <p>1. Người nào có trách nhiệm trong việc duy tu, sửa chữa, quản lý công trình giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường không mà có một trong các hành vi sau đây, dẫn đến hậu quả làm chết người, gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121% hoặc gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về duy tu, bảo dưỡng, quản lý để công trình giao thông không bảo đảm an toàn kỹ thuật và tiêu chuẩn kỹ thuật;</p>	

<p>thuật;</p> <p>b) Không khắc phục kịp thời đối với công trình giao thông bị hư hỏng, đe dọa an toàn giao thông;</p> <p>c) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng biện pháp hướng dẫn, điều khiển giao thông, đặt biển hiệu, cọc tiêu, rào chắn ngăn ngừa tai nạn khi công trình giao thông đã bị hư hại mà chưa kịp hoặc đang tiến hành duy tu, sửa chữa;</p> <p>d) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về kiểm tra và thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên đoạn đường đèo dốc nguy hiểm, đoạn đường có đá lở, đất sạt, nước ngập hoặc trên đoạn đường có nguy cơ không bảo đảm an toàn giao thông;</p> <p>đ) Không có biện pháp xử lý kịp thời và biện pháp ngăn ngừa tai nạn khi phát hiện hoặc nhận được tin báo công trình giao thông thuộc thẩm quyền quản lý của mình bị hư hỏng;</p> <p>e) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về đặt tín hiệu phòng vệ khi thi công, sửa chữa công trình giao thông;</p> <p>g) Không thu dọn, thanh thải biển hiệu phòng vệ, rào chắn, phương tiện, vật liệu khi thi công xong;</p> <p>h) Vi phạm quy định khác về duy tu, sửa chữa, quản lý công trình giao thông.</p>	<p>b) Không khắc phục kịp thời đối với công trình giao thông bị hư hỏng, đe dọa an toàn giao thông;</p> <p>c) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng biện pháp hướng dẫn, điều khiển giao thông, đặt biển hiệu, cọc tiêu, rào chắn ngăn ngừa tai nạn khi công trình giao thông đã bị hư hại mà chưa kịp hoặc đang tiến hành duy tu, sửa chữa;</p> <p>d) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về kiểm tra và thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên đoạn đường đèo dốc nguy hiểm, đoạn đường có đá lở, đất sạt, nước ngập hoặc trên đoạn đường có nguy cơ không bảo đảm an toàn giao thông;</p> <p>đ) Không có biện pháp xử lý kịp thời và biện pháp ngăn ngừa tai nạn khi phát hiện hoặc nhận được tin báo công trình giao thông thuộc thẩm quyền quản lý của mình bị hư hỏng;</p> <p>e) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về đặt tín hiệu phòng vệ khi thi công, sửa chữa công trình giao thông;</p> <p>g) Không thu dọn, thanh thải biển hiệu phòng vệ, rào chắn, phương tiện, vật liệu khi thi công xong;</p> <p>h) Vi phạm quy định khác về duy tu, sửa chữa, quản lý công trình giao thông.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07</p>	
---	--	--

<p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 282. Tội chiếm đoạt tàu bay, tàu thủy</p> <p>1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác nhằm chiếm đoạt tàu bay hoặc tàu thủy, thì bị</p>	<p>Điều 282. Tội chiếm đoạt tàu bay, tàu thủy</p> <p>1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác nhằm chiếm đoạt tàu bay hoặc tàu thủy, thì bị phạt tù từ</p>	

<p>phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có tổ chức; b) Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác; c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%; d) Chiếm đoạt tài sản từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; đ) Tái phạm nguy hiểm. <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Làm chết người; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 31% trở lên; d) Chiếm đoạt tài sản 500.000.000 đồng trở lên. <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	<p>07 năm đến 15 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 15 năm đến 20 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có tổ chức; b) Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác; c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%; d) Chiếm đoạt tài sản từ 200.000.000 400.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng; đ) Tái phạm nguy hiểm. <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Làm chết người; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 31% trở lên; d) Chiếm đoạt tài sản 500.000.000 1.000.000.000 đồng trở lên. <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	
--	---	--

<p>Điều 283. Tội điều khiển tàu bay vi phạm quy định về hàng không của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p> <p>1. Người nào điều khiển tàu bay vào hoặc ra khỏi Việt Nam mà vi phạm quy định về hàng không của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 110 và Điều 111 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p> <p>3. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 05 năm đến 12 năm.</p>	<p>Điều 283. Tội điều khiển tàu bay vi phạm quy định về hàng không của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p> <p>1. Người nào điều khiển tàu bay vào hoặc ra khỏi Việt Nam mà vi phạm quy định về hàng không của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 110 và Điều 111 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến 300.000.000 600.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 600.000.000 đồng đến 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm.</p> <p>3. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 6.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 05 07 năm đến 12 năm.</p>	
<p>Điều 284. Tội điều khiển phương tiện hàng hải vi phạm quy định về hàng hải của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p> <p>1. Người nào điều khiển phương tiện hàng hải vào hoặc ra khỏi Việt Nam hoặc đi qua lãnh hải Việt Nam mà thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 110 và Điều 111 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ</p>	<p>Điều 284. Tội điều khiển phương tiện hàng hải vi phạm quy định về hàng hải của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p> <p>1. Người nào điều khiển phương tiện hàng hải vào hoặc ra khỏi Việt Nam hoặc đi qua lãnh hải Việt Nam mà thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 110 và Điều 111 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ</p>	

<p>50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm:</p> <p>a) Chạy quá tốc độ cho phép trong vùng nước cảng biển;</p> <p>b) Chạy không đúng vùng được phép hoạt động theo quy định;</p> <p>c) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thủ tục vào cảng, rời cảng, chế độ hoa tiêu, thủ tục neo, đậu, cập cầu, cập mạn, quy định về trật tự vệ sinh, an toàn cháy nổ, phòng ngừa ô nhiễm môi trường;</p> <p>d) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về đi, tránh nhau, vượt nhau, nhường đường trong hoạt động giao thông hàng hải hoặc phương tiện giao thông hàng hải không có, không bảo đảm về còi, chuông, kèng theo âm lượng quy định;</p> <p>đ) Không bảo đảm về đèn hành trình, đèn hiệu theo tiêu chuẩn quy định, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng việc phát tín hiệu về âm hiệu, tín hiệu ánh sáng.</p> <p>2. Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.</p> <p>3. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến</p>	<p>50.000.000 100.000.000 đồng đến 200.000.000 400.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm:</p> <p>a) Chạy quá tốc độ cho phép trong vùng nước cảng biển;</p> <p>b) Chạy không đúng vùng được phép hoạt động theo quy định;</p> <p>c) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thủ tục vào cảng, rời cảng, chế độ hoa tiêu, thủ tục neo, đậu, cập cầu, cập mạn, quy định về trật tự vệ sinh, an toàn cháy nổ, phòng ngừa ô nhiễm môi trường;</p> <p>d) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về đi, tránh nhau, vượt nhau, nhường đường trong hoạt động giao thông hàng hải hoặc phương tiện giao thông hàng hải không có, không bảo đảm về còi, chuông, kèng theo âm lượng quy định;</p> <p>đ) Không bảo đảm về đèn hành trình, đèn hiệu theo tiêu chuẩn quy định, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng việc phát tín hiệu về âm hiệu, tín hiệu ánh sáng.</p> <p>2. Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 400.000.000 đồng đến 500.000.000 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.</p> <p>3. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.</p>	
---	---	--

1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.		
Mục 2. TỘI PHẠM TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, MẠNG VIỄN THÔNG		
<p>Điều 285. Tội sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật</p> <p>1. Người nào sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm có tính năng tấn công mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để sử dụng vào mục đích trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>d) Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>đ) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>e) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù</p>	<p>Điều 285. Tội sản xuất, mua bán, trao đổi, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn hoặc tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm, thông tin truy cập hoặc dữ liệu xác thực điện tử để sử dụng vào mục đích trái pháp luật</p> <p>1. Người nào sản xuất, mua bán, trao đổi, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn hoặc tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm có tính năng tấn công gây hại mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử, thông tin truy cập, mật khẩu, khóa mã hóa, mã xác thực, chữ ký điện tử hoặc dữ liệu xác thực điện tử khác để sử dụng vào mục đích trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 40.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến 500.000.000 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 02 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>d) Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến</p>	

<p>từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Gây thiệt hại về tài sản 1.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	<p>dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>đ) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>e) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 05 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Thu lợi bất chính từ 500.000.000 đồng trở lên đến dưới 2.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Gây thiệt hại về tài sản từ 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng trở lên đến dưới 4.000.000.000 đồng.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Thu lợi bất chính từ 2.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Gây thiệt hại về tài sản từ 4.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>45. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 10.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	
<p>Điều 286. Tội phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện</p>	<p>Điều 286. Tội phát tán <i>mã độc, tập lệnh, công cụ</i>, chương trình tin học gây hại cho hoạt động của <i>hệ thống thông tin</i>, mạng</p>	

<p>điện tử</p> <p>1. Người nào cố ý phát tán chương trình tin học gây hại cho mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;</p> <p>b) Gây thiệt hại từ 50.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng;</p> <p>c) Làm lây nhiễm từ 50 phương tiện điện tử đến dưới 200 phương tiện điện tử hoặc hệ thống thông tin có từ 50 người sử dụng đến dưới 200 người sử dụng;</p> <p>d) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>c) Gây thiệt hại từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>d) Làm lây nhiễm từ 200 phương tiện điện tử đến dưới 500 phương tiện điện tử hoặc hệ thống thông tin có từ 200 người sử dụng</p>	<p>máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử</p> <p>1. Người nào cố ý phát tán <i>mã độc, tập lệnh, công cụ, phương tiện kỹ thuật số, chương trình tin học gây hại có chức năng xóa, làm hỏng, làm gián đoạn, chiếm quyền điều khiển, làm suy giảm, làm sai lệch dữ liệu điện tử hoặc hoạt động của hệ thống thông tin</i>, mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thuộc một trong các trường hợp sau đây, <i>nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 287 và Điều 289 của Bộ luật này</i>, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến 200.000.000 400.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;</p> <p>b) Gây thiệt hại từ 50.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng;</p> <p>c) Làm lây nhiễm từ 50 phương tiện điện tử đến dưới 200 phương tiện điện tử hoặc hệ thống thông tin có từ 50 người sử dụng đến dưới 200 người sử dụng;</p> <p>d) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 400.000.000 đồng đến 500.000.000</p>	
--	---	--

<p>đến dưới 500 người sử dụng; đ) Tái phạm nguy hiểm. 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm: a) Đối với hệ thống dữ liệu thuộc bí mật nhà nước; hệ thống thông tin phục vụ quốc phòng, an ninh; b) Đối với cơ sở hạ tầng thông tin quốc gia; hệ thống thông tin điều hành lưới điện quốc gia; hệ thống thông tin tài chính, ngân hàng; hệ thống thông tin điều khiển giao thông; c) Thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên; d) Gây thiệt hại 1.000.000.000 đồng trở lên; đ) Làm lây nhiễm 500 phương tiện điện tử trở lên hoặc hệ thống thông tin có từ 500 người sử dụng trở lên. 4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 07 năm: a) Có tổ chức; b) Thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; c) Gây thiệt hại từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng; d) Làm lây nhiễm từ 200 phương tiện điện tử đến dưới 500 phương tiện điện tử hoặc hệ thống thông tin có từ 200 người sử dụng đến dưới 500 người sử dụng; đ) Tái phạm nguy hiểm. 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm: a) Đối với <i>hạ tầng thông tin quan trọng quốc gia, hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia hệ thống thông tin cấp độ 4</i>; hệ thống dữ liệu thuộc bí mật nhà nước; hệ thống thông tin phục vụ quốc phòng, an ninh; <i>hệ thống thông tin thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng, viễn thông, y tế</i>; b) Đối với cơ sở hạ tầng thông tin quốc gia; hệ thống thông tin điều hành lưới điện quốc gia; hệ thống thông tin tài chính, ngân hàng; hệ thống thông tin điều khiển giao thông; <i>eb)</i> Thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên; <i>đc)</i> Gây thiệt hại 1.000.000.000 đồng trở lên; <i>đd)</i> Làm lây nhiễm 500 phương tiện điện tử</p>	
---	--	--

	<p>trở lên hoặc hệ thống thông tin có từ 500 người sử dụng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 60.000.000 đồng đến 200.000.000 400.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 287. Tội cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử</p> <p>1. Người nào tự ý xóa, làm tổn hại hoặc thay đổi phần mềm, dữ liệu điện tử hoặc ngăn chặn trái phép việc truyền tải dữ liệu của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử hoặc có hành vi khác cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 286 và Điều 289 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;</p> <p>b) Gây thiệt hại từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>c) Làm tê liệt, gián đoạn, ngưng trệ hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử từ 30 phút đến dưới 24 giờ hoặc từ 03 lần đến dưới 10 lần trong</p>	<p>Điều 287. Tội <i>thay đổi</i>, cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của <i>hệ thống thông tin</i>, mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử</p> <p>1. Người nào tự ý xóa <i>trái phép, làm hỏng, làm suy giảm, thay đổi, ức chế, che giấu, làm sai lệch dữ liệu điện tử hoặc</i>, làm tổn hại hoặc thay đổi phần mềm, dữ liệu điện tử hoặc ngăn chặn trái phép việc truyền tải <i>đưa</i> dữ liệu của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử hoặc có hành vi khác cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của <i>hệ thống thông tin</i>, mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 286 và Điều 289 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 60.000.000 đồng đến 200.000.000 400.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;</p> <p>b) Gây thiệt hại từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p>	

<p>thời gian 24 giờ;</p> <p>d) Làm đình trệ hoạt động của cơ quan, tổ chức từ 24 giờ đến dưới 72 giờ;</p> <p>đ) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng quyền quản trị mạng máy tính, mạng viễn thông;</p> <p>c) Tái phạm nguy hiểm;</p> <p>d) Thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>đ) Gây thiệt hại từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng;</p> <p>e) Làm tê liệt, gián đoạn, ngưng trệ hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử từ 24 giờ đến dưới 168 giờ hoặc từ 10 lần đến dưới 50 lần trong thời gian 24 giờ;</p> <p>g) Làm đình trệ hoạt động của cơ quan, tổ chức từ 72 giờ đến dưới 168 giờ.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Đối với hệ thống dữ liệu thuộc bí mật nhà nước; hệ thống thông tin phục vụ quốc phòng, an ninh;</p>	<p>c) Làm tê liệt, gián đoạn, ngưng trệ hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử từ 30 phút đến dưới 24 giờ hoặc từ 03 lần đến dưới 10 lần trong thời gian 24 giờ;</p> <p>d) Làm đình trệ hoạt động của cơ quan, tổ chức từ 24 giờ đến dưới 72 giờ;</p> <p>đ) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 400.000.000 đồng đến 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng quyền quản trị mạng máy tính, mạng viễn thông;</p> <p>c) Tái phạm nguy hiểm;</p> <p>d) Thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>đ) Gây thiệt hại từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng;</p> <p>e) Làm tê liệt, gián đoạn, ngưng trệ hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử từ 24 giờ đến dưới 168 giờ hoặc từ 10 lần đến dưới 50 lần trong thời gian 24 giờ;</p> <p>g) Làm đình trệ hoạt động của cơ quan, tổ chức từ 72 giờ đến dưới 168 giờ.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp</p>	
---	--	--

<p>b) Đối với cơ sở hạ tầng thông tin quốc gia; hệ thống thông tin điều hành lưới điện quốc gia; hệ thống thông tin tài chính, ngân hàng; hệ thống thông tin điều khiển giao thông;</p> <p>c) Thu lợi bất chính 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>d) Gây thiệt hại 1.500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>đ) Làm tê liệt, gián đoạn, ngưng trệ hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử 168 giờ trở lên hoặc 50 lần trở lên trong thời gian 24 giờ;</p> <p>e) Làm đình trệ hoạt động của cơ quan, tổ chức 168 giờ trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Đối với <i>hạ tầng thông tin quan trọng quốc gia, hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia hệ thống thông tin cấp độ 4</i>; hệ thống dữ liệu thuộc bí mật nhà nước; hệ thống thông tin phục vụ quốc phòng, an ninh; <i>hệ thống thông tin thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng, viễn thông, y tế</i>;</p> <p>b) Đối với cơ sở hạ tầng thông tin quốc gia; hệ thống thông tin điều hành lưới điện quốc gia; hệ thống thông tin tài chính, ngân hàng; hệ thống thông tin điều khiển giao thông;</p> <p><i>e</i>) Thu lợi bất chính 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p><i>đ</i>c) Gây thiệt hại 1.500.000.000 đồng trở lên;</p> <p><i>đ</i>d) Làm tê liệt, gián đoạn, ngưng trệ hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử 168 giờ trở lên hoặc 50 lần trở lên trong thời gian 24 giờ;</p> <p>e) Làm đình trệ hoạt động của cơ quan, tổ chức 168 giờ trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 <i>60.000.000</i> đồng đến 200.000.000 <i>400.000.000</i> đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 288. Tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông</p>	<p>Điều 288. Tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông</p>	

<p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc gây dư luận xấu làm giảm uy tín của cơ quan, tổ chức, cá nhân, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Đưa lên mạng máy tính, mạng viễn thông những thông tin trái với quy định của pháp luật, nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điều 117, 155, 156 và 326 của Bộ luật này;</p> <p>b) Mua bán, trao đổi, tặng cho, sửa chữa, thay đổi hoặc công khai hóa thông tin riêng hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trên mạng máy tính, mạng viễn thông mà không được phép của chủ sở hữu thông tin đó;</p> <p>c) Hành vi khác sử dụng trái phép thông tin trên mạng máy tính, mạng viễn thông.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng quyền quản trị mạng máy tính, mạng viễn thông;</p> <p>c) Thu lợi bất chính 200.000.000 đồng trở</p>	<p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc gây dư luận xấu làm giảm uy tín của cơ quan, tổ chức, cá nhân, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 60.000.000 đồng đến 200.000.000 400.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Đưa lên mạng máy tính, mạng viễn thông những thông tin trái với quy định của pháp luật, nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điều 117, 155, 156 và 326 của Bộ luật này;</p> <p>b) Mua bán, trao đổi, tặng cho, sửa chữa, thay đổi hoặc, công khai hóa, chuyển giao, khai thác hoặc sử dụng thông tin riêng hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trên mạng máy tính, mạng viễn thông mà không được phép của chủ sở hữu thông tin đó;</p> <p>c) Hành vi khác sử dụng trái phép thông tin trên mạng máy tính, mạng viễn thông.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 400.000.000 đồng đến 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng quyền quản trị mạng máy tính, mạng viễn thông;</p>	
---	--	--

<p>lên; d) Gây thiệt hại 500.000.000 đồng trở lên; đ) Xâm phạm bí mật cá nhân dẫn đến người bị xâm phạm tự sát; e) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc quan hệ đối ngoại của Việt Nam; g) Dẫn đến biểu tình. 3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>c) Thu lợi bất chính từ 200.000.000 400.000.000 đồng trở lên đến dưới 2.000.000 đồng; d) Gây thiệt hại từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng trở lên đến dưới 2.000.000 đồng; d1) Tái phạm nguy hiểm; đ) Xâm phạm bí mật cá nhân dẫn đến người bị xâm phạm tự sát; e) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc quan hệ đối ngoại của Việt Nam; g) Dẫn đến biểu tình. 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 07 năm đến 12 năm: a) Thu lợi bất chính 2.000.000.000 đồng trở lên; b) Gây thiệt hại 2.000.000.000 đồng trở lên; c) Dẫn đến phá rối an ninh, bạo loạn. 34. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng 40.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng 400.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 289. Tội xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác 1. Người nào cố ý vượt qua cảnh báo, mã</p>	<p>Điều 289. Tội xâm nhập trái phép vào hệ thống thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử hoặc dữ liệu điện tử của người khác cơ quan, tổ</p>	

<p>truy cập, tường lửa, sử dụng quyền quản trị của người khác hoặc bằng phương thức khác xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác chiếm quyền điều khiển; can thiệp vào chức năng hoạt động của phương tiện điện tử; lấy cắp, thay đổi, hủy hoại, làm giả dữ liệu hoặc sử dụng trái phép các dịch vụ, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>c) Thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>d) Gây thiệt hại từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>đ) Đối với trạm trung chuyển internet quốc gia, hệ thống cơ sở dữ liệu tên miền và hệ thống máy chủ tên miền quốc gia;</p> <p>e) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Đối với hệ thống dữ liệu thuộc bí mật nhà nước; hệ thống thông tin phục vụ quốc phòng, an ninh;</p>	<p>chức, cá nhân</p> <p>1. Người nào cố ý vượt qua cảnh báo, mã truy cập, biện pháp xác thực, tường lửa, cơ chế kiểm soát truy cập, sử dụng quyền quản trị của người khác, sử dụng phân cứng độc hại hoặc bằng phương thức khác xâm nhập trái phép vào hệ thống thông tin, mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử, dữ liệu điện tử của người khác cơ quan, tổ chức, cá nhân chiếm quyền điều khiển; can thiệp vào chức năng hoạt động của phương tiện điện tử, hệ thống thông tin; lấy cắp, thay đổi, hủy hoại, làm giả dữ liệu hoặc sử dụng trái phép các dịch vụ, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến 300.000.000 600.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 600.000.000 đồng đến 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng hoặc bị phạt tù từ 03 05 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>c) Thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>d) Gây thiệt hại từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>đ) Đối với trạm trung chuyển internet quốc gia, hệ thống cơ sở dữ liệu tên miền và hệ thống máy chủ tên miền quốc gia;</p>	
--	---	--

<p>b) Đối với cơ sở hạ tầng thông tin quốc gia; hệ thống thông tin điều hành lưới điện quốc gia; hệ thống thông tin tài chính, ngân hàng; hệ thống thông tin điều khiển giao thông;</p> <p>c) Thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>d) Gây thiệt hại 1.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>e) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Đối với <i>hạ tầng thông tin quan trọng quốc gia, hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia hệ thống thông tin cấp độ 4</i>; hệ thống dữ liệu thuộc bí mật nhà nước; hệ thống thông tin phục vụ quốc phòng, an ninh; <i>hệ thống thông tin thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng, viễn thông, y tế</i>;</p> <p>b) Đối với cơ sở hạ tầng thông tin quốc gia; hệ thống thông tin điều hành lưới điện quốc gia; hệ thống thông tin tài chính, ngân hàng; hệ thống thông tin điều khiển giao thông;</p> <p>eb) Thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>đc) Gây thiệt hại 1.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 <i>10.000.000</i> đồng đến 50.000.000 <i>100.000.000</i> đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p><i>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</i></p> <p><i>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.200.000.000 đồng;</i></p> <p><i>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy</i></p>	
---	---	--

	<p><i>định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.200.000.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng;</i></p> <p><i>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 4.000.000.000 đồng đến 12.000.000.000 đồng;</i></p> <p><i>d) Pháp nhân thương mại còn có thể bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định.</i></p>	
<p>Điều 290. Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản</p> <p>1. Người nào sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử thực hiện một trong những hành vi sau đây, nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 173 và Điều 174 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Sử dụng thông tin về tài khoản, thẻ ngân hàng của cơ quan, tổ chức, cá nhân để chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ;</p> <p>b) Làm, tàng trữ, mua bán, sử dụng, lưu hành thẻ ngân hàng giả nhằm chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ;</p> <p>c) Truy cập bất hợp pháp vào tài khoản của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm chiếm đoạt</p>	<p>Điều 290. Tội sử dụng công nghệ thông tin, mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản</p> <p>1. Người nào sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử thực hiện một trong những hành vi sau đây, nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 173 và Điều 174 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Sử dụng thông tin về tài khoản, thẻ ngân hàng, dữ liệu định danh điện tử, dữ liệu xác thực điện tử hoặc thông tin thanh toán khác của cơ quan, tổ chức, cá nhân để chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ;</p> <p>b) Làm, tàng trữ, mua bán, sử dụng, lưu hành thẻ ngân hàng giả nhằm chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc thanh</p>	

<p>tài sản;</p> <p>d) Lừa đảo trong thương mại điện tử, thanh toán điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn, kinh doanh đa cấp hoặc giao dịch chứng khoán qua mạng nhằm chiếm đoạt tài sản;</p> <p>đ) Thiết lập, cung cấp trái phép dịch vụ viễn thông, internet nhằm chiếm đoạt tài sản.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>d) Số lượng thẻ giả từ 50 thẻ đến dưới 200 thẻ;</p> <p>đ) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;</p> <p>e) Gây thiệt hại từ 50.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng;</p> <p>g) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>b) Gây thiệt hại từ 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>c) Số lượng thẻ giả từ 200 thẻ đến dưới 500 thẻ.</p>	<p>toán hàng hóa, dịch vụ;</p> <p>c) Truy cập bất hợp pháp vào tài khoản số, tài khoản thanh toán của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm chiếm đoạt tài sản;</p> <p>d) Lừa đảo trong thương mại điện tử, thanh toán điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn, kinh doanh đa cấp hoặc, giao dịch chứng khoán qua mạng Thực hiện hành vi gian dối trong giao dịch điện tử hoặc hoạt động trên không gian mạng nhằm chiếm đoạt tài sản;</p> <p>đ) Thiết lập, cung cấp trái phép dịch vụ viễn thông, internet nhằm chiếm đoạt tài sản;</p> <p>e) Sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo hoặc phương tiện công nghệ khác để giả mạo giọng nói, hình ảnh, sinh trắc học, thông tin xác thực của các tổ chức, cá nhân.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>d) Số lượng thẻ giả, công cụ thanh toán giả hoặc dữ liệu xác thực điện tử giả hoặc phương tiện kỹ thuật số giả từ 50 thẻ đơn vị đến dưới 200 thẻ đơn vị;</p> <p>đ) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;</p> <p>e) Gây thiệt hại từ 50.000.000 đồng đến</p>	
--	--	--

<p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Gây thiệt hại 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Số lượng thẻ giả 500 thẻ trở lên.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	<p>dưới 300.000.000 đồng;</p> <p>g) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>b) Gây thiệt hại từ 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>c) Số lượng thẻ giả, <i>công cụ thanh toán giả hoặc dữ liệu xác thực điện tử giả hoặc phương tiện kỹ thuật số giả</i> từ 200 thẻ đơn vị đến dưới 500 thẻ đơn vị.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 15 năm đến 20 năm <i>hoặc tù chung thân</i>:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Gây thiệt hại từ 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Số lượng thẻ giả, <i>công cụ thanh toán giả hoặc dữ liệu xác thực điện tử giả hoặc phương tiện kỹ thuật số giả</i> 500 thẻ đơn vị trở lên.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 40.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p> <p><i>5. Pháp nhân thương mại phạm tội</i></p>	
--	--	--

	<p><i>quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</i></p> <p><i>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng;</i></p> <p><i>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng;</i></p> <p><i>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng;</i></p> <p><i>d) Pháp nhân thương mại còn có thể bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định.</i></p>	
<p>Điều 291. Tội thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng</p> <p>1. Người nào thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng của người khác với số lượng từ 20 tài khoản đến dưới 50 tài khoản hoặc thu lợi bất chính từ 20.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt tù từ</p>	<p>Điều 291. Tội thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, tặng cho, cho mượn, cho thuê, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng, tài khoản thanh toán</p> <p>1. Người nào thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, tặng cho, cho mượn, cho thuê, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng, thẻ ngân hàng, ví điện tử, tài khoản chứng khoán, tài khoản định danh điện tử, tài khoản quản trị của hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia của người khác với số lượng từ 20-10 tài khoản đến dưới 50 tài khoản hoặc thu lợi bất chính từ 20.000.000-40.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 100.000.000 đồng</p>	

<p>03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng của người khác với số lượng từ 50 tài khoản đến dưới 200 tài khoản;</p> <p>b) Có tổ chức;</p> <p>c) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>d) Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;</p> <p>đ) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng của người khác với số lượng 200 tài khoản trở lên;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 200.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	<p>hoặc <i>gây thiệt hại tài sản cho người khác từ 500.000.000 đồng trở lên</i> phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm <i>nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 159a, và Điều 159b của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 40.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng</i> hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 <i>200.000.000</i> đồng đến 200.000.000 <i>400.000.000</i> đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, <i>tặng cho, cho mượn, cho thuê</i>, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng của người khác, <i>thẻ ngân hàng, ví điện tử, tài khoản chứng khoán, tài khoản định danh điện tử, tài khoản quản trị của hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia</i> với số lượng từ 50 tài khoản đến dưới 200 tài khoản;</p> <p>b) Có tổ chức;</p> <p>c) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>d) Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;</p> <p>đ) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 <i>400.000.000</i> đồng đến 500.000.000 <i>1.000.000.000</i> đồng hoặc phạt tù từ 02 năm</p>	
---	--	--

	<p>đến 07 năm:</p> <p>a) Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, tặng cho, cho mượn, cho thuê, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng của người khác, tài khoản thanh toán, tài khoản chứng khoán, tài khoản giao dịch tài sản số, tài khoản định danh điện tử hoặc tài khoản số khác với số lượng từ 200 tài khoản trở lên;</p> <p>b) Thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p> <p>5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng;</p>	
--	--	--

	<i>d) Pháp nhân thương mại còn có thể bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định.</i>	
	<p><i>Điều 291a. Tội vi phạm quy định về cung cấp, kinh doanh, sử dụng dịch vụ viễn thông, Internet</i></p> <p><i>1. Người nào vi phạm quy định về cung cấp, kinh doanh, sử dụng dịch vụ viễn thông, Internet thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 3 năm:</i></p> <p><i>a) Thiết lập, vận hành, sử dụng trái phép hệ thống, thiết bị có tính năng chuyển cuộc gọi từ Internet, vệ tinh vào mạng viễn thông di động mặt đất, mạng viễn thông cố định mặt đất nhằm chiếm đoạt tài sản;</i></p> <p><i>b) Thiết lập, vận hành, sử dụng trái phép hệ thống, thiết bị trạm gốc thông tin di động hoặc thiết bị có tính năng tương tự trạm gốc thông tin di động để phát tán tin nhắn quảng cáo đánh bạc, lừa đảo chiếm đoạt tài sản.</i></p> <p><i>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm.</i></p> <p><i>a) Gây thiệt hại về tài sản từ 200.000.000 đồng trở lên</i></p> <p><i>b) Thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng trở lên</i></p> <p><i>c) Số lượng SIM thuê bao từ 2.000 trở lên</i></p>	

Điều 292. (được bãi bỏ)		
<p>Điều 293. Tội sử dụng trái phép tần số vô tuyến điện dành riêng cho mục đích cấp cứu, an toàn, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, quốc phòng, an ninh</p> <p>1. Người nào sử dụng trái phép tần số vô tuyến điện dành riêng cho mục đích cấp cứu, an toàn, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, quốc phòng, an ninh vào mục đích khác gây thiệt hại từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Gây thiệt hại 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Tái phạm nguy hiểm.</p>	<p>Điều 293. Tội sử dụng trái phép tần số vô tuyến điện dành riêng cho mục đích cấp cứu, an toàn, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, quốc phòng, an ninh</p> <p>1. Người nào sử dụng trái phép tần số vô tuyến điện dành riêng cho mục đích cấp cứu, an toàn, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, quốc phòng, an ninh vào mục đích khác gây thiệt hại từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Gây thiệt hại 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Tái phạm nguy hiểm.</p>	
<p>Điều 294. Tội cố ý gây nhiễu có hại</p> <p>1. Người nào cố ý gây nhiễu có hại, cản trở hoạt động bình thường của hệ thống thông tin vô tuyến điện gây thiệt hại từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi</p>	<p>Điều 294. Tội cố ý gây nhiễu có hại</p> <p>1. Người nào cố ý gây nhiễu có hại, cản trở hoạt động bình thường của hệ thống thông tin vô tuyến điện gây thiệt hại từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ</p>	

<p>phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Gây thiệt hại 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Tái phạm nguy hiểm.</p>	<p>50.000.000 100.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Gây thiệt hại 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Tái phạm nguy hiểm.</p>	
Mục 3. CÁC TỘI PHẠM KHÁC XÂM PHẠM AN TOÀN CÔNG CỘNG		
<p>Điều 295. Tội vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở nơi đông người</p> <p>1. Người nào vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở nơi đông người gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp</p>	<p>Điều 295. Tội vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở nơi đông người</p> <p>1. Người nào vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở nơi đông người gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 40.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng.</p>	

<p>sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng;</p> <p>d) Là người có trách nhiệm về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở nơi đông người.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở nơi đông người trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b và c khoản 3 Điều này nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền</p>	<p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng;</p> <p>d) Là người có trách nhiệm về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở nơi đông người.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở nơi đông người trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b và c khoản 3 Điều này nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03</p>	
--	--	--

<p>từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>tháng đến 02 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 50.000.000 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>6. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng;</p> <p>d) Pháp nhân thương mại còn có thể bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định.</p>	
<p>Điều 296. Tội vi phạm quy định về sử dụng người lao động dưới 16 tuổi</p> <p>1. Người nào sử dụng người lao động dưới 16 tuổi làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với chất độc hại theo danh mục mà Nhà nước quy định thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến</p>	<p>Điều 296. Tội vi phạm quy định về sử dụng người lao động dưới 16 tuổi</p> <p>1. Người nào sử dụng người lao động dưới 16 tuổi làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với chất độc hại theo danh mục mà Nhà nước quy định thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 60.000.000 đồng đến</p>	

<p>200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60%.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>b) Làm chết người;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ</p>	<p>200.000.000 400.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60%.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>b) Làm chết người;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn</p>	
---	---	--

<p>tôn thương cơ thể của những người này 122% trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>thương cơ thể của những người này 122% trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 50.000.000 200.000.000 đồng, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>6. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Pháp nhân thương mại còn có thể bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định.</p>	
<p>Điều 297. Tội cưỡng bức lao động</p> <p>1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác ép buộc người khác phải lao động thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p>	<p>Điều 297. Tội cưỡng bức lao động</p> <p>1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác ép buộc người khác phải lao động thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến 200.000.000 400.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này,</p>	

<p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60%.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng;</p> <p>c) Làm chết người;</p> <p>d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>e) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 122% trở lên.</p>	<p>chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60%.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng;</p> <p>c) Làm chết người;</p> <p>d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>e) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 122%</p>	
--	--	--

<p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>trở lên. 4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 60.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 298. Tội vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng 1. Người nào vi phạm quy định về xây dựng trong lĩnh vực khảo sát, thiết kế, thi công, sử dụng nguyên liệu, vật liệu, máy móc, giám sát, nghiệm thu công trình hoặc lĩnh vực khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 224 và Điều 281 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: a) Làm chết người; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%; d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10</p>	<p>Điều 298. Tội vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng 1. Người nào vi phạm quy định về xây dựng trong lĩnh vực khảo sát, thiết kế, thi công, sử dụng nguyên liệu, vật liệu, máy móc, giám sát, nghiệm thu công trình hoặc lĩnh vực khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 224 và Điều 281 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến 500.000.000 1.000.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: a) Làm chết người; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%; d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng.</p>	

<p>năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 60.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 299. Tội khủng bố</p> <p>1. Người nào nhằm gây ra tình trạng hoảng sợ trong công chúng mà xâm phạm tính mạng của người khác hoặc phá hủy tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân, thì bị</p>	<p>Điều 299. Tội khủng bố</p> <p>1. Người nào xâm phạm tính mạng của người khác hoặc phá hủy tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm gây ra tình trạng hoảng sợ trong công chúng hoặc</p>	

<p>phạt tù từ 10 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Thành lập, tham gia tổ chức khủng bố, tổ chức tài trợ khủng bố;</p> <p>b) Cưỡng ép, lôi kéo, tuyển mộ, đào tạo, huấn luyện phần tử khủng bố; chế tạo, cung cấp vũ khí cho phần tử khủng bố;</p> <p>c) Xâm phạm tự do thân thể, sức khỏe hoặc chiếm giữ, làm hư hại tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân;</p> <p>d) Tấn công, xâm hại, cản trở, gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân.</p> <p>3. Phạm tội trong trường hợp đe dọa thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này hoặc có những hành vi khác uy hiếp tinh thần, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p> <p>4. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị tước một số quyền công dân, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	<p><i>nhằm cưỡng ép một quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức quốc tế hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân làm hoặc không làm một việc</i>, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Thành lập, tham gia tổ chức khủng bố, tổ chức tài trợ khủng bố;</p> <p><i>a1) Hướng dẫn chế tạo, sản xuất, sử dụng hoặc chế tạo, sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán, cung cấp vũ khí, chất liệu nổ, chất phóng xạ, chất độc, chất cháy và các công cụ và phương tiện khác nhằm phục vụ cho việc thực hiện các hành vi quy định tại khoản 1 điều này.</i></p> <p>b) Cưỡng ép, lôi kéo, tuyển mộ, đào tạo, huấn luyện phần tử khủng bố; chế tạo, cung cấp vũ khí cho phần tử khủng bố;</p> <p>c) Xâm phạm tự do thân thể, sức khỏe hoặc chiếm giữ, làm hư hại tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân;</p> <p>d) Tấn công, xâm hại, <i>phát tán chương trình tin học độc hại, làm tê liệt, gián đoạn, ngưng trệ, xâm nhập trái phép, làm tổn hại, chiếm đoạt, chiếm quyền điều khiển</i>, cản trở, gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân.</p> <p>3. Phạm tội trong trường hợp đe dọa</p>	
---	---	--

	<p>thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này hoặc có những hành vi khác uy hiếp tinh thần, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p> <p>4. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị tước một số quyền công dân, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	
<p>Điều 300. Tội tài trợ khủng bố</p> <p>1. Người nào huy động, hỗ trợ tiền, tài sản dưới bất kỳ hình thức nào cho tổ chức, cá nhân khủng bố, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.</p> <p>2. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p> <p>4. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 7.000.000.000 đồng đến 15.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;</p> <p>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p>	<p>Điều 300. Tội tài trợ khủng bố</p> <p>1. Người nào huy động, hỗ trợ, <i>cung cấp</i> tiền, tài sản <i>trực tiếp hoặc gián tiếp</i> dưới bất kỳ hình thức nào cho tổ chức, cá nhân khủng bố <i>trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam; huy động, hỗ trợ tiền, tài sản trực tiếp hoặc gián tiếp dưới bất kỳ hình thức nào cho việc đi lại của cá nhân đến một quốc gia khác ngoài quốc gia cư trú hoặc quốc tịch của họ hoặc chuẩn bị, tham gia vào các hành động khủng bố hoặc cung cấp, tiếp nhận, đào tạo khủng bố</i>, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.</p> <p>2. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p> <p>4. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại</p>	

<p>c) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	<p>khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 7.000.000.000 đồng đến 15.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;</p> <p>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p> <p>c) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	
	<p><i>Điều 300a. Tội phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt</i></p> <p><i>1. Người nào phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.</i></p> <p><i>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm:</i></p> <p><i>a) Có tổ chức;</i></p> <p><i>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</i></p> <p><i>d) Có tính chất chuyên nghiệp.</i></p> <p><i>3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</i></p> <p><i>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản</i></p>	
	<p><i>Điều 300b. Tội tài trợ phổ biến vũ khí hủy</i></p>	

	<p><i>diệt hàng loạt</i></p> <p><i>1. Người nào tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt cho các tổ chức, cá nhân sau đây thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</i></p> <p><i>a) Tổ chức, cá nhân là đối tượng bị chỉ định;</i></p> <p><i>b) Tổ chức do đối tượng bị chỉ định sở hữu hoặc kiểm soát;</i></p> <p><i>c) Tổ chức, cá nhân hành động thay mặt hoặc theo chỉ đạo của đối tượng bị chỉ định.</i></p> <p><i>2. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</i></p> <p><i>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</i></p> <p><i>4. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</i></p> <p><i>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 7.000.000.000 đồng đến 15.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;</i></p> <p><i>b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</i></p> <p><i>c) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm</i></p>	
--	--	--

	<i>hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</i>	
Điều 301. Tội bắt cóc con tin 1. Người nào bắt, giữ hoặc giam người khác làm con tin nhằm cưỡng ép một quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức quốc tế hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân làm hoặc không làm một việc như một điều kiện để thả con tin, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 113 và Điều 299 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 04 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm: a) Có tổ chức; b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; c) Đối với người dưới 18 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người đủ 70 tuổi trở lên; d) Đối với người đang thi hành công vụ; đ) Gây hậu quả nghiêm trọng. 3. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm. 4. Phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 08 năm đến 15 năm. 5. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.	Điều 301. Tội bắt cóc con tin 1. Người nào bắt, giữ hoặc giam người khác làm con tin nhằm cưỡng ép một quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức quốc tế hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân làm hoặc không làm một việc như một điều kiện để thả con tin, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 113 và Điều 299 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 04 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 04 năm đến 07 năm: a) Có tổ chức; b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; c) Đối với người dưới 18 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người đủ 70 tuổi trở lên; d) Đối với người đang thi hành công vụ; đ) Gây hậu quả nghiêm trọng. 3. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 05 07 năm đến 10 năm. 4. Phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 08 10 năm đến 15 năm. 5. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.	
Điều 302. Tội cướp biển 1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm	Điều 302. Tội cướp biển 1. Người nào <i>vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà sử dụng vũ lực, đe dọa</i>	

<p>đến 10 năm:</p> <p>a) Tấn công tàu biển, phương tiện bay hoặc phương tiện hàng hải khác đang ở biển cả hoặc ở nơi không thuộc quyền tài phán của quốc gia nào;</p> <p>b) Tấn công hoặc bắt giữ người trên tàu biển, phương tiện bay hoặc phương tiện hàng hải khác quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>c) Cướp phá tài sản trên tàu biển, phương tiện bay hoặc phương tiện hàng hải khác quy định tại điểm a khoản này.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30%;</p> <p>c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p>	<p>dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác thực hiện một trong các hành vi sau đây đối với tàu biển, phương tiện hàng hải khác ở biển cả, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 07 năm:</p> <p>a) Tấn công tàu biển, phương tiện bay hoặc phương tiện hàng hải khác đang ở biển cả hoặc ở nơi không thuộc quyền tài phán của quốc gia nào;</p> <p>b) Tấn công, không chế, hoặc bắt giữ trái pháp luật người trên tàu biển, phương tiện bay hoặc phương tiện hàng hải khác quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>c) Chiếm đoạt, cướp phá tài sản trên tàu biển, phương tiện bay hoặc phương tiện hàng hải khác quy định tại điểm a khoản này.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 12 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30%;</p> <p>c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 400.000.000 đồng;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 18</p>	
---	--	--

<p>b) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 18 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 31% trở lên;</p> <p>d) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>đ) Gây thiệt hại về tài sản 1.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>5. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>năm:</p> <p>a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p> <p>b) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 400.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 18 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 31% trở lên;</p> <p>d) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>đ) Gây thiệt hại về tài sản 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>5. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 303. Tội phá hủy công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia</p> <p>1. Người nào phá hủy công trình, cơ sở hoặc phương tiện giao thông vận tải,</p>	<p>Điều 303. Tội phá hủy công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia</p> <p>1. Người nào phá hủy công trình, cơ sở hoặc phương tiện giao thông vận tải,</p>	

<p>thông tin - liên lạc, công trình điện lực, dẫn chất đốt, công trình thủy lợi hoặc công trình quan trọng khác về quốc phòng, an ninh, kinh tế, khoa học - kỹ thuật, văn hóa và xã hội, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 114 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 12 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Làm công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia hư hỏng, ngưng hoạt động;</p> <p>c) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>đ) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>e) Gây ảnh hưởng xấu đến tình hình kinh tế - xã hội;</p> <p>g) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt quản chế từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>thông tin - liên lạc, công trình điện lực, dẫn chất đốt, công trình thủy lợi hoặc công trình quan trọng khác về quốc phòng, an ninh, kinh tế, khoa học - kỹ thuật, văn hóa và xã hội, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 114 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 12 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Làm công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia hư hỏng, ngưng hoạt động;</p> <p>c) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>đ) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>e) Gây ảnh hưởng xấu đến tình hình kinh tế - xã hội;</p> <p>g) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt quản chế từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 304. Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng,</p>	<p>Điều 304. Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương</p>	

<p>phương tiện kỹ thuật quân sự</p> <p>1. Người nào chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có tổ chức; b) Vận chuyển, mua bán qua biên giới; c) Làm chết người; d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%; e) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; g) Vật phạm pháp có số lượng lớn hoặc có giá trị lớn; h) Tái phạm nguy hiểm. <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Làm chết 02 người; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại 	<p>tiện kỹ thuật quân sự</p> <p>1. Người nào chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có tổ chức; b) Vận chuyển, mua bán qua biên giới; c) Làm chết người; d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%; e) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; g) Vật phạm pháp có số lượng lớn hoặc có giá trị lớn; h) Tái phạm nguy hiểm. <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Làm chết 02 người; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại 	
--	---	--

<p>cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng;</p> <p>d) Vật phạm pháp có số lượng rất lớn hoặc có giá trị rất lớn.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>d) Vật phạm pháp có số lượng đặc biệt lớn hoặc có giá trị đặc biệt lớn.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng;</p> <p>d) Vật phạm pháp có số lượng rất lớn hoặc có giá trị rất lớn.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>d) Vật phạm pháp có số lượng đặc biệt lớn hoặc có giá trị đặc biệt lớn.</p> <p>5. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.</p> <p>5. 6. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 305. Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ</p> <p>1. Người nào chế tạo, tàng trữ, vận</p>	<p>Điều 305. Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ</p> <p>1. Người nào chế tạo, tàng trữ, vận</p>	

<p>chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có tổ chức; b) Thuốc nổ các loại từ 10 kilôgam đến dưới 30 kilôgam; c) Các loại phụ kiện nổ có số lượng lớn; d) Vận chuyển, mua bán qua biên giới; đ) Làm chết người; e) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; g) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%; h) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; i) Tái phạm nguy hiểm. <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thuốc nổ các loại từ 30 kilôgam đến dưới 100 kilôgam; b) Các loại phụ kiện nổ có số lượng 	<p>chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có tổ chức; b) Thuốc nổ các loại từ 10 kilôgam đến dưới 30 kilôgam; c) Các loại phụ kiện nổ có số lượng lớn; d) Vận chuyển, mua bán qua biên giới; đ) Làm chết người; e) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; g) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%; h) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; i) Tái phạm nguy hiểm. <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thuốc nổ các loại từ 30 kilôgam đến dưới 100 kilôgam; b) Các loại phụ kiện nổ có số lượng 	
---	---	--

<p>rất lớn;</p> <p>c) Làm chết 02 người;</p> <p>d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>đ) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Thuốc nổ các loại 100 kilôgam trở lên;</p> <p>b) Các loại phụ kiện nổ có số lượng đặc biệt lớn;</p> <p>c) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>đ) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>rất lớn;</p> <p>c) Làm chết 02 người;</p> <p>d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>đ) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Thuốc nổ các loại 100 kilôgam trở lên;</p> <p>b) Các loại phụ kiện nổ có số lượng đặc biệt lớn;</p> <p>c) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>đ) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>5. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.</p> <p>5. 6. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
Điều 306. Tội chế tạo, tàng trữ, vận	Điều 306. Tội chế tạo, tàng trữ, vận	

<p>chuyên, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ</p> <p>1. Người nào chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao, vũ khí khác có tính năng, tác dụng tương tự như súng săn, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Vật phạm pháp có số lượng lớn;</p> <p>c) Vận chuyển, mua bán qua biên giới;</p> <p>d) Làm chết người;</p> <p>đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>e) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>g) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>h) Tái phạm nguy hiểm.</p>	<p>chuyên, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ</p> <p>1. Người nào chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao, vũ khí khác có tính năng, tác dụng tương tự như súng săn, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Vật phạm pháp có số lượng lớn;</p> <p>c) Vận chuyển, mua bán qua biên giới;</p> <p>d) Làm chết người;</p> <p>đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>e) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>g) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>h) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp</p>	
---	---	--

<p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Vật phạm pháp có số lượng rất lớn hoặc đặc biệt lớn;</p> <p>b) Làm chết 02 người trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 122% trở lên;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản 500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Vật phạm pháp có số lượng rất lớn hoặc đặc biệt lớn;</p> <p>b) Làm chết 02 người trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 122% trở lên;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản 500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.</p> <p>4. 5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 307. Tội vi phạm quy định về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ</p> <p>1. Người nào vi phạm quy định về quản lý việc sản xuất, sửa chữa, trang bị, sử dụng, bảo quản, lưu giữ, vận chuyển, mua bán hoặc tiêu hủy vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p>	<p>Điều 307. Tội vi phạm quy định về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ</p> <p>1. Người nào vi phạm quy định về quản lý việc sản xuất, sửa chữa, trang bị, sử dụng, bảo quản, lưu giữ, vận chuyển, mua bán hoặc tiêu hủy vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p>	

<p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Vi phạm quy định về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b và c khoản 3 Điều này nêu không được ngăn chặn kịp</p>	<p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Vi phạm quy định về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định</p>	
---	--	--

<p>thời, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>tại một trong các điểm a, b và c khoản 3 Điều này nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 308. Tội thiếu trách nhiệm trong việc giữ vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ gây hậu quả nghiêm trọng</p> <p>1. Người nào được giao vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ mà thiếu trách nhiệm để người khác sử dụng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp</p>	<p>Điều 308. Tội thiếu trách nhiệm trong việc giữ vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ gây hậu quả nghiêm trọng</p> <p>1. Người nào được giao vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ mà thiếu trách nhiệm để người khác sử dụng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng.</p>	

<p>sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 07 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 309. Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, phát tán, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân</p> <p>1. Người nào sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, phát tán, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất phóng xạ, vật</p>	<p>Điều 309. Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, phát tán, mua bán trái phép hoặc phá hoại, chiếm đoạt chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân, vật liệu phóng xạ, thiết bị hạt nhân</p> <p>1. Người nào sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, phát tán, mua bán trái phép hoặc</p>	

<p>liệu hạt nhân, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Vận chuyển, mua bán qua biên giới;</p> <p>c) Làm chết người;</p> <p>d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>e) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>g) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p>	<p><i>phá hoại</i>, chiếm đoạt chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân, <i>vật liệu phóng xạ, thiết bị hạt nhân</i> thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Vận chuyển, mua bán qua biên giới;</p> <p>c) Làm chết người;</p> <p>d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>e) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>g) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm</p>	
---	---	--

<p>a) Làm chết 03 người trở lên; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên; c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên. 5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>hoặc tù chung thân: a) Làm chết 03 người trở lên; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên; c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên. 4a. Người chuẩn bị phạm tội này thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm. 5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 310. Tội vi phạm quy định về quản lý chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân 1. Người nào vi phạm quy định về quản lý việc sản xuất, trang bị, sử dụng, bảo quản, lưu giữ, vận chuyển, mua bán hoặc xử lý chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm: a) Làm chết người; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p>	<p>Điều 310. Tội vi phạm quy định về quản lý chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân, vật liệu phóng xạ, thiết bị hạt nhân 1. Người nào vi phạm quy định về quản lý việc sản xuất, trang bị, sử dụng, bảo quản, lưu giữ, vận chuyển, mua bán hoặc xử lý chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân, vật liệu phóng xạ, thiết bị hạt nhân gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 07 năm: a) Làm chết người; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn</p>	

<p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Vi phạm quy định về quản lý chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b và c khoản 3 Điều này nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm</p>	<p>thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Vi phạm quy định về quản lý chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân vật liệu phóng xạ, thiết bị hạt nhân trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b và c khoản 3 Điều này</p>	
--	--	--

<p>nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. 5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 311. Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng hoặc mua bán trái phép chất cháy, chất độc 1. Người nào sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng hoặc mua bán trái phép chất cháy, chất độc, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm: a) Có tổ chức; b) Vật phạm pháp có số lượng lớn; c) Làm chết người; d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%; e) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; g) Vận chuyển, mua bán qua biên giới; h) Tái phạm nguy hiểm. 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp</p>	<p>Điều 311. Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng hoặc mua bán trái phép chất cháy, chất độc 1. Người nào sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng hoặc mua bán trái phép chất cháy, chất độc, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 05 năm đến 10 năm: a) Có tổ chức; b) Vật phạm pháp có số lượng lớn; c) Làm chết người; d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%; e) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng; g) Vận chuyển, mua bán qua biên giới; h) Tái phạm nguy hiểm.</p>	

<p>sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Vật phạm pháp có số lượng rất lớn;</p> <p>b) Làm chết 02 người;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Vật phạm pháp có số lượng đặc biệt lớn;</p> <p>b) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Vật phạm pháp có số lượng rất lớn;</p> <p>b) Làm chết 02 người;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Vật phạm pháp có số lượng đặc biệt lớn;</p> <p>b) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>5. Người chuẩn bị phạm tội này thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 20.000.000 đồng đến 50.000.000 200.000.000 đồng, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
Điều 312. Tội vi phạm quy định về quản	Điều 312. Tội vi phạm quy định về quản	

<p>lý chất cháy, chất độc</p> <p>1. Người nào vi phạm quy định về quản lý việc sản xuất, trang bị, sử dụng, bảo quản, lưu giữ, vận chuyển, mua bán hoặc xử lý chất cháy, chất độc gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p>	<p>lý chất cháy, chất độc</p> <p>1. Người nào vi phạm quy định về quản lý việc sản xuất, trang bị, sử dụng, bảo quản, lưu giữ, vận chuyển, mua bán hoặc xử lý chất cháy, chất độc gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 10 năm đến 15</p>	
--	--	--

<p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 313. Tội vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy</p> <p>1. Người nào vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 08</p>	<p>Điều 313. Tội vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy</p> <p>1. Người nào vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 08</p>	

<p>năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b và c khoản 3 Điều này nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 08 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b và c khoản 3 Điều này nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 50.000.000 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
--	---	--

<p>Điều 314. Tội vi phạm quy định về an toàn vận hành công trình điện lực</p> <p>1. Người nào cho phép xây nhà, công trình hoặc tự ý xây nhà, công trình trong phạm vi hành lang an toàn của công trình điện lực; gây nổ, gây cháy, đốt rừng làm nương rẫy, trồng cây, làm đổ cây ảnh hưởng đến an toàn vận hành công trình điện lực; đào hố, đóng cọc, xây nhà trong hành lang bảo vệ đường cáp điện ngầm; thả neo tàu, thuyền trong hành lang bảo vệ đường cáp điện ngầm đặt ở lòng sông, lòng biển đã có thông báo hoặc biển báo; lắp các thiết bị điện hoặc thi công đường điện không bảo đảm an toàn hoặc các hành vi khác gây mất an toàn vận hành công trình điện lực theo quy định của pháp luật thuộc một trong các trường hợp sau đây hoặc đã bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ</p>	<p>Điều 314. Tội vi phạm quy định về an toàn vận hành công trình điện lực</p> <p>1. Người nào cho phép xây nhà, công trình hoặc tự ý xây nhà, công trình trong phạm vi hành lang an toàn của công trình điện lực; gây nổ, gây cháy, đốt rừng làm nương rẫy, trồng cây, làm đổ cây ảnh hưởng đến an toàn vận hành công trình điện lực; đào hố, đóng cọc, xây nhà trong hành lang bảo vệ đường cáp điện ngầm; thả neo tàu, thuyền trong hành lang bảo vệ đường cáp điện ngầm đặt ở lòng sông, lòng biển đã có thông báo hoặc biển báo; lắp các thiết bị điện hoặc thi công đường điện không bảo đảm an toàn hoặc các hành vi khác gây mất an toàn vận hành công trình điện lực theo quy định của pháp luật thuộc một trong các trường hợp sau đây hoặc đã bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 40.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 03 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn</p>	
---	--	--

<p>61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Vi phạm quy định về an toàn vận hành công trình điện lực trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b và c khoản 3 Điều này nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không</p>	<p>thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến 300.000.000 600.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 07 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 3.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Vi phạm quy định về an toàn vận hành công trình điện lực trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại</p>	
--	---	--

<p>giám giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>một trong các điểm a, b và c khoản 3 Điều này nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 40.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 315. Tội vi phạm quy định về khám bệnh, chữa bệnh, sản xuất, pha chế, cấp phát, bán thuốc hoặc dịch vụ y tế khác</p> <p>1. Người nào vi phạm quy định về khám bệnh, chữa bệnh, sản xuất, pha chế, cấp phát, bán thuốc hoặc dịch vụ y tế khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 259 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p>	<p>Điều 315. Tội vi phạm quy định về khám bệnh, chữa bệnh, sản xuất, pha chế, cấp phát, bán thuốc hoặc dịch vụ y tế khác</p> <p>1. Người nào vi phạm quy định về khám bệnh, chữa bệnh, sản xuất, pha chế, cấp phát, bán thuốc hoặc dịch vụ y tế khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 259 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ</p>	

<p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01</p>	<p>100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
---	--	--

năm đến 05 năm.		
<p>Điều 316. Tội phá thai trái phép</p> <p>1.[307] Người nào thực hiện việc phá thai trái phép cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Đã bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2.[308] Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%.</p> <p>3.[309] Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên.</p>	<p>Điều 316. Tội phá thai trái phép</p> <p>1.[307] Người nào thực hiện việc phá thai trái phép cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Đã bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2.[308] Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%.</p> <p>3.[309] Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ</p>	

<p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 317. Tội vi phạm quy định về an toàn thực phẩm</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây vi phạm quy định về an toàn thực phẩm, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Sử dụng chất, hóa chất, kháng sinh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, phụ gia thực phẩm hoặc chất hỗ trợ chế biến thực phẩm mà biết là cấm sử dụng hoặc ngoài danh mục được phép sử dụng trong sản xuất thực phẩm mà sản phẩm trị giá từ 10.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>b) Sử dụng động vật chết do bệnh, dịch bệnh hoặc động vật bị tiêu hủy theo quy định của pháp luật để chế biến thực phẩm hoặc cung cấp, bán thực phẩm mà biết là có nguồn gốc từ động vật chết do bệnh, dịch bệnh hoặc động vật bị tiêu hủy mà sản phẩm trị giá từ 10.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi</p>	<p>Điều 317. Tội vi phạm quy định về an toàn thực phẩm</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây vi phạm quy định về an toàn thực phẩm, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Sử dụng chất, hóa chất, kháng sinh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, phụ gia thực phẩm hoặc chất hỗ trợ chế biến thực phẩm ma biết là cấm sử dụng hoặc ngoài danh mục được phép sử dụng trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm mà sản phẩm trị giá từ 10.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>b) Sử dụng động vật chết do bệnh, dịch bệnh hoặc động vật bị tiêu hủy theo quy định của pháp luật để giết mổ, chế biến thực phẩm hoặc cung cấp, bán thực phẩm mà biết là có nguồn gốc từ động vật chết do bệnh, dịch bệnh hoặc động vật bị tiêu hủy mà sản phẩm trị giá từ 10.000.000 đồng đến</p>	

<p>phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>c) Sử dụng chất, hóa chất, kháng sinh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, phụ gia thực phẩm hoặc chất hỗ trợ chế biến thực phẩm mà biết là chưa được phép sử dụng hoặc chưa được phép lưu hành tại Việt Nam trong sản xuất thực phẩm mà sản phẩm trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc sản phẩm trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>d) Nhập khẩu, cung cấp hoặc bán thực phẩm mà biết là có sử dụng chất, hóa chất, phụ gia thực phẩm hoặc chất hỗ trợ chế biến thực phẩm cấm sử dụng hoặc ngoài danh mục được phép sử dụng trị giá từ 10.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 5.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>đ) Nhập khẩu, cung cấp hoặc bán thực phẩm mà biết là có sử dụng chất, hóa chất,</p>	<p>dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>c) Sử dụng chất, hóa chất, kháng sinh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, phụ gia thực phẩm hoặc chất hỗ trợ chế biến thực phẩm mà biết là chưa được phép sử dụng hoặc chưa được phép lưu hành tại Việt Nam trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm mà sản phẩm trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc sản phẩm trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>d) Nhập khẩu, cung cấp hoặc bán thực phẩm mà biết là có sử dụng chất, hóa chất, phụ gia thực phẩm hoặc chất hỗ trợ chế biến thực phẩm cấm sử dụng hoặc ngoài danh mục được phép sử dụng trị giá từ 10.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 5.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p>	
---	--	--

<p>phụ gia thực phẩm hoặc chất hỗ trợ chế biến thực phẩm chưa được phép sử dụng hoặc chưa được phép lưu hành tại Việt Nam trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng; thực phẩm trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 20.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>e) Thực hiện một trong các hành vi quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm đ khoản này hoặc chế biến, cung cấp, bán thực phẩm mà biết là thực phẩm không bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật, quy định về an toàn thực phẩm gây ngộ độc ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của từ 05 người đến 20 người hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Làm chết người;</p> <p>c) Gây ngộ độc ảnh hưởng nghiêm trọng</p>	<p>đ) Nhập khẩu, cung cấp hoặc bán thực phẩm mà biết là có sử dụng chất, hóa chất, phụ gia thực phẩm hoặc chất hỗ trợ chế biến thực phẩm chưa được phép sử dụng hoặc chưa được phép lưu hành tại Việt Nam trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng; thực phẩm trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 20.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>e) Thực hiện một trong các hành vi quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm đ khoản này hoặc chế biến, cung cấp, bán thực phẩm mà biết là thực phẩm không bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật, quy định về an toàn thực phẩm gây ngộ độc ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của từ 05 người đến 20 người hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p>	
---	--	--

<p>đến sức khỏe của từ 21 người đến 100 người;</p> <p>d) Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>đ) Gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>e) Thực phẩm có sử dụng chất, hóa chất, kháng sinh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, phụ gia thực phẩm hoặc chất hỗ trợ chế biến thực phẩm cấm sử dụng hoặc ngoài danh mục được phép sử dụng trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 20.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;</p> <p>g) Thực phẩm có sử dụng nguyên liệu là động vật chết do bệnh, dịch bệnh hoặc động vật bị tiêu hủy trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng;</p> <p>h) Thực phẩm có sử dụng chất, hóa chất, kháng sinh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, phụ gia thực phẩm hoặc chất hỗ trợ chế biến thực phẩm chưa được phép sử dụng hoặc chưa được phép lưu hành tại Việt Nam trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;</p> <p>i) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp</p>	<p>b) Làm chết người;</p> <p>c) Gây ngộ độc ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của từ 21 người đến 100 người;</p> <p>d) Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>đ) Gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>e) Thực phẩm có sử dụng chất, hóa chất, kháng sinh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, phụ gia thực phẩm hoặc chất hỗ trợ chế biến thực phẩm cấm sử dụng hoặc ngoài danh mục được phép sử dụng trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 20.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;</p> <p>g) Thực phẩm có sử dụng nguyên liệu là động vật chết do bệnh, dịch bệnh hoặc động vật bị tiêu hủy trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng;</p> <p>h) Thực phẩm có sử dụng chất, hóa chất, kháng sinh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, phụ gia thực phẩm hoặc chất hỗ trợ chế biến thực phẩm chưa được phép sử dụng hoặc chưa được phép lưu hành tại Việt Nam trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000</p>	
---	---	--

<p>sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây ngộ độc ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của từ 101 người đến 200 người;</p> <p>c) Gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>d) Thực phẩm có sử dụng chất, hóa chất, kháng sinh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, phụ gia thực phẩm hoặc chất hỗ trợ chế biến thực phẩm cấm sử dụng hoặc ngoài danh mục được phép sử dụng trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng;</p> <p>đ) Thực phẩm có sử dụng nguyên liệu là động vật chết do bệnh, dịch bệnh hoặc động vật bị tiêu hủy trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>e) Thực phẩm có sử dụng chất, hóa chất, kháng sinh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, phụ gia thực phẩm hoặc chất hỗ trợ chế biến thực phẩm chưa được phép sử dụng hoặc chưa được phép lưu hành tại Việt Nam trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp</p>	<p>đồng;</p> <p>i) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây ngộ độc ảnh hưởng <i>nghiêm trọng</i> đến sức khỏe của từ 101 người đến 200 người;</p> <p>c) Gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>d) Thực phẩm có sử dụng chất, hóa chất, kháng sinh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, phụ gia thực phẩm hoặc chất hỗ trợ chế biến thực phẩm cấm sử dụng hoặc ngoài danh mục được phép sử dụng trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng;</p> <p>đ) Thực phẩm có sử dụng nguyên liệu là động vật chết do bệnh, dịch bệnh hoặc động vật bị tiêu hủy trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>e) Thực phẩm có sử dụng chất, hóa chất, kháng sinh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, phụ gia thực phẩm hoặc chất hỗ trợ chế biến thực phẩm chưa được phép sử dụng hoặc chưa được phép lưu hành tại Việt</p>	
--	--	--

<p>sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây ngộ độc ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của 201 người trở lên;</p> <p>c) Gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>d) Thực phẩm có sử dụng chất, hóa chất, kháng sinh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, phụ gia thực phẩm hoặc chất hỗ trợ chế biến thực phẩm cấm sử dụng hoặc ngoài danh mục được phép sử dụng trị giá 500.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính 300.000.000 đồng trở lên;</p> <p>đ) Thực phẩm có sử dụng nguyên liệu là động vật chết do bệnh, dịch bệnh hoặc động vật bị tiêu hủy trị giá 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>e) Thực phẩm có sử dụng chất, hóa chất, kháng sinh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, phụ gia thực phẩm hoặc chất hỗ trợ chế biến thực phẩm chưa được phép sử dụng hoặc chưa được phép lưu hành tại Việt Nam trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm</p>	<p>Nam trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây ngộ độc ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của 201 người trở lên;</p> <p>c) Gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>d) Thực phẩm có sử dụng chất, hóa chất, kháng sinh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, phụ gia thực phẩm hoặc chất hỗ trợ chế biến thực phẩm cấm sử dụng hoặc ngoài danh mục được phép sử dụng trị giá 500.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính 300.000.000 đồng trở lên;</p> <p>đ) Thực phẩm có sử dụng nguyên liệu là động vật chết do bệnh, dịch bệnh hoặc động vật bị tiêu hủy trị giá 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>e) Thực phẩm có sử dụng chất, hóa chất, kháng sinh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, phụ gia thực phẩm hoặc chất hỗ trợ chế biến thực phẩm chưa được phép sử dụng hoặc chưa được phép lưu hành tại Việt Nam trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên.</p>	
--	---	--

đến 05 năm.	5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.	
Mục 4 CÁC TỘI PHẠM KHÁC XÂM PHẠM TRẬT TỰ CÔNG CỘNG		
Điều 318. Tội gây rối trật tự công cộng 1. Người nào gây rối trật tự công cộng gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: a) Có tổ chức; b) Dùng vũ khí, hung khí hoặc có hành vi phá phách; c) Gây cản trở giao thông nghiêm trọng hoặc gây đình trệ hoạt động công cộng; d) Xúi giục người khác gây rối; đ) Hành hung người can thiệp bảo vệ trật tự công cộng; e) Tái phạm nguy hiểm.	Điều 318. Tội gây rối trật tự công cộng 1. Người nào gây rối trật tự công cộng gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 10.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: a) Có tổ chức; b) Dùng vũ khí, hung khí hoặc có hành vi phá phách; c) Gây cản trở giao thông nghiêm trọng hoặc gây đình trệ hoạt động công cộng; d) Xúi giục người khác gây rối; đ) Hành hung người can thiệp bảo vệ trật tự công cộng; e) Tái phạm nguy hiểm. g) Sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông để phạm tội.	

	<p>Điều 318a. Tội thành lập hoặc tham gia tổ chức tội phạm</p> <p>1. Người nào thành lập hoặc tham gia tổ chức tội phạm thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000, cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 hoặc phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy hoặc điều hành tổ chức tội phạm;</p> <p>b) Lôi kéo, dụ dỗ, mua chuộc, cưỡng ép người khác tham gia tổ chức tội phạm;</p> <p>c) Sử dụng người chưa thành niên tham gia tổ chức tội phạm;</p> <p>d) Thành lập tổ chức tội phạm có từ 10 người đến dưới 50;</p> <p>đ) Có tính chất xuyên quốc gia;</p> <p>e) Với mục đích cho thuê, mượn, hoặc môi giới người để thực hiện hành vi phạm tội;</p> <p>g) Sử dụng vũ khí, hung khí, công cụ hỗ trợ, phương tiện điện tử, không gian mạng hoặc thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt để thành lập, duy trì, điều hành hoặc che giấu hoạt động của tổ chức tội phạm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000</p>	
--	---	--

	<p><i>hoặc phạt tù từ 05 năm đến 07 năm:</i></p> <p><i>a) Thành lập tổ chức tội phạm có từ 50 người trở lên;</i></p> <p><i>b) Tổ chức tội phạm đã thực hiện một hoặc nhiều tội phạm.</i></p>	
<p>Điều 319. Tội xâm phạm thi thể, mồ mả, hài cốt</p> <p>1. Người nào đào, phá mồ mả, chiếm đoạt những đồ vật để ở trong mộ, trên mộ hoặc có hành vi khác xâm phạm thi thể, mồ mả, hài cốt, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;</p> <p>b) Chiếm đoạt hoặc hủy hoại vật có giá trị lịch sử, văn hóa;</p> <p>c) Vì động cơ đê hèn;</p> <p>d) Chiếm đoạt bộ phận thi thể, hài cốt.</p>	<p>Điều 319. Tội xâm phạm thi thể, mồ mả, hài cốt</p> <p>1. Người nào đào, phá mồ mả, chiếm đoạt những đồ vật để ở trong mộ, trên mộ hoặc có hành vi khác xâm phạm thi thể, mồ mả, hài cốt, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;</p> <p>b) Chiếm đoạt hoặc hủy hoại vật có giá trị lịch sử, văn hóa;</p> <p>c) Vì động cơ đê hèn;</p> <p>d) Chiếm đoạt bộ phận thi thể, hài cốt.</p>	
<p>Điều 320. Tội hành nghề mê tín, dị đoan</p> <p>1. Người nào dùng bói toán, đồng bóng hoặc các hình thức mê tín, dị đoan khác đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p>	<p>Điều 320. Tội hành nghề mê tín, dị đoan</p> <p>1. Người nào dùng bói toán, đồng bóng hoặc các hình thức mê tín, dị đoan khác đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ</p>	

<p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 200.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.</p>	<p>06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 200.000.000 400.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng.</p>	
<p>Điều 321. Tội đánh bạc</p> <p>1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>b) Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc trị giá</p>	<p>Điều 321. Tội đánh bạc</p> <p>1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật, tài sản khác có trị giá từ 5.000.000 10.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 10.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 50.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p>	

<p>50.000.000 đồng trở lên; c) Sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội; d) Tái phạm nguy hiểm. 3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.</p>	<p>a) Có tính chất chuyên nghiệp; b) Tiền hoặc hiện vật, tài sản có giá trị khác dùng đánh bạc trị giá 50.000.000 đồng trở lên; c) Sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội; d) Tái phạm nguy hiểm. 3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng.</p>	
<p>Điều 322. Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc 1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: a) Tổ chức cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên hoặc tổ chức 02 chiều bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên; b) Sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu hoặc quản lý của mình để cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên hoặc cho 02 chiều bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số</p>	<p>Điều 322. Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc 1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến 300.000.000 600.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 03 năm đến 05 07 năm: a) Tổ chức cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 10.000.000 đồng trở lên hoặc tổ chức 02 chiều bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 10.000.000 đồng trở lên; b) Sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu hoặc quản lý của mình để cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 10.000.000 đồng trở lên hoặc cho</p>	<p>Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP chỉ quy định định nghĩa “đánh bạc trái phép” Gá bạc là cho người khác sử dụng địa điểm do mình quản lý, sử dụng để đánh bạc trái phép nhằm mục đích trục lợi.</p>

<p>tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên;</p> <p>d) Có tổ chức nơi cầm cố tài sản cho người tham gia đánh bạc; có lắp đặt trang thiết bị phục vụ cho việc đánh bạc hoặc phân công người canh gác, người phục vụ khi đánh bạc; sắp đặt lối thoát khi bị vây bắt, sử dụng phương tiện để trợ giúp cho việc đánh bạc;</p> <p>đ) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc hành vi quy định tại Điều 321 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 321 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 50.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử để phạm tội;</p> <p>d) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng</p>	<p>02 chiều bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 10.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000 40.000.000 đồng trở lên;</p> <p>d) Có tổ chức nơi cầm cố tài sản cho người tham gia đánh bạc; có lắp đặt trang thiết bị phục vụ cho việc đánh bạc hoặc phân công người canh gác, người phục vụ khi đánh bạc; sắp đặt lối thoát khi bị vây bắt, sử dụng phương tiện để trợ giúp cho việc đánh bạc;</p> <p>đ) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc hành vi quy định tại Điều 321 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 321 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 07 năm đến 10 15 năm:</p> <p>a) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 50.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử để phạm tội;</p> <p>d) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 40.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng hoặc tịch</p>	
--	--	--

hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.	thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.	
<p>Điều 323. Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có</p> <p>1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>c) Tài sản, vật phạm pháp trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng;</p> <p>d) Thu lợi bất chính từ 20.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;</p> <p>đ) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Tài sản, vật phạm pháp trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15</p>	<p>Điều 323. Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác <i>hành vi</i> phạm tội mà có</p> <p>1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác <i>thực hiện hành vi</i> phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>c) Tài sản, vật phạm pháp trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng;</p> <p>d) Thu lợi bất chính từ 20.000.000 40.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 200.000.000 đồng;</p> <p>đ) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Tài sản, vật phạm pháp trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Thu lợi bất chính từ 100.000.000</p>	

<p>năm:</p> <p>a) Tài sản, vật phạm pháp trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 300.000.000 đồng trở lên.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	<p>200.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 600.000.000 đồng.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Tài sản, vật phạm pháp trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 300.000.000 600.000.000 đồng trở lên.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 10.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	
<p>Điều 324. Tội rửa tiền</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào giao dịch tài chính, ngân hàng hoặc giao dịch khác nhằm che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tiền, tài sản do mình phạm tội mà có hoặc biết hay có cơ sở để biết là do người khác phạm tội mà có;</p> <p>b) Sử dụng tiền, tài sản do mình phạm tội mà có hoặc biết hay có cơ sở để biết là do người khác thực hiện hành vi phạm tội mà có vào việc tiến hành các hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động khác;</p> <p>c) Che giấu thông tin về nguồn gốc, bản chất thực sự, vị trí, quá trình di chuyển hoặc quyền sở hữu đối với tiền, tài sản do</p>	<p>Điều 324. Tội rửa tiền</p> <p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào giao dịch tài chính, ngân hàng hoặc giao dịch khác nhằm che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tiền, tài sản do mình phạm tội mà có hoặc biết hay có cơ sở để biết là do người khác phạm tội mà có;</p> <p>b) Sử dụng tiền, tài sản do mình phạm tội mà có hoặc biết hay có cơ sở để biết là do người khác thực hiện hành vi phạm tội mà có vào việc tiến hành các hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động khác;</p> <p>c) Che giấu thông tin về nguồn gốc, bản chất thực sự, vị trí, quá trình di chuyển hoặc quyền sở hữu đối với tiền, tài sản do mình</p>	

<p>mình phạm tội mà có hoặc biết hay có cơ sở để biết là do người khác phạm tội mà có hoặc cản trở việc xác minh các thông tin đó;</p> <p>d) Thực hiện một trong các hành vi quy định tại các điểm a, b và c khoản này đối với tiền, tài sản biết là có được từ việc chuyển dịch, chuyển nhượng, chuyển đổi tiền, tài sản do người khác thực hiện hành vi phạm tội mà có.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>c) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>d) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>đ) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;</p> <p>e) Tiền, tài sản phạm tội trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>g) Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;</p> <p>h) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Tiền, tài sản phạm tội trị giá 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên;</p>	<p>phạm tội mà có hoặc biết hay có cơ sở để biết là do người khác phạm tội mà có hoặc cản trở việc xác minh các thông tin đó;</p> <p>d) Thực hiện một trong các hành vi quy định tại các điểm a, b và c khoản này đối với tiền, tài sản biết là có được từ việc cho, tặng, chuyển dịch, chuyển nhượng, chuyển đổi, chuyển giao, gửi hoặc giao nhận, vận chuyển, chuyển tải, thay đổi tiền, tài sản do người khác thực hiện hành vi phạm tội mà có.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>c) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>d) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>đ) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;</p> <p>e) Tiền, tài sản phạm tội trị giá từ 200.000.000 400.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng;</p> <p>g) Thu lợi bất chính từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 200.000.000 đồng;</p> <p>h) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Tiền, tài sản phạm tội trị giá 500.000.000 1.000.000.000 đồng trở lên;</p>	
--	--	--

<p>c) Gây ảnh hưởng xấu đến an toàn hệ thống tài chính, tiền tệ quốc gia.</p> <p>4. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p> <p>6. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, c, d, đ, e, g và h khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 5.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 10.000.000.000 đồng đến 20.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 năm đến 03 năm;</p> <p>d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p> <p>đ) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến</p>	<p>b) Thu lợi bất chính 100.000.000 200.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Gây ảnh hưởng xấu đến an toàn hệ thống tài chính, tiền tệ quốc gia.</p> <p>4. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 40.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p> <p>6. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, c, d, đ, e, g và h khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 5.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 10.000.000.000 đồng đến 20.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 năm đến 03 năm;</p> <p>d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p>	
--	--	--

5.000.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.	đ) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.	
<p>Điều 325. Tội dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người dưới 18 tuổi phạm pháp</p> <p>1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Rủ rê, lôi kéo, mua chuộc, kích động hoặc xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội hoặc sống sa đọa;</p> <p>b) Đe dọa, uy hiếp, dùng vũ lực hoặc có hành vi khác ép buộc người dưới 18 tuổi phạm tội hoặc sống sa đọa;</p> <p>c) Chứa chấp người dưới 18 tuổi phạm pháp.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>c) Đối với người dưới 13 tuổi;</p> <p>d) Chứa chấp, rủ rê, lôi kéo, mua chuộc, kích động, xúi giục, đe dọa, uy hiếp, dùng vũ lực hoặc có hành vi khác ép buộc người dưới 18 tuổi thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;</p> <p>đ) Tái phạm nguy hiểm.</p>	<p>Điều 325. Tội dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người dưới 18 tuổi phạm pháp</p> <p>1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Rủ rê, lôi kéo, mua chuộc, kích động hoặc xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội hoặc sống sa đọa;</p> <p>b) Đe dọa, uy hiếp, dùng vũ lực hoặc có hành vi khác ép buộc người dưới 18 tuổi phạm tội hoặc sống sa đọa;</p> <p>c) Chứa chấp người dưới 18 tuổi phạm pháp.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 05 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>c) Đối với người dưới 13 tuổi;</p> <p>d) Chứa chấp, rủ rê, lôi kéo, mua chuộc, kích động, xúi giục, đe dọa, uy hiếp, dùng vũ lực hoặc có hành vi khác ép buộc người dưới 18 tuổi thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;</p> <p>đ) Tái phạm nguy hiểm.</p>	

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.	3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng.	
--	---	--

<p>Điều 325. Tội dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người dưới 18 tuổi phạm pháp</p> <p>1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Rủ rê, lôi kéo, mua chuộc, kích động hoặc xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội hoặc sống sa đọa;</p> <p>b) Đe dọa, uy hiếp, dùng vũ lực hoặc có hành vi khác ép buộc người dưới 18 tuổi phạm tội hoặc sống sa đọa;</p> <p>c) Chứa chấp người dưới 18 tuổi phạm pháp.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>c) Đối với người dưới 13 tuổi;</p> <p>d) Chứa chấp, rủ rê, lôi kéo, mua chuộc, kích động, xúi giục, đe dọa, uy hiếp, dùng vũ lực hoặc có hành vi khác ép buộc người dưới 18 tuổi thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;</p> <p>đ) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền</p>	<p>Điều 325. Tội dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người dưới 18 tuổi phạm pháp</p> <p>1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Rủ rê, lôi kéo, mua chuộc, kích động hoặc xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội hoặc sống sa đọa;</p> <p>b) Đe dọa, uy hiếp, dùng vũ lực hoặc có hành vi khác ép buộc người dưới 18 tuổi phạm tội hoặc sống sa đọa;</p> <p>c) Chứa chấp người dưới 18 tuổi phạm pháp.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 05 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>c) Đối với người dưới 13 tuổi;</p> <p>d) Chứa chấp, rủ rê, lôi kéo, mua chuộc, kích động, xúi giục, đe dọa, uy hiếp, dùng vũ lực hoặc có hành vi khác ép buộc người dưới 18 tuổi thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;</p> <p>đ) Tái phạm nguy hiểm.</p>	
---	---	--

từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.	3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng.	
<p>Điều 326. Tội truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy</p> <p>1. Người nào làm ra, sao chép, lưu hành, vận chuyển, mua bán, tàng trữ nhằm phổ biến sách, báo, tranh, ảnh, phim, nhạc hoặc những vật phẩm khác có nội dung khiêu dâm, đồi trụy hoặc hành vi khác truyền bá vật phẩm đồi trụy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Dữ liệu được số hóa có dung lượng từ 01 gigabyte (GB) đến dưới 05 gigabyte (GB);</p> <p>b) Ảnh có số lượng từ 100 ảnh đến dưới 200 ảnh;</p> <p>c) Sách in, báo in hoặc vật phẩm khác có số lượng từ 50 đơn vị đến dưới 100 đơn vị;</p> <p>d) Phổ biến cho từ 10 người đến 20 người;</p> <p>đ) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Dữ liệu được số hóa có dung lượng từ</p>	<p>Điều 326. Tội truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy</p> <p>1. Người nào làm ra, sao chép, lưu hành, vận chuyển, mua bán, tàng trữ nhằm phổ biến sách, báo, tranh, ảnh, phim, nhạc hoặc những vật phẩm khác có nội dung khiêu dâm, đồi trụy hoặc hành vi khác truyền bá vật phẩm đồi trụy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Dữ liệu được số hóa có dung lượng từ 01 gigabyte (GB) đến dưới 05 gigabyte (GB);</p> <p>b) Ảnh có số lượng từ 100 ảnh đến dưới 200 ảnh;</p> <p>c) Sách in, báo in hoặc vật phẩm khác có số lượng từ 50 đơn vị đến dưới 100 đơn vị;</p> <p>d) Phổ biến cho từ 10 người đến 20 người;</p> <p>đ) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường</p>	

<p>05 gigabyte (GB) đến dưới 10 gigabyte (GB);</p> <p>c) Ảnh có số lượng từ 200 ảnh đến dưới 500 ảnh;</p> <p>d) Sách in, báo in hoặc vật phẩm khác có số lượng từ 100 đơn vị đến dưới 200 đơn vị;</p> <p>đ) Phổ biến cho từ 21 người đến 100 người;</p> <p>e) Phổ biến cho người dưới 18 tuổi;</p> <p>g) Sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử để phạm tội;</p> <p>h) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Dữ liệu được số hóa có dung lượng 10 gigabyte (GB) trở lên;</p> <p>b) Ảnh có số lượng 500 ảnh trở lên;</p> <p>c) Sách in, báo in hoặc vật phẩm khác có số lượng 200 đơn vị trở lên;</p> <p>d) Phổ biến cho 101 người trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Dữ liệu được số hóa có dung lượng từ 05 gigabyte (GB) đến dưới 10 gigabyte (GB);</p> <p>c) Ảnh có số lượng từ 200 ảnh đến dưới 500 ảnh;</p> <p>d) Sách in, báo in hoặc vật phẩm khác có số lượng từ 100 đơn vị đến dưới 200 đơn vị;</p> <p>đ) Phổ biến cho từ 21 người đến 100 người;</p> <p>e) Phổ biến cho người dưới 18 tuổi;</p> <p>g) Sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử để phạm tội;</p> <p>h) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Dữ liệu được số hóa có dung lượng 10 gigabyte (GB) trở lên;</p> <p>b) Ảnh có số lượng 500 ảnh trở lên;</p> <p>c) Sách in, báo in hoặc vật phẩm khác có số lượng 200 đơn vị trở lên;</p> <p>d) Phổ biến cho 101 người trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 20.000.000 đồng đến 30.000.000 120.000.000 đồng, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01</p>	
---	--	--

	năm đến 05 năm.	
<p>Điều 327. Tội chứa mại dâm</p> <p>1. Người nào chứa mại dâm, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Cường bức mại dâm;</p> <p>c) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>d) Chứa mại dâm 04 người trở lên;</p> <p>đ) Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi;</p> <p>e) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của người bán dâm mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p> <p>g) Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;</p> <p>h) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;</p> <p>b) Thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>c) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của người bán dâm mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20</p>	<p>Điều 327. Tội chứa mại dâm</p> <p>1. Người nào chứa mại dâm, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Cường bức mại dâm;</p> <p>c) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>d) Chứa mại dâm 04 người bán dâm trở lên;</p> <p>đ) Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi;</p> <p>e) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của người bán dâm mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p> <p>g) Thu lợi bất chính từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 400.000.000 đồng;</p> <p>h) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;</p> <p>b) Thu lợi bất chính từ 200.000.000 400.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của người bán dâm mà tỷ lệ tổn thương cơ thể</p>	

<p>năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Đối với 02 người trở lên từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Cưỡng bức mại dâm dẫn đến người đó chết hoặc tự sát.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	<p>61% trở lên.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Đối với 02 người trở lên từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 500.000.000 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Cưỡng bức mại dâm dẫn đến người đó chết hoặc tự sát.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, phạt quản chế từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	
<p>Điều 328. Tội môi giới mại dâm</p> <p>1. Người nào làm trung gian dụ dỗ, dẫn dắt để người khác thực hiện việc mua dâm, bán dâm, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi;</p> <p>b) Có tổ chức;</p> <p>c) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>d) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>đ) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>e) Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>g) Tái phạm nguy hiểm.</p>	<p>Điều 328. Tội môi giới mại dâm</p> <p>1. Người nào làm trung gian dụ dỗ, dẫn dắt để người khác thực hiện việc mua dâm, bán dâm, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi;</p> <p>b) Có tổ chức;</p> <p>c) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>d) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>đ) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>e) Thu lợi bất chính từ 100.000.000 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000</p>	

<p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.</p>	<p>1.000.000.000 đồng;</p> <p>g) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p><i>h) Sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội.</i></p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 500.000.000 1.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng.</p>	
<p>Điều 329. Tội mua dâm người dưới 18 tuổi</p> <p>1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mua dâm người dưới 18 tuổi trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 142 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Mua dâm 02 lần trở lên;</p> <p>b) Mua dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;</p> <p>c) Gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp</p>	<p>Điều 329. Tội mua dâm người dưới 18 tuổi</p> <p>1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mua dâm người dưới 18 tuổi trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 142 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Mua dâm 02 lần trở lên;</p> <p>b) Mua dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;</p> <p>c) Gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%.</p>	

<p>sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;</p> <p>b) Gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.</p>	<p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;</p> <p>b) Gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng.</p>	
<p>Chương XXII CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH</p>		
<p>Điều 330. Tội chống người thi hành công vụ</p> <p>1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Xúi giục, lôi kéo, kích động người khác phạm tội;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản 50.000.000 đồng trở lên;</p> <p>đ) Tái phạm nguy hiểm.</p>	<p>Điều 330. Tội chống người thi hành công vụ</p> <p>1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng 01 năm đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Xúi giục, lôi kéo, kích động người khác phạm tội;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản 50.000.000 đồng trở lên;</p> <p>đ) Tái phạm nguy hiểm.</p>	<p>- Tăng nặng hình phạt để tăng tính răn đe, giáo dục khi tội phạm chống người thi hành công vụ không có xu hướng giảm.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến C01.</p>

<p>Điều 331. Tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân</p> <p>1. Người nào lợi dụng các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tôn giáo, tự do hội họp, lập hội và các quyền tự do dân chủ khác xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p>	<p>Điều 331. Tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân</p> <p>1. Người nào lợi dụng các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tôn giáo, tự do hội họp, lập hội và các quyền tự do dân chủ khác xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm.</p>	
<p>Điều 332. Tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự</p> <p>1. Người nào không chấp hành đúng quy định của pháp luật về đăng ký nghĩa vụ quân sự, không chấp hành lệnh gọi nhập ngũ, lệnh gọi tập trung huấn luyện, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Tự gây thương tích hoặc gây tổn hại cho</p>	<p>Điều 332. Tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự, <i>nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân</i></p> <p>1. Người nào <i>không chấp hành quyết định gọi khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự, quyết định gọi công dân khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân, quyết định gọi nhập ngũ, quyết định gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân, quyết định gọi tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu</i> đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án</p>	

<p>sức khỏe của mình; b) Phạm tội trong thời chiến; c) Lôi kéo người khác phạm tội.</p>	<p>tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 02 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Tự gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của mình để trốn tránh nghĩa vụ; b) Phạm tội trong thời chiến; c) Lôi kéo người khác phạm tội.</p>	
<p>Điều 333. Tội không chấp hành lệnh gọi quân nhân dự bị nhập ngũ</p> <p>1. Người nào là quân nhân dự bị mà không chấp hành lệnh gọi nhập ngũ trong trường hợp có lệnh tổng động viên, lệnh động viên cục bộ, có chiến tranh hoặc có nhu cầu tăng cường cho lực lượng thường trực của quân đội để chiến đấu bảo vệ địa phương, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Tự gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của mình; b) Lôi kéo người khác phạm tội.</p>	<p>Điều 333. Tội không chấp hành lệnh gọi quân nhân dự bị nhập ngũ</p> <p>1. Người nào là quân nhân dự bị mà không chấp hành lệnh gọi nhập ngũ trong trường hợp có lệnh tổng động viên, lệnh động viên cục bộ, có chiến tranh hoặc có nhu cầu tăng cường cho lực lượng thường trực của quân đội để chiến đấu bảo vệ địa phương, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Tự gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của mình; b) Lôi kéo người khác phạm tội.</p>	
<p>Điều 334. Tội làm trái quy định về việc thực hiện nghĩa vụ quân sự</p>	<p>Điều 334. Tội làm trái quy định về việc thực hiện nghĩa vụ quân sự</p>	

<p>1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái quy định về đăng ký nghĩa vụ quân sự, gọi nhập ngũ, gọi tập trung huấn luyện, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội trong thời chiến, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái quy định về đăng ký nghĩa vụ quân sự, gọi nhập ngũ, gọi tập trung huấn luyện, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội trong thời chiến, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 335. Tội cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự</p> <p>1. Người nào cố ý cản trở việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, gọi nhập ngũ, gọi tập trung huấn luyện, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội trong trường hợp lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc trong thời chiến, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.</p>	<p>Điều 335. Tội cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự</p> <p>1. Người nào cố ý cản trở việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, gọi nhập ngũ, gọi tập trung huấn luyện, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội trong trường hợp lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc trong thời chiến, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 336. Tội đăng ký hộ tịch trái pháp luật</p> <p>1. Người nào có nhiệm vụ, quyền hạn mà thực hiện việc đăng ký, cấp giấy tờ về hộ tịch trái pháp luật, đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.</p>	<p>Điều 336. Tội đăng ký hộ tịch trái pháp luật</p> <p>1. Người nào có nhiệm vụ, quyền hạn mà thực hiện việc đăng ký, cấp giấy tờ về hộ tịch trái pháp luật, đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.</p>	

<p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Đăng ký, cấp giấy tờ về hộ tịch trái pháp luật cho 02 người trở lên;</p> <p>b) Giấy tờ về hộ tịch đã được cấp, đăng ký trái pháp luật được sử dụng để thực hiện hành vi trái pháp luật.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Đăng ký, cấp giấy tờ về hộ tịch trái pháp luật cho 02 người trở lên;</p> <p>b) Giấy tờ về hộ tịch đã được cấp, đăng ký trái pháp luật được sử dụng để thực hiện hành vi trái pháp luật.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 337. Tội cố ý làm lộ bí mật nhà nước; tội chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy vật hoặc tài liệu bí mật nhà nước</p> <p>1. Người nào cố ý làm lộ bí mật nhà nước, chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy vật hoặc tài liệu bí mật nhà nước, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 110 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Bí mật nhà nước thuộc độ tối mật;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>c) Gây tổn hại về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế, văn hóa.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p>	<p>Điều 337. Tội cố ý làm lộ bí mật nhà nước; tội chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy vật hoặc tài liệu bí mật nhà nước</p> <p>1. Người nào cố ý làm lộ bí mật nhà nước, chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy vật hoặc tài liệu trái phép tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước</p> <p>1. Người nào cố ý làm lộ bí mật nhà nước, chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy vật hoặc tài liệu trái phép tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 110 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Bí mật nhà nước thuộc độ tối mật;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>c) Gây tổn hại về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế, văn hóa.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến</p>	

<p>b) Bí mật nhà nước thuộc độ tuyệt mật; c) Phạm tội 02 lần trở lên; d) Gây tổn hại về chế độ chính trị, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. 4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>15 năm: a) Có tổ chức; b) Bí mật nhà nước thuộc độ tuyệt mật; c) Phạm tội 02 lần trở lên; d) Gây tổn hại về chế độ chính trị, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. 4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 10.000.000 đồng đến 100.000.000 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 338. Tội vô ý làm lộ bí mật nhà nước; tội làm mất vật, tài liệu bí mật nhà nước 1. Người nào vô ý làm lộ bí mật nhà nước hoặc làm mất vật, tài liệu bí mật nhà nước, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: a) Bí mật nhà nước thuộc độ tối mật, tuyệt mật; b) Gây tổn hại về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế, văn hóa, chế độ chính trị, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. 3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm</p>	<p>Điều 338. Tội vô ý làm lộ bí mật nhà nước; tội làm mất vật, tài liệu bí mật nhà nước; tội làm mất vật, tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước 1. Người nào vô ý làm lộ bí mật nhà nước hoặc làm mất vật, tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm: a) Bí mật nhà nước thuộc độ tối mật, tuyệt mật; b) Gây tổn hại về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế, văn hóa, chế độ chính trị, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. 3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm</p>	

công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.	nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.	
Điều 339. Tội giả mạo chức vụ, cấp bậc, vị trí công tác Người nào giả mạo chức vụ, cấp bậc, vị trí công tác thực hiện hành vi trái pháp luật nhưng không nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.	Điều 339. Tội giả mạo chức vụ, cấp bậc, vị trí công tác Người nào giả mạo chức vụ, cấp bậc, vị trí công tác thực hiện hành vi trái pháp luật nhưng không nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.	
Điều 340. Tội sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức 1. Người nào sửa chữa, làm sai lệch nội dung hộ chiếu, thị thực, hộ khẩu, hộ tịch, các loại giấy chứng nhận hoặc tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng giấy tờ đó thực hiện tội phạm hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm: a) Phạm tội 02 lần trở lên; b) Sử dụng giấy tờ, tài liệu đã bị sửa chữa hoặc làm sai lệch thực hiện tội phạm rất	Điều 340. Tội sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức 1. Người nào sửa chữa, làm sai lệch nội dung hộ chiếu, thị thực, hộ khẩu, hộ tịch, các loại giấy chứng nhận hoặc tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng giấy tờ đó thực hiện tội phạm hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 05 năm: a) Phạm tội 02 lần trở lên; b) Sử dụng giấy tờ, tài liệu đã bị sửa chữa	- Khắc phục tình trạng gổì khung hình phạt

<p>ng nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>hoặc làm sai lệch thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 341. Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức</p> <p>1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Làm từ 02 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác;</p> <p>d) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng;</p> <p>đ) Thu lợi bất chính từ 10.000.000 đồng</p>	<p>Điều 341. Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức</p> <p>1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức; hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 60.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Làm từ 02 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác;</p> <p>d) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng;</p>	<p>- Đây là tội danh ghép của 02 hành vi độc lập cấu thành 02 tội danh độc lập, dùng từ “hoặc” dẫn đến cách hiểu hành vi làm giả con dấu, tài liệu bắt buộc phải có thực hiện hành vi trái pháp luật là không phù hợp với quy định của tội danh. Do hành vi “làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức” đã cấu thành tội phạm, không cần phải gắn với hành vi “sử dụng... để thực hiện hành vi trái pháp luật”.</p> <p>- Khắc phục tình trạng gộp khung hình phạt</p>

<p>đến dưới 50.000.000 đồng; e) Tái phạm nguy hiểm. 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm: a) Làm 06 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên; b) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; c) Thu lợi bất chính 50.000.000 đồng trở lên. 4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.</p>	<p>đ) Thu lợi bất chính từ 10.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng; e) Tái phạm nguy hiểm. 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 05 năm đến 07 năm: a) Làm 06 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên; b) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; c) Thu lợi bất chính 50.000.000 đồng trở lên. 4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. 5. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.</p>	
<p>Điều 342. Tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức 1. Người nào chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy trái phép con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức không thuộc tài liệu bí mật nhà nước hoặc bí mật công tác, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp</p>	<p>Điều 342. Tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức 1. Người nào chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy trái phép con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức không thuộc tài liệu bí mật nhà nước hoặc bí mật công tác, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 10.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p>	

<p>sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 10.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Để thực hiện hành vi trái pháp luật;</p> <p>d) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 10.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Để thực hiện hành vi trái pháp luật;</p> <p>d) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 10.000.000 đồng đến 20.000.000 40.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 343. Tội vi phạm các quy định về quản lý nhà ở</p> <p>1. Người nào chiếm dụng chỗ ở, xây dựng nhà trái phép, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>Nhà ở, công trình xây dựng trái phép có thể bị dỡ bỏ, trưng mua hoặc tịch thu.</p> <p>2. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.</p>	<p>Điều 343. Tội vi phạm các quy định về quản lý nhà ở</p> <p>1. Người nào chiếm dụng chỗ ở, xây dựng nhà trái phép, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>Nhà ở, công trình xây dựng trái phép có thể bị dỡ bỏ, trưng mua hoặc tịch thu.</p> <p>2. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 10.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng.</p>	<p>- Đề xuất tăng mức phạt tiền vì khoản tại Điều 16 Nghị định số 16/2022/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng, mức phạt tiền với hành vi xây dựng nhà riêng lẻ tối đa là 80.000.000 đồng, với công trình có yêu cầu phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng là 500.000.000 đồng.</p>
<p>Điều 344. Tội vi phạm quy định về hoạt động xuất bản</p> <p>1. Người nào vi phạm quy định về hoạt</p>	<p>Điều 344. Tội vi phạm quy định về hoạt động xuất bản</p> <p>1. Người nào vi phạm quy định về hoạt</p>	<p>Nghị định số 119/2020/NĐ-CP hợp nhất quy định nhiều hành vi có thể hình sự hóa, đề xuất nghiên cứu ý kiến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để</p>

<p>động xuất bản thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) In 2.000 bản trở lên đối với từng xuất bản phẩm mà không có quyết định xuất bản, không có giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh hoặc không có bản thảo đã được ký duyệt theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Xuất bản, in hoặc phát hành xuất bản phẩm đã bị đình chỉ phát hành, bị thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy hoặc nhập khẩu trái phép với số lượng 500 bản trở lên đối với từng xuất bản phẩm;</p> <p>c) Xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử có nội dung bị cấm, không có quyết định xuất bản hoặc không có bản thảo đã được ký duyệt theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Thay đổi, làm sai lệch nội dung bản thảo đã được ký duyệt hoặc bản thảo tài liệu không kinh doanh đã có dấu của cơ quan cấp giấy phép xuất bản để xuất bản bản thảo có nội dung bị cấm theo quy định của Luật Xuất bản;</p> <p>c) Phát hành xuất bản phẩm có nội dung bị</p>	<p>động xuất bản thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 20.000.000 40.000.000 đồng đến 200.000.000 400.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) In 2.000 bản trở lên đối với từng xuất bản phẩm mà không có quyết định xuất bản, không có giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh hoặc không có bản thảo đã được ký duyệt theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Xuất bản, in hoặc phát hành xuất bản phẩm đã bị đình chỉ phát hành, bị thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy hoặc nhập khẩu trái phép với số lượng 500 bản trở lên đối với từng xuất bản phẩm;</p> <p>c) Xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử có nội dung bị cấm, không có quyết định xuất bản hoặc không có bản thảo đã được ký duyệt theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Thay đổi, làm sai lệch nội dung bản thảo đã được ký duyệt hoặc bản thảo tài liệu không kinh doanh đã có dấu của cơ quan cấp giấy phép xuất bản để xuất bản bản thảo có nội dung bị cấm theo quy</p>	hoàn thiện
---	---	------------

<p>cấm theo quy định của Luật Xuất bản.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>định của Luật Xuất bản;</p> <p>c) Phát hành xuất bản phẩm có nội dung bị cấm theo quy định của Luật Xuất bản.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 20.000.000 đồng đến 100.000.000 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 345. Tội vi phạm các quy định về bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam, thắng cảnh gây hậu quả nghiêm trọng</p> <p>1. Người nào vi phạm các quy định về bảo vệ và sử dụng các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam, thắng cảnh, gây hư hại di tích lịch sử - văn hóa, danh lam, thắng cảnh có giá trị từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; hủy hoại, làm thay đổi yếu tố gốc cấu thành di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh cấp tỉnh hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội trong trường hợp gây hư hại di tích lịch sử - văn hóa, danh lam, thắng cảnh có giá trị từ 500.000.000 đồng trở lên hoặc</p>	<p>Điều 345. Tội vi phạm các quy định về bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam, thắng cảnh gây hậu quả nghiêm trọng</p> <p>1. Người nào vi phạm các quy định về bảo vệ và sử dụng các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam, thắng cảnh, gây hư hại di tích lịch sử - văn hóa, danh lam, thắng cảnh có giá trị từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; hủy hoại, làm thay đổi yếu tố gốc cấu thành di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh cấp tỉnh hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội trong trường hợp gây hư hại di tích lịch sử - văn hóa, danh lam, thắng</p>	<p>- Luật Di sản văn hóa, Nghị định Nghị định 38/2021/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo sử dụng cụm từ “danh lam thắng cảnh”; sử dụng cụm từ “di sản văn hóa” để bao quát chung di sản, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật...</p> <p>- Luật và Nghị định nêu trên quy định nhiều hành vi với các đối tượng khác nhau như di sản văn hóa, di tích, khảo cổ, di vật... do đó đề xuất sửa tên Điều thành “Tội vi phạm các quy định về di sản văn hóa gây hậu quả nghiêm trọng” và xin ý kiến của Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch.</p>

hủy hoại, làm thay đổi yếu tố gốc cấu thành di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh cấp quốc gia hoặc cấp quốc gia đặc biệt, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.	cảnh có giá trị từ 500.000.000 đồng trở lên hoặc hủy hoại, làm thay đổi yếu tố gốc cấu thành di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh cấp quốc gia hoặc cấp quốc gia đặc biệt, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.	
<p>Điều 346. Tội vi phạm quy chế về khu vực biên giới</p> <p>1. Người nào vi phạm quy định về cư trú, đi lại hoặc các quy định khác về khu vực biên giới, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Tái phạm nguy hiểm hoặc phạm tội gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội khu vực biên giới, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>Điều 346. Tội vi phạm quy chế về khu vực biên giới</p> <p>1. Người nào vi phạm quy định về cư trú, đi lại hoặc các quy định khác về khu vực biên giới, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 10.000.000 đồng đến 100.000.000 100.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Tái phạm nguy hiểm hoặc phạm tội gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội khu vực biên giới, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 10.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 347. Tội vi phạm quy định về xuất cảnh, nhập cảnh; tội ở lại Việt Nam trái phép</p> <p>Người nào xuất cảnh, nhập cảnh trái phép hoặc ở lại Việt Nam trái phép, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà</p>	<p>Điều 347. Tội vi phạm quy định về xuất cảnh, nhập cảnh; tội ở lại Việt Nam trái phép</p> <p>1. Người nào xuất cảnh, nhập cảnh trái phép hoặc ở lại Việt Nam trái phép, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong</p>	

<p>còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p>	<p><i>các</i> hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 10.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Người thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này do bị cưỡng ép thì không phải chịu trách nhiệm hình sự.</p>	
<p>Điều 348. Tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép</p> <p>1. Người nào vì vụ lợi mà tổ chức hoặc môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Đối với từ 05 người đến 10 người;</p> <p>d) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>đ) Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>e) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Đối với 11 người trở lên;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Làm chết người.</p>	<p>Điều 348. Tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép</p> <p>1. Người nào vì vụ lợi mà tổ chức hoặc môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Đối với từ 05 người đến 10 20 người;</p> <p>d) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>đ) Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>e) Tái phạm nguy hiểm-;</p> <p>g) Làm người được tổ chức, môi giới lâm vào tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Đối với 11 21 người trở lên;</p>	

<p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>b) Thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên; c) Làm chết người; d) <i>Đổi xử tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục phẩm giá người được tổ chức, môi giới.</i> 4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. 5. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.</p>	
<p>Điều 349. Tội tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép 1. Người nào tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 120 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm: a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; b) Phạm tội 02 lần trở lên; c) Đối với từ 05 người đến 10 người; d) Có tính chất chuyên nghiệp; đ) Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p>	<p>Điều 349. Tội tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép 1. Người nào <i>vì vụ lợi mà</i> tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 120 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm: a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; b) Phạm tội 02 lần trở lên; c) Đối với từ 05 người đến 40 20 người; d) Có tính chất chuyên nghiệp; đ) Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng</p>	

<p>e) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Đối với 11 người trở lên;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Làm chết người.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>e) Tái phạm nguy hiểm-;</p> <p><i>g) Làm người được tổ chức, môi giới lâm vào tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe.</i></p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Đối với 11 21 người trở lên;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Làm chết người-;</p> <p><i>d) Đối xử tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục nhân phẩm người được tổ chức, môi giới.</i></p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p><i>5. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.</i></p>	
--	---	--

<p>Điều 350. Tội cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép</p> <p>1. Người nào cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 120 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên; b) Đối với từ 05 người đến 10 người; c) Có tính chất chuyên nghiệp; d) Vì động cơ đê hèn; đ) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Đối với 11 người trở lên; b) Làm chết người.</p>	<p>Điều 350. Tội cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép</p> <p>1. Người nào cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 120 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên; b) Đối với từ 05 người đến 10 20 người; c) Có tính chất chuyên nghiệp; d) Vì động cơ đê hèn; đ) Tái phạm nguy hiểm-;</p> <p><i>g) Làm người bị cưỡng ép lâm vào tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe.</i></p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Đối với 11 21 người trở lên; b) Làm chết người-;</p> <p><i>c) Đối xử tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục nhân phẩm người bị cưỡng ép.</i></p>	
<p>Điều 351. Tội xúc phạm Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca</p> <p>Người nào cố ý xúc phạm Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ</p>	<p>Điều 351. Tội xúc phạm Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca, <i>Đảng</i> kỳ</p> <p>Người nào cố ý xúc phạm Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca, <i>Đảng</i> kỳ, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến 03 năm</p>	<p>Khoản 6 Điều 34 Nghị định 38/2021/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo quy định phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo gây ảnh hưởng xấu đến sự tôn nghiêm đối với Quốc</p>

06 tháng đến 03 năm.	hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.	kỳ, Quốc huy, Quốc ca, Đăng ký ;
Chương XXIII. Các tội phạm về chức vụ		
Điều 352. Khái niệm tội phạm về chức vụ 1. Các tội phạm về chức vụ là những hành vi xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức do người có chức vụ thực hiện trong khi thực hiện công vụ, nhiệm vụ. 2. Người có chức vụ là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện một nhiệm vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện công vụ, nhiệm vụ.	Điều 352. Khái niệm tội phạm về chức vụ 1. Các tội phạm về chức vụ là những hành vi xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức do người có chức vụ, quyền hạn thực hiện trong khi thực hiện công vụ, nhiệm vụ. 2. Người có chức vụ, quyền hạn là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện một nhiệm vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện công vụ, nhiệm vụ.	Hiện nay, Luật Phòng, chống tham nhũng quy định về “Người có chức vụ, quyền hạn”, tuy nhiên, Bộ luật Hình sự chỉ quy định về “người có chức vụ” là chưa đầy đủ, chưa thống nhất, do đó, cần thiết phải bổ sung từ “quyền hạn” sau từ “chức vụ” để bảo đảm thống nhất và đầy đủ.
Mục 1. CÁC TỘI PHẠM THAM NHỮNG	Mục 1. CÁC TỘI PHẠM THAM NHỮNG	Việc chia Mục 1 và Mục 2 tại Chương này là phù hợp và không cần thiết, vì: 1. Theo Luật Phòng, chống tham nhũng thì hành vi đưa hối lộ, môi giới hối lộ được coi là hành vi tham nhũng. Bên cạnh đó Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng cũng coi hành vi đưa hối lộ, môi giới hối lộ là hành vi tham nhũng, tuy nhiên, các tội danh đưa hối lộ và môi giới hối lộ lại không được thiết kế ở Mục 1 (Các tội phạm về tham nhũng) mà lại được quy định ở Mục 2 (Các tội phạm khác về chức vụ), do đó, chưa có sự thống nhất trong hệ thống pháp luật, cũng như chưa bảo đảm tính tương thích giữa pháp luật trong nước với các điều ước quốc tế.

		2. Bản chất các tội phạm về tham nhũng và các tội phạm khác về chức vụ đều là các tội phạm có liên quan đến người có chức vụ, do đó, không cần thiết phải phân chia thành 02 mục tại Chương này để bảo đảm tính logic.
<p>Điều 353. Tội tham ô tài sản</p> <p>1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm;</p> <p>b) Đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục 1 Chương này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;</p> <p>c) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>d) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>đ) Chiếm đoạt tiền, tài sản dùng vào mục đích xóa đói, giảm nghèo; tiền, phụ cấp, trợ cấp, ưu đãi đối với người có công với cách mạng; các loại quỹ dự phòng hoặc các loại tiền, tài sản trợ cấp, quyền góp cho những</p>	<p>Điều 353. Tội tham ô tài sản</p> <p>1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 10.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 500.000.000 đồng hoặc từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm;</p> <p>b) Đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục 1 Chương này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;</p> <p>c) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>d) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 500.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 1.000.000.000 đồng;</p> <p>đ) Chiếm đoạt tiền, tài sản dùng vào mục đích xóa đói, giảm nghèo; tiền, phụ cấp,</p>	<p>Đề xuất của C03:</p> <p>Khoản 1. Người nào có trách nhiệm hoặc tham gia hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư mà cố ý thực hiện một trong các hành vi sau đây làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư hoặc gây thiệt hại từ 01 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Thông thầu, dàn xếp, thỏa thuận hoặc cấu kết nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;</p> <p>b) Can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu nhằm tạo lợi thế hoặc gây bất lợi cho tổ chức, cá nhân tham gia đấu thầu;</p> <p>c) Cung cấp, tiết lộ, trao đổi trái phép thông tin thuộc hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, dữ liệu đấu thầu hoặc thông tin mật trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;</p> <p>d) Lập, sử dụng hồ sơ, tài liệu, chứng cứ, dữ liệu điện tử giả mạo hoặc sai sự thật trong hoạt động đấu thầu;</p> <p>đ) Gian lận trong đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm định, phê duyệt hoặc công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;</p> <p>e) Chia tách dự án, gói thầu hoặc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trái quy định nhằm né tránh đấu thầu cạnh tranh;</p>

<p>vùng bị thiên tai, dịch bệnh hoặc các vùng kinh tế đặc biệt khó khăn;</p> <p>e) Gây thiệt hại về tài sản từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng;</p> <p>g) Ảnh hưởng xấu đến đời sống của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, tổ chức.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng; b) Gây thiệt hại về tài sản từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;</p> <p>d) Dẫn đến doanh nghiệp hoặc tổ chức khác bị phá sản hoặc ngừng hoạt động.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Gây thiệt hại về tài sản 5.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p> <p>6. Người có chức vụ, quyền hạn trong các</p>	<p>trợ cấp, ưu đãi đối với người có công với cách mạng những người thuộc diện ưu đãi theo chính sách của Nhà nước; các loại quỹ dự phòng hoặc các loại tiền, tài sản trợ cấp, quyền góp cho những vùng bị thiên tai, dịch bệnh hoặc các vùng kinh tế đặc biệt khó khăn;</p> <p>e) Gây thiệt hại về tài sản từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng;</p> <p>g) Ảnh hưởng xấu đến đời sống của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, tổ chức;</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Gây thiệt hại về tài sản từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội</p> <p>d) Dẫn đến doanh nghiệp hoặc tổ chức khác bị phá sản hoặc ngừng hoạt động.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng trở</p>	<p>g) Lợi dụng đấu thầu qua mạng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, thuật toán hoặc công nghệ số để thao túng, cản trở hoặc làm sai lệch quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;</p> <p>h) Hành vi cố ý khác vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về đấu thầu làm sai lệch bản chất cạnh tranh, công bằng, minh bạch của hoạt động đấu thầu.</p> <p>Khoản 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>d) Vì vụ lợi;</p> <p>đ) Phạm tội đối với dự án quan trọng quốc gia, công trình trọng điểm quốc gia hoặc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, y tế, năng lượng, hạ tầng chiến lược;</p> <p>e) Gây thiệt hại từ 10 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng;</p> <p>g) Thực hiện hành vi thông thầu hoặc thao túng đấu thầu đối với từ hai gói thầu trở lên;</p> <p>h) Sử dụng công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn hoặc hệ thống mạng để thực hiện hành vi phạm tội.</p> <p>Khoản 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Gây thiệt hại từ 100 tỷ đồng trở lên;</p> <p>b) Gây thất thoát đặc biệt lớn tài sản, vốn hoặc ngân sách nhà nước;</p>
---	---	--

<p>doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước mà tham ô tài sản, thì bị xử lý theo quy định tại Điều này.</p>	<p>lên; b) Gây thiệt hại về tài sản 5.000.000.000 đồng trở lên. 5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. 6. Người có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước mà tham ô tài sản, thì bị xử lý theo quy định tại Điều này.</p>	<p>c) Gây ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng đến an ninh kinh tế, an ninh tài chính quốc gia; d) Làm đình trệ, thất bại hoặc không thể thực hiện dự án, công trình đặc biệt quan trọng của quốc gia. Khoản 4. Người phạm tội còn có thể bị: a) Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 05 tỷ đồng; b) Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc liên quan đến đấu thầu từ 01 năm đến 10 năm; c) Tịch thu khoản thu lợi bất chính. Khoản 5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này thì bị: a) Phạt tiền từ 02 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng đối với trường hợp quy định tại khoản 1; b) Phạt tiền từ 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng đối với trường hợp quy định tại khoản 2; c) Phạt tiền từ 100 tỷ đồng đến 500 tỷ đồng hoặc đình chỉ hoạt động từ 06 tháng đến 05 năm đối với trường hợp quy định tại khoản 3; d) Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn nếu được thành lập chủ yếu để thực hiện hành vi phạm tội. Khoản 6. Điều luật này chỉ áp dụng đối với hành vi xâm phạm trực tiếp chế độ quản lý nhà nước về đấu thầu và nguyên tắc cạnh tranh, công bằng, minh bạch trong hoạt động đấu thầu. Trường hợp hành vi đồng thời có dấu hiệu của tội phạm khác thì áp dụng theo nguyên tắc sau: a) Nếu có hành vi chiếm đoạt tài sản thì áp dụng tội tham ô tài sản hoặc tội chiếm đoạt tương ứng; b) Nếu có hành vi nhận hối lộ, đưa hối lộ hoặc môi giới hối lộ thì áp dụng tội danh tương ứng;</p>
---	---	--

		<p>c) Nếu hành vi chủ yếu xâm phạm chế độ quản lý đầu tư công thì áp dụng Điều 220 của Bộ luật này;</p> <p>d) Nếu hành vi chủ yếu nhằm hạn chế cạnh tranh trên thị trường nói chung mà không gắn với hoạt động đấu thầu thì áp dụng tội vi phạm quy định về cạnh tranh;</p> <p>đ) Không xử lý đồng thời về tội này và tội vi phạm quy định về cạnh tranh đối với cùng một hành vi và cùng một khách thể bị xâm hại.</p>
<p>Điều 354. Tội nhận hối lộ</p> <p>1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn trực tiếp hoặc qua trung gian nhận hoặc sẽ nhận bất kỳ lợi ích nào sau đây cho chính bản thân người đó hoặc cho người hoặc tổ chức khác để làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm hoặc đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục 1 Chương này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>b) Lợi ích phi vật chất.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lạm dụng chức vụ, quyền hạn;</p>	<p>Điều 354. Tội nhận hối lộ</p> <p>1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn trực tiếp hoặc qua trung gian nhận hoặc sẽ nhận bất kỳ lợi ích nào sau đây cho chính bản thân người đó hoặc cho người hoặc tổ chức khác để làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 2.000.000 10.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 500.000.000 đồng hoặc từ 2.000.000 đồng đến dưới 2.000.000 8.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm hoặc đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục 1 Chương này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>b) Lợi ích phi vật chất.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p>	<p>Đề xuất của C03:</p> <p>Khoản 1. Người nào có chức vụ, quyền hạn trực tiếp hoặc thông qua người khác nhận, sẽ nhận hoặc chấp nhận nhận bất kỳ lợi ích vật chất hoặc lợi ích phi vật chất nào cho bản thân hoặc cho tổ chức, cá nhân khác để thực hiện, không thực hiện hoặc tác động đến việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo yêu cầu hoặc vì lợi ích của người đưa hối lộ thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm.</p> <p>Lợi ích quy định tại khoản này bao gồm:</p> <p>a) Tiền, tài sản, quyền tài sản;</p> <p>b) Cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu, chứng khoán hoặc công cụ tài chính khác;</p> <p>c) Quyền khai thác tài nguyên, quyền kinh doanh, quyền tiếp cận thị trường hoặc cơ hội đầu tư;</p> <p>d) Tài sản số, tài sản ảo hoặc lợi ích tài chính phát sinh trong tương lai;</p> <p>đ) Chức vụ, vị trí công tác, học hàm, học vị, danh hiệu hoặc lợi ích nghề nghiệp;</p> <p>e) Các lợi ích vật chất hoặc phi vật chất khác có thể lượng hóa hoặc xác định được giá trị.</p> <p>Khoản 2. Phạm tội thuộc một trong các trường</p>

<p>c) Của hồi lộ là tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng;</p> <p>đ) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>e) Biết rõ của hồi lộ là tài sản của Nhà nước;</p> <p>g) Đòi hồi lộ, sách nhiễu hoặc dùng thủ đoạn xảo quyệt.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Của hồi lộ là tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Gây thiệt hại về tài sản từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Của hồi lộ là tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Gây thiệt hại về tài sản 5.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	<p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lạm dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>c) Của hồi lộ là tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 100.000.000 400.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 2.000.000.000 đồng;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng;</p> <p>đ) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>e) Biết rõ của hồi lộ là tài sản của Nhà nước;</p> <p>g) Đòi hồi lộ, sách nhiễu hoặc dùng thủ đoạn xảo quyệt.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Của hồi lộ là tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 500.000.000 2.000.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 4.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Gây thiệt hại về tài sản từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Của hồi lộ là tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá 1.000.000.000 4.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Gây thiệt hại về tài sản 5.000.000.000</p>	<p>hợp sau đây thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn đặc biệt quan trọng;</p> <p>d) Nhận hồi lộ thông qua người trung gian, người thân thích, pháp nhân hoặc tổ chức trung gian;</p> <p>đ) Nhận hồi lộ để tác động đến hoạt động xây dựng, ban hành chính sách, pháp luật, quy hoạch, chiến lược phát triển hoặc quyết định quản lý nhà nước quan trọng;</p> <p>e) Nhận hồi lộ liên quan đến dự án quan trọng quốc gia, quốc phòng, an ninh, năng lượng, tài chính, ngân hàng hoặc hạ tầng chiến lược;</p> <p>g) Giá trị lợi ích nhận hồi lộ từ 01 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng;</p> <p>h) Thu lợi bất chính từ 01 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng;</p> <p>i) Gây thiệt hại từ 05 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng.</p> <p>Khoản 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Giá trị lợi ích nhận hồi lộ từ 10 tỷ đồng trở lên;</p> <p>b) Thu lợi bất chính từ 10 tỷ đồng trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại từ 50 tỷ đồng trở lên;</p> <p>d) Làm sai lệch nghiêm trọng chính sách, pháp luật hoặc quyết định quản lý nhà nước có phạm vi ảnh hưởng quốc gia;</p> <p>đ) Gây ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng đến an ninh quốc gia, an ninh kinh tế hoặc lợi ích công cộng đặc biệt quan trọng;</p>
---	---	---

<p>6. Người có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước mà nhận hối lộ, thì bị xử lý theo quy định tại Điều này.</p>	<p>đồng trở lên.</p> <p>5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p> <p>6. Người có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước mà nhận hối lộ, thì bị xử lý theo quy định tại Điều này.</p>	<p>e) Tái phạm đặc biệt nguy hiểm.</p> <p>Khoản 4. Người chuẩn bị phạm tội nhận hối lộ thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>Khoản 5. Người phạm tội còn có thể bị:</p> <p>a) Cấm đảm nhiệm chức vụ từ 05 năm đến 20 năm hoặc vĩnh viễn;</p> <p>b) Tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản;</p> <p>c) Phạt tiền từ 100 triệu đồng đến 20 tỷ đồng;</p> <p>d) Buộc hoàn trả toàn bộ khoản lợi ích nhận hối lộ và các khoản thu lợi phát sinh từ hành vi phạm tội.</p> <p>Khoản 6. Tội nhận hối lộ chỉ được áp dụng khi người có chức vụ, quyền hạn nhận hoặc chấp nhận lợi ích để đổi lấy việc thực hiện, không thực hiện hoặc tác động đến việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo yêu cầu hoặc lợi ích của người đưa hối lộ.</p> <p>Khoản 7. Không áp dụng Điều này trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Người có chức vụ, quyền hạn lợi dụng quyền quản lý tài sản để trực tiếp chiếm đoạt tài sản đang được giao quản lý thì áp dụng Tội tham ô tài sản;</p> <p>b) Người có chức vụ, quyền hạn sử dụng quyền lực để chiếm đoạt tài sản của người khác mà không có sự thỏa thuận trao đổi lợi ích thì áp dụng Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản;</p> <p>c) Người không có chức vụ, quyền hạn nhưng lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để nhận lợi ích thì áp dụng Tội lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi;</p> <p>d) Người có chức vụ, quyền hạn thực hiện hành vi trái công vụ vì động cơ vụ lợi nhưng không có việc</p>
---	---	--

		nhận hoặc thỏa thuận nhận lợi ích thì áp dụng tội danh chức vụ tương ứng; đ) Không xử lý đồng thời về Tội nhận hối lộ và tội phạm chức vụ khác đối với cùng một khoản lợi ích hối lộ.
<p>Điều 355. Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản</p> <p>1. Người nào lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 06 năm:</p> <p>a) Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm;</p> <p>b) Đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục 1 Chương này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 năm đến 13 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;</p> <p>c) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>d) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>đ) Gây thiệt hại về tài sản từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng;</p> <p>e) Chiếm đoạt tiền, tài sản dùng vào mục đích xóa đói, giảm nghèo; tiền, phụ cấp, trợ cấp, ưu đãi đối với người có công với cách</p>	<p>Điều 355. Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản</p> <p>1. Người nào lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 8.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 400.000.000 đồng hoặc từ 2.000.000 đồng đến dưới 2.000.000 8.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 06 năm:</p> <p>a) Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm;</p> <p>b) Đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục 1 Chương này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 năm đến 13 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;</p> <p>c) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>d) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 400.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 2.000.000.000 đồng;</p> <p>đ) Gây thiệt hại về tài sản từ 1.000.000.000 đồng đến dưới</p>	<p>1. Mức định lượng tối thiểu tại Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản là 02 triệu đồng, đây là mức định lượng được giữ nguyên từ Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), không phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội của đất nước, rất dễ dẫn đến hình sự hóa các hành vi mà mức độ gây thiệt hại là không đáng kể và hoàn toàn có thể xử lý bằng các biện pháp khác như kỷ luật hoặc hành chính. Trong khi đó, mức hình phạt ở khung cơ bản của tội danh này là tương đối nghiêm khắc (từ 01 năm đến 06 năm). Do đó, cần thiết phải nâng mức định lượng ở tội danh này để tránh hình sự hóa các hành vi không cần thiết, phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội; bảo đảm sự tương thích giữa tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi và hình phạt. Mức tăng là khoảng 4 lần để phù hợp với mức tăng của mức lương cơ sở và thu nhập bình quân đầu người của thời điểm hiện tại với thời điểm năm 2009 (tham khảo mức lương cơ sở tại thời điểm năm 2009 theo quy định tại Nghị định số 33/2009/NĐ-CP của Chính phủ và mức lương cơ sở tại thời điểm năm 2026 theo quy định của Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ).</p> <p>2. Điều d khoản 3 quy định về tình tiết định khung “Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội”, Đây là tình tiết định tính, trên thực tế</p>

<p>mạng; các loại quỹ dự phòng hoặc các loại tiền, tài sản trợ cấp, quyên góp cho những vùng bị thiên tai, dịch bệnh hoặc các vùng kinh tế đặc biệt khó khăn.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 13 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Gây thiệt hại về tài sản từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Dẫn đến doanh nghiệp hoặc tổ chức khác bị phá sản hoặc ngừng hoạt động;</p> <p>d) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Gây thiệt hại về tài sản 5.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>	<p>3.000.000.000 đồng;</p> <p>e) Chiếm đoạt tiền, tài sản dùng vào mục đích xóa đói, giảm nghèo; tiền, phụ cấp, trợ cấp, ưu đãi đối với người có công với cách mạng những người thuộc diện ưu đãi theo chính sách của Nhà nước; các loại quỹ dự phòng hoặc các loại tiền, tài sản trợ cấp, quyên góp cho những vùng bị thiên tai, dịch bệnh hoặc các vùng kinh tế đặc biệt khó khăn;</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 13 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 2.000.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 4.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Gây thiệt hại về tài sản từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Dẫn đến doanh nghiệp hoặc tổ chức khác bị phá sản hoặc ngừng hoạt động;</p> <p>d) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 1.000.000.000 4.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Gây thiệt hại về tài sản 5.000.000.000 đồng trở lên.</p>	<p>rất khó để áp dụng, vì về bản chất, mọi hành vi phạm tội đều ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đồng thời, cũng không có cơ sở để xem xét gây ảnh hưởng xấu đến mức nào thì bị xử lý theo khung này dẫn đến việc tùy nghi trong áp dụng tình tiết này. Do đó, cần thiết phải cụ thể hóa tình tiết này bằng một tình tiết có thể chứng minh được đó là “Gây khiếu kiện kéo dài, tập trung đông người, biểu tình”.</p> <p>3. Dấu hiệu “<i>chiếm đoạt tiền, tài sản dùng vào mục đích xóa đói, giảm nghèo; tiền, phụ cấp, trợ cấp, ưu đãi đối với người có công với cách mạng</i>” quy định tại điểm e khoản 2, Điều 355 của BLHS là chưa đầy đủ, chưa bao quát tất cả các trường hợp được hưởng chính sách ưu đãi của Nhà nước nên chưa bảo đảm sự công bằng cho các đối tượng ưu đãi. Trên thực tế, ngoài người có công với cách mạng, còn có các đối tượng khác được hưởng chính sách xã hội cũng cần được bảo vệ khỏi sự xâm hại của các loại hành vi phạm tội này như: Người hưu trí; người bị tai nạn lao động; thân nhân của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học được hưởng các chế độ ưu đãi (như: Con đẻ bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học không tự lực được trong sinh hoạt hoặc suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt được hưởng trợ cấp hàng tháng...; cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con từ đủ 06 tuổi đến dưới 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng; bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên được</p>
---	---	---

	<p>5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p> <p>6. Người có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước mà lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản, thì bị xử lý theo quy định tại Điều này.</p>	<p>Nhà nước mua bảo hiểm y tế...). Do đó, để bảo đảm sự đầy đủ, bao quát hết các trường hợp cần được pháp luật bảo vệ, bảo đảm tính công bằng của pháp luật, cần quy định theo hướng khái quát các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi của xã hội, theo đó, những đối tượng nào được hưởng chính sách ưu đãi của xã hội sẽ do Chính phủ quy định.</p> <p>4. Tổng kết thực tiễn cho thấy, ở khu vực ngoài nhà nước, những người có chức vụ, quyền hạn có thể lạm dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, Bộ luật Hình sự lại chưa quy định về trách nhiệm hình sự đối với những người có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài nhà nước mà lạm dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tài sản, dẫn đến “khoảng trống về mặt pháp lý” và khả năng bỏ lọt tội phạm là rất cao. Do đó, cần phải bổ sung quy định để điều chỉnh về hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tài sản trong khu vực ngoài nhà nước để nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng, bảo đảm tính toàn diện trong Bộ luật Hình sự, tránh bỏ lọt tội phạm.</p>
<p>Điều 356. Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ</p> <p>1. Người nào vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ gây thiệt hại về tài sản từ 10.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại khác đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, thì bị phạt cải tạo không</p>	<p>Điều 356. Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, <i>nhiệm vụ</i></p> <p>1. Người nào vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ, <i>nhiệm vụ</i> gây thiệt hại về tài sản từ 10.000.000 40.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 800.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại khác đến lợi ích</p>	<p>1. Tên điều luật “<i>Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ</i>” là chưa phù hợp, chưa bao quát hết các trường hợp phạm tội, cụ thể là: Thời gian qua, hành vi giao đất, cho thuê đất, bán đất sai thẩm quyền của Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn diễn ra tại một số địa phương, thực tế áp dụng pháp luật cho thấy, những người này bị xử lý chủ yếu về 02 tội: Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (Điều</p>

<p>giám giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội gây thiệt hại về tài sản 1.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm.</p> <p>4. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng.</p>	<p>của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 200.000.000 800.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 4.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội gây thiệt hại về tài sản 1.000.000.000 4.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm.</p> <p>4. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng.</p> <p>5. Người có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, nhiệm vụ thì bị xử lý theo quy định tại Điều này.</p>	<p>356) và Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ (Điều 357). Tuy nhiên, theo quy định của Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước thì Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn không phải là người thi hành công vụ, do vậy, việc áp dụng hai điều luật nêu trên để xử lý hình sự đối với họ là chưa phù hợp. Do đó, cần bổ sung thêm từ “nhiệm vụ” sau từ “công vụ” để bảo đảm tính bao quát, toàn diện, tránh bỏ lọt tội phạm.</p> <p>2. Điều này quy định mức định lượng là thiệt hại về tài sản tối thiểu từ 10 triệu đồng. Có thể thấy, mức định lượng làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự tại Điều này được kế thừa nguyên vẹn quy định về mức định lượng làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự của BLHS năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009), chưa phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội; mức định lượng thấp dễ dẫn đến hình sự hóa các hành vi có tính nguy hiểm cho xã hội không đáng kể, gây áp lực cho các cơ quan tố tụng hình sự, do đó, cần phải tăng mức định lượng này theo hướng tăng 4 lần (tham khảo mức lương cơ sở tại thời điểm năm 2009 theo quy định tại Nghị định số 33/2009/NĐ-CP của Chính phủ và mức lương cơ sở tại thời điểm năm 2026 theo quy định của Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ)</p> <p>3. Tổng kết thực tiễn cho thấy, ở khu vực ngoài nhà nước, những người có chức vụ, quyền hạn có thể lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, nhiệm vụ để trục lợi cho bản thân và</p>
--	---	--

		<p>người thân. Tuy nhiên, Bộ luật Hình sự lại chưa quy định về vấn đề này dẫn đến “khoảng trống về mặt pháp lý” và khả năng bỏ lọt tội phạm là rất cao. Do đó, cần phải bổ sung quy định để điều chỉnh về hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, nhiệm vụ ở khu vực ngoài nhà nước để nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng, bảo đảm tính toàn diện trong Bộ luật Hình sự, tránh bỏ lọt tội phạm.</p>
<p>Điều 357. Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ</p> <p>1. Người nào vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà vượt quá quyền hạn của mình làm trái công vụ gây thiệt hại về tài sản từ 10.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại khác đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm.</p> <p>4. Phạm tội gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ</p>	<p>Điều 357. Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ, <i>nhiệm vụ</i></p> <p>1. Người nào vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà vượt quá quyền hạn của mình làm trái công vụ, <i>nhiệm vụ</i> gây thiệt hại về tài sản từ 10.000.000 40.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 400.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại khác đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 400.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 2.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 2.000.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 6.000.000.000 đồng,</p>	<p>1. Tên điều luật “Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ” là chưa phù hợp, chưa bao quát hết các trường hợp phạm tội, cụ thể là: Thời gian qua, hành vi giao đất, cho thuê đất, bán đất sai thẩm quyền của Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn diễn ra tại một số địa phương, thực tế áp dụng pháp luật cho thấy, những người này bị xử lý chủ yếu về 02 tội: Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (Điều 356) và Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ (Điều 357). Tuy nhiên, theo quy định của Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước thì Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn không phải là người thi hành công vụ, do vậy, việc áp dụng hai điều luật nêu trên để xử lý hình sự đối với họ là chưa phù hợp. Do đó, cần bổ sung thêm từ “nhiệm vụ” sau từ “công vụ” để bảo đảm tính bao quát, toàn diện, tránh bỏ lọt tội phạm.</p> <p>2. Điều này quy định mức định lượng là thiệt hại về tài sản tối thiểu từ 10 triệu đồng. Có thể thấy, mức định lượng làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự tại Điều này được kế thừa nguyên vẹn quy</p>

<p>15 năm đến 20 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng.</p>	<p>thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm.</p> <p>4. Phạm tội gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 6.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng.</p> <p>5. Người có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước mà lạm quyền trong khi thi hành công vụ, nhiệm vụ thì bị xử lý theo quy định tại Điều này.</p>	<p>định về mức định lượng làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự của BLHS năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009), chưa phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội; mức định lượng thấp dễ dẫn đến hình sự hóa các hành vi có tính nguy hiểm cho xã hội không đáng kể, gây áp lực cho các cơ quan tố tụng hình sự, do đó, cần phải tăng mức định lượng này theo hướng tăng 4 lần (tham khảo mức lương cơ sở tại thời điểm năm 2009 theo quy định tại Nghị định số 33/2009/NĐ-CP của Chính phủ và mức lương cơ sở tại thời điểm năm 2026 theo quy định của Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ)</p> <p>3. Tổng kết thực tiễn cho thấy, ở khu vực ngoài nhà nước, những người có chức vụ, quyền hạn có thể lợi dụng quyền trong khi thi hành công vụ, nhiệm vụ để trục lợi cho bản thân và người thân. Tuy nhiên, Bộ luật Hình sự lại chưa quy định về vấn đề này dẫn đến “khoảng trống về mặt pháp lý” và khả năng bỏ lọt tội phạm là rất cao. Do đó, cần phải bổ sung quy định để điều chỉnh về hành vi lạm quyền trong khi thi hành công vụ, nhiệm vụ ở khu vực ngoài nhà nước để nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng, bảo đảm tính toàn diện trong Bộ luật Hình sự, tránh bỏ lọt tội phạm.</p>
<p>Điều 358. Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi</p> <p>1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn trực tiếp hoặc qua trung gian đòi, nhận hoặc sẽ nhận bất kỳ lợi ích nào sau đây</p>	<p>Điều 358. Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi</p> <p>1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn trực tiếp hoặc qua trung gian đòi, nhận hoặc sẽ nhận bất kỳ lợi ích nào sau</p>	<p>1. Mức định lượng tối thiểu tại Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi là 02 triệu đồng, đây là mức định lượng được giữ nguyên từ Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), không phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội của đất nước, rất dễ dẫn</p>

<p>dưới mọi hình thức để dùng ảnh hưởng của mình thúc đẩy người có chức vụ, quyền hạn làm hoặc không làm một việc thuộc trách nhiệm hoặc liên quan trực tiếp đến công việc của họ hoặc làm một việc không được phép làm, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 06 năm:</p> <p>a) Tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm;</p> <p>b) Lợi ích phi vật chất.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 năm đến 13 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 13 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Gây thiệt hại về tài sản từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng.</p>	<p>đây dưới mọi hình thức để dùng ảnh hưởng của mình thúc đẩy người có chức vụ, quyền hạn làm hoặc không làm một việc thuộc trách nhiệm hoặc liên quan trực tiếp đến công việc của họ hoặc làm một việc không được phép làm, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 06 năm:</p> <p>a) Tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 2.000.000 8.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 400.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 8.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm;</p> <p>b) Lợi ích phi vật chất.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 năm đến 13 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 100.000.000 400.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 2.000.000.000 đồng;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 13 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 500.000.000 2.000.000.000</p>	<p>đến hình sự hóa các hành vi mà mức độ gây thiệt hại là không đáng kể và hoàn toàn có thể xử lý bằng các biện pháp khác như kỷ luật hoặc hành chính. Trong khi đó, mức hình phạt ở khung cơ bản của tội danh này là tương đối nghiêm khắc (từ 01 năm đến 06 năm). Do đó, cần thiết phải nâng mức định lượng ở tội danh này để tránh hình sự hóa các hành vi không cần thiết, phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội; bảo đảm sự tương thích giữa tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi và hình phạt. Mức tăng là khoảng 4 lần để phù hợp với mức tăng của mức lương cơ sở và thu nhập bình quân đầu người của thời điểm hiện tại với thời điểm năm 2009 (tham khảo mức lương cơ sở tại thời điểm năm 2009 theo quy định tại Nghị định số 33/2009/NĐ-CP của Chính phủ và mức lương cơ sở tại thời điểm năm 2026 theo quy định của Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ).</p> <p>2. Tổng kết thực tiễn cho thấy, ở khu vực ngoài nhà nước, những người có chức vụ, quyền hạn có thể lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi cho bản thân và người thân. Tuy nhiên, Bộ luật Hình sự lại chưa quy định về vấn đề này dẫn đến “khoảng trống về mặt pháp lý” và khả năng bỏ lọt tội phạm là rất cao. Do đó, cần phải bổ sung quy định để điều chỉnh về hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi ở khu vực ngoài nhà nước để nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng, bảo đảm tính toàn diện trong Bộ luật Hình sự, tránh bỏ lọt tội phạm.</p>
---	---	---

<p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Tiên, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Gây thiệt hại về tài sản 5.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng.</p>	<p>đồng đến dưới 1.000.000.000 4.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Gây thiệt hại về tài sản từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Tiên, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá 1.000.000.000 4.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Gây thiệt hại về tài sản 5.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng.</p> <p>6. Người có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi thì bị xử lý theo quy định tại Điều này.</p>	
<p>Điều 359. Tội giả mạo trong công tác</p> <p>1. Người nào vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Sửa chữa, làm sai lệch nội dung giấy tờ, tài liệu;</p> <p>b) Làm, cấp giấy tờ giả;</p>	<p>Điều 359. Tội giả mạo trong công tác</p> <p>1. Người nào vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Sửa chữa, làm sai lệch nội dung giấy tờ, tài liệu;</p> <p>b) Làm, cấp giấy tờ giả;</p>	<p>Tổng kết thực tiễn cho thấy, ở khu vực ngoài nhà nước, những người có chức vụ, quyền hạn có thể lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi cho bản thân và người thân. Tuy nhiên, Bộ luật Hình sự lại chưa quy định về vấn đề này dẫn đến “khoảng trống về mặt pháp lý” và khả năng bỏ lọt tội phạm là rất cao. Do đó, cần phải bổ sung quy định để điều chỉnh về hành vi</p>

<p>c) Giả mạo chữ ký của người có chức vụ, quyền hạn.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Người phạm tội là người có trách nhiệm lập hoặc cấp các giấy tờ, tài liệu;</p> <p>c) Làm, cấp giấy tờ giả với số lượng từ 02 giấy tờ giả đến 05 giấy tờ giả.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm, cấp giấy tờ giả với số lượng từ 06 giấy tờ giả đến 10 giấy tờ giả;</p> <p>b) Để thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Làm, cấp giấy tờ giả với số lượng 11 giấy tờ giả trở lên;</p> <p>b) Để thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.</p> <p>5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng.</p>	<p>c) Giả mạo chữ ký của người có chức vụ, quyền hạn.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Người phạm tội là người có trách nhiệm lập hoặc cấp các giấy tờ, tài liệu;</p> <p>c) Làm, cấp giấy tờ giả với số lượng từ 02 giấy tờ giả đến 05 giấy tờ giả.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm, cấp giấy tờ giả với số lượng từ 06 giấy tờ giả đến 10 giấy tờ giả;</p> <p>b) Để thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 15 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Làm, cấp giấy tờ giả với số lượng 11 giấy tờ giả trở lên;</p> <p>b) Để thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.</p> <p>5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng.</p> <p>6. Người có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà</p>	<p>lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi ở khu vực ngoài nhà nước để nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng, bảo đảm tính toàn diện trong Bộ luật Hình sự, tránh bỏ lọt tội phạm.</p>
--	--	---

	<i>nước mà giả mạo trong công tác thì bị xử lý theo quy định tại Điều này.</i>	
Mục 2. CÁC TỘI PHẠM KHÁC VỀ CHỨC VỤ	Mục 2. CÁC TỘI PHẠM KHÁC VỀ CHỨC VỤ	<p>Việc chia Mục 1 và Mục 2 tại Chương này là phù hợp và không cần thiết, vì:</p> <p>1. Theo Luật Phòng, chống tham nhũng thì hành vi đưa hối lộ (hành vi cấu thành tội đưa hối lộ Điều 364), môi giới hối lộ (hành vi cấu thành tội môi giới hối lộ Điều 365), không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi (hành vi cấu thành tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng Điều 360) được coi là hành vi tham nhũng. Bên cạnh đó Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng cũng coi các hành vi này là hành vi tham nhũng, tuy nhiên, các tội danh đưa hối lộ, môi giới hối lộ và thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng lại không được thiết kế ở Mục 1 (Các tội phạm về tham nhũng) mà lại được quy định ở Mục 2 (Các tội phạm khác về chức vụ), do đó, chưa có sự thống nhất trong hệ thống pháp luật, cũng như chưa bảo đảm tính tương thích giữa pháp luật trong nước với các điều ước quốc tế.</p> <p>2. Bản chất các tội phạm về tham nhũng và các tội phạm khác về chức vụ đều là các tội phạm có liên quan đến người có chức vụ, do đó, không cần thiết phải phân chia thành 02 mục tại Chương này để bảo đảm tính logic.</p>
Điều 360. Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng 1. Người nào có chức vụ, quyền hạn vì thiếu trách nhiệm mà không thực hiện hoặc	Điều 360. Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng 1. Người nào có chức vụ, quyền hạn vì thiếu trách nhiệm mà không thực hiện	<p>Kết quả tổng kết cho thấy, hầu hết các hành vi liên quan đến chức vụ hiện nay nếu không chứng minh được cấu thành các tội danh cụ thể tại Chương XXIII (các tội phạm về chức vụ) đều sẽ được xử lý</p>

<p>thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 179, 308 và 376 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho</p>	<p>hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 179, 308 và 376 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 05 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p>	<p>theo quy định của Điều 360. Tuy nhiên, Điều 360 chỉ đang bao hàm hậu quả gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản mà bỏ ngỏ các thiệt hại phi vật chất khác như thiệt hại về danh dự, nhân phẩm gây ảnh hưởng, khó khăn trong công tác điều tra, truy tố, xét xử hoặc gây ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách của Đảng, Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp khác của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Đặc biệt, hiện nay có trường hợp cán bộ, công chức do lo sợ trách nhiệm mà có sự bỏ mặc không thi hành, trì trệ công tác gây thiệt hại nghiêm trọng đến chính sách của Đảng, Nhà nước. Do vậy, việc quy định chế tài đối với các hậu quả trên là cần thiết để đảm bảo công tác công vụ được thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm của người có quyền hạn, nhiệm vụ. Từ thực tiễn đó, cần quy định các thiệt hại phi vật chất khác như: Gây cản trở hoạt động điều tra, truy tố, xét xử; gây ảnh hưởng đến phán quyết vụ án sau này; gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân; để người khác lợi dụng thực hiện tội phạm; ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước... Các thiệt hại phi vật chất này có thể được quy định khái quát là: “gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội”; Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm hướng dẫn thế nào là gây ảnh hưởng xấu trong trường hợp này để thống nhất áp dụng, tránh bỏ lọt tội phạm.</p>
--	---	---

<p>sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 361. Tội cố ý làm lộ bí mật công tác; tội chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy tài liệu bí mật công tác</p> <p>1. Người nào cố ý làm lộ bí mật công tác hoặc chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu bí mật công tác, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 110, 337 và 342 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Thu lợi bất chính 50.000.000 đồng trở lên;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản 100.000.000 đồng trở lên;</p> <p>đ) Gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động của cơ quan, tổ chức;</p> <p>e) Đề người khác sử dụng thực hiện hành</p>	<p>Điều 361. Tội cố ý làm lộ bí mật công tác; tội chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy tài liệu bí mật công tác</p> <p>1. Người nào cố ý làm lộ bí mật công tác hoặc chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu bí mật công tác, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 110, 337 và 342 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Thu lợi bất chính 50.000.000 đồng trở lên;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản 100.000.000 đồng trở lên;</p> <p>đ) Gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động của cơ quan, tổ chức;</p> <p>e) Đề người khác sử dụng thực hiện hành</p>	<p>Tổng kết thực tiễn và qua nghiên cứu không phát hiện khó khăn, vướng mắc</p>

<p>vi vi phạm pháp luật.</p> <p>3. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>vi vi phạm pháp luật.</p> <p>3. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>4. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.</p>	
<p>Điều 362. Tội vô ý làm lộ bí mật công tác; tội làm mất tài liệu bí mật công tác</p> <p>1. Người nào vô ý làm lộ bí mật công tác hoặc làm mất tài liệu bí mật công tác thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 338 của Bộ luật này, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm:</p> <p>a) Gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động của cơ quan, tổ chức;</p> <p>b) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>c) Để người khác sử dụng thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ từ 02 năm đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Gây thiệt hại về tài sản 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Để người khác sử dụng thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.</p>	<p>Điều 362. Tội vô ý làm lộ bí mật công tác; tội làm mất tài liệu bí mật công tác</p> <p>1. Người nào vô ý làm lộ bí mật công tác hoặc làm mất tài liệu bí mật công tác thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 338 của Bộ luật này, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm:</p> <p>a) Gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động của cơ quan, tổ chức;</p> <p>b) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>c) Để người khác sử dụng thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ từ 02 năm đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Gây thiệt hại về tài sản 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Để người khác sử dụng thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc</p>	<p>Hiện nay, Điều 362 quy định người nào vô ý làm lộ bí mật công tác hoặc làm mất tài liệu bí mật công tác thì bị xử lý hình sự; đồng thời, Nghị định số 282/2025/NĐ-CP của Chính phủ cũng quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm về bảo vệ bí mật nhà nước, như vậy, quy định như Điều 362 hiện hành không rõ ranh giới giữa vi phạm hành chính và hành vi phạm tội; đồng thời, quy định như hiện hành cũng bất cập vì quá nghiêm khắc với lỗi vô ý. Do đó, cần bổ sung tình tiết định tội “Đã bị xử lý kỷ luật hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm” để bảo đảm thống nhất trong hệ thống pháp luật, phân định rõ ranh giới của hành vi vi phạm hình sự với hành chính, kỷ luật; bảo đảm sự tương xứng về hậu quả pháp lý và mức độ lỗi của hành vi.</p>

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.	biệt nghiêm trọng. 3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.	
Điều 363. Tội đào nhiệm 1. Người nào là cán bộ, công chức, viên chức mà cố ý từ bỏ nhiệm vụ công tác gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: a) Lôi kéo người khác đào nhiệm; b) Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng; c) Phạm tội trong hoàn cảnh chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh hoặc trong trường hợp khó khăn đặc biệt khác của xã hội. 3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.	Điều 363. Tội đào nhiệm 1. Người nào là cán bộ, công chức, viên chức mà cố ý từ bỏ nhiệm vụ công tác gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm: a) Lôi kéo người khác đào nhiệm; b) Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng; c) Phạm tội trong hoàn cảnh chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh hoặc trong trường hợp khó khăn đặc biệt khác của xã hội. 3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.	Tổng kết thực tiễn và qua nghiên cứu không phát hiện khó khăn, vướng mắc
Điều 364. Tội đưa hối lộ 1. Người nào trực tiếp hay qua trung gian đã đưa hoặc sẽ đưa cho người có chức vụ, quyền hạn hoặc người khác hoặc tổ chức khác bất kỳ lợi ích nào sau đây để người có chức vụ, quyền hạn làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ, thì bị phạt tiền từ	Điều 364. Tội đưa hối lộ 1. Người nào trực tiếp hay qua trung gian đã đưa hoặc sẽ đưa cho người có chức vụ, quyền hạn hoặc người khác hoặc tổ chức khác bất kỳ lợi ích nào sau đây để người có chức vụ, quyền hạn làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ, thì bị phạt tiền từ	Mức định lượng tối thiểu tại Tội đưa hối lộ là 02 triệu đồng, đây là mức định lượng được giữ nguyên từ Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), không phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội của đất nước, rất dễ dẫn đến hình sự hóa các hành vi mà mức độ gây thiệt hại là không đáng kể và hoàn toàn có thể xử lý bằng các biện pháp khác như kỷ luật hoặc hành chính. Do đó, cần thiết phải nâng

<p>20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;</p> <p>b) Lợi ích phi vật chất.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Dùng thủ đoạn xảo quyệt;</p> <p>c) Dùng tài sản của Nhà nước để đưa hối lộ;</p> <p>d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>đ) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>e) Của hối lộ là tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội trong trường hợp của hối lộ là tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm.</p> <p>4. Phạm tội trong trường hợp của hối lộ là tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.</p> <p>6. Người nào đưa hoặc sẽ đưa hối lộ cho công chức nước ngoài, công chức của tổ</p>	<p>20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác trị giá từ 2.000.000 8.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 400.000.000 đồng;</p> <p>b) Lợi ích phi vật chất.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Dùng thủ đoạn xảo quyệt;</p> <p>c) Dùng tài sản của Nhà nước để đưa hối lộ;</p> <p>d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>đ) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>e) Của hối lộ là tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác trị giá từ 100.000.000 400.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 2.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội trong trường hợp của hối lộ là tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác trị giá từ 500.000.000 2.000.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 4.000.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm.</p> <p>4. Phạm tội trong trường hợp của hối lộ là tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác trị giá 1.000.000.000 4.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.</p>	<p>mức định lượng ở tội danh này để tránh hình sự hóa các hành vi không cần thiết, phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội; bảo đảm sự tương thích giữa tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi và hình phạt. Mức tăng là khoảng 4 lần để phù hợp với mức tăng của mức lương cơ sở và thu nhập bình quân đầu người của thời điểm hiện tại với thời điểm năm 2009 (tham khảo mức lương cơ sở tại thời điểm năm 2009 theo quy định tại Nghị định số 33/2009/NĐ-CP của Chính phủ và mức lương cơ sở tại thời điểm năm 2026 theo quy định của Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ).</p>
--	---	--

<p>chức quốc tế công, người có chức vụ trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước cũng bị xử lý theo quy định tại Điều này.</p> <p>7. Người bị ép buộc đưa hối lộ mà chủ động khai báo trước khi bị phát giác, thì được coi là không có tội và được trả lại toàn bộ của đã dùng để đưa hối lộ.</p> <p>Người đưa hối lộ tuy không bị ép buộc nhưng đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự và được trả lại một phần hoặc toàn bộ của đã dùng để đưa hối lộ.</p>	<p>6. Người nào đưa hoặc sẽ đưa hối lộ cho công chức nước ngoài, công chức của tổ chức quốc tế công, người có chức vụ trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước cũng bị xử lý theo quy định tại Điều này.</p> <p>7. Người bị ép buộc đưa hối lộ mà chủ động khai báo trước khi bị phát giác, thì được coi là không có tội và được trả lại toàn bộ của đã dùng để đưa hối lộ.</p> <p>Người đưa hối lộ tuy không bị ép buộc nhưng đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự và được trả lại một phần hoặc toàn bộ của đã dùng để đưa hối lộ.</p> <p>8. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</p> <p>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng;</p> <p>b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, c, d, đ, e, g và h khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 5.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 10.000.000.000 đồng đến 20.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 năm đến 03 năm;</p> <p>d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định</p>	
--	--	--

	<p>tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</p> <p>đ) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</p>	
<p>Điều 365. Tội môi giới hối lộ</p> <p>1. Người nào môi giới hối lộ mà của hối lộ thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;</p> <p>b) Lợi ích phi vật chất.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>c) Dùng thủ đoạn xảo quyệt;</p> <p>d) Biết của hối lộ là tài sản của Nhà nước;</p> <p>đ) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>e) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>g) Của hối lộ trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc trường hợp của hối lộ trị</p>	<p>Điều 365. Tội môi giới hối lộ</p> <p>1. Người nào môi giới hối lộ mà của hối lộ thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất trị giá từ 2.000.000 8.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 400.000.000 đồng;</p> <p>b) Lợi ích phi vật chất.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>c) Dùng thủ đoạn xảo quyệt;</p> <p>d) Biết của hối lộ là tài sản của Nhà nước;</p> <p>đ) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>e) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>g) Của hối lộ trị giá từ 100.000.000 400.000.000 đồng đến dưới 500.000.000</p>	<p>Mức định lượng tối thiểu tại Tội môi giới hối lộ là 02 triệu đồng, đây là mức định lượng được giữ nguyên từ Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), không phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội của đất nước, rất dễ dẫn đến hình sự hóa các hành vi mà mức độ gây thiệt hại là không đáng kể và hoàn toàn có thể xử lý bằng các biện pháp khác như kỷ luật hoặc hành chính. Do đó, cần thiết phải nâng mức định lượng ở tội danh này để tránh hình sự hóa các hành vi không cần thiết, phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội; bảo đảm sự tương thích giữa tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi và hình phạt. Mức tăng là khoảng 4 lần để phù hợp với mức tăng của mức lương cơ sở và thu nhập bình quân đầu người của thời điểm hiện tại với thời điểm năm 2009 (tham khảo mức lương cơ sở tại thời điểm năm 2009 theo quy định tại Nghị định số 33/2009/NĐ-CP của Chính phủ và mức lương cơ sở tại thời điểm năm 2026 theo quy định của Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ).</p>

<p>giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.</p> <p>4. Phạm tội thuộc trường hợp của hồi lộ trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 08 năm đến 15 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng.</p> <p>6. Người môi giới hồi lộ mà chủ động khai báo trước khi bị phát giác, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự.</p> <p>7. Người nào môi giới hồi lộ trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước cũng bị xử lý theo quy định tại Điều này.</p>	<p>2.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc trường hợp của hồi lộ trị giá từ 500.000.000 2.000.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 4.000.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 05 07 năm đến 10 năm.</p> <p>4. Phạm tội thuộc trường hợp của hồi lộ trị giá 1.000.000.000 4.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 08 10 năm đến 15 năm.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng.</p> <p>6. Người môi giới hồi lộ mà chủ động khai báo trước khi bị phát giác, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự.</p> <p>7. Người nào môi giới hồi lộ trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước cũng bị xử lý theo quy định tại Điều này.</p>	
<p>Điều 366. Tội lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi</p> <p>1. Người nào trực tiếp hoặc qua trung gian nhận bất kỳ lợi ích nào sau đây để dùng ảnh hưởng của mình thúc đẩy người có chức vụ, quyền hạn làm hoặc không làm một việc thuộc trách nhiệm của họ hoặc làm một việc không được phép làm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác</p>	<p>Điều 366. Tội lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi</p> <p>1. Người nào trực tiếp hoặc qua trung gian nhận bất kỳ lợi ích nào sau đây để dùng ảnh hưởng của mình thúc đẩy người có chức vụ, quyền hạn làm hoặc không làm một việc thuộc trách nhiệm của họ hoặc làm một việc không được phép làm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p>	<p>Mức định lượng tối thiểu tại Tội lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi là 02 triệu đồng, đây là mức định lượng được giữ nguyên từ Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), không phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội của đất nước, rất dễ dẫn đến hình sự hóa các hành vi mà mức độ gây thiệt hại là không đáng kể và hoàn toàn có thể xử lý bằng các biện pháp khác như kỷ luật hoặc hành chính. Do đó, cần thiết phải nâng mức định lượng ở tội danh này để tránh hình sự hóa các hành vi không cần thiết, phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội; bảo đảm sự tương</p>

<p>trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;</p> <p>b) Lợi ích phi vật chất.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>b) Tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>c) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội trong trường hợp tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá 500.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.</p>	<p>a) Tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 2.000.000 8.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 400.000.000 đồng;</p> <p>b) Lợi ích phi vật chất.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>b) Tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 100.000.000 400.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 2.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội trong trường hợp tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá 500.000.000 2.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 05 07 năm đến 10 năm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng.</p>	<p>thích giữa tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi và hình phạt. Mức tăng là khoảng 4 lần để phù hợp với mức tăng của mức lương cơ sở và thu nhập bình quân đầu người của thời điểm hiện tại với thời điểm năm 2009 (tham khảo mức lương cơ sở tại thời điểm năm 2009 theo quy định tại Nghị định số 33/2009/NĐ-CP của Chính phủ và mức lương cơ sở tại thời điểm năm 2026 theo quy định của Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ).</p>
---	--	--

Chương XXIV CÁC TỘI XÂM PHẠM HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP		
Điều 367. Khái niệm tội xâm phạm hoạt động tư pháp <p>Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp là những hành vi xâm phạm sự đúng đắn của hoạt động tố tụng và thi hành án.</p>	Giữ nguyên	
Điều 368. Tội truy cứu trách nhiệm hình sự người không có tội <p>1. Người nào có thẩm quyền mà truy cứu trách nhiệm hình sự người mà mình biết rõ</p>	Điều 368. Tội truy cứu trách nhiệm hình sự người không phạm tội có tội <p>1. Người nào có thẩm quyền mà truy cứu trách nhiệm hình sự người mà mình biết</p>	

<p>là không có tội, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Truy cứu trách nhiệm hình sự về tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội khác là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;</p> <p>b) Đối với từ 02 người đến 05 người;</p> <p>c) Đối với người dưới 18 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu;</p> <p>d) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p> <p>đ) Dẫn đến việc kết án oan người vô tội về tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng;</p> <p>e) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Đối với 06 người trở lên;</p> <p>b) Dẫn đến việc kết án oan người vô tội về tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;</p> <p>c) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>d) Làm người bị truy cứu trách nhiệm hình sự oan tự sát.</p>	<p>rõ là không phạm tội có tội, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Truy cứu trách nhiệm hình sự về tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội khác là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;</p> <p>b) Đối với từ 02 người đến 05 người;</p> <p>c) Đối với người dưới 18 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu;</p> <p>d) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p> <p>đ) Dẫn đến việc kết án oan người vô tội về tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng;</p> <p>e) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Đối với 06 người trở lên;</p> <p>b) Dẫn đến việc kết án oan người vô tội về tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;</p> <p>c) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>d) Làm người bị truy cứu trách nhiệm hình sự oan tự sát.</p>	
--	---	--

<p>4. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>Điều 369. Tội không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội</p> <p>1. Người nào có thẩm quyền mà không truy cứu trách nhiệm hình sự người mà mình biết rõ là có tội, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Không truy cứu trách nhiệm hình sự người thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng;</p> <p>b) Đối với 02 người đến 05 người;</p> <p>c) Người không bị truy cứu trách nhiệm hình sự bỏ trốn hoặc thực hiện hành vi cản trở điều tra, truy tố, xét xử hoặc tiếp tục thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng;</p> <p>d) Dẫn đến việc người không bị truy cứu trách nhiệm hình sự trả thù người tố giác, báo tin về tội phạm, người bị hại, nhân chứng;</p> <p>đ) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Đối với 06 người trở lên;</p> <p>b) Không truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia</p>	<p>4. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>Điều 369. Tội không truy cứu trách nhiệm hình sự người <i>phạm tội</i> có tội</p> <p>1. Người nào có thẩm quyền mà không truy cứu trách nhiệm hình sự người mà mình biết rõ là <i>người phạm tội</i> có tội, thì bị <i>phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc</i> phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 <i>03</i> năm đến 07 năm:</p> <p>a) Không truy cứu trách nhiệm hình sự người thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng;</p> <p>b) Đối với 02 người đến 05 người;</p> <p>c) Người không bị truy cứu trách nhiệm hình sự bỏ trốn hoặc thực hiện hành vi cản trở điều tra, truy tố, xét xử hoặc tiếp tục thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng;</p> <p>d) Dẫn đến việc người không bị truy cứu trách nhiệm hình sự trả thù người tố giác, báo tin về tội phạm, người bị hại, nhân chứng;</p> <p>đ) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến</p>	
---	--	--

<p>hoặc tội khác là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;</p> <p>c) Người không bị truy cứu trách nhiệm hình sự tiếp tục thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;</p> <p>d) Làm người bị hại tự sát.</p> <p>4. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>12 năm:</p> <p>a) Đối với 06 người trở lên;</p> <p>b) Không truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội khác là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;</p> <p>c) Người không bị truy cứu trách nhiệm hình sự tiếp tục thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;</p> <p>d) Làm người bị hại tự sát.</p> <p>4. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 370. Tội ra bản án trái pháp luật</p> <p>1. Thẩm phán, Hội thẩm nào ra bản án mà mình biết rõ là trái pháp luật, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>b) Đối với người dưới 18 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu;</p> <p>c) Kết án oan người vô tội về tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng;</p> <p>d) Bỏ lọt tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng; người phạm tội nghiêm trọng hoặc phạm tội rất nghiêm trọng;</p> <p>đ) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của bị</p>	<p>Điều 370. Tội ra bản án trái pháp luật</p> <p>1. Thẩm phán, Hội thẩm nào ra bản án mà mình biết rõ là trái pháp luật, thì bị <i>phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc</i> phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>b) Đối với người dưới 18 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu;</p> <p>c) Kết án oan người vô tội về tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng;</p> <p>d) Bỏ lọt tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng; người phạm tội</p>	

<p>cáo, người bị hại, đương sự mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p> <p>e) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>g) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Kết án oan người vô tội về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;</p> <p>b) Bỏ lọt tội phạm đặc biệt nghiêm trọng hoặc người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng;</p> <p>c) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của bị cáo, người bị hại, đương sự mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61 % trở lên;</p> <p>d) Dẫn đến bị cáo, người bị hại, đương sự tự sát;</p> <p>đ) Gây thiệt hại về tài sản 1.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>nhân trọng hoặc phạm tội rất nghiêm trọng;</p> <p>đ) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của bị cáo, người bị hại, đương sự mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p> <p>e) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng;</p> <p>g) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Kết án oan người vô tội về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;</p> <p>b) Bỏ lọt tội phạm đặc biệt nghiêm trọng hoặc người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng;</p> <p>c) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của bị cáo, người bị hại, đương sự mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61 % trở lên;</p> <p>d) Dẫn đến bị cáo, người bị hại, đương sự tự sát;</p> <p>đ) Gây thiệt hại về tài sản 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 371. Tội ra quyết định trái pháp luật</p> <p>1. Người nào có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng, thi hành án ra quyết định mà</p>	<p>Điều 371. Tội ra quyết định trái pháp luật</p> <p>1. Người nào có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng, thi hành án ra quyết định</p>	

<p>mình biết rõ là trái pháp luật gây thiệt hại về tài sản từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 368, 369, 370, 377 và 378 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Đối với người dưới 18 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu;</p> <p>d) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bị kết án, người phải chấp hành án, người bị hại, đương sự mà tỷ lệ tổn thương có thể từ 31% đến 60%;</p> <p>đ) Gây thiệt hại về tài sản từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>e) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>3.380 Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bị kết án, người phải chấp hành</p>	<p>mà mình biết rõ là trái pháp luật gây thiệt hại về tài sản từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 400.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 368, 369, 370, 377 và 378 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Đối với người dưới 18 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu;</p> <p>d) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bị kết án, người phải chấp hành án, người bị hại, đương sự mà tỷ lệ tổn thương có thể từ 31% đến 60%;</p> <p>đ) Gây thiệt hại về tài sản từ 200.000.000 400.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng;</p> <p>e) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến</p>	
---	--	--

<p>án, người bị hại, đương sự mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; b) Dẫn đến người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bị kết án, người phải chấp hành án, người bị hại, đương sự tự sát; c) Gây thiệt hại về tài sản 1.000.000.000 đồng trở lên. 4. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>12 năm: a) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bị kết án, người phải chấp hành án, người bị hại, đương sự mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; b) Dẫn đến người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bị kết án, người phải chấp hành án, người bị hại, đương sự tự sát; c) Gây thiệt hại về tài sản 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng trở lên. 4. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 372. Tội ép buộc người có thẩm quyền trong hoạt động tư pháp làm trái pháp luật 1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn ép buộc người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng, thi hành án làm trái pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoặc gây thiệt hại về tài sản từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm: a) Phạm tội 02 lần trở lên; b) Dẫn đến ra bản án hoặc quyết định trái</p>	<p>Điều 372. Tội ép buộc người có thẩm quyền trong hoạt động tư pháp làm trái pháp luật 1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn ép buộc người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng, thi hành án làm trái pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoặc gây thiệt hại về tài sản từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 400.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm</p>	

<p>pháp luật;</p> <p>c) Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn nguy hiểm, xảo quyết khác;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>đ) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Dẫn đến làm oan người vô tội hoặc bỏ lọt tội phạm hoặc người phạm tội;</p> <p>b) Gây thiệt hại về tài sản 1.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>đến 05 năm:</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>b) Dẫn đến ra bản án hoặc quyết định trái pháp luật;</p> <p>c) Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn nguy hiểm, xảo quyết khác;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 200.000.000 400.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng;</p> <p>đ) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Dẫn đến làm oan người vô tội hoặc bỏ lọt tội phạm hoặc người phạm tội;</p> <p>b) Gây thiệt hại về tài sản 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 373. Tội dùng nhục hình</p> <p>1. Người nào trong hoạt động tố tụng, thi hành án hoặc thi hành các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc mà dùng nhục hình hoặc đối xử tàn bạo, hạ nhục nhân phẩm của người khác dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp</p>	<p>Điều 373. Tội dùng nhục hình</p> <p>1. Người nào trong hoạt động tố tụng, thi hành án hoặc thi hành các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc mà dùng nhục hình hoặc đối xử tàn bạo, hạ nhục nhân phẩm của người khác dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không</p>	

<p>sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên; b) Đối với 02 người trở lên; c) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt; d) Đối với người dưới 18 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng; đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại về sức khỏe cho người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 60%.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại về sức khỏe cho người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; b) Làm người bị nhục hình tự sát.</p> <p>4. Phạm tội làm người bị nhục hình chết, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.</p> <p>5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p><i>giảm giữ đến 03 năm hoặc</i> phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên; b) Đối với 02 người trở lên; c) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt; d) Đối với người dưới 18 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng; đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại về sức khỏe cho người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 60%.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại về sức khỏe cho người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; b) Làm người bị nhục hình tự sát.</p> <p>4. Phạm tội làm người bị nhục hình chết, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.</p> <p>5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 374. Tội bức cung</p> <p>1. Người nào trong hoạt động tố tụng mà sử dụng thủ đoạn trái pháp luật ép buộc người bị lấy lời khai, người bị hỏi</p>	<p>Điều 374. Tội bức cung</p> <p>1. Người nào trong hoạt động tố tụng mà sử dụng thủ đoạn trái pháp luật ép buộc người bị lấy lời khai, người bị hỏi</p>	

<p>cung phải khai ra thông tin liên quan đến vụ án, vụ việc, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>b) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>c) Đối với người dưới 18 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng;</p> <p>d) Dùng nhục hình hoặc đối xử tàn bạo, hạ nhục nhân phẩm người bị lấy lời khai, người bị hỏi cung;</p> <p>đ) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;</p> <p>e) Dẫn đến làm sai lệch kết quả khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử;</p> <p>g) Ép buộc người bị lấy lời khai, người bị hỏi cung phải khai sai sự thật.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Làm người bị bức cung tự sát;</p> <p>b) Dẫn đến bỏ lọt tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng; người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Làm người bị bức cung chết;</p>	<p>cung phải khai ra thông tin liên quan đến vụ án, vụ việc, thì bị <i>phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc</i> phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>b) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>c) Đối với người dưới 18 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng;</p> <p>d) Dùng nhục hình hoặc đối xử tàn bạo, hạ nhục nhân phẩm người bị lấy lời khai, người bị hỏi cung;</p> <p>đ) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;</p> <p>e) Dẫn đến làm sai lệch kết quả khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử;</p> <p>g) Ép buộc người bị lấy lời khai, người bị hỏi cung phải khai sai sự thật.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Làm người bị bức cung tự sát;</p> <p>b) Dẫn đến bỏ lọt tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng; người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng.</p>	
--	---	--

<p>b) Dẫn đến làm oan người vô tội; c) Dẫn đến bỏ lọt tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; người thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. 5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân: a) Làm người bị bức cung chết; b) Dẫn đến làm oan người vô tội; c) Dẫn đến bỏ lọt tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; người thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. 5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 375. Tội làm sai lệch hồ sơ vụ án, vụ việc 1. Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án, người khác có nhiệm vụ, quyền hạn trong hoạt động tư pháp, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự thêm, bớt, sửa đổi, đánh tráo, hủy hoặc làm hư hỏng tài liệu, vật chứng của vụ án, vụ việc hoặc bằng thủ đoạn khác nhằm làm sai lệch nội dung vụ án, vụ việc, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm: a) Có tổ chức; b) Dẫn đến việc giải quyết vụ án, vụ việc bị sai lệch;</p>	<p>Điều 375. Tội làm sai lệch hồ sơ vụ án, vụ việc 1. Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án, người khác có nhiệm vụ, quyền hạn trong hoạt động tư pháp, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự thêm, bớt, sửa đổi, đánh tráo, hủy hoặc làm hư hỏng tài liệu, vật chứng của vụ án, vụ việc hoặc bằng thủ đoạn khác nhằm làm sai lệch nội dung vụ án, vụ việc, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p>	

<p>c) Gây thiệt hại từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Dẫn đến việc kết án oan người vô tội, bỏ lọt tội phạm hoặc người phạm tội;</p> <p>b) Làm người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bị kết án, người phải chấp hành án, người bị hại, đương sự tự sát;</p> <p>c) Gây thiệt hại 1.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Dẫn đến việc giải quyết vụ án, vụ việc bị sai lệch;</p> <p>c) Gây thiệt hại từ 500.000.000 1.000.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Dẫn đến việc kết án oan người vô tội, bỏ lọt tội phạm hoặc người phạm tội;</p> <p>b) Làm người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bị kết án, người phải chấp hành án, người bị hại, đương sự tự sát;</p> <p>c) Gây thiệt hại 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 376. Tội thiếu trách nhiệm để người bị bắt, người bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù trốn</p> <p>1. Người nào được giao trách nhiệm trực tiếp quản lý, canh gác, áp giải người bị bắt, người bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về quản lý, canh gác, áp giải để người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội</p>	<p>Điều 376. Tội thiếu trách nhiệm để người bị bắt, người bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù trốn</p> <p>1. Người nào được giao trách nhiệm trực tiếp quản lý, canh gác, áp giải người bị bắt, người bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về quản lý, canh gác, áp giải để người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc</p>	

<p>phạm nghiêm trọng trốn thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Làm vụ án bị tạm đình chỉ;</p> <p>b) Người bỏ trốn trả thù người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng;</p> <p>c) Người bỏ trốn tiếp tục thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Làm vụ án bị đình chỉ;</p> <p>b) Người bỏ trốn tiếp tục thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng;</p> <p>c) Để từ 02 người đến 05 người bỏ trốn;</p> <p>d) Để người thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng bỏ trốn;</p> <p>đ) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Người bỏ trốn tiếp tục thực hiện tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;</p> <p>b) Để 06 người trở lên bỏ trốn;</p> <p>c) Để người thực hiện tội phạm đặc biệt nghiêm trọng bỏ trốn.</p> <p>4. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm</p>	<p>tội phạm nghiêm trọng phạm tội hoặc phạm nhân thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng trốn mà đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này, thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Làm vụ án bị tạm đình chỉ;</p> <p>b) Người bỏ trốn trả thù người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng;</p> <p>c) Người bỏ trốn tiếp tục thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng.</p> <p>d) Để từ 02 người đến 05 người bỏ trốn.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Làm vụ án bị đình chỉ;</p> <p>b) Người bỏ trốn tiếp tục thực hiện tội phạm rất đặc biệt nghiêm trọng;</p> <p>c) Để từ 02 người đến 05 06 người trở lên bỏ trốn;</p> <p>đ) Để người thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng bỏ trốn;</p> <p>đ) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến</p>
---	--

chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.	10 năm; a) Người bỏ trốn tiếp tục thực hiện tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; b) Để 06 người trở lên bỏ trốn; c) Để người thực hiện tội phạm đặc biệt nghiêm trọng bỏ trốn. 4. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.	
Điều 377. Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn bắt, giữ, giam người trái pháp luật 1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: a) Không ra quyết định trả tự do cho người được trả tự do theo quy định của luật; b) Ra lệnh, quyết định bắt, giữ, giam người không có căn cứ theo quy định của luật; c) Không chấp hành quyết định trả tự do cho người được trả tự do theo quy định của luật; d) Thực hiện việc bắt, giữ, giam người không có lệnh, quyết định theo quy định của luật hoặc tuy có lệnh, quyết định nhưng chưa có hiệu lực thi hành; đ) Không ra lệnh, quyết định gia hạn tạm giữ, tạm giam hoặc thay đổi, hủy bỏ biện pháp tạm giữ, tạm giam khi hết thời hạn tạm giữ, tạm giam dẫn đến người bị tạm giữ, tạm giam bị giam, giữ quá hạn. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07	Điều 377. Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn bắt, giữ, giam người trái pháp luật 1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị <i>phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc</i> phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: a) Không ra quyết định trả tự do cho người được trả tự do theo quy định của luật; b) Ra lệnh, quyết định bắt, giữ, giam người không có căn cứ theo quy định của luật; c) Không chấp hành quyết định trả tự do cho người được trả tự do theo quy định của luật; d) Thực hiện việc bắt, giữ, giam người không có lệnh, quyết định theo quy định của luật hoặc tuy có lệnh, quyết định nhưng chưa có hiệu lực thi hành; đ) Không ra lệnh, quyết định gia hạn tạm	

<p>năm:</p> <p>a) Giam, giữ trái pháp luật từ 02 người đến 05 người;</p> <p>b) Làm người bị giam, giữ trái pháp luật tổn hại về sức khỏe với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p> <p>c) Làm người bị giam, giữ hoặc gia đình họ lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn;</p> <p>d) Đối với người dưới 18 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Giam, giữ trái pháp luật 06 người trở lên;</p> <p>b) Làm người bị giam, giữ trái pháp luật tổn hại về sức khỏe với tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc chết;</p> <p>c) Làm người bị giam, giữ tự sát;</p> <p>d) Làm gia đình người bị giam, giữ ly tán.</p> <p>4. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>giữ, tạm giam hoặc thay đổi, hủy bỏ biện pháp tạm giữ, tạm giam khi hết thời hạn tạm giữ, tạm giam dẫn đến người bị tạm giữ, tạm giam bị giam, giữ quá hạn.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Giam, giữ trái pháp luật từ 02 người đến 05 người;</p> <p>b) Làm người bị giam, giữ trái pháp luật tổn hại về sức khỏe với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p> <p>c) Làm người bị giam, giữ hoặc gia đình họ lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn;</p> <p>d) Đối với người dưới 18 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Giam, giữ trái pháp luật 06 người trở lên;</p> <p>b) Làm người bị giam, giữ trái pháp luật tổn hại về sức khỏe với tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc chết;</p> <p>c) Làm người bị giam, giữ tự sát;</p> <p>d) Làm gia đình người bị giam, giữ ly tán.</p> <p>4. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm</p>	
---	--	--

	chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.	
<p>Điều 378. Tội tha trái pháp luật người bị bắt, người đang bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù</p> <p>1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lạm quyền tha trái pháp luật người bị bắt, người đang bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Tha trái pháp luật người bị bắt, người đang bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù về tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;</p> <p>b) Người được tha trái pháp luật bỏ trốn hoặc có hành vi cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc tiếp tục thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng;</p> <p>c) Người được tha trái pháp luật trả thù người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng;</p> <p>d) Tha trái pháp luật từ 02 người đến 05 người.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p>	<p>Điều 378. Tội tha trái pháp luật người bị bắt, người đang bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù</p> <p>1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lạm quyền tha trái pháp luật người bị bắt, người đang bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Tha trái pháp luật người bị bắt, người đang bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù về tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;</p> <p>b) Người được tha trái pháp luật bỏ trốn hoặc có hành vi cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc tiếp tục thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng;</p> <p>c) Người được tha trái pháp luật trả thù người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng;</p> <p>d) Tha trái pháp luật từ 02 người đến 05 người.</p>	

<p>a) Tha trái pháp luật 06 người trở lên; b) Người được tha trái pháp luật thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. 4. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 07 năm đến 10 năm: a) Tha trái pháp luật 06 người trở lên; b) Người được tha trái pháp luật thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. 4. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 379. Tội không thi hành án 1. Người nào có thẩm quyền mà cố ý không ra quyết định thi hành án hoặc không thi hành quyết định thi hành bản án, quyết định của Tòa án thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: a) Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm; b) Dẫn đến người bị kết án, người phải chấp hành án bỏ trốn; c) Dẫn đến hết thời hiệu thi hành án; d) Dẫn đến người bị kết án, người phải chấp hành án, người có nghĩa vụ thi hành án tẩu tán tài sản và không thi hành được nghĩa vụ thi hành án với số tiền từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng. 2. Phạm tội thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p>	<p>Điều 379. Tội không thi hành án 1. Người nào có thẩm quyền mà cố ý không ra quyết định thi hành án hoặc không thi hành quyết định thi hành bản án, quyết định của Tòa án thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: a) Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm; b) Dẫn đến người bị kết án, người phải chấp hành án bỏ trốn; c) Dẫn đến hết thời hiệu thi hành án; d) Dẫn đến người bị kết án, người phải chấp hành án, người có nghĩa vụ thi hành án tẩu tán tài sản và không thi hành được nghĩa vụ thi hành án với số tiền từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 400.000.000 đồng. 2. Phạm tội thuộc một trong những</p>	

<p>a) Phạm tội 02 lần trở lên; b) Dẫn đến người bị kết án, người phải chấp hành án tiếp tục thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng; c) Dẫn đến người bị kết án, người phải thi hành án, người có nghĩa vụ thi hành án tẩu tán tài sản và không thi hành được nghĩa vụ thi hành án với số tiền từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Dẫn đến người bị kết án, người phải chấp hành án tiếp tục thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; b) Dẫn đến người bị kết án, người phải thi hành án, người có nghĩa vụ thi hành án tẩu tán tài sản và không thi hành được nghĩa vụ thi hành án với số tiền 1.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên; b) Dẫn đến người bị kết án, người phải chấp hành án tiếp tục thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng; c) Dẫn đến người bị kết án, người phải thi hành án, người có nghĩa vụ thi hành án tẩu tán tài sản và không thi hành được nghĩa vụ thi hành án với số tiền từ 200.000.000 400.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 05 07 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Dẫn đến người bị kết án, người phải chấp hành án tiếp tục thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; b) Dẫn đến người bị kết án, người phải thi hành án, người có nghĩa vụ thi hành án tẩu tán tài sản và không thi hành được nghĩa vụ thi hành án với số tiền 1.000.000.000 2.000.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 380. Tội không chấp hành án 1. Người nào có điều kiện mà không chấp hành bản án hoặc quyết định của Tòa án đã</p>	<p>Điều 380. Tội không chấp hành án 1. Người nào có điều kiện mà không chấp hành bản án hoặc quyết định của Tòa án</p>	

<p>có hiệu lực pháp luật mặc dù đã bị áp dụng biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Chống lại chấp hành viên hoặc người đang thi hành công vụ;</p> <p>b) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;</p> <p>c) Tẩu tán tài sản.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.</p>	<p>đã có hiệu lực pháp luật mặc dù đã bị áp dụng biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Chống lại chấp hành viên hoặc người đang thi hành công vụ;</p> <p>b) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;</p> <p>c) Tẩu tán tài sản.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 10.000.000 đồng đến 50.000.000 100.000.000 đồng.</p>	
<p>Điều 381. Tội cản trở việc thi hành án</p> <p>1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn cố ý cản trở việc thi hành án thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Dẫn đến người bị kết án, người phải chấp hành án bỏ trốn;</p> <p>b) Dẫn đến hết thời hiệu thi hành án;</p> <p>c) Dẫn đến người bị kết án, người phải chấp hành án, người có nghĩa vụ thi hành án tẩu tán tài sản và không thi hành được nghĩa vụ thi hành án với số tiền từ</p>	<p>Điều 381. Tội cản trở việc thi hành án</p> <p>1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn cố ý cản trở việc thi hành án thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Dẫn đến người bị kết án, người phải chấp hành án bỏ trốn;</p> <p>b) Dẫn đến hết thời hiệu thi hành án;</p> <p>c) Dẫn đến người bị kết án, người phải chấp hành án, người có nghĩa vụ thi hành</p>	

<p>50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;</p> <p>d) Gây thiệt hại từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>b) Dẫn đến người bị kết án, người phải chấp hành án tiếp tục thực hiện tội phạm;</p> <p>c) Dẫn đến người bị kết án, người phải thi hành án, người có nghĩa vụ thi hành án tẩu tán tài sản và không thi hành được nghĩa vụ thi hành án với số tiền 200.000.000 đồng trở lên;</p> <p>d) Gây thiệt hại 200.000.000 đồng trở lên.</p> <p>3. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>án tẩu tán tài sản và không thi hành được nghĩa vụ thi hành án với số tiền từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 400.000.000 đồng;</p> <p>d) Gây thiệt hại từ 50.000.000 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 400.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>b) Dẫn đến người bị kết án, người phải chấp hành án tiếp tục thực hiện tội phạm;</p> <p>c) Dẫn đến người bị kết án, người phải thi hành án, người có nghĩa vụ thi hành án tẩu tán tài sản và không thi hành được nghĩa vụ thi hành án với số tiền 200.000.000 400.000.000 đồng trở lên;</p> <p>d) Gây thiệt hại 200.000.000 400.000.000 đồng trở lên.</p> <p>3. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 382. Tội cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc khai báo gian dối</p> <p>1. Người làm chứng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật, người bào chữa nào mà kết luận, dịch, khai gian dối hoặc cung cấp những tài liệu mà mình biết rõ là sai sự thật, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ</p>	<p>Điều 382. Tội cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc khai báo gian dối</p> <p>1. Người làm chứng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật, người bào chữa nào mà kết luận, dịch, khai gian dối hoặc cung cấp những tài liệu mà mình biết rõ là sai sự thật, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến dưới 200.000.000</p>	

<p>03 tháng đến 01 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Dẫn đến việc giải quyết vụ án, vụ việc bị sai lệch.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>b) Dẫn đến việc kết án oan người vô tội hoặc bỏ lọt tội phạm hoặc người phạm tội.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Dẫn đến việc giải quyết vụ án, vụ việc bị sai lệch.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>b) Dẫn đến việc kết án oan người vô tội hoặc bỏ lọt tội phạm hoặc người phạm tội.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 383. Tội từ chối khai báo, từ chối kết luận giám định, định giá tài sản hoặc từ chối cung cấp tài liệu</p> <p>1. Người làm chứng nếu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật này, người giám định, người định giá tài sản, người dịch thuật từ chối khai báo, trốn tránh việc kết luận giám định, định giá tài sản hoặc từ chối cung cấp tài liệu mà không có lý do chính đáng, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam</p>	<p>Điều 383. Tội từ chối khai báo, từ chối kết luận giám định, định giá tài sản hoặc từ chối cung cấp tài liệu</p> <p>1. Người làm chứng nếu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật này, người giám định, người định giá tài sản, người dịch thuật từ chối khai báo, trốn tránh việc kết luận giám định, định giá tài sản hoặc từ chối cung cấp tài liệu mà không có lý do chính đáng, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ</p>	

<p>giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.</p> <p>2. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>20.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.</p> <p>2. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 384. Tội mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác trong việc khai báo, cung cấp tài liệu</p> <p>1. Người nào mua chuộc hoặc cưỡng ép người làm chứng, người bị hại, đương sự trong các vụ án hình sự, hành chính, dân sự khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc không khai báo, không cung cấp tài liệu; mua chuộc hoặc cưỡng ép người giám định, người định giá tài sản kết luận gian dối, người phiên dịch, người dịch thuật dịch xuyên tạc, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn nguy hiểm khác;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>c) Dẫn đến việc giải quyết vụ án, vụ việc bị sai lệch.</p>	<p>Điều 384. Tội mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác trong việc khai báo, cung cấp tài liệu</p> <p>1. Người nào mua chuộc hoặc cưỡng ép người làm chứng, người bị hại, đương sự trong các vụ án hình sự, hành chính, dân sự khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc không khai báo, không cung cấp tài liệu; mua chuộc hoặc cưỡng ép người giám định, người định giá tài sản kết luận gian dối, người phiên dịch, người dịch thuật dịch xuyên tạc, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn nguy hiểm khác;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>c) Dẫn đến việc giải quyết vụ án, vụ việc</p>	

	bị sai lệch.	
<p>Điều 385. Tội vi phạm việc niêm phong, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản</p> <p>1. Người nào được giao giữ, quản lý tài sản bị kê biên, bị niêm phong hoặc vật chứng bị niêm phong, tài khoản bị phong tỏa mà thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Phá hủy niêm phong, giải tỏa việc phong tỏa tài khoản mà không có quyết định của người có thẩm quyền;</p> <p>b) Tiêu dùng, chuyển nhượng, đánh tráo, cất giấu hoặc hủy hoại tài sản bị kê biên.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Dẫn đến việc giải quyết vụ án, vụ việc bị sai lệch;</p> <p>b) Dẫn đến bị can, bị cáo, người bị kết án, người phải thi hành án, người có nghĩa vụ thi hành án tẩu tán tài sản và không thi hành được nghĩa vụ thi hành án với số tiền 100.000.000 đồng trở lên.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>Điều 385. Tội vi phạm việc niêm phong, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản</p> <p>1. Người nào được giao giữ, quản lý tài sản bị kê biên, bị niêm phong hoặc vật chứng bị niêm phong, tài khoản bị phong tỏa mà thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Phá hủy niêm phong, giải tỏa việc phong tỏa tài khoản mà không có quyết định của người có thẩm quyền;</p> <p>b) Tiêu dùng, chuyển nhượng, đánh tráo, cất giấu hoặc hủy hoại tài sản bị kê biên.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Dẫn đến việc giải quyết vụ án, vụ việc bị sai lệch;</p> <p>b) Dẫn đến bị can, bị cáo, người bị kết án, người phải thi hành án, người có nghĩa vụ thi hành án tẩu tán tài sản và không thi hành được nghĩa vụ thi hành án với số tiền 100.000.000 200.000.000 đồng trở lên.</p> <p>3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05</p>	

	năm.	
<p>Điều 386. Tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị áp giải, đang bị xét xử</p> <p>1. Người nào đang bị tạm giữ, tạm giam, áp giải, xét xử hoặc chấp hành án phạt tù mà bỏ trốn, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Dùng vũ lực đối với người canh gác hoặc người áp giải.</p>	<p>Điều 386. Tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị áp giải, đang bị xét xử</p> <p>1. Người nào đang bị tạm giữ, tạm giam, áp giải, xét xử hoặc chấp hành án phạt tù mà bỏ trốn, thì bị <i>phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc</i> phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Dùng vũ lực đối với người canh gác hoặc người áp giải.</p>	
<p>Điều 387. Tội đánh tháo người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam, người đang bị áp giải, xét xử, chấp hành án phạt tù</p> <p>1. Người nào đánh tháo người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, người đang bị áp giải, xét xử hoặc chấp hành án phạt tù, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 119 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>c) Dùng vũ lực đối với người canh gác</p>	<p>Điều 387. Tội đánh tháo người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam, người đang bị áp giải, xét xử, chấp hành án phạt tù</p> <p>1. Người nào đánh tháo người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, người đang bị áp giải, xét xử hoặc chấp hành án phạt tù, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 119 của Bộ luật này, thì bị <i>phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc</i> phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 <i>07</i> năm đến 12 năm:</p>	

<p>hoặc người áp giải; d) Đánh tháo người bị kết án về tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc người bị kết án tử hình. 3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	<p>a) Có tổ chức; b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; c) Dùng vũ lực đối với người canh gác hoặc người áp giải; d) Đánh tháo người bị kết án về tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc người bị kết án tử hình. 3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>	
<p>Điều 388. Tội vi phạm quy định về giam giữ 1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây vi phạm quy định của pháp luật về giam giữ, đã bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: a) Gây rối hoặc chống lại mệnh lệnh của người có thẩm quyền trong quản lý giam giữ; b) Không có trách nhiệm mà đưa vào, tàng trữ, sử dụng thiết bị thông tin liên lạc cá nhân hoặc phương tiện ghi âm, ghi hình trong cơ sở giam giữ. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: a) Có tổ chức; b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p>	<p>Điều 388. Tội vi phạm quy định về giam giữ 1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây vi phạm quy định của pháp luật về giam giữ, đã bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị <i>phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc</i> phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: a) Gây rối hoặc chống lại mệnh lệnh của người có thẩm quyền trong quản lý giam giữ; b) Không có trách nhiệm mà đưa vào, tàng trữ, sử dụng thiết bị thông tin liên lạc cá nhân hoặc phương tiện ghi âm, ghi hình trong cơ sở giam giữ. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 <i>03</i> năm</p>	

<p>c) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt; d) Tái phạm nguy hiểm. 3. Người phạm tội còn có thể bị cấm cư trú từ 01 năm đến 03 năm, cấm đảm nhiệm chức vụ từ 01 năm đến 03 năm.</p>	<p>đến 07 năm: a) Có tổ chức; b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; c) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt; d) Tái phạm nguy hiểm. 3. Người phạm tội còn có thể bị cấm cư trú từ 01 năm đến 03 năm, cấm đảm nhiệm chức vụ từ 01 năm đến 03 năm.</p>	
<p>Điều 389. Tội che giấu tội phạm 1. Người nào không hứa hẹn trước mà che giấu một trong các tội phạm quy định tại các điều sau đây của Bộ luật này, nếu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 18 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm: a) Các điều 108, 109, 110, 111, 1 12, 113, 1 14, 115, 116, 117, 118, 119, 120 và 121; b) Điều 123, các khoản 2, 3 và 4 Điều 141, Điều 142, Điều 144, khoản 2 và khoản 3 Điều 146, các khoản 1, 2 và 3 Điều 150, các điều 151, 152, 153 và 154; c) Điều 168, Điều 169, các khoản 2, 3 và 4 Điều 173, các khoản 2, 3 và 4 Điều 174, các khoản 2, 3 và 4 Điều 175, các khoản 2, 3 và 4 Điều 178; d) Khoản 3 và khoản 4 Điều 188, khoản 3 Điều 189, khoản 2 và khoản 3 Điều 190, khoản 2 và khoản 3 Điều 191, khoản 2 và khoản 3 Điều 192, các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 193, các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 194,</p>	<p>Điều 389. Tội che giấu tội phạm 1. Người nào không hứa hẹn trước mà che giấu một trong các tội phạm quy định tại các điều sau đây của Bộ luật này, nếu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 18 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 02 năm: a) Các điều 108, 109, 110, 111, 1 12, 113, 1 14, 115, 116, 117, 118, 119, 120 và 121; b) Điều 123, các khoản 2, 3 và 4 Điều 141, Điều 142, Điều 144, khoản 2 và khoản 3 Điều 146, các khoản 1, 2 và 3 Điều 150, các điều 151, 152, 153 và 154; c) Điều 168, Điều 169, các khoản 2, 3 và 4 Điều 173, các khoản 2, 3 và 4 Điều 174, các khoản 2, 3 và 4 Điều 175, các khoản 2, 3 và 4 Điều 178; d) Khoản 3 và khoản 4 Điều 188, khoản 3 Điều 189, khoản 2 và khoản 3 Điều 190,</p>	

<p>các khoản 2, 3 và 4 Điều 195, khoản 2 và khoản 3 Điều 196, khoản 3 Điều 205, các khoản 2, 3 và 4 Điều 206, Điều 207, Điều 208, khoản 2 và khoản 3 Điều 219, khoản 2 và khoản 3 Điều 220, khoản 2 và khoản 3 Điều 221, khoản 2 và khoản 3 Điều 222, khoản 2 và khoản 3 Điều 223, khoản 2 và khoản 3 Điều 224;</p> <p>đ) Khoản 2 và khoản 3 Điều 243;</p> <p>e) Các điều 248, 249, 250, 251, 252 và 253, khoản 2 Điều 254, các điều 255, 256, 257 và 258, khoản 2 Điều 259;</p> <p>g) Các khoản 2, 3 và 4 Điều 265, các điều 282, 299, 301, 302, 303 và 304, các khoản 2, 3 và 4 Điều 305, các khoản 2, 3 và 4 Điều 309, các khoản 2, 3 và 4 Điều 311, khoản 2 và khoản 3 Điều 329;</p> <p>h) Các khoản 2, 3 và 4 Điều 353, các khoản 2, 3 và 4 Điều 354, các khoản 2, 3 và 4 Điều 355, khoản 2 và khoản 3 Điều 356, các khoản 2, 3 và 4 Điều 357, các khoản 2, 3 và 4 Điều 358, các khoản 2, 3 và 4 Điều 359, các khoản 2, 3 và 4 Điều 364, các khoản 2, 3 và 4 Điều 365;</p> <p>i) Khoản 3 và khoản 4 Điều 373, khoản 3 và khoản 4 Điều 374, khoản 2 Điều 386;</p> <p>k) Các điều 421, 422, 423, 424 và 425.</p> <p>2. Phạm tội trong trường hợp lợi dụng chức vụ, quyền hạn cản trở việc phát hiện tội phạm hoặc có những hành vi khác bao che người phạm tội, thì bị phạt tù từ 02 năm</p>	<p>khoản 2 và khoản 3 Điều 191, khoản 2 và khoản 3 Điều 192, các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 193, các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 194, các khoản 2, 3 và 4 Điều 195, khoản 2 và khoản 3 Điều 196, khoản 3 Điều 205, các khoản 2, 3 và 4 Điều 206, Điều 207, Điều 208, khoản 2 và khoản 3 Điều 219, khoản 2 và khoản 3 Điều 220, khoản 2 và khoản 3 Điều 221, khoản 2 và khoản 3 Điều 222, khoản 2 và khoản 3 Điều 223, khoản 2 và khoản 3 Điều 224;</p> <p>đ) Khoản 2 và khoản 3 Điều 243;</p> <p>e) Các điều 248, 249, 250, 251, 252 và 253, khoản 2 Điều 254, các điều 255, 256, 257 và 258, khoản 2 Điều 259;</p> <p>g) Các khoản 2, 3 và 4 Điều 265, các điều 282, 299, 301, 302, 303 và 304, các khoản 2, 3 và 4 Điều 305, các khoản 2, 3 và 4 Điều 309, các khoản 2, 3 và 4 Điều 311, khoản 2 và khoản 3 Điều 329;</p> <p>h) Các khoản 2, 3 và 4 Điều 353, các khoản 2, 3 và 4 Điều 354, các khoản 2, 3 và 4 Điều 355, khoản 2 và khoản 3 Điều 356, các khoản 2, 3 và 4 Điều 357, các khoản 2, 3 và 4 Điều 358, các khoản 2, 3 và 4 Điều 359, các khoản 2, 3 và 4 Điều 364, các khoản 2, 3 và 4 Điều 365;</p> <p>i) Khoản 3 và khoản 4 Điều 373, khoản 3 và khoản 4 Điều 374, khoản 2 Điều 386;</p> <p>k) Các điều 421, 422, 423, 424 và 425.</p> <p>2. Phạm tội trong trường hợp lợi dụng</p>	
---	--	--

đến 07 năm.	chức vụ, quyền hạn cản trở việc phát hiện tội phạm hoặc có những hành vi khác bao che người phạm tội, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.	
<p>Điều 390. Tội không tố giác tội phạm</p> <p>1. Người nào biết rõ một trong các tội phạm quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 14 của Bộ luật này đang được chuẩn bị hoặc một trong các tội phạm quy định tại Điều 389 của Bộ luật này đang được thực hiện hoặc đã được thực hiện mà không tố giác, nếu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 19 của Bộ luật này, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Người không tố giác nếu đã có hành động can ngăn người phạm tội hoặc hạn chế tác hại của tội phạm, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt.</p>	<p>Điều 390. Tội không tố giác tội phạm</p> <p>1. Người nào biết rõ một trong các tội phạm quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 14 của Bộ luật này đang được chuẩn bị hoặc một trong các tội phạm quy định tại Điều 389 của Bộ luật này đang được thực hiện hoặc đã được thực hiện mà không tố giác, nếu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 19 của Bộ luật này, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Người không tố giác nếu đã có hành động can ngăn người phạm tội hoặc hạn chế tác hại của tội phạm, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt.</p>	
<p>Điều 391. Tội gây rối trật tự phiên tòa, phiên họp</p> <p>1. Người nào tại phiên tòa, phiên họp mà thóa mạ, xúc phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm của Thẩm phán, Hội thẩm, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác hoặc người tham gia phiên tòa, phiên họp hoặc có hành vi đập phá tài sản, nếu</p>	<p>Điều 391. Tội gây rối trật tự phiên tòa, phiên họp</p> <p>1. Người nào tại phiên tòa, phiên họp mà thóa mạ, xúc phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm của Thẩm phán, Hội thẩm, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác hoặc người tham gia phiên tòa, phiên họp hoặc có hành vi đập phá tài</p>	

<p>không thuộc trường hợp quy định tại Điều 178 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:</p> <p>a) Dẫn đến phải dừng phiên tòa, phiên họp;</p> <p>b) Hành hung Thẩm phán, Hội thẩm, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 134 của Bộ luật này.</p>	<p>sản, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 178 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 20.000.000 đồng đến 100.000.000 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 02 năm đến 03 năm:</p> <p>a) Dẫn đến phải dừng phiên tòa, phiên họp;</p> <p>b) Hành hung Thẩm phán, Hội thẩm, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 134 của Bộ luật này.</p>	
<p>Chương XXV CÁC TỘI XÂM PHẠM NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM CỦA QUÂN NHÂN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI PHỐI THUỘC VỚI QUÂN ĐỘI TRONG CHIẾN ĐẤU, PHỤC VỤ CHIẾN ĐẤU</p>		
<p>Điều 392. Những người phải chịu trách nhiệm hình sự về các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân</p> <p>1. Quân nhân tại ngũ, công nhân, viên chức quốc phòng.</p> <p>2. Quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện.</p> <p>3. Dân quân, tự vệ trong thời gian phối thuộc với quân đội trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu.</p> <p>4. Công dân được trưng tập vào phục vụ trong quân đội.</p>	<p>Điều 392. Những người phải chịu trách nhiệm hình sự về các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân</p> <p>1. Quân nhân tại ngũ, công nhân, <i>công chức</i>, viên chức quốc phòng.</p> <p>2. Quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện <i>hoặc kiểm tra tình trạng sẵn sàng chiến đấu;</i></p> <p>3. Dân quân tự vệ trong thời gian <i>tập trung huấn luyện</i> phối thuộc với quân đội trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu.</p> <p>4. Công dân được <i>điều động</i>, trưng tập hoặc <i>hợp đồng</i> vào phục vụ trong quân</p>	<p>Bổ sung đối tượng chịu trách nhiệm hình sự tại Chương XXV trên cơ sở đề nghị tại Báo cáo tổng kết của Bộ Quốc phòng, nhằm bảo đảm phù hợp với Điều 272 của Bộ luật TTHS quy định về thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự.</p>

	<p>đội.</p> <p>5. Người làm việc trong tổ chức cơ yếu của Ban Cơ yếu Chính phủ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; học viên đào tạo sỹ quan dự bị tại các cơ sở đào tạo trong Quân đội; người đang đào tạo tại các cơ sở đào tạo trong Quân đội.</p>	
<p>Điều 393. Tội ra mệnh lệnh trái pháp luật</p> <p>1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn ra mệnh lệnh trái pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Trong chiến đấu;</p> <p>b) Trong khu vực có chiến sự;</p> <p>c) Trong thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn;</p> <p>d) Trong tình trạng khẩn cấp;</p> <p>đ) Gây hậu quả rất nghiêm trọng.</p> <p>3. Phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng hoặc trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.</p>	<p>Điều 393. Tội ra mệnh lệnh trái pháp luật</p> <p>1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn ra mệnh lệnh trái pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Trong chiến đấu;</p> <p>b) Trong khu vực có chiến sự;</p> <p>c) Trong thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn;</p> <p>d) Trong tình trạng khẩn cấp;</p> <p>đ) Gây hậu quả rất nghiêm trọng.</p> <p>3. Phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng hoặc trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác, thì bị phạt tù từ 07 10 năm đến 15 năm</p>	
<p>Điều 394. Tội chống mệnh lệnh</p> <p>1. Người nào từ chối chấp hành hoặc cố ý không thực hiện mệnh lệnh của người có</p>	<p>Điều 394. Tội chống mệnh lệnh</p> <p>1. Người nào từ chối chấp hành hoặc cố ý không thực hiện mệnh lệnh của người có</p>	

<p>thẩm quyền, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;</p> <p>b) Lôi kéo người khác phạm tội;</p> <p>c) Dùng vũ lực;</p> <p>d) Gây hậu quả nghiêm trọng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Trong chiến đấu;</p> <p>b) Trong khu vực có chiến sự;</p> <p>c) Trong thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn;</p> <p>d) Trong tình trạng khẩn cấp;</p> <p>đ) Gây hậu quả rất nghiêm trọng.</p> <p>4. Phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.</p>	<p>thẩm quyền, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;</p> <p>b) Lôi kéo người khác phạm tội;</p> <p>c) Dùng vũ lực;</p> <p>d) Gây hậu quả nghiêm trọng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Trong chiến đấu;</p> <p>b) Trong khu vực có chiến sự;</p> <p>c) Trong thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn;</p> <p>d) Trong tình trạng khẩn cấp;</p> <p>đ) Gây hậu quả rất nghiêm trọng.</p> <p>4. Phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.</p>	
<p>Điều 395. Tội chấp hành không nghiêm chỉnh mệnh lệnh</p> <p>1. Người nào chấp hành mệnh lệnh của người có thẩm quyền một cách lơ là, chậm trễ, tùy tiện gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p>	<p>Điều 395. Tội chấp hành không nghiêm chỉnh mệnh lệnh</p> <p>1. Người nào chấp hành mệnh lệnh của người có thẩm quyền một cách lơ là, chậm trễ, tùy tiện gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường</p>	<p>Đề xuất: Không tiếp thu ý kiến của BQP vì hành vi tại khoản 1 điều này cần gắn với việc đánh giá mức độ, tính chất, hậu quả thì mới xem xét về căn cứ để khởi tố hình sự; không căn cứ vào tình tiết nhân thân đã bị xử lý kỷ luật để khởi tố hình sự.</p>

a) Trong chiến đấu; b) Trong khu vực có chiến sự; c) Trong thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn; d) Trong tình trạng khẩn cấp; đ) Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.	hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm: a) Trong chiến đấu; b) Trong khu vực có chiến sự; c) Trong thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn; d) Trong tình trạng khẩn cấp; đ) Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.	
Điều 396. Tội cản trở đồng đội thực hiện nhiệm vụ 1. Người nào cản trở đồng đội thực hiện nhiệm vụ dẫn đến người đó không thực hiện được hoặc thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ được giao, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 03 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan; b) Lôi kéo người khác phạm tội; c) Dùng vũ lực; d) Gây hậu quả nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng. 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm: a) Trong chiến đấu; b) Trong khu vực có chiến sự; c) Trong thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, cứu	Điều 396. Tội cản trở đồng đội thực hiện nhiệm vụ 1. Người nào cản trở đồng đội thực hiện nhiệm vụ dẫn đến người đó không thực hiện được hoặc thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ được giao, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 03 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm: a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan; b) Lôi kéo người khác phạm tội; c) Dùng vũ lực; d) Gây hậu quả nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng. 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 07 năm đến 10 năm: a) Trong chiến đấu; b) Trong khu vực có chiến sự; c) Trong thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, cứu	

<p>nạn; d) Trong tình trạng khẩn cấp; đ) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.</p> <p>Điều 397. Tội làm nhục đồng đội 1. Người nào trong quan hệ công tác mà xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự đồng đội, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm: a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan; b) Đối với chỉ huy hoặc cấp trên; c) Vì lý do công vụ của nạn nhân; d) Trong khu vực có chiến sự; đ) Phạm tội 02 lần trở lên; e) Đối với 02 người trở lên; g) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; h) Làm nạn nhân tự sát.</p>	<p>nạn; d) Trong tình trạng khẩn cấp; đ) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.</p> <p>Điều 397. Tội làm nhục đồng đội 1. Người nào trong quan hệ công tác mà xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự đồng đội, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm: a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan; b) Đối với chỉ huy hoặc cấp trên; c) Vì lý do công vụ của nạn nhân; d) Trong khu vực có chiến sự; đ) Phạm tội 02 lần trở lên; e) Đối với 02 người trở lên; g) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; h) Làm nạn nhân tự sát.</p>	<p>Đề xuất không tiếp thu: vì cụm từ “trong quan hệ công tác” tại Điều luật nhằm bỏ nghĩa trong việc xác định hoàn cảnh, phạm vi, mối quan hệ đối với cụm từ đồng đội.</p>
<p>Điều 398. Tội hành hung đồng đội 1. Người nào trong quan hệ công tác mà cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của đồng đội mà không thuộc trường hợp quy định tại Điều 134 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07</p>	<p>Điều 398. Tội hành hung đồng đội 1. Người nào trong quan hệ công tác mà cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của đồng đội mà không thuộc trường hợp quy định tại Điều 134 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường</p>	<p>Đề xuất không tiếp thu: vì cụm từ “trong quan hệ công tác” tại Điều luật nhằm bỏ nghĩa trong việc xác định hoàn cảnh, phạm vi, mối quan hệ đối với cụm từ đồng đội.</p>

<p>năm:</p> <p>a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;</p> <p>b) Đối với chỉ huy hoặc cấp trên;</p> <p>c) Vì lý do công vụ của nạn nhân;</p> <p>d) Trong khu vực có chiến sự;</p> <p>đ) Gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.</p>	<p>hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;</p> <p>b) Đối với chỉ huy hoặc cấp trên;</p> <p>c) Vì lý do công vụ của nạn nhân;</p> <p>d) Trong khu vực có chiến sự;</p> <p>đ) Gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.</p>	
<p>Điều 399. Tội đầu hàng địch</p> <p>1. Người nào đầu hàng địch, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;</p> <p>b) Giao nộp cho địch vũ khí, phương tiện kỹ thuật quân sự;</p> <p>c) Giao nộp tài liệu quan trọng hoặc khai báo bí mật công tác quân sự;</p> <p>d) Lôi kéo người khác phạm tội;</p> <p>đ) Gây hậu quả nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Giao nộp cho địch vật, tài liệu bí mật nhà nước hoặc khai báo bí mật nhà nước;</p> <p>b) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.</p>	<p>Điều 399. Tội đầu hàng địch</p> <p>1. Người nào đầu hàng địch, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;</p> <p>b) Giao nộp cho địch vũ khí, phương tiện kỹ thuật quân sự;</p> <p>c) Giao nộp tài liệu quan trọng hoặc khai báo bí mật công tác quân sự;</p> <p>d) Lôi kéo người khác phạm tội;</p> <p>đ) Gây hậu quả nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Giao nộp cho địch vật, tài liệu bí mật nhà nước hoặc khai báo bí mật nhà nước;</p> <p>b) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.</p>	
<p>Điều 400. Tội khai báo hoặc tự nguyện làm việc cho địch khi bị bắt làm tù binh</p> <p>1. Người nào khi bị địch bắt làm tù binh</p>	<p>Điều 400. Tội khai báo hoặc tự nguyện làm việc cho địch khi bị bắt làm tù binh</p>	

<p>mà khai báo bí mật công tác quân sự hoặc tự nguyện làm việc cho địch, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;</p> <p>b) Đối xử tàn ác với tù binh khác;</p> <p>c) Lôi kéo người khác khai báo, làm việc cho địch;</p> <p>d) Gây hậu quả nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Giao nộp cho địch vật, tài liệu bí mật nhà nước hoặc khai báo bí mật nhà nước;</p> <p>b) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.</p>	<p>1. Người nào khi bị địch bắt làm tù binh mà khai báo bí mật công tác quân sự hoặc tự nguyện làm việc cho địch, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;</p> <p>b) Đối xử tàn ác với tù binh khác;</p> <p>c) Lôi kéo người khác khai báo, làm việc cho địch;</p> <p>d) Gây hậu quả nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Giao nộp cho địch vật, tài liệu bí mật nhà nước hoặc khai báo bí mật nhà nước;</p> <p>b) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.</p>	
<p>Điều 401. Tội bỏ vị trí chiến đấu hoặc không làm nhiệm vụ trong chiến đấu</p> <p>1. Người nào tự ý rời bỏ vị trí chiến đấu hoặc không làm nhiệm vụ trong chiến đấu, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;</p> <p>b) Bỏ vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự hoặc tài liệu bí mật công tác quân sự;</p> <p>c) Lôi kéo người khác phạm tội;</p>	<p>Điều 401. Tội bỏ vị trí chiến đấu hoặc không làm nhiệm vụ trong chiến đấu</p> <p>1. Người nào tự ý rời bỏ vị trí chiến đấu hoặc không làm nhiệm vụ trong chiến đấu, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;</p> <p>b) Bỏ vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự hoặc tài liệu bí mật công tác quân sự;</p> <p>c) Lôi kéo người khác phạm tội;</p>	

<p>d) Gây hậu quả nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng.</p> <p>3. Phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm.</p>	<p>d) Gây hậu quả nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng.</p> <p>3. Phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 10 12 năm đến 20 năm.</p>	
<p>Điều 402. Tội đào ngũ</p> <p>1. Người nào rời bỏ hàng ngũ quân đội nhằm trốn tránh nghĩa vụ trong thời chiến hoặc đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm hoặc gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;</p> <p>b) Lôi kéo người khác phạm tội;</p> <p>c) Mang theo, vứt bỏ vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự hoặc tài liệu bí mật quân sự;</p> <p>d) Gây hậu quả rất nghiêm trọng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Trong chiến đấu;</p> <p>b) Trong khu vực có chiến sự;</p> <p>c) Trong khi thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn;</p> <p>d) Trong tình trạng khẩn cấp;</p> <p>đ) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.</p>	<p>Điều 402. Tội đào ngũ</p> <p>1. Người nào rời bỏ hàng ngũ quân đội nhằm trốn tránh nghĩa vụ trong thời chiến hoặc đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm hoặc gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;</p> <p>b) Lôi kéo người khác phạm tội;</p> <p>c) Mang theo, vứt bỏ vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự hoặc tài liệu bí mật <i>công</i> <i>tác</i> quân sự;</p> <p>d) Gây hậu quả rất nghiêm trọng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 05 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Trong chiến đấu;</p> <p>b) Trong khu vực có chiến sự;</p> <p>c) Trong khi thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn;</p> <p>d) Trong tình trạng khẩn cấp;</p> <p>đ) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.</p>	<p>Sửa đổi bí mật quân sự thành bí mật công tác quân sự để bảo đảm thống nhất tại các điều 404, 405, 406, 407</p>

<p>Điều 403. Tội trốn tránh nhiệm vụ</p> <p>1. Người nào tự gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của mình hoặc dùng thủ đoạn gian dối khác để trốn tránh nhiệm vụ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;</p> <p>b) Lôi kéo người khác phạm tội;</p> <p>c) Trong thời chiến;</p> <p>d) Trong khi thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn;</p> <p>đ) Trong tình trạng khẩn cấp;</p> <p>e) Gây hậu quả nghiêm trọng.</p> <p>3. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.</p>	<p>Điều 403. Tội trốn tránh nhiệm vụ</p> <p>1. Người nào tự gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của mình hoặc dùng thủ đoạn gian dối khác để trốn tránh nhiệm vụ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;</p> <p>b) Lôi kéo người khác phạm tội;</p> <p>c) Trong thời chiến;</p> <p>d) Trong khi thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn;</p> <p>đ) Trong tình trạng khẩn cấp;</p> <p>e) Gây hậu quả nghiêm trọng.</p> <p>3. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 05-07 năm đến 10 năm.</p>	
<p>Điều 404. Tội cố ý làm lộ bí mật công tác quân sự</p> <p>1. Người nào cố ý làm lộ bí mật công tác quân sự, nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điều 110, 337 và 361 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;</p>	<p>Điều 404. Tội cố ý làm lộ bí mật công tác quân sự</p> <p>1. Người nào cố ý làm lộ bí mật công tác quân sự <i>hoặc chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy thông tin, tài liệu, vật chứa bí mật quân sự</i> nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điều 110, 337 và 361 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 05 năm</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên như hiện hành đối với tên điều vì nội hàm của bí mật công tác đã bao hàm bí mật quân sự. Mặt khác điều luật cũng đã phân định về hành vi tại các tội danh điều 110, 337 và 361.</p> <p>Ngoài ra, chưa có định nghĩa, quy định hướng dẫn về bí mật quân sự</p>

b) Trong khu vực có chiến sự; c) Trong chiến đấu; d) Gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.	đến 10 năm: a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan; b) Trong khu vực có chiến sự; c) Trong chiến đấu; d) Gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.	
Điều 405. Tội chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy tài liệu bí mật công tác quân sự 1. Người nào chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy tài liệu bí mật công tác quân sự, nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điều 110, 337 và 361 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm: a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan; b) Trong khu vực có chiến sự; c) Trong chiến đấu; d) Gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.	Điều 405. Tội chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy tài liệu bí mật công tác quân sự 1. Người nào chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy tài liệu bí mật công tác quân sự, nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điều 110, 337 và 361 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm: a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan; b) Trong khu vực có chiến sự; c) Trong chiến đấu; d) Gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.	Bộ Quốc phòng đề nghị bỏ tội danh này và gộp lên 404
Điều 406. Tội vô ý làm lộ bí mật công tác quân sự 1. Người nào vô ý làm lộ bí mật công tác quân sự, nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 338 và Điều 362 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ	Điều 406. Tội vô ý làm lộ bí mật công tác quân sự, <i>làm mất tài liệu, vật chứa bí mật quân sự</i> 1. Người nào vô ý làm lộ bí mật công tác quân sự <i>hoặc làm mất tài liệu, vật chứa bí mật quân sự</i> nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều	Đề nghị không tiếp thu về việc bỏ “công tác” thuyết minh như trên.

<p>03 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;</p> <p>b) Trong khu vực có chiến sự;</p> <p>c) Trong chiến đấu;</p> <p>d) Gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.</p>	<p>338 và Điều 362 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 02 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;</p> <p>b) Trong khu vực có chiến sự;</p> <p>c) Trong chiến đấu;</p> <p>d) Gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.</p>	
<p>Điều 407. Tội làm mất tài liệu bí mật công tác quân sự</p> <p>1. Người nào làm mất tài liệu bí mật công tác quân sự, nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 338 và Điều 362 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;</p> <p>b) Trong khu vực có chiến sự;</p> <p>c) Trong chiến đấu;</p> <p>d) Gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.</p>	<p>Điều 407. Tội làm mất tài liệu bí mật công tác quân sự</p> <p>1. Người nào làm mất tài liệu bí mật công tác quân sự, nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 323 và Điều 347 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;—</p> <p>b) Trong khu vực có chiến sự;</p> <p>c) Trong chiến đấu;</p> <p>d) Gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.</p>	
<p>Điều 408. Tội báo cáo sai</p> <p>1. Người nào cố ý báo cáo sai trong hoạt động quân sự gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03</p>	<p>Điều 408. Tội <i>không báo cáo hoặc</i> báo cáo sai</p> <p>1. Người nào cố ý <i>không báo cáo hoặc</i> báo cáo sai trong hoạt động quân sự gây</p>	<p>Đề nghị không tiếp thu nội dung này vì hành vi không báo cáo đã được điều chỉnh tại Đ395 về tội không chấp hành mệnh lệnh. Mặt khác việc thực hiện báo cáo thuộc quy trình công tác, nghiệp vụ</p>

<p>năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Trong chiến đấu;</p> <p>b) Trong khu vực có chiến sự;</p> <p>c) Trong tình trạng khẩn cấp;</p> <p>d) Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.</p>	<p>hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Trong chiến đấu;</p> <p>b) Trong khu vực có chiến sự;</p> <p>c) Trong tình trạng khẩn cấp;</p> <p>d) Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.</p>	
<p>Điều 409. Tội vi phạm quy định về trực ban, trực chiến, trực chỉ huy</p> <p>1. Người nào không chấp hành nghiêm chỉnh chế độ trực ban, trực chiến, trực chỉ huy gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Trong chiến đấu;</p> <p>b) Trong khu vực có chiến sự;</p> <p>c) Trong khi thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn;</p> <p>d) Trong tình trạng khẩn cấp;</p> <p>đ) Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.</p>	<p>Điều 409. Tội vi phạm quy định về trực ban, trực chiến, trực chỉ huy</p> <p>1. Người nào không chấp hành nghiêm chỉnh chế độ trực ban, trực chiến, trực chỉ huy gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Trong chiến đấu;</p> <p>b) Trong khu vực có chiến sự;</p> <p>c) Trong khi thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn;</p> <p>d) Trong tình trạng khẩn cấp;</p> <p>đ) Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.</p>	
<p>Điều 410. Tội vi phạm quy định về bảo vệ</p> <p>1. Người nào không chấp hành quy định về</p>	<p>Điều 410. Tội vi phạm quy định về bảo vệ</p> <p>1. Người nào không chấp hành quy định về</p>	

<p>tuần tra, canh gác, áp tải, hộ tổng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm:</p> <p>a) Làm người được bảo vệ, hộ tổng bị tổn thương cơ thể;</p> <p>b) Làm hư hỏng phương tiện kỹ thuật, thiết bị quân sự;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>d) Gây hậu quả nghiêm trọng khác.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Làm người được bảo vệ, hộ tổng chết;</p> <p>b) Làm mất phương tiện kỹ thuật, thiết bị quân sự;</p> <p>c) Trong chiến đấu;</p> <p>d) Trong khu vực có chiến sự;</p> <p>đ) Lôi kéo người khác phạm tội;</p> <p>e) Gây thiệt hại về tài sản 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>g) Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng khác.</p>	<p>về tuần tra, canh gác, áp tải, hộ tổng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm:</p> <p>a) Làm người được bảo vệ, hộ tổng bị tổn thương cơ thể;</p> <p>b) Làm hư hỏng phương tiện kỹ thuật, thiết bị quân sự;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>d) Gây hậu quả nghiêm trọng khác.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 05 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Làm người được bảo vệ, hộ tổng chết;</p> <p>b) Làm mất phương tiện kỹ thuật, thiết bị quân sự;</p> <p>c) Trong chiến đấu;</p> <p>d) Trong khu vực có chiến sự;</p> <p>đ) Lôi kéo người khác phạm tội;</p> <p>e) Gây thiệt hại về tài sản 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>g) Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng khác.</p>	
<p>Điều 411. Tội vi phạm các quy định về bảo đảm an toàn trong chiến đấu hoặc trong huấn luyện</p> <p>1. Người nào không chấp hành nghiêm chỉnh những quy định bảo đảm an toàn trong chiến đấu hoặc trong huấn luyện gây</p>	<p>Điều 411. Tội vi phạm các quy định về bảo đảm an toàn trong chiến đấu hoặc trong huấn luyện</p> <p>1. Người nào không chấp hành nghiêm chỉnh những quy định bảo đảm an toàn trong chiến đấu hoặc trong huấn luyện gây</p>	

<p>hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.</p>	<p>gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 03 05 năm đến 10 năm.</p>	
<p>Điều 412. Tội vi phạm quy định về sử dụng vũ khí quân dụng, trang bị kỹ thuật quân sự</p> <p>1. Người nào vi phạm quy định về sử dụng vũ khí quân dụng, trang bị kỹ thuật quân sự gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Trong chiến đấu;</p> <p>b) Trong khu vực có chiến sự;</p> <p>c) Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.</p>	<p>Điều 412. Tội vi phạm quy định về sử dụng vũ khí quân dụng, trang bị kỹ thuật quân sự</p> <p>1. Người nào vi phạm quy định về sử dụng vũ khí quân dụng, trang bị kỹ thuật quân sự gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Trong chiến đấu;</p> <p>b) Trong khu vực có chiến sự;</p> <p>c) Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.</p>	<p>Đề xuất không tiếp thu để bảo đảm thống nhất với các điều 401, 402</p>
<p>Điều 413. Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng vũ khí quân dụng, trang bị kỹ thuật quân sự</p> <p>1. Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng vũ khí quân dụng, trang bị kỹ thuật quân sự, nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 114 và Điều 303 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p>	<p>Điều 413. Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng vũ khí quân dụng, trang bị kỹ thuật quân sự</p> <p>1. Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng vũ khí quân dụng, trang bị kỹ thuật quân sự, nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 97 và Điều 288 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p>	

<p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Trong chiến đấu;</p> <p>b) Trong khu vực có chiến sự;</p> <p>c) Lôi kéo người khác phạm tội;</p> <p>d) Gây hậu quả nghiêm trọng.</p> <p>3. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.</p>	<p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Trong chiến đấu;</p> <p>b) Trong khu vực có chiến sự;</p> <p>c) Lôi kéo người khác phạm tội;</p> <p>d) Gây hậu quả nghiêm trọng.</p> <p>3. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.</p>	
<p>Điều 414. Tội làm mất hoặc vô ý làm hư hỏng vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự</p> <p>1. Người nào được giao quản lý, được trang bị vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự mà làm mất hoặc vô ý làm hư hỏng gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.</p>	<p>Điều 414. Tội làm mất hoặc vô ý làm hư hỏng vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự</p> <p>1. Người nào được giao quản lý, được trang bị vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự mà làm mất hoặc vô ý làm hư hỏng gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 03 05 năm đến 07 năm.</p>	
<p>Điều 415. Tội quấy nhiễu nhân dân</p> <p>1. Người nào có hành vi quấy nhiễu nhân dân đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm hoặc gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p>	<p>Điều 415. Tội quấy nhiễu nhân dân</p> <p>1. Người nào có hành vi quấy nhiễu nhân dân đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm hoặc gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p>	

<p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;</p> <p>b) Lôi kéo người khác phạm tội;</p> <p>c) Trong khu vực có chiến sự;</p> <p>d) Trong khu vực đã có lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp;</p> <p>đ) Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.</p>	<p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;</p> <p>b) Lôi kéo người khác phạm tội;</p> <p>c) Trong khu vực có chiến sự;</p> <p>d) Trong khu vực đã có lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp;</p> <p>đ) Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.</p>	
<p>Điều 416. Tội lạm dụng nhu cầu quân sự trong khi thực hiện nhiệm vụ</p> <p>1. Người nào trong khi thực hiện nhiệm vụ mà vượt quá phạm vi cần thiết của nhu cầu quân sự gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng của Nhà nước, của tổ chức, cá nhân, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội gây thiệt hại về tài sản 500.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.</p>	<p>Điều 416. Tội lạm dụng nhu cầu quân sự trong khi thực hiện nhiệm vụ</p> <p>1. Người nào trong khi thực hiện nhiệm vụ mà vượt quá phạm vi cần thiết của nhu cầu quân sự gây thiệt hại về tài sản từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng của Nhà nước, của tổ chức, cá nhân, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội gây thiệt hại về tài sản 1.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.</p>	
<p>Điều 417. Tội cố ý bỏ thương binh, tử sĩ hoặc không chăm sóc, cứu chữa thương binh</p> <p>1. Người nào có trách nhiệm mà cố ý bỏ thương binh, tử sĩ tại trận địa hoặc không chăm sóc, cứu chữa thương binh dẫn đến không tìm thấy thương binh, tử sĩ hoặc thương binh bị chết, thì bị phạt cải tạo</p>	<p>Điều 417. Tội cố ý bỏ thương binh, tử sĩ hoặc không chăm sóc, cứu chữa thương binh</p> <p>1. Người nào có trách nhiệm mà cố ý bỏ thương binh, tử sĩ tại trận địa hoặc không chăm sóc, cứu chữa thương binh dẫn đến không tìm thấy thương binh, tử sĩ hoặc thương binh bị chết, thì bị phạt cải tạo</p>	

<p>không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;</p> <p>b) Đối với 02 thương binh hoặc 02 tử sĩ trở lên.</p>	<p>không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;</p> <p>b) Đối với 02 thương binh hoặc 02 tử sĩ trở lên.</p>	
<p>Điều 418. Tội chiếm đoạt hoặc hủy hoại di vật của tử sĩ</p> <p>1. Người nào chiếm đoạt hoặc hủy hoại di vật của tử sĩ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;</p> <p>b) Chiếm đoạt hoặc hủy hoại di vật của 02 tử sĩ trở lên.</p>	<p>Điều 418. Tội chiếm đoạt hoặc hủy hoại di vật của tử sĩ</p> <p>1. Người nào chiếm đoạt hoặc hủy hoại di vật của tử sĩ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;</p> <p>b) Chiếm đoạt hoặc hủy hoại di vật của 02 tử sĩ trở lên.</p>	
<p>Điều 419. Tội chiếm đoạt hoặc hủy hoại chiến lợi phẩm</p> <p>1. Người nào trong chiến đấu hoặc khi thu dọn chiến trường mà chiếm đoạt hoặc hủy hoại chiến lợi phẩm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;</p>	<p>Điều 419. Tội chiếm đoạt hoặc hủy hoại chiến lợi phẩm</p> <p>1. Người nào trong chiến đấu hoặc khi thu dọn chiến trường mà chiếm đoạt hoặc hủy hoại chiến lợi phẩm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;</p>	

<p>b) Chiến lợi phẩm trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>c) Gây ảnh hưởng xấu đến uy tín quân đội;</p> <p>d) Chiến lợi phẩm có giá trị trong quân sự;</p> <p>đ) Gây hậu quả nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.</p> <p>a) Chiến lợi phẩm trị giá 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Chiến lợi phẩm có giá trị đặc biệt trong quân sự;</p> <p>c) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.</p>	<p>b) Chiến lợi phẩm trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Gây ảnh hưởng xấu đến uy tín quân đội;</p> <p>d) Chiến lợi phẩm có giá trị trong quân sự;</p> <p>đ) Gây hậu quả nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 07 năm đến 10 năm.</p> <p>a) Chiến lợi phẩm trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Chiến lợi phẩm có giá trị đặc biệt trong quân sự;</p> <p>c) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.</p>	
<p>Điều 420. Tội ngược đãi tù binh, hàng binh</p> <p>Người nào ngược đãi tù binh, hàng binh, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p>	<p>Giữ nguyên</p>	
<p>Chương XXVI. Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh</p>		
<p>Điều 421. Tội phá hoại hòa bình, gây chiến tranh xâm lược</p> <p>1. Người nào tuyên truyền, kích động chiến tranh xâm lược hoặc chuẩn bị, tiến hành, tham gia chiến tranh xâm lược nhằm chống lại độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của một quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ độc lập, có chủ quyền khác, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.</p>	<p>Điều 421. Tội phá hoại hòa bình, gây chiến tranh xâm lược</p> <p>1. Người nào tuyên truyền, kích động chiến tranh xâm lược hoặc chuẩn bị, tiến hành, tham gia chiến tranh xâm lược nhằm chống lại độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của một quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ độc lập, có chủ quyền khác, thì bị phạt tù từ 12 15 năm đến 20</p>	<p>- Phân loại khung hình phạt đối với các hành vi bảo đảm tính nối tiếp để thuận lợi cho việc áp dụng trong quá trình điều tra, truy tố xét xử. Phù hợp với phân loại tội phạm tại Điều 8 Bộ luật này.</p>

2. Phạm tội trong trường hợp do bị ép buộc hoặc do thi hành mệnh lệnh của cấp trên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm.	năm, tù chung thân. 2. Phạm tội trong trường hợp do bị ép buộc hoặc do thi hành mệnh lệnh của cấp trên, thì bị phạt tù từ 10 07 năm đến 20 năm.	
Điều 422. Tội chống loài người 1. Người nào trong thời bình hay trong chiến tranh mà thực hiện hành vi tiêu diệt hàng loạt dân cư của một khu vực, phá hủy nguồn sống, phá hoại cuộc sống văn hóa, tinh thần của một quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ độc lập, có chủ quyền, làm đảo lộn nền tảng của một xã hội nhằm phá hoại xã hội đó hoặc thực hiện hành vi diệt chủng khác hoặc thực hiện hành vi diệt sinh, diệt môi trường tự nhiên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. 2. Phạm tội trong trường hợp do bị ép buộc hoặc do thi hành mệnh lệnh của cấp trên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm.	Điều 422. Tội chống loài người 1. Người nào trong thời bình hay trong chiến tranh mà thực hiện hành vi tiêu diệt hàng loạt dân cư của một khu vực, phá hủy nguồn sống, phá hoại cuộc sống văn hóa, tinh thần của một quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ độc lập, có chủ quyền, làm đảo lộn nền tảng của một xã hội nhằm phá hoại xã hội đó hoặc thực hiện hành vi diệt chủng khác hoặc thực hiện hành vi diệt sinh, diệt môi trường tự nhiên, thì bị phạt tù từ 10 15 năm đến 20 năm, hoặc tù chung thân hoặc tử hình . 2. Phạm tội trong trường hợp do bị ép buộc hoặc do thi hành mệnh lệnh của cấp trên, thì bị phạt tù từ 10 07 năm đến 20 năm.	- Phân loại khung hình phạt đối với các hành vi bảo đảm tính nối tiếp để thuận lợi cho việc áp dụng trong quá trình điều tra, truy tố xét xử. Phù hợp với phân loại tội phạm tại Điều 8 Bộ luật này. Khắc phục tình trạng khung quá rộng.
Điều 423. Tội phạm chiến tranh 1. Người nào trong thời kỳ chiến tranh mà ra lệnh hoặc trực tiếp tiến hành việc giết hại dân thường, người bị thương, tù binh, cướp phá tài sản, tàn phá các nơi dân cư, sử dụng các phương tiện hoặc phương pháp chiến tranh bị cấm hoặc thực hiện hành vi khác vi phạm nghiêm trọng pháp luật quốc tế hoặc các điều ước quốc tế mà Cộng hòa	Điều 423. Tội phạm chiến tranh 1. Người nào trong thời kỳ chiến tranh mà ra lệnh hoặc trực tiếp tiến hành việc giết hại dân thường, người bị thương, tù binh, cướp phá tài sản, tàn phá các nơi dân cư, sử dụng các phương tiện hoặc phương pháp chiến tranh bị cấm hoặc thực hiện hành vi khác vi phạm nghiêm trọng pháp luật quốc tế hoặc các điều ước	- Phân loại khung hình phạt đối với các hành vi bảo đảm tính nối tiếp để thuận lợi cho việc áp dụng trong quá trình điều tra, truy tố xét xử. Phù hợp với phân loại tội phạm tại Điều 8 Bộ luật này.

<p>xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.</p> <p>2. Phạm tội trong trường hợp do bị ép buộc hoặc do thi hành mệnh lệnh của cấp trên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm.</p>	<p>quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia, thì bị phạt tù từ 10 15 năm đến 20 năm; hoặc tù chung thân hoặc tử hình.</p> <p>2. Phạm tội trong trường hợp do bị ép buộc hoặc do thi hành mệnh lệnh của cấp trên, thì bị phạt tù từ 10 07 năm đến 20 năm.</p>	
<p>Điều 424. Tội tuyển mộ, huấn luyện hoặc sử dụng lính đánh thuê</p> <p>Người nào tuyển mộ, huấn luyện hoặc sử dụng lính đánh thuê nhằm chống lại một quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ độc lập, có chủ quyền, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.</p>	<p>Điều 424. Tội tuyển mộ, huấn luyện hoặc sử dụng lính đánh thuê</p> <p>Người nào tuyển mộ, huấn luyện hoặc sử dụng lính đánh thuê nhằm chống lại một quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ độc lập, có chủ quyền, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.</p>	
<p>Điều 425. Tội làm lính đánh thuê</p> <p>Người nào làm lính đánh thuê nhằm chống một quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ độc lập, có chủ quyền, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 15 năm.</p>	<p>Điều 425. Tội làm lính đánh thuê</p> <p>Người nào làm lính đánh thuê nhằm chống một quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ độc lập, có chủ quyền, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 15 năm</p>	